

Tên sách: Lịch sử Chiến khu XI

Nhà xuất bản: Quân đội Nhân dân

Năm xuất bản: 2006

* Chỉ đạo biên soạn:

- BỘ TƯ LỆNH QUÂN KHU THỦ ĐÔ
- BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

* Tổ chức thực hiện:

PHÒNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG QUÂN KHU THỦ ĐÔ

* Những người biên soạn:

- Đại tá NGUYỄN THẾ NGUYỄN (Chủ biên)
- Đại tá NGUYỄN GIANG
- Đại tá TRỊNH NGỌC NGHI
- Đại tá NGUYỄN KIM PHÒNG

Cố vấn biên soạn:

Đồng chí NGUYỄN VĂN TRÂN, nguyên Bí thư Khu ủy XI, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến Khu XI

- Cuốn sách có dùng nhiều tư liệu của Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, Thành ủy Hà Nội, của các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Lê Quang Đạo, Vương Thừa Vũ, Lê Trung Toàn, Vũ Kỳ... Bộ tư lệnh Quân khu Thủ đô xin trân trọng cảm ơn các cơ quan và các đồng chí.

- Nhân dịp xuất bản cuốn sách, Bộ tư lệnh Quân khu Thủ đô trân trọng cảm ơn Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, Phòng Lịch sử Đảng Thành ủy Hà Nội, Văn phòng ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân và các đồng chí đã có nhiều đóng góp trong quá trình tổ chức biên soạn:

Nguyễn Văn Trân, Ngô Thị Thanh Hằng, Đỗ Trình, Nguyễn Tiệp, Ngô Huy Phát, Chu Phác, Nguyễn Trọng Hàm, Lưu Đình Quế, Nguyễn Hiền, Lê Ngọc Tấn, Nguyễn Việt Chiến, Trần Quân Lập, Hà Giáp, Trịnh Vương Hồng, Vũ Tang Bồng, Vũ Tiến Tuynh, Nguyễn Hồng Thăng và nhiều đồng chí khác.

LỜI GIỚI THIỆU

CỦA ĐỒNG CHÍ NGUYỄN VĂN TRÂN

NGUYỄN BÍ THƯ KHU ỦY

CHỦ TỊCH ỦY BAN KHÁNG CHIẾN KHU XI

Cách đây 60 năm, ngày 19 tháng 12 năm 1946 đã nổ ra cuộc Kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược.

Thủ đô Hà Nội có vinh dự được Trung ương Đảng và Bộ Tổng chỉ huy trực tiếp chỉ đạo, đã vang lên tiếng súng mở đầu cuộc kháng chiến.

Thủ đô Hà Nội là Chiến khu XI trở thành chiến trường chính. Nhưng cuộc chiến đấu ở đây, lực lượng của ta và địch không cân sức.

Nhiệm vụ của quân dân Chiến khu XI thật nặng nề:

- Phải chiến đấu giỏi, tiêu diệt nhiều địch, bảo toàn lực lượng ta, kìm giữ giam chân địch càng lâu càng tốt trong thành phố - ít nhất là một tháng - để Chính phủ có thời gian tổ chức và huy động lực lượng toàn dân đi vào cuộc kháng chiến.

- Phải bảo toàn các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước rút ra ngoài an toàn.

- Phải di chuyển máy móc, tài sản, vật tư cần thiết cho công cuộc kháng chiến ra ngoài thành phố đưa lên Chiến khu Việt Bắc.

- Phải bảo vệ cho dân và giữ gìn tài sản cho dân, tổ chức đi tản cư và bố trí nơi ăn ở an toàn.

Tinh thần bao quát nhất là làm cho địch bị thiệt hại và suy yếu, bảo toàn và phát triển lực lượng ta trong quá trình kháng chiến.

Cuộc chiến đấu đã diễn ra rất ác liệt, giành giật từng căn nhà, góc phố.

Bộ đội Vệ quốc đoàn, Tự vệ chiến đấu, Tự vệ Thành, Công an xung phong, Tự vệ xí nghiệp, Dân quân ngoại thành và đông đảo nhân dân dưới sự lãnh đạo của Khu ủy XI và sự chỉ đạo, chỉ huy của Bộ chỉ huy Chiến khu XI đã chiến đấu cực kỳ anh dũng với tinh thần “Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”, “Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh”.

Các lực lượng đã đoàn kết chiến đấu, hỗ trợ lẫn nhau, bộ đội chủ lực dìu dắt lực lượng địa phương về tác chiến, lực lượng địa phương phát huy sở trường thông thạo địa hình thành phố giúp lực lượng chủ lực xây dựng phương án tác chiến và đánh địch. Có nơi như ở Liên khu 1, chủ lực và địa phương hòa làm một thành Trung đoàn Thủ đô kiên cường chiến đấu trong vòng vây của kẻ thù.

Bộ chỉ huy Chiến khu XI đã phát huy vai trò chỉ đạo, chỉ huy trong chiến tranh. Đã xây dựng kế hoạch tác chiến hợp lý, bố trí lực lượng chiến đấu thích hợp, xử trí các tình huống ở cấp chiến dịch đúng đắn, có nhiều cố gắng đảm bảo cung cấp vũ khí, trang bị giúp cho các liên khu và các đơn vị chiến đấu thắng lợi. Đặc biệt, cấp cơ sở ở các đơn vị, các địa phương đã thể hiện rất rõ vai trò chủ động, sáng tạo của mình trong chiến tranh.

Bên cạnh lực lượng vũ trang, đông đảo nhân dân Thủ đô, từ già, trẻ, gái, trai không phân biệt giai cấp, tôn giáo, dân tộc, bằng khả năng của mình đã tích cực tham gia chiến đấu hoặc phục vụ cho lực lượng vũ trang chiến đấu. Thanh niên là lực lượng chủ yếu, xung kích, họ hăng hái tham gia xây dựng chiến lũy, ngả cây, phá đường, đục tường thông từ nhà nọ sang nhà kia để cơ động khi chiến đấu. Khi chiến sự xảy ra thì chiến đấu rất dũng cảm. Chị em phụ nữ cũng hăng hái lo cơm nước, làm cứu thương, làm công tác địch vận, tình báo, vận chuyển thực phẩm từ ngoại thành vào nội thành. Nhiều cháu thiếu niên được gọi là “vệ út” chỉ 14, 15 tuổi cũng tham gia làm giao thông, liên lạc. Thật đúng là một cuộc chiến tranh toàn dân.

Những trận chiến đấu ác liệt ở Bắc Bộ Phủ, Nhà Hát Lớn, Ô Cầu Dền, Ô Chợ Dừa, nhà dầu Shell Khâm Thiên, Nhà thương Vọng, làng Giảng Võ, phố Hàng Thiếc, khu vực chợ Đồng Xuân, cuộc rút lui vượt qua vòng vây địch của hơn 1.000 cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn Thủ đô qua sông Hồng trót lọt để bảo toàn lực lượng... là những bài ca bất hủ về chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam, đáng được ghi nhớ muôn đời.

Nhờ những cuộc chiến đấu anh hùng đó, quân và dân toàn thành phố đã hoàn thành vượt mức trên đề ra, kìm giữ giam chân địch tới 60 ngày đêm, bảo toàn và phát triển được lực lượng, rút ra ngoài cùng quân và dân toàn quốc tiếp tục cuộc chiến đấu cho tới thắng lợi cuối cùng.

Cuốn sách Lịch sử Chiến khu XI được Bộ tư lệnh Quân khu Thủ đô và Bộ chỉ huy quân sự thành phố Hà Nội biên soạn công phu, tập hợp được nhiều tư liệu, có xác minh cụ thể, đã phản ánh được tương đối khách quan cuộc chiến đấu này.

Qua cuốn sách, người đọc phần nào thấy được sự lãnh đạo chủ động, sáng tạo của các cấp bộ Đảng của thành phố, tài thao lược về quân sự trong buổi ban đầu của cuộc kháng chiến của Bộ Tổng chỉ huy và Bộ chỉ huy Chiến khu XI cũng như các liên khu, các trung đoàn và đơn vị.

Mong rằng cuốn sách được đồng bào, đồng chí đọc và góp ý bổ sung cho Ban biên soạn để lần xuất bản sau được tốt hơn.

NGUYỄN VĂN TRÂN

Nguyên Bí thư Khu ủy

Chủ tịch Ủy ban kháng chiến Khu XI

LỜI NÓI ĐẦU

Trong việc tổ chức quốc phòng, nói chung quốc gia nào cũng chia đất nước thành nhiều khu vực quân sự chiến lược. Các khu vực quân sự chiến lược thời hiện đại được gọi chung là chiến khu hoặc quân khu.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam dân chủ cộng hoà được chia thành 10 khu vực hành chính quân sự, gọi là chiến khu, bao gồm: Bắc Bộ có 3 chiến khu (I, II, III), Trung Bộ có 3 chiến khu (IV, V, VI), Nam Bộ có 3 chiến khu (VII, VIII, IX). Thủ đô Hà Nội được gọi là Khu đặc biệt Hà Nội, chưa đánh số.

Ngày 19 tháng 10 năm 1946, Hội nghị quân sự toàn quốc do Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập nhận định: “Nhất định không sớm thì muộn Pháp sẽ đánh mình và mình cũng nhất định phải đánh Pháp”¹ (Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 8, tr.133). Cho nên phải tranh thủ thời gian tăng cường lực lượng, đặc biệt là lực lượng vũ trang và phải khẩn trương chuẩn bị về mọi mặt.

Trong việc chuẩn bị đó, có việc chia lại các chiến khu² (50 năm Quân đội nhân dân Việt Nam, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995, tr.40). Trung Bộ và Nam Bộ vẫn để 6 chiến khu: IV, V, VI, VII, VIII, IX như cũ. Bắc Bộ có sự điều chỉnh địa bàn các chiến khu I và II, hình thành thêm 2 chiến khu: Chiến khu X và Chiến khu XII. Khu đặc biệt Hà Nội được đổi tên là Chiến khu XI¹ (Nhiều lúc chiến khu còn gọi tắt là khu, Chiến khu XI là Khu XI).

Để phát huy hết sức mạnh của các lực lượng vũ trang vào cuộc chiến đấu chống kẻ thù, Hội nghị quân sự toàn quốc còn có một quyết định quan trọng: Bộ Tổng chỉ huy Quân đội quốc gia không chỉ chỉ huy bộ đội chủ lực (lúc này đã đổi tên từ Giải phóng quân thành Vệ quốc đoàn) mà chỉ huy cả lực lượng dân quân tự vệ. Cũng như vậy, tại các chiến khu, Bộ chỉ huy Chiến khu vừa chỉ huy bộ đội chủ lực vừa chỉ huy dân quân tự vệ trên địa bàn. Theo tinh thần đó, Bộ chỉ huy Chiến khu XI chỉ đạo, chỉ huy toàn bộ lực lượng vũ trang và công tác quốc phòng trên địa bàn Thủ đô.

Ngày 19 tháng 12 năm 1946, chấp hành lệnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thường vụ Trung ương Đảng, quân và dân Hà Nội đã chủ động nổ súng mở đầu “Toàn quốc kháng chiến”.

Do lực lượng phòng thủ Hà Nội có hạn và phạm vi phòng thủ Hà Nội quá hẹp, không đảm bảo được cuộc chiến đấu lâu dài, ngày 25 tháng 12 năm 1946, Trung ương đã quyết định sáp nhập Hà Nội vào Chiến khu II (Chiến khu II gồm các tỉnh Hà Đông, Sơn Tây, Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu, Hà Nam, Nam Định và Ninh Bình. Lực lượng vũ trang có các trung đoàn 35 (Sơn Tây), 37 (Hà Đông), 38 (Sơn La), 33 (Nam Định)). Bộ chỉ huy Chiến khu XI trước đây chuyển thành Bộ chỉ huy tiền phương của Chiến khu II, tiếp tục chỉ huy chiến đấu trên toàn mặt trận Hà Nội cho đến ngày lực lượng ta rút ra ngoài (18.2.1947). Sau khi Hà Nội cơ bản trở thành vùng tạm chiếm của địch, Bộ chỉ huy Chiến khu XI vẫn tiếp tục chỉ huy lực lượng vũ trang chiến đấu tại vùng ngoại vi, gây nhiều khó khăn cho việc “bình định” của địch. Tháng 7 năm 1947, Khu XI lại được tách ra khỏi Khu II, nhưng địa bàn được mở rộng hơn, bao gồm cả Hà Nội, các tỉnh Hà Đông, Sơn Tây. Cuộc chiến tranh du kích tại Chiến khu XI vẫn tiếp tục phát triển. Ngày 25 tháng 1 năm 1948, căn cứ vào thực tế mới của tình hình, Trung ương đã quyết định điều chỉnh các chiến khu ở Bắc Bộ. 7 khu ở Bắc Bộ được điều chỉnh lại thành 3 liên khu, trong đó Chiến khu XI được sáp nhập với các chiến khu II và III thành Liên khu III¹ (Đến tháng 10 năm 1948, Hà Nội lại tách khỏi Lưỡng Hà, nhưng vẫn trực thuộc Liên khu III. Tháng 5 năm 1949, do tính chất đặc biệt của Hà Nội, Chính phủ lại quyết định đặt Ủy ban kháng chiến Hà Nội trực

thuộc Chính phủ, Bộ chỉ huy Mặt trận Hà Nội cũng được lập lại, chịu sự chỉ huy của Bộ Quốc phòng - Tổng chỉ huy), nay là Quân khu 3.

Chiến khu XI trong lịch sử của mình đã làm được nhiều việc rất quan trọng. Khu ủy, Ủy ban bảo vệ Hà Nội, Bộ chỉ huy Chiến khu XI đã xây dựng kế hoạch tác chiến phù hợp, tổ chức toàn quân, toàn dân làm mọi công tác chuẩn bị sẵn sàng bước vào cuộc kháng chiến. Trong thế không thể nhân nhượng được mãi, nghiêm chỉnh chấp hành lệnh của trên, Chiến khu XI đã tổ chức và thực hành một cách chủ động, mở đầu kháng chiến cho Hà Nội và cho toàn quốc đạt thắng lợi to lớn.

Về chiến lược, cuộc chiến đấu 60 ngày đêm ở Hà Nội là đòn đánh quyết định nhất trong trận tổng giao chiến mở đầu kháng chiến toàn quốc bởi vì Chiến khu XI đã đương đầu với bộ phận đông nhất và mạnh nhất của địch trên chiến trường Bắc Bộ và Đông Dương nói chung. Chiến khu XI, phải đấu trí, đấu lực với Bộ chỉ huy miền Bắc Đông Dương và Bộ Tổng chỉ huy của địch, liên tiếp đối phó với nhiều đợt tiến công của chúng. Chiến khu XI đã đánh nhiều trận quyết liệt, tiêu hao tiêu diệt nhiều địch, giam chân địch vượt xa mức yêu cầu ban đầu đề ra.

Chiến khu XI đã giáng đòn quyết định đánh bại âm mưu đảo chính của địch hòng nhanh chóng lật đổ chính quyền trung ương của ta, nhanh chóng kết thúc cuộc xâm lược; làm phá sản hoàn toàn kế hoạch của địch định đánh chiếm Thủ đô trong vòng 24 giờ, buộc địch phải đi vào một cuộc chiến tranh lâu dài hoàn toàn trái với ý muốn của chúng.

Thắng lợi của Chiến khu XI góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho cả nước chuyển sang thời chiến, góp phần quan trọng động viên, cổ vũ tinh thần quân dân cả nước bước vào cuộc kháng chiến lâu dài nhất định thắng lợi. Thắng lợi của Chiến khu XI còn để lại nhiều kinh nghiệm quý báu về việc xác định quy

mô phạm vi, khu vực phòng thủ của Thủ đô Hà Nội, về cách xây dựng lực lượng phòng thủ và cách đánh.

Sở dĩ Chiến khu XI đạt được những kết quả có ý nghĩa to lớn như vậy là vì Chiến khu XI được sự lãnh đạo sáng suốt của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thường vụ Trung ương Đảng, sự chỉ huy trực tiếp, sáng tạo và linh hoạt của Bộ Tổng chỉ huy. Đặc biệt là do sự lãnh đạo đúng đắn của Khu ủy Khu XI, Ủy ban kháng chiến thành phố, sự chỉ huy chặt chẽ của Bộ chỉ huy Chiến khu XI, sự chấp hành nghiêm chỉnh và sáng tạo của Đảng ủy, Ủy ban kháng chiến và ban chỉ huy quân sự các liên khu và các cấp. Tuy nhiên, nguyên nhân thắng lợi nằm trong những yếu tố rất quyết định, đó là do lòng dũng cảm tuyệt vời của các lực lượng vũ trang, sự tham gia kháng chiến đầy nhiệt tình của toàn dân nội ngoại thành, sự đóng góp trực tiếp và rất quan trọng của hai tỉnh Hà Đông và Sơn Tây, có sự phối hợp của các chiến trường khác, sự cố vũ của nhân dân cả nước. Ngoài ra cũng cần kể đến một số chiến sĩ quốc tế người Nhật, người Đức,... có cảm tình với cuộc kháng chiến chính nghĩa của ta, do hoàn cảnh thời cuộc mang lại, đã tích cực tham gia cùng quân và dân Thủ đô kháng chiến. Với những kiến thức nhất định về quân sự, họ đã góp phần tích cực và có hiệu quả vào thắng lợi của cuộc kháng chiến.

Nhân dịp kỷ niệm 60 năm ngày Chiến khu XI bắt đầu nổ súng đánh Pháp (19.12.1946 - 19.12.2006), công trình này được biên soạn nhằm góp phần lý giải các điểm nói trên, rút ra những bài học chủ yếu về thực hiện chiến tranh nhân dân ở Thủ đô Hà Nội, gợi mở một số vấn đề về quốc phòng an ninh và xây dựng lực lượng vũ trang ở Hà Nội.

Trong quá trình nghiên cứu và biên soạn công trình này, tập thể tác giả đã kế thừa kết quả của nhiều công trình nghiên cứu trước đây về cuộc chiến đấu mở đầu Toàn quốc kháng chiến của quân dân Thủ đô. Tuy nhiên, do nhiều lý do khách quan và chủ quan, công trình khó tránh khỏi thiếu sót. Rất mong được bạn đọc góp ý kiến phê bình để lần xuất bản sau, công trình sẽ có chất lượng tốt hơn.

BAN BIÊN SOẠN

Chương 1

BỐI CẢNH VÀ SỰ RA ĐỜI CHIẾN KHU XI

Lúc kháng chiến toàn quốc bùng nổ Hà Nội có diện tích 150km².

Nội thành có diện tích 13km² nằm trong phạm vi Ô Yên Phụ, đường Cổ Ngư (nay là đường Thanh Niên), đường Ngọc Hà, Ô cầu Giấy, Ô Chợ Dừa, Ô Kim Liên¹ (Còn gọi là Ô Đồng Lâm), Ô Cầu Dền, Ô Đống Mác; phía đông và đông bắc là sông Hồng.

Nội thành được chia làm ba liên khu:

- Liên khu 1 nằm ở phía bắc nội thành, cơ bản nằm trên địa phận quận Hoàn Kiếm hiện nay, trong phạm vi: đông và đông bắc là sông Hồng, tây từ Ô Yên Phụ theo đường Cổ Ngư, vườn Bách Thảo, nam là đường Cột Cờ, đường Tràng Thi, đường Hàng Khay, đường Tràng Tiền, Nhà Hát Lớn, gồm bảy khu hành chính: Trúc Bạch, Hồng Hà, Đồng Xuân, Đông Kinh Nghĩa Thục, Hoàn Kiếm, Đông Thành, Long Biên.

- Liên khu 2 nằm ở đông nam thành phố, cơ bản nằm trên địa phận quận Hai Bà Trưng ngày nay, bắc giáp Liên khu 1, đông là sông Hồng, tây là đường Hàng Lọng (nay là đường Lê Duẩn), nam là tuyến Kim Liên, Ô cầu Dền, Ô Đống Mác, gồm bảy khu hành chính: Chợ Hôm, Bạch Mai, Lò Đúc, Bảy Mẫu, Đồng Nhân, Quán Sứ, Đại Học.

- Liên khu 3 cơ bản nằm trên địa bàn các quận Đống Đa và Ba Đình ngày nay, bắc giáp Liên khu 1, đông giáp Liên khu 2, tây theo đường Ngọc Hà, nam giáp các làng Thịnh Hào, Linh Quang đến Kim Liên, gồm ba khu hành chính: Thăng Long, Văn Miếu, Hỏa Xa.

Ngoại thành có diện tích 137km² gồm 118 thôn được chia thành 5 khu hành chính: Lãng Bạc, Đại La, Đống Đa, Đề Thám, Mê Linh.

Về địa lý quân sự, khu vực quan trọng nhất của Hà Nội là khu vực tây bắc. Ở đây có Phủ Toàn quyền (nay là Phủ Chủ tịch), trường An-be Xa-rô (nay là cơ quan Trung ương Đảng), khu Thành Hà Nội, Nha Tài chính (nay là Bộ Ngoại giao) và trường Bưởi (nay là trường Chu Văn An). Phủ Toàn quyền là một dinh thự rất kiên cố có ba tầng nằm giữa một khu vườn rộng có nhiều cây cổ thụ, xung quanh có hàng rào. Khu Thành Hà Nội vốn là một phần khu thành cổ Thăng Long bị thực dân Pháp phá gần hết và xây lại thành một trại lính rộng khoảng một ki-lô-mét vuông. Các trường An-be Xa-rô, trường Bưởi, Nha Tài chính gồm nhiều ngôi nhà ba tầng kiên cố. Không chế được khu vực tây bắc của Hà Nội, địch có thể tỏa ra khống chế toàn bộ thành phố.

Khu vực quan trọng thứ hai là khu vực phía đông hồ Hoàn Kiếm. Ở đây có Bắc Bộ Phủ - nơi làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (trước Cách mạng Tháng Tám là Phủ Khâm sai Bắc Kỳ, nay là nhà khách của Chính phủ), Bộ Lao động - Thương binh Xã hội, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, nhà Bưu điện, Nhà Hát Lớn, nhà Ngân hàng Đông Dương, khách sạn Mê-tơ-rô-pôn... là những kiến trúc kiên cố, nơi tập trung cơ quan chính quyền trung ương và thành phố Hà Nội.

Khu vực quan trọng thứ ba nằm trong khu tứ giác mà các đỉnh là ngã năm

đầu đường Hàng Lọng (tức ngã năm các phố Lê Duẩn - Nguyễn Khuyến - Cửa Nam - Hai Bà Trưng ngày nay), ga Hàng Cỏ, nhà thương Đồn Thủy, Nhà Hát Lớn. Trong đó có các trục đường (lúc đó gọi là đại lộ) Trần Hưng Đạo, Lý Thường Kiệt, Hai Bà Trưng nằm song song với nhau. Khu vực này được quy hoạch rõ ràng, có nhiều công sở, biệt thự của Pháp thường gọi là khu phố Tây. Các dinh thự, công sở, nhà ở của Pháp kiều được xây dựng tại đây đều khá kiên cố, thường là nhà độc lập hoặc biệt thự 2-3 tầng ở cách xa nhau và có vườn bao quanh, có đường phố rộng từ 12-15m. Trong khu vực này có những vị trí quan trọng như nhà ga Hàng Cỏ (ga Hà Nội hiện nay), nhà Đấu xảo (Cung văn hoá Hữu Nghị ngày nay), sở Hỏa xa Vân Nam (Tổng liên đoàn Lao động hiện nay), Tòa án, viện Radium (Bệnh viện K ngày nay), sở Liêm phóng (Sở Công an), Bộ Quốc phòng (trường Trưng Vương ngày nay), Trại Vệ quốc đoàn Trung ương (Tổng cục Cảnh sát ngày nay), rạp chiếu bóng Ma-giét-xtic (rạp Tháng Tám), Đồn Thủy (bao gồm khu vực nhà khách Bộ Quốc phòng, Quân khu Thủ đô, Bộ tư lệnh Biên phòng, Viện quân y 108 ngày nay). Đồn Thủy là nơi cơ quan tham mưu của quân Pháp đóng. Nhìn chung, trừ những nơi địch đóng, còn lại là các trụ sở cơ quan của ta, ít dân cư ở, nhà cửa xây cách biệt nên ít có điều kiện tổ chức phòng thủ liên hoàn. Đường phố lại rộng nên khó đắp chiến lũy ngăn chặn và chiến đấu.

Khu vực thứ tư là khu vực phía bắc hồ Hoàn Kiếm, bao gồm các khu công sở hành chính: Đồng Xuân, Đông Kinh Nghĩa Thục, Hoàn Kiếm, Đông Thành, tức là phần lớn phạm vi của Liên khu 1. Đây là khu vực buôn bán, dân số tập trung cao, gồm phần lớn là người Việt, khoảng một vạn người Hoa và mấy chục người An Độ, rất ít Pháp kiều. Người Pháp thường gọi đây là khu phố Hoa - Việt. Phố xá ngang dọc chằng chịt, đường hẹp khoảng 5-10m, nhà cửa một, hai tầng xây sát nhau dễ tạo thế liên hoàn đánh địch dài ngày. Đây là khu vực có thể lợi dụng để tổ chức đánh địch dài ngày, nhưng việc liên lạc, tiếp tế cũng như rút lui rất khó khăn.

Khu vực thứ năm là khu vực ở phía nam khu phố Tây, từ Hàm Long trải dài xuống phía nam. Đây là khu phố ta nhưng cũng có khá nhiều nhà của Pháp kiều xen kẽ ở các phố Hàm Long, Thi Sách, Ngô Thì Nhậm, Lê Văn Hưu... Khu vực này nhiều phố xá ngang dọc có thể lợi dụng để tổ chức ngăn chặn

địch. Tuy vậy không được dày đặc liên hoàn như ở khu vực phố cổ Liên khu 1. Ở phía nam của khu vực này còn nhiều bãi rác, bãi trống, ao hồ xen kẽ, nay là khu vực nhà tập thể Nguyễn Công Trứ, chợ Hòa Bình...

Nội thành Hà Nội có 338 đường phố lớn nhỏ, ngang dọc, địch có thể phát huy ưu thế về xe tăng, thiết giáp, cơ giới để tiến đánh theo các đường phố nhưng cũng tạo nhiều “góc chết” để ta tiếp cận dùng vũ khí thô sơ diệt địch.

Đó là vấn đề mấu chốt mà việc tác chiến bảo vệ thành phố phải tìm cách khắc phục, khi phòng ngự chống địch tiến công trong thành phố cũng như khi chúng đánh ra các cửa ô để khống chế toàn thành phố.

Từ giữa thành phố ra các cửa ô có những đường phố quan trọng như sau:

- Đường từ Thành cửa Bắc qua Hàng Đậu lên cầu Long Biên. Đây là cửa ngõ vô cùng quan trọng ra vào Thủ đô ở hướng đông bắc. Cầu Long Biên là một cầu hết sức hiểm yếu vì lúc này là chiếc cầu duy nhất vượt qua sông Hồng để đến các hướng phía bắc và đi Hải Phòng, cửa biển lớn nhất của Bắc Bộ. Gần cầu Long Biên có sân bay Gia Lâm, một sân bay dân dụng và quân sự lớn của miền Bắc.

- Từ trung tâm thành phố xuống phía nam có 4 trục đường, trong đó trục đường qua ga Hàng Cỏ, xuống Ngã Tư Vọng vào đường quốc lộ số 1 và trục đường đê hữu ngạn sông Hồng là quan trọng nhất. Gần Ngã Tư Vọng có sân bay Bạch Mai, một sân bay quân sự của địch do ta kiểm soát.

- Từ trung tâm đi về phía tây nam có trục đường từ Quốc Tử Giám theo phố Hàng Bột (nay là phố Tôn Đức Thắng), Ô Chợ Dừa qua Ngã Tư sở đến Hà Đông, nối liền với quốc lộ số 6 tới biên giới Lào, Trung Quốc. Đây là trục

đường quan trọng nhất về quân sự ở hướng tây nam để ra vào thành phố.

- Đi về phía tây bắc và phía tây có 5 trục đường, trong đó trục đường từ Cửa Nam theo phố Kim Mã ra Cầu Giấy lên Sơn Tây là trục đường quan trọng ra vào thành phố ở phía tây.

Vì sông Hồng ngăn cách ở phía đông, nên khi tác chiến, Hà Nội không thể lấy Phúc Yên và Bắc Ninh làm hậu phương mà phải dựa vào địa bàn tỉnh Hà Đông làm hậu phương. Trên đất Hà Đông có ba vành đai đường sá bao quanh Hà Nội.

- Vành đai thứ nhất là đường ngoại ô từ Nhật Tân qua Bưởi, Cầu Giấy, Ngã Tư Sở, ngã tư Trung Hiền, Vĩnh Tuy.

- Vành đai thứ hai từ đê Đại Hà qua Thượng Cát, Phú Diễn, Đại Mỗ, thị xã Hà Đông, Văn Điển, Đông Trạch.

- Vành đai thứ ba theo đê sông Đáy, từ Bồng Lai qua Phùng, Yên sở, Thanh Quang, Mai Lĩnh.

Đó là những vành đai có thể dựa vào đó để cơ động lực lượng.

Về kinh tế - xã hội, Hà Nội là một trung tâm kinh tế, nhưng chủ yếu vẫn là một thành phố tiêu thụ, chưa có công nghiệp lớn đáng kể, mới chỉ có một số nhà máy nhỏ: điện, nước, bia, nước đá, thuộc da, rượu, diêm, in. Đáng chú ý

là mấy cơ sở cơ khí chuyên về sửa chữa phương tiện vận tải, như các nhà máy Stai, Aviat, Boillot, xe lửa Gia Lâm. Trong điều kiện một nước nông nghiệp lạc hậu, chưa có công nghiệp quốc phòng, các cơ sở sửa chữa phương tiện vận tải này rất quý để dựng nên những xưởng quân giới đầu tiên phục vụ cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Trong khoảng 523.000 dân (nội thành 30 vạn, ngoại thành 223.000), có khoảng 1 vạn công nhân, 5 vạn thợ thủ công, 10 vạn dân nghèo thành thị, 1 vạn người bán rong gần 1 vạn người buôn chuyển, gần 1 vạn người có hiệu buôn lớn nhỏ. Phần lớn đều có lòng yêu nước và tích cực đi theo kháng chiến.

Hà Nội có một số trường cao đẳng và đại học, nhiều trường trung học, tiểu học công và tư. Số học sinh trung học và sinh viên lên đến hàng nghìn người. Từ thời Pháp thuộc, nhất là từ khi Nhật đảo chính Pháp, đứng trước tình thế bế tắc, thanh niên, học sinh, sinh viên tích cực tham gia cách mạng và trở thành một lực lượng xung kích quan trọng.

Hà Nội là nơi có nhiều tòa báo, nhà xuất bản, rạp hát, rạp chiếu bóng, đài phát thanh, là nơi tập trung phần lớn văn nghệ sĩ, nhà báo, nhà nhiếp ảnh, trí thức của cả nước. Tuy nhiều người xuất thân ở tầng lớp trung gian và tầng lớp trên, nhưng được Việt Minh khơi dậy tinh thần yêu nước, họ đã theo cách mạng, tập hợp xung quanh ngọn cờ độc lập dân tộc do Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo. Đại bộ phận quan lại cũ, kể cả một số đại thần cũ không theo Pháp mà ngả về phía kháng chiến. Một số người vốn có nợ máu với cách mạng, với nhân dân cũng được ta giác ngộ, tranh thủ, đã đứng vào hàng ngũ của ta.

Hà Nội là trung tâm chính trị của quốc gia. Có nhiều cơ quan đầu não của trung ương và của thành phố, nhiều cơ quan của các ngành, đội ngũ cán bộ

công nhân viên quân, dân, chính, đảng rất đông đảo. Việc bảo vệ các cơ quan đầu não, tổ chức di chuyển các cơ quan và đội ngũ cán bộ công nhân viên đông đảo đó ra ngoài thành phố là một nhiệm vụ chính trị rất quan trọng.

Ngoại thành có trên 22 vạn dân chủ yếu làm nông nghiệp. Họ có thể cung cấp lương thực, thực phẩm và rau xanh cho nội thành chiến đấu. Nhiều gia đình ngoại thành vừa làm ruộng, vừa vào nội thành làm công, buôn thúng, bán mẹt, bán rau có quan hệ mật thiết với nội thành, thông thạo phố xá có thể tham gia việc giao thông liên lạc, dẫn đường, vận chuyển tiếp tế cho nội thành, giúp đỡ nhân dân nội thành tản cư.

Vì thế nếu tổ chức động viên được mọi tầng lớp nhân dân tham gia kháng chiến thì Hà Nội có một sức mạnh hết sức to lớn. Đồng thời việc bảo vệ tính mạng, tài sản của dân, việc tổ chức tản cư nhân dân, việc động viên đông đảo đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, kể cả quan lại, đại thần tham gia kháng chiến trở thành những việc rất quan trọng.

Theo Hiệp định sơ bộ 6 tháng 3, thực dân Pháp được đưa 15.000 quân ra bắc vĩ tuyến 16 (trong đó có 5.000 quân đóng ở Hà Nội) để làm nhiệm vụ tiếp phòng¹ (Là một nhiệm vụ trong đó địch phối hợp cùng với ta canh gác, bảo vệ các vị trí quan trọng trong thành phố như các nhà máy điện, nước, xăng dầu, nhà in, ngân hàng, các nhà ga xe lửa, cầu Long Biên...) cùng với lực lượng vũ trang của ta thay cho 20 vạn quân Tưởng rút về nước. Nhưng với dã tâm tái chiếm toàn bộ nước ta, thực dân Pháp đã không ngừng đưa thêm quân ra Hà Nội và các địa phương trên miền Bắc.

Đến trước ngày 19 tháng 12 năm 1946, số quân Pháp ở bắc vĩ tuyến 16 đã lên đến 30.000 tên và riêng ở Hà Nội lên 6.500 tên gồm các phiên hiệu như sau:

- Trung đoàn bộ binh thuộc địa 6 (6eRIC) thiếu một tiểu đoàn.

- Binh đoàn Mát-xuy thuộc Sư đoàn thiết giáp 2 (2DB).
- Một tiểu đoàn của Trung đoàn pháo binh thuộc địa Ma-rốc số 4 (4eRACM).
- Một phân đội biệt kích.
- Một phân đội dù.
- Một đơn vị không quân.
- Một phân đội thủy quân.

Ngoài ra Bộ tư lệnh Sư đoàn bộ binh thuộc địa 9 (9 DIC) với tất cả các đơn vị trực thuộc, được đổi tên thành Bộ tư lệnh quân viễn chinh Pháp ở Bắc Đông Dương do Trung tướng Moóc-li-e đứng đầu cũng đóng ở Hà Nội. Thực dân Pháp còn trang bị vũ khí cho 4.000 sĩ quan, binh lính trước đây bị Nhật bắt đang giam lỏng trong Thành.

Vũ khí của địch có 5.000 súng trường, 600 tiểu liên, 150 trung liên và đại liên, 42 khẩu pháo (sơn pháo và dã pháo 75mm, lựu pháo 105mm, pháo 37mm), 22 xe tăng, 40 thiết giáp, 30 máy bay và một số tàu chiến trên sông. Đó đều là những phương tiện chiến tranh hiện đại bậc nhất đã được sử dụng trong đại chiến thế giới lần thứ hai.

Như vậy là so với các nơi khác, ở Hà Nội địch có lực lượng mạnh nhất. Ở Hải Phòng tuy địch cũng có một lực lượng lớn, nhưng phạm vi địch đóng khá rộng. Ở những địa bàn quanh Hà Nội như Hải Dương, Nam Định, mỗi nơi địch chỉ có một tiểu đoàn. Cả vùng Bắc Giang, Bắc Ninh chỉ có 1 tiểu đoàn.

Với lực lượng đó, địch rải quân đóng thành 54 vị trí xen kẽ với ta trong thành phố Hà Nội, trong đó có 6 nơi chúng tập trung khá lớn: Thành (1.200 tên), Phủ Toàn quyền (nay là Phủ Chủ tịch, 500 tên), trường An-be Xa-rô (nay là trụ sở Trung ương Đảng, 500 tên), trường Bưởi (nay là trường Chu Văn An, 250 tên), khu Đồn Thủy (nay là khu Quân khu Thủ đô, Bộ tư lệnh Biên phòng, Viện quân y 108, 800 tên), sân bay Gia Lâm (1.800 tên), ở trường An-be Xa-rô và trong sân bay Gia Lâm, địch bố trí hai trận địa pháo có thể bắn vào nhiều mục tiêu trong thành phố.

Xe tăng - thiết giáp tập trung chủ yếu trong Thành. Máy bay tập trung chủ yếu ở sân bay Gia Lâm.

Bộ chỉ huy quân viễn chinh ở miền Bắc Đông Dương đóng ở trong Thành.

Do được làm nhiệm vụ tiếp phòng, thay quân Tượng, Pháp đã chiếm được những vị trí quân sự có lợi nhất, đặc biệt là khu vực tây bắc, Đồn Thủy và Gia Lâm.

Ở những vị trí khác, địch có từ 1 tiểu đội đến 1 trung đội, trong đó có một số nơi, chúng gác chung với ta như nhà Ngân hàng, nhà ga, sở Liên kiểm Việt - Pháp, nhà máy điện, nhà máy nước, nhà máy đèn Bờ Hồ, cầu Long Biên, nhà in Viễn Đông, nhà Thương chính.

Đáng chú ý là ở khách sạn Mê-tơ-rô-pôn trên đường Ngô Quyền (cách Bắc Bộ Phủ và Bộ Nội vụ một con đường), địch đưa khoảng 200 tên có vũ khí hóa trang thành thường dân đến ém sẵn. Ở rạp chiếu bóng Ma-giét-xtíc (tức rạp chiếu bóng Tháng Tám ngày nay) trước trại Vệ quốc đoàn trung ương, địch cũng có khoảng một tiểu đội hóa trang ém sẵn.

Nhiều gia đình trong số 7.000 Pháp kiều cũng được trang bị vũ khí và tổ chức thành hàng trăm ổ chiến đấu độc lập rải ra các khu phố. Mỗi ổ thường có một vài hạ sĩ quan Pháp, một vài tên lính com-măng-đô mũ đỏ, trang bị đầy đủ súng máy, tiểu liên, súng ngắn, nhiều đạn dược và lương thực, thực phẩm để đánh nhiều ngày.

Ngoài ra địch còn tận dụng một số Hoa kiều, ngoài cửa treo quốc kỳ Trung Hoa dân quốc nhưng cũng được trang bị vũ khí để chống lại ta. Địch còn có một số tay sai, Việt gian, gián điệp khá đông đảo.

Về mặt hậu cần, từ đầu tháng 12, Pháp đã tích trữ nhiều bột mỳ, gạo, trâu bò, gà lợn ở trong Thành.

Ngày 16 tháng 12, Đắc-giăng-li-ơ, Cao ủy Pháp ở Đông Dương láo xược tuyên bố: Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng là lãnh thổ của nước Pháp.

Cũng ngày 16, Va-luy, Tổng tư lệnh quân viễn chinh Pháp ở Đông Dương họp cùng Moóc-li-e, Tư lệnh quân viễn chinh ở Bắc Đông Dương và Xanh-tơ-ni, Cao ủy Pháp ở Bắc Đông Dương để thông qua kế hoạch đánh chiếm Hà Nội.

Ngày 17, máy bay giặc trinh sát khắp thành phố và cho xe tăng, pháo binh, bộ binh bắn phá các ụ đất và nhà cửa ở phố Yên Ninh, giết chết 43 thường dân và tự vệ, bắt 15 phụ nữ vào Thành, ở phố Lò Đúc chúng cũng cho xe tăng, xe

ủi đất và bộ binh đến phá ụ và giết hại đồng bào và tự vệ. Đây là những vụ tàn sát đẫm máu nhất kể từ khi Pháp vào đóng quân ở Hà Nội.

Cùng ngày chúng đưa quân khiêu khích ở phố Hàng Vôi (nay là phố Lý Thái Tổ), ở phố Bắc Ninh (nay là phố Nguyễn Hữu Huân).

Sáng 18, chúng tiếp tục khiêu khích ở các phố Hàng Lược, Hàng Than, Hàng Đậu, giết 3 thường dân, 1 vệ quốc đoàn, cho thiết giáp đến bắn vào phố Hàng Khoai và chợ Đồng Xuân, bao vây trụ sở công an Hàng Đậu chiếm đóng lại Nha Tài chính.

21 giờ 15 phút ngày 18 tháng 12, tướng Moóc-li-e gửi tối hậu thư đòi tước vũ khí tự vệ, công an của ta và đòi ta trao quyền kiểm soát trật tự an ninh ở Hà Nội cho Pháp. Nếu sáng 20 tháng 12 năm 1946 những điều kiện trên không được chấp thuận phía Pháp sẽ hành động.

Như vậy là quân Pháp đã ở tư thế sẵn sàng đưa lực lượng để đánh chiếm các cơ quan đầu não, các vị trí quân sự và hành chính của ta, vô hiệu hóa chính quyền của ta. Chính họ đã tuyên chiến với ta, dự định sẽ đánh bại ta trong một thời gian ngắn nhất kể từ sáng 20 tháng 12 năm 1946.

Địch có những mặt mạnh như sau:

- Chúng không phải từ ngoài tiến công vào Hà Nội mà đã có quân đóng xen kẽ với ta và đã chiếm những vị trí hiểm yếu nhất về quân sự ở Thủ đô.

- Chúng có ưu thế về binh lực, quân số của chúng đông gấp 4 lần quân số Vệ quốc đoàn (địch có 6.500 quân và 4.000 tên trước đây bị Nhật giam lỏng trong Thành, từ sau cuộc đảo chính 9.3.1945, nay được thả và trang bị lại; ta có 2.516 chiến sĩ Vệ quốc đoàn).

Chúng được trang bị hiện đại. Hỏa lực bộ binh, pháo binh khá mạnh. Với ưu thế về xe tăng, thiết giáp và xe lội nước; chúng có thể tiến theo các đường phố, vượt sông, hồ để tiến công ta. Máy bay địch có thể chi viện cho bộ binh chiến đấu, oanh tạc bắn phá đội hình ta. Tàu chiến địch có thể phong tỏa mặt sông Hồng và hiệp đồng với bộ binh đánh mục tiêu trên bộ.

- Chúng có trình độ tác chiến hiệp đồng binh chủng khá, có những phương tiện thông tin liên lạc hiện đại, có sĩ quan nhà nghề đã được đào tạo ở các trường.

- Mặc dù có một bộ phận binh lực mới được trưng tập, nhưng các đơn vị của quân viễn chinh ở Hà Nội đều thuộc những đơn vị có kinh nghiệm chiến đấu trong chiến tranh thế giới thứ hai: binh đoàn Mát-xuy là một binh đoàn của Sư đoàn thiết giáp 2, một sư đoàn do tướng Lơ-cléc chỉ huy đã từng tiến vào giải phóng Pa-ri. Sư đoàn bộ binh thuộc địa số 9 là một sư đoàn đã tham gia giải phóng nước Pháp và cùng quân Đồng minh tiến quân đánh chiếm Tây Đức.

Địch cũng có những mặt yếu là:

- Chúng tiến hành chiến tranh phi nghĩa nên gặp phải sự kháng chiến kiên quyết của toàn dân Hà Nội, bị cô lập cao độ về chính trị, tinh thần của binh lính địch tuy hung hăng nhưng đại bộ phận là lính thuộc địa mang tính chất

đánh thuê nên tinh thần dễ suy sụp nếu ta làm tốt công tác binh vận.

- Tuy binh lực của chúng nhiều hơn ta nhưng vẫn có hạn, phải rải ra đóng nhiều nơi, không đủ sức mở tiến công lớn nhanh chóng đánh chiếm tất cả trong một thời gian ngắn.

- Lực lượng dự bị chiến lược rất ít trong lúc phải đồng thời đối phó với quân ta ở Hà Nội và ở nhiều thành phố khác. Việc tăng cường lực lượng cho Hà Nội có khó khăn.

- Khó khăn về tiếp tế. Dù đã có chuẩn bị về vật chất, bản thân quân địch ở Hà Nội cũng không đủ bảo đảm để đánh dài ngày. Hơn nữa Bộ tư lệnh quân viễn chinh Bắc Đông Dương ở Hà Nội còn phải tổ chức tiếp tế cho các thành phố thị xã khác bị đánh.

- Chúng không thông thạo địa hình Hà Nội, không hiểu biết các ngõ ngách của Hà Nội bằng quân ta.

Về phía ta, lực lượng vũ trang cách mạng của Hà Nội dưới sự lãnh đạo của Đảng đã được hình thành từ lâu. Trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 lực lượng vũ trang Hà Nội đã xung kích và bảo vệ cho quần chúng cách mạng khởi nghĩa giành chính quyền, đưa cuộc khởi nghĩa đến thành công.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, lực lượng vũ trang tại Hà nội có 2 lực lượng cơ bản. Lực lượng vũ trang địa phương do Thành ủy, Ủy ban nhân dân Hà Nội phụ trách. Lực lượng chủ lực gồm các đơn vị bộ đội giải phóng quân, sau gọi là Vệ quốc đoàn, do Bộ chỉ huy Khu đặc biệt Hà Nội phụ trách.

Bộ chỉ huy Khu đặc biệt Hà Nội hình thành ngay sau khi ta giành được chính quyền và chiếm được Trại bảo an binh¹ (Trại lính khố xanh, ở 40 Hàng Bài, đối diện rạp Tháng Tám, nay là trụ sở một cơ quan của Bộ Công an. Sau Tổng khởi nghĩa, khu vực này là trụ sở của Bộ chỉ huy Khu đặc biệt Hà Nội, cũng được gọi là Trại Vệ quốc đoàn trung ương), một doanh trại lớn của ngụy quân tại trung tâm thành phố. Bộ chỉ huy Khu đặc biệt Hà Nội lúc đầu do đồng chí Nguyễn Quyết, Bí thư Thành ủy Hà Nội, Ủy viên quân sự của ủy ban quân sự cách mạng Hà Nội (tức Ủy ban khởi nghĩa trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945) làm Khu trưởng một thời gian ngắn. Sau đó lần lượt các đồng chí Vương Thừa Vũ, Đàm Quang Trung, Lâm Kính, Lê Quảng Ba được giao làm Khu trưởng. Đồng chí Trần Độ là Chính trị ủy viên¹ (Thủ đô Hà Nội - Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp, Nxb Hà Nội, 1986, tr.100. Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Chiến đấu trong vòng vây, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001, tr.29). Cơ quan khá gọn nhẹ, có khoảng năm, sáu chục người. Có 1 xe mô tô 3 bánh, chủ yếu dùng đưa cán bộ đi công tác. Vì được thành lập ngay sau khi ta khởi nghĩa thành công (19.8.1945) nên có thể nói đây là Bộ tư lệnh khu vực đầu tiên của quân đội ta. Khu đặc biệt Hà Nội cũng có lúc được gọi là Đặc khu Hà Nội. Tên gọi của nó đã nói lên vai trò và vị trí đặc biệt của Mặt trận Hà Nội trong công tác quốc phòng của ta nói chung.

Bộ chỉ huy Khu đặc biệt Hà Nội được đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy của Bộ Quốc phòng và Bộ Tổng Tham mưu. Quan hệ với Thành ủy và cơ quan Chỉ huy tự vệ chiến đấu của thành phố Hà Nội là quan hệ phối hợp công tác.

Lực lượng của Bộ chỉ huy Khu đặc biệt Hà Nội lúc đầu gồm một số đơn vị Giải phóng quân từ Việt Bắc về, trong đó có nhiều đồng chí thuộc dân tộc thiểu số, sau được bổ sung thêm nhiều chiến sĩ tự vệ Hà Nội trưởng thành trong Cách mạng Tháng Tám, hình thành nên 5 tiểu đoàn 101, 77, 212, 145, 523.

Tiểu đoàn 101 có nguồn gốc là chi đội Giải phóng quân do đồng chí Đàm Quang Trung chỉ huy. Ngay sau Cách mạng Tháng Tám, chi đội từ Việt Bắc được lệnh tiến về Hà Nội chuẩn bị bảo vệ Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ lâm thời từ Tân Trào về Thủ đô. Tiểu đoàn gồm 3 đại đội và 2 trung đội trực thuộc, trong đó đại đội 1 trực tiếp bảo vệ Bắc Bộ Phủ, nơi Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh về làm việc cho tới ngày Toàn quốc kháng chiến (19 tháng 12 năm 1946). Tiểu đoàn do đồng chí Nguyễn Văn Triệu là tiểu đoàn trưởng, đồng chí Bạch Thành Phong, nguyên Xứ ủy viên Bắc Kỳ làm chính trị viên.

Tiểu đoàn 77 hình thành từ một số chiến sĩ Giải phóng quân và đông đảo anh em tự vệ chiến đấu của Hà Nội. Từ sau Hiệp định Sơ bộ 6 tháng 3, ta và Pháp thoả thuận cùng tiếp nhận bảo vệ các cơ sở do quân Tưởng trước đây canh giữ. Số đơn vị này gọi là Tiếp phòng quân. Tiểu đoàn 77 là một trong các đơn vị tiếp phòng quân của ta. Tiểu đoàn do đồng chí Hoàng Kiện là tiểu đoàn trưởng, đồng chí Hồng Kỳ là chính trị viên.

Tiểu đoàn 212 cũng được hình thành từ những phân đội giải phóng quân từ Việt Bắc về và tự vệ Hà Nội. Tiểu đoàn lúc đầu do đồng chí Anh Độ làm tiểu đoàn trưởng. Nhiều chiến sĩ của tiểu đoàn là tham gia bảo vệ Lễ độc lập ngày 2 tháng 9 năm 1945 tại quảng trường Ba Đình. Trước tình hình phức tạp tại mặt trận Lào, theo yêu cầu của bạn và lệnh của Bộ Tổng chỉ huy, tiểu đoàn sang chiến đấu ở Sầm Nưa (Lào). Tháng 10 năm 1945, tiểu đoàn đã đánh thắng trận đầu tại Mường Láp, giáng một đòn phủ đầu âm mưu tái chiếm Đông Dương của thực dân Pháp. Tháng 5 năm 1946 tiểu đoàn được lệnh trở về Hà Nội, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Thủ đô. Tiểu đoàn bộ đóng tại sân bay Bạch Mai. Bước vào kháng chiến, đồng chí Quang Tuần được điều về làm tiểu đoàn trưởng thay cho đồng chí Anh Độ được chuyển công tác khác.

Tiểu đoàn 145 thành lập đầu năm 1946 từ một số phân đội Giải phóng quân về và bổ sung nhiều chiến sĩ tự vệ Hà Nội. Tiểu đoàn do đồng chí Trác Vinh Nam làm tiểu đoàn trưởng. Tiểu đoàn đóng quân và phụ trách địa bàn bắc

Liên khu 1 gồm khu vực Quán Thánh, Cửa Bắc, các đường Thụy Khuê, Hoàng Hoa Thám, Yên Phụ...

Tiểu đoàn 523 thành lập ngày 25 tháng 3 năm 1946 tại Đống Đa, gồm các đại đội 27, 28, 29. Thành phần chủ yếu là thanh niên tự vệ Hà Nội. Địa bàn đóng quân từ khi thành lập đến ngày Toàn quốc kháng chiến là trục đường từ Hàng Bột - Ngã Tư Sở, đường Láng - Cầu Giấy - Nguyễn Thái Học. Tiểu đoàn lúc đầu do đồng chí An Giao là tiểu đoàn trưởng, sau đồng chí Nguyễn Tiệp là tiểu đoàn trưởng.

Ngoài ra còn có 4 trung đội pháo binh đóng ở 4 pháo đài Láng, Xuân Tảo, Xuân Canh và Thủ Khôi.

Bộ chỉ huy Khu đặc biệt Hà Nội trực tiếp chỉ huy đến các tiểu đoàn và trung đội pháo binh.

Bộ đội Vệ quốc đoàn Hà Nội còn rất non trẻ, số lượng ít ỏi, trang bị và sinh hoạt còn thiếu thốn, rất thiếu kinh nghiệm chiến đấu nhưng tinh thần chiến đấu rất cao, tin tưởng tuyệt đối và trung thành vô hạn với Tổ quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ. Họ xuất thân từ nhân dân lao động ở nhiều nơi của đất nước. Bên cạnh công nhân, lao động, dân nghèo và học sinh Thủ đô và nông dân ngoại thành là những chiến sĩ trong các chi đội Giải phóng quân ở Khu giải phóng Việt Bắc về, trong đó rất nhiều người thuộc các dân tộc thiểu số. Trước khi vào bộ đội, anh em đều đã từng tham gia các đoàn thể cứu quốc nên tinh thần chiến đấu khá cao. Quan hệ giữa cán bộ và chiến sĩ rất thân thiết, dân chủ và kỷ luật, vì trình độ giác ngộ chính trị giống nhau, vì chung một lý tưởng chiến đấu vì độc lập, tự do của Tổ quốc và còn vì tuổi đời của họ hầu hết đều rất trẻ, không chênh lệch nhau nhiều, tuổi quân đều mới như nhau. Sự nhận thức về quân sự và chính trị không chênh lệch nhau nhiều, trừ các cán bộ chỉ huy chiến khu. Đó là một đội quân trong đó mọi người coi nhau như anh em, nhưng không vì thế mà kỷ luật tự giác của quân đội không cao. Tuy vậy trong buổi đầu xây dựng quân chủ lực của một nhà nước do nhân dân lao động làm chủ, cán bộ, chiến sĩ không khỏi có những ấu trĩ, từ ăn ở tập thể, rèn luyện chính quy, đảm bảo về hậu cần, kỹ thuật đến

thống nhất trong tác phong sinh hoạt... Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng đến thăm bộ đội Khu đặc biệt Hà Nội. Người đã đi thăm từ nhà chỉ huy, nhà bếp, vườn rau trong doanh trại, nhắc nhở bộ đội về những điều kỷ luật, chấn chỉnh cả về ăn mặc của cán bộ khu. Những chỉ dẫn của Người là những bài học đầu tiên, rất quý báu đối với cán bộ, chiến sĩ trong những buổi đầu xây dựng đơn vị.

Về tổ chức đảng trong Khu đặc biệt Hà Nội, các đồng chí trong Bộ chỉ huy Khu đều là đảng viên cộng sản. Lúc đầu, cơ quan Bộ chỉ huy Khu chỉ có 1 chi bộ đảng, mỗi tiểu đoàn có 1 chi bộ, gồm đảng viên từ các nơi vào bộ đội hợp thành. Đi đôi với việc thực hiện nhiệm vụ quân sự, sinh hoạt chính trị của bộ đội được duy trì đều đặn như các đoàn thể chính trị. Có lần đồng chí Trường Chinh, Tổng bí thư đã đến tham gia sinh hoạt chi bộ cơ quan Khu đặc biệt Hà Nội. Công tác đảng trong quân đội cũng là điều mới mẻ ngay cả với cán bộ chính trị trong chiến khu cũng như toàn quân lúc bấy giờ. Đồng chí Trường Chinh đã lắng nghe ý kiến của các đảng viên rồi hướng dẫn những điều cần thảo luận và ra nghị quyết của chi bộ. Bộ đội của khu được phổ biến tình hình thời sự thường xuyên. Chương trình huấn luyện về chính trị cho bộ đội cũng là chương trình huấn luyện chính trị của Việt Minh cho các đoàn thể cách mạng, do các cán bộ chính trị đảm nhiệm. Ở khu là chính ủy, cấp tiểu đoàn, đại đội, trung đội là các chính trị viên.

Với khí thế cách mạng sau khởi nghĩa Tháng Tám, quan hệ quân đội với nhân dân rất gần bó, thân thiết. Từ các cụ già đến các em thiếu nhi đều gọi cán bộ, chiến sĩ là “anh bộ đội”, khác hẳn cách xưng hô với lính khố xanh, khố đỏ trước Cách mạng Tháng Tám. Về trang phục, đối với chiến sĩ, quân hiệu có ngôi sao vàng, ở giữa nền đỏ, còn cán bộ chỉ huy thêm viền vàng bao quanh. Nhân dân Thủ đô rất quan tâm đến đội quân con em của mình. Những ngày đầu mới thành lập, sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, việc đảm bảo hậu cần của Bộ Quốc phòng còn khó khăn, mọi việc ăn uống hàng ngày đều do Hội Phụ nữ Cứu quốc quyên góp trong nhân dân và nấu ăn cho bộ đội. Tại trụ sở của Bộ chỉ huy Khu đặc biệt Hà Nội - 40 Hàng Bài, thường xuyên được tiếp đoàn đại biểu của các giới đến thăm hỏi, tặng quà cho bộ đội. Ngược lại, bộ đội đóng ở đâu đều làm công tác dân vận, tuyên truyền chính trị, chống

nạn mù chữ, tổ chức cho các em thiếu nhi học hát, vui chơi...

Bộ đội thuộc Khu đặc biệt Hà Nội ngay từ khi mới thành lập đã thể hiện bản chất của một quân đội cách mạng, từ nhân dân lao động và các đoàn thể chính trị mà ra, có trình độ chính trị cao, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân, được nhân dân mến yêu và nhiệt tình ủng hộ.

Bên cạnh lực lượng chủ lực nhỏ bé, với khí thế cách mạng sau khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, các lực lượng vũ trang địa phương do Thành ủy phụ trách lại phát triển khá mạnh mẽ, đông đảo với quân số khoảng hơn 1 vạn người. Lực lượng này bao gồm các loại hình tổ chức: Tự vệ chiến đấu, Tự vệ Thành, Tự vệ xí nghiệp, Tự vệ ngoại thành và Công an xung phong. Tự vệ chiến đấu do đồng chí Lê Trung Toàn, Thành ủy viên phụ trách. Tự vệ Thành do đồng chí Khuất Duy Tiến, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phụ trách. Chuẩn bị đối phó với nguy cơ chiến tranh xảy ra, các đơn vị tự vệ đều được củng cố về tổ chức, nâng cao trình độ chính trị và quân sự. Để tập trung sự lãnh đạo của Thành ủy đối với các lực lượng vũ trang địa phương, ngày 29 tháng 8 năm 1946, các lực lượng tự vệ được thống nhất vào một tổ chức chung lấy tên là Đoàn thanh niên tự vệ Hà Nội 1 (Thủ đô Hà Nội - Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp, Nxb Hà Nội, 1986, tr.105. Có tài liệu gọi là Ủy ban tự vệ Hà Nội). Đồng chí Lê Trung Toàn, Thành ủy viên được Thành ủy giao cho phụ trách Ban chỉ huy tự vệ thống nhất.

Tuy nhiên các tổ chức tự vệ vẫn có hệ thống tổ chức dọc của mình.

Đội Tự vệ chiến đấu cứu quốc Hoàng Diệu có khoảng 300 người, được trang bị khá đầy đủ bằng súng trường, về danh nghĩa đây là một tổ chức vũ trang quần chúng, song thực chất đây là một đơn vị bộ đội địa phương của thành phố Hà Nội. Đội ăn, ở tập trung trong doanh trại, được Bộ Quốc phòng trang bị súng trường, có quân phục thống nhất. Trụ sở của đội tại 107 Trần Hưng Đạo. Các trung đội đóng ở nhiều nơi, đáng kể là tại trường Kỹ nghệ thực

hành phố Quang Trung và nhà Đấu Xảo¹ (Nay là Cung văn hóa Hữu nghị). Do sách lược mềm dẻo để đối phó với quân Pháp và quân Tưởng, ta không sử dụng nhiều lực lượng vũ trang chính quy làm công tác bảo vệ trong thành phố mà sử dụng các lực lượng tự vệ. Vì vậy Đội Tự vệ chiến đấu đã được sử dụng vào mục đích này. Đội đã đảm nhiệm canh gác nhiều vị trí như trụ sở Quốc hội² (Trụ sở Quốc hội lúc này ở tại Nhà Khai trí Tiến Đức cũ, nay là Cục Văn hóa quần chúng, đối diện khách sạn Phú Gia, phố Hàng Trống, nhìn ra hồ Hoàn Kiếm), Tổng bộ Việt Minh, Bộ Quốc phòng, Thành bộ Việt Minh, trụ sở liên lạc của Xứ ủy và Trung ương Đảng, Đài vô tuyến điện Bạch Mai, đóng chốt ở một số khu vực và tham gia tuần tra bảo vệ trật tự an ninh trong thành phố. Đặc biệt năm đồng chí trong đội đã được cử làm cận vệ cho Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đội được tổ chức chặt chẽ, có kỷ luật nghiêm, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, đồng thời làm tốt công tác dân vận, được nhân dân Hà Nội thời kỳ này rất tin yêu, chính vì vậy trong một bài đăng trên báo Cứu quốc, Bác Hồ đã khen ngợi: “Anh em Tự vệ chiến đấu Thành Hoàng Diệu thật xứng đáng làm gương cho không những tự vệ các địa phương mà cho cả các hạng thanh niên nữa”¹ (Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tập 4, tr.254-255).

Lực lượng Tự vệ Thành được tổ chức như lực lượng dân quân tự vệ ngày nay, có khoảng 8.500 người. Đây là lực lượng đông đảo nhất, rộng rãi nhất tại các khu phố trong nội thành. Thành phần Tự vệ Thành rất đa dạng từ công nhân, dân nghèo thành thị, người buôn bán, học sinh, viên chức, cựu binh sĩ... Tự vệ Thành được tổ chức từ tiểu đội, trung đội đến đại đội do Ban chấp hành tự vệ các khu phố phụ trách, ở cấp thành có Ban chấp hành toàn thành phụ trách. Điều độc đáo là, hầu hết chỉ huy các đơn vị đều do các đơn vị bầu ra, lựa chọn trong số những người có tín nhiệm cao trong quần chúng, có khả năng tổ chức và chỉ huy chiến đấu, tuy kiến thức về quân sự hầu như chưa có gì, phải tự tìm hiểu và học hỏi thêm. Trang bị do các cá nhân và đơn vị tự lo, phần lớn là thô sơ, nhưng cũng có nhiều súng do anh em mua hoặc lấy của quân Tưởng, quân Nhật. Huy hiệu của Tự vệ Thành là hình vuông để phân biệt với Vệ quốc đoàn và Tự vệ chiến đấu, có nền đỏ, giữa là sao vàng năm cánh. Nhân dân thường gọi là tự vệ sao vuông, quân Pháp thì gọi là “Tu ve ca-rê”² (Carré - ca rê (hình vuông). Tự vệ sao vuông). Đây là lực lượng vũ trang rộng rãi ở khắp các cơ sở trong thành phố, hoạt động chống địch bằng

nhieu biện pháp phong phú sáng tạo, địch không lường được nên chúng rất hoảng sợ.

Ngoài ra, ở các xí nghiệp như nhà máy điện, nhà máy nước Yên Phụ, nhà máy đèn Bờ Hồ, xưởng sửa chữa xe lửa Gia Lâm, các xưởng Aviat, Boillot, Sở Xe điện, ga Hàng Cỏ... mỗi nơi có khoảng từ 1 trung đội đến 1 đại đội Tự vệ xí nghiệp.

Công an xung phong được tổ chức thành 1 đại đội, đóng ở 3 đồn công an tại 3 - quận nội thành.

Dân quân tự vệ ở ngoại thành có khoảng 1 vạn người. Mỗi khu hành chính ngoại thành Lãng Bạc, Đại La, Đống Đa, Đề Thám, Mê Linh đều có một Ban chỉ huy dân quân tự vệ. Mỗi khu có một số tiểu khu bao gồm các thôn xã gần nhau. Mỗi thôn, xã có từ 1 trung đội đến một đại đội.

Quá trình hoạt động của các lực lượng vũ trang, tất yếu dẫn đến yêu cầu phải quan hệ với nhau trong việc xây dựng lực lượng, huấn luyện quân sự, chính trị và xây dựng kế hoạch chiến đấu. Bộ đội giúp tự vệ xây dựng đơn vị, huấn luyện quân sự, tự vệ giúp bộ đội tìm hiểu mọi mặt về địa bàn, cùng nhau xây dựng phương án phối hợp tác chiến... Ở nhiều khu vực như Lò Đúc, Chợ Hôm, Bạch Mai, Khâm Thiên sự liên kết giữa các lực lượng vũ trang khá chặt chẽ.

Trước tình hình địch liên tiếp khiêu khích, âm mưu gây chiến nhằm xâm lược nước ta một lần nữa, ngày 19 tháng 10 năm 1946, Hội nghị quân sự toàn quốc do Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập nhận định: “Nhất định không sớm thì muộn Pháp sẽ đánh mình và mình cũng nhất định phải đánh Pháp”¹ (Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 8, tr.133). Cho nên phải tranh thủ thời gian tăng cường lực lượng, đặc biệt là lực lượng vũ trang và phải khẩn trương chuẩn bị về mọi mặt.

Cả nước được chia lại thành 12 chiến khu, từ Chiến khu I đến Chiến khu XII. Khu đặc biệt Hà Nội được đổi tên là Chiến khu XI (có lúc gọi tắt là Khu XI). Đây là chiến khu duy nhất của cả nước chỉ có 1 tỉnh, thành phố là Thủ đô Hà Nội. Khu ủy, Ủy ban bảo vệ, Bộ chỉ huy Chiến khu XI đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương. Thành ủy Hà Nội được kiện toàn và đổi thành Khu ủy XI1 (Tuy đổi thành Khu ủy XI, nhưng Khu XI vẫn chỉ có 1 thành phố Hà Nội nên theo thói quen, nhiều người vẫn gọi Khu ủy XI là Thành ủy Hà Nội. Anh em ở dưới đơn vị thường nói đùa Chiến khu XI là chiến khi xi). Đồng chí Nguyễn Văn Trân, nguyên Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân Bắc Bộ, Chủ tịch Ủy ban bảo vệ thành phố làm Bí thư Khu ủy. Đồng chí Lê Quang Đạo, nguyên Bí thư Thành ủy Hà Nội được chỉ định làm Phó bí thư Khu ủy. Đồng chí Vương Thừa Vũ được trên điều về làm Chỉ huy trưởng Chiến khu XI (thường gọi là khu trưởng). Đồng chí Trần Độ vẫn làm Chính trị ủy viên. Đồng chí Nguyễn Tấn Dươg làm Tham mưu trưởng, đồng chí Hoàng Văn Khánh làm Tham mưu chủ nhiệm (một chức vụ như tham mưu phó ngày nay). Đồng chí Trương Công Cẩn làm Chủ nhiệm chính trị. Điểm mới giữa Bộ chỉ huy Chiến khu XI so với Bộ chỉ huy Khu đặc biệt Hà Nội là từ tháng 11 năm 1946, khi Thường vụ Trung ương quyết định giao cho Bộ Quốc phòng - Tổng chỉ huy, chỉ huy cả bộ đội Vệ quốc đoàn và dân quân tự vệ thì Bộ chỉ huy Khu XI cũng chỉ huy cả lực lượng Vệ quốc đoàn và dân quân tự vệ tại Thủ đô. Không như trước đây Bộ chỉ huy Khu đặc biệt Hà Nội chỉ huy lực lượng chủ lực, còn Thành ủy, Ủy ban nhân dân Hà Nội lãnh đạo, chỉ huy lực lượng vũ trang địa phương.

Là thủ đô, gần Trung ương Đảng và Chính phủ, được Trung ương trực tiếp chỉ đạo, Hà Nội được dự báo và chuẩn bị từ trước về việc sẽ phát triển Khu đặc biệt Hà Nội thành Chiến khu XI. Ngày 13 tháng 10, tại Hà Đông, trong một cuộc họp quan trọng, đồng chí Trường Chinh đã thông báo “Trung ương trao nhiệm vụ cho đồng chí Vương Thừa Vũ làm chỉ huy trưởng Chiến khu XI”, yêu cầu Bộ chỉ huy Khu XI “chuẩn bị tổ chức mọi mặt, sẵn sàng chiến đấu với âm mưu gây chiến của quân Pháp”. Chính vì vậy ngay sau khi Hội nghị quân sự toàn quốc ngày 19 tháng 10 năm 1946 kết thúc, việc xúc tiến thành lập Chiến khu XI được thực hiện ngay. Ngày 20 tháng 10 năm 1946

(Vương Thừa Vũ, Hà Nội 60 ngày đêm khói lửa, Nxb Hà Nội, 1996, tr.35), tại trụ sở cơ quan Bộ chỉ huy Khu đặc biệt Hà Nội, lúc này đã di chuyển về khu vực Lò Lợn² (Một vị trí cuối phố Nguyễn Huy Tự, Lê Quý Đôn ngày nay, cạnh đê hữu ngạn sông Hồng), đồng chí Lê Quảng Ba, nguyên chỉ huy trưởng đã tiến hành bàn giao nhiệm vụ cho đồng chí Vương Thừa Vũ. Chiến khu XI chính thức ra đời.

Chiến khu XI ra đời đáp ứng yêu cầu thống nhất chỉ huy các lực lượng vũ trang bảo vệ Thủ đô trên địa bàn. Việc tổ chức xây dựng phương án chiến đấu tại Thủ đô có điều kiện nghiên cứu thực hiện bài bản hơn. Lực lượng vũ trang bảo vệ Thủ đô bao gồm cả bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ dưới sự lãnh đạo của Khu ủy XI có điều kiện phát huy vai trò nòng cốt trong cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện trên địa bàn.

Cơ quan Bộ chỉ huy được kiện toàn. Lực lượng chủ lực của Bộ chỉ huy Khu XI vẫn bao gồm 5 tiểu đoàn vệ quốc đoàn, 1 đại đội cảnh vệ, 4 trung đội pháo cao xạ ở các pháo đài Láng, Xuân Canh, Thủ Khố, Xuân Tảo với tổng quân số là 2.516 người, được trang bị 1.516 súng trường, 3 trung liên, 1 đại liên, 1 ba-dô-ca 60mm, 1.000 lựu đạn, 80 bom ba càng, 200 chai xăng cơ-rếp, 7 khẩu pháo cao xạ, 1 khẩu sơn pháo 75mm, 1 khẩu pháo 25mm, 2 khẩu cối 60mm. Lực lượng vũ trang địa phương gần một vạn người, vũ khí có khoảng 500 - 600 súng trường, 2 trung liên, một số súng ngắn, một số mìn, lựu đạn; còn lại toàn là giáo mác, kiếm, dao găm. Chiến khu còn tổ chức 13 đội quyết tử đánh tăng và 36 tổ du kích đặc biệt. Khi kháng chiến bùng nổ các đội và tổ này sẽ được phân công về các liên khu.

Để đào tạo cán bộ, Bộ chỉ huy Khu tổ chức trường quân sự để huấn luyện cán bộ cho các đơn vị. Bộ chỉ huy Khu còn ra tờ báo Quân giải phóng, sau là báo Chiến thắng để tuyên truyền giáo dục bộ đội và phát hành rộng rãi trong nhân dân.

Ngoài lực lượng vũ trang, Chiến khu XI có lực lượng chính trị khá hùng hậu, rất quan trọng, hậu thuẫn cho cuộc chiến đấu của bộ đội và các lực lượng tự vệ Thủ đô.

Sau khi Tổng khởi nghĩa thành công, Thành ủy Hà Nội đã nhanh chóng phát triển các đoàn thể cứu quốc, làm cho Mặt trận Việt Minh của thành phố thành một lực lượng hùng hậu. Theo thống kê chưa đầy đủ, các đoàn viên, hội viên của các đoàn thể trong Mặt trận đã bao gồm 16 vạn người.

Sau 16 tháng xây dựng và rèn luyện, nhân dân Hà Nội vẫn giữ vững khí thế sôi sục của Cách mạng Tháng Tám, sẵn sàng bước vào cuộc kháng chiến với quyết tâm thà chết không chịu làm nô lệ, quyết sống chết với Thủ đô.

Đảng bộ Đảng Cộng sản Đông Dương thành phố Hà Nội là cơ quan lãnh đạo toàn dân, toàn quân Thủ đô tiến hành kháng chiến.

Đảng bộ được tăng cường từng bước. Thay cho Thành ủy trước khởi nghĩa, ngày 25 tháng 9 năm 1945 Khu ủy mới được chỉ định. Từ tháng 11 năm 1945, khi Đảng Cộng sản Đông Dương rút vào hoạt động bí mật thì Đảng bộ Hà Nội lấy danh nghĩa Mặt trận Việt Minh để lãnh đạo tiến hành mọi mặt công tác.

Công tác phát triển đảng được coi trọng. Khi kháng chiến bùng nổ, số đảng viên có khoảng 400 người (chưa kể số đảng viên trong quân đội).

Mỗi đảng bộ liên khu có một số chi bộ ở các khu phố và một số chi bộ ở các xí nghiệp. Một số xí nghiệp như xe lửa Gia Lâm, cơ khí Aviat, Stai, rượu,

bia, nước đá có 3 đảng viên trở lên được tổ chức thành chi bộ độc lập. Riêng chi bộ Đội Tự vệ chiến đấu cứu quốc Hoàng Diệu đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Khu ủy Khu XI.

Ban cán sự Đảng ngoại thành được tổ chức thành một đảng ủy lãnh đạo 5 chi bộ của 5 khu: Lăng Bạc, Đại La, Đống Đa, Đề Thám, Mê Linh.

Như vậy là, để lãnh đạo việc kháng chiến của một thành phố lớn như Hà Nội, số đảng viên không nhiều. Tuy nhiên đây là những đảng viên đã được tôi luyện trong đấu tranh thực tế, nhiều đồng chí đã trải qua các nhà tù của bọn đế quốc thực dân. Được sự chỉ đạo trực tiếp của Thường vụ Trung ương và của Bác Hồ, Đảng bộ Khu XI có trình độ lãnh đạo khá vững vàng.

Nhìn chung, khi bước vào kháng chiến, về mặt mạnh ta có một số điểm như sau:

- Một là, sức mạnh của tinh thần yêu nước bảo vệ độc lập. Mọi người, mọi ngành sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp bảo vệ Thủ đô, bảo vệ Tổ quốc.

- Hai là, có ưu thế to lớn về lực lượng chính trị. Đó là lực lượng toàn dân, vừa vùng lên giành chính quyền, có tổ chức, có lãnh đạo, có lòng yêu nước cao, căm thù giặc sâu sắc. Lực lượng chính trị toàn dân có sức mạnh tiềm tàng rất to lớn.

- Ba là, có một đảng bộ tuy số lượng ít nhưng vững vàng, linh hồn của cuộc kháng chiến ở Hà Nội, có một ủy ban kháng chiến đại diện chính quyền cách mạng có thể huy động sức mạnh tổng hợp tiềm tàng rất to lớn của toàn dân để

tham gia kháng chiến.

- Bốn là, đánh địch ngay trên nơi chôn rau cắt rốn của mình, thông thạo mọi ngõ ngách địa hình, địa vật của Thủ đô.

- Năm là, tiến hành một cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện trong một chiến cuộc lớn, trong đó nhiều thành phố thị xã đồng thời cùng đánh địch, được sự phối hợp của các thành phố thị xã đó, của các chiến trường khác do đó phân tán được lực lượng và sự đối phó của địch.

- Sáu là, được Bác Hồ, Thường vụ Trung ương Đảng và Bộ Tổng chỉ huy trực tiếp lãnh đạo và chỉ huy. Mọi chỉ thị, mệnh lệnh của trên có thể nhanh chóng được chuyển đạt cho Hà Nội. Việc xử lý các tình huống trong chiến đấu có thể kịp thời và chính xác.

Bên cạnh đó cũng có một số điểm yếu:

- Một là, bộ đội ta chưa được huấn luyện gì đáng kể. Chiến sĩ chỉ mới học bắn súng, ném lựu đạn, đâm lê, hầu hết chưa được bắn đạn thật.

Tuy phải chiến đấu với địch trong thành phố, nhưng quân ta chưa hề biết cách đánh trong thành phố.

- Hai là, trình độ của cán bộ chỉ huy của ta còn rất non. Cán bộ phần lớn được huấn luyện cấp tốc 1 tháng đến 2 - 3 tháng, nhiều lắm là 6 tháng, chưa có

kinh nghiệm chiến đấu. Trình độ cán bộ chỉ huy còn rất non là một điểm yếu rất đáng kể.

- Ba là, trang bị của bộ đội Hà Nội rất kém. Tuy có 1.516 súng trường, nhưng đó là những súng cũ kỹ đủ các loại Tây, Nhật, Tàu, Nga, Bi... với đạn được rất ít. Đạn súng trường có tất cả khoảng 1 vạn viên. Nhiều người phải trang bị bằng mác búp đa, dao, kiếm. Lựu đạn phần nhiều là loại lọ mực do xưởng Phan Đình Phùng chế, có thể nổ ở tay khi ném, còn bom mìn đều là loại nhặt nhanh có quả nổ, quả không nổ. Về vũ khí chống tăng chỉ có độc nhất một khẩu ba-dô-ca do Mỹ thả dù viện trợ ở Việt Bắc với ít viên đạn, còn phải dùng chai xăng cơ-rếp và bom ba càng. Bảy khẩu pháo ở các pháo đài Láng, Xuân Canh, Xuân Tảo, Thủ Khố là loại pháo phòng không cũ của Pháp. Nếu bắn mục tiêu dưới đất thì chỉ bắn được theo diện, không có các khí tài đo đạc, không có đài quan sát.

- Bốn là, lực lượng ta phải phân ra đóng xen kẽ với địch. Các cơ quan Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng Tham mưu, Khu bộ Khu XI đều ở trong thành phố. Ta rất khó giữ bí mật, rất dễ bị địch tập kích bất ngờ.

Các mặt mạnh, mặt yếu của địch, của ta nói trên cũng chính là các thuận lợi, các khó khăn của địch, của ta.

Chương 2

GẤP RÚT CHUẨN BỊ KHÁNG CHIẾN

Để bảo vệ thành quả cách mạng, Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh liên tiếp có những chủ trương thích hợp để đối phó với thù trong giặc ngoài, cố gắng dùng những biện pháp ngoại giao để tránh một cuộc chiến ác liệt có thể diễn ra với quân Pháp. Nhưng âm mưu xâm lược nước ta của thực dân

Pháp ngày càng lộ rõ. Nguy cơ chiến tranh với Pháp là khó tránh khỏi. Để chủ động đối phó với địch, Bộ Tổng chỉ huy đã xây dựng kế hoạch tác chiến trên quy mô cả nước, trong đó Mặt trận Hà Nội được coi là chiến trường chính trong trận tổng giao chiến đầu tiên.

Bộ Tổng chỉ huy quyết định: “Chiến khu Hà Nội không để bị rơi vào thế bất ngờ, nếu địch đánh trước, ta có thể quật lại ngay. Trận đánh ở Thủ đô nước Việt Nam dân chủ cộng hoà phải tiêu biểu cho tinh thần kháng chiến của cả nước. Hà Nội cần giam chân địch một thời gian càng lâu càng tốt tạo điều kiện cho cả nước chuyển sang chiến tranh”¹ (Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh, Nxb Hà Nội, 1997, tr.20-21, bài “Chiến đấu trong vòng vây” của Đại tướng Võ Nguyên Giáp).

Làm kế hoạch tác chiến là việc rất mới và rất khó. Cơ quan tham mưu của Bộ Quốc phòng và Bộ chỉ huy Chiến khu XI đều mới ra đời, nên việc làm kế hoạch càng khó. Từ Bộ trưởng Quốc phòng - Tổng chỉ huy, Tổng tham mưu trưởng đến Chủ tịch Ủy ban bảo vệ Hà Nội, Khu trưởng Chiến khu XI (tức Mặt trận Hà Nội) phải cùng nhau bàn bạc, từng bước nghiên cứu xây dựng kế hoạch tác chiến.

Quân ủy và Bộ Tổng Tham mưu giao nhiệm vụ cho Khu XI “Phải luôn luôn sẵn sàng chiến đấu cao độ, không được bị động để địch đánh úp bất ngờ, nếu bị đánh thì phải có kế hoạch quật lại, giành lấy quyền chủ động”. Đó là một yêu cầu đúng. Nhưng kế hoạch “quật lại địch giành lấy quyền chủ động” trong điều kiện so sánh lực lượng địch mạnh ta yếu rất chênh lệch, thì ta lại chưa nói rõ.

Kế hoạch bảo vệ lúc đầu của Bộ chỉ huy Khu XI chỉ là đem 5 tiểu đoàn Vệ quốc đoàn cùng lực lượng Tự vệ chiến đấu Hoàng Diệu phân ra bảo vệ các cơ quan, nhiều nơi bố trí từ 1 đến 2 tiểu đội, một số nơi quan trọng hơn có 1

trung đội, ở Bắc Bộ Phủ và ở sân bay Bạch Mai mỗi nơi có 1 đại đội. Riêng ở Quần Ngựa có 2 đại đội. Cụ thể, Liên khu 1 có tiểu đoàn 101 và tiểu đoàn 145 chia ra bố trí ở 17 điểm. Liên khu 2 có tiểu đoàn 77 và 212 chia ra bố trí tại 27 điểm. Liên khu 3 có tiểu đoàn 523 chia ra bố trí tại 20 điểm.

Như vậy là hầu như đại bộ phận lực lượng Vệ quốc quân được phân ra làm bộ đội cảnh vệ bảo vệ các cơ quan. Chỉ riêng ở Bạch Mai có 1 đại đội và ở Quần Ngựa có 2 đại đội có tính chất lực lượng dự bị.

Trong lúc địch có 5 điểm tập trung lớn, còn ta với lực lượng được bố trí rất phân tán, quả là khó có khả năng “quật lại địch để giành quyền chủ động”¹ (Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Chiến đấu trong vòng vây, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001, tr.32). Tuy nhiên lúc đầu vì bản thân địch cũng khó khăn, địch chưa làm gì ta được. Ta chưa phải quật lại chúng.

Nhưng khi thấy rõ địch không thực lòng đàm phán ở Phong-ten-nơ-blô, Hội nghị cán bộ Trung ương cuối tháng 7 đầu tháng 8 năm 1946 do đồng chí Trường Chinh chủ trì đã đề ra chủ trương phải: sẵn sàng về chính trị và quân sự đối phó với những bất trắc có thể xảy ra. Việc đặt kế hoạch tác chiến của Hà Nội để phòng địch đánh úp, kế hoạch quật lại địch trở nên cấp thiết.

Hội nghị cán bộ Trung ương đã rút ra những kinh nghiệm về tác chiến ở miền Nam rất sắc sảo, rất có ích cho việc nghiên cứu kế hoạch tác chiến ở miền Bắc, trong đó có ba vấn đề quan trọng: một là, giữ gìn lực lượng không đem tiêu phí vào việc bảo vệ một số thành phố; hai là, phá hoại đường sá không cho địch phát huy được ưu thế về cơ giới đánh chiếm nhanh chóng các thành phố thị xã; ba là, nghiên cứu đánh cho được xe tăng. Ngoài ra một điểm hết sức quan trọng là phải nắm được quyền chủ động chiến lược² (Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 8, tr.118).

Đó là những kinh nghiệm xương máu mà đồng bào miền Nam giúp cho Hà Nội trong việc đặt kế hoạch tác chiến.

Xuất phát từ những kết luận của hội nghị và theo chỉ thị của Quân ủy, Bộ Tổng Tham mưu tổ chức nghiên cứu ba vấn đề:

a) Đánh xe tăng.

b) Phá hoại đường sá.

c) Đánh thành phố.

Có giải quyết được ba vấn đề này, mới làm được kế hoạch tác chiến chiến lược của Bộ và kế hoạch tác chiến của Hà Nội.

Về đánh xe tăng, cái khó nhất là dùng vũ khí gì để đánh. Bộ Tổng Tham mưu và Cục Quân giới đồng thời cùng nghiên cứu.

Ta nghĩ ra một số cách:

- Dùng chai xăng cơ-rếp để đốt. Từ cuối tháng 10 ta chế tạo được loại “vũ

khí” này và bắt đầu sản xuất để phát cho Hà Nội và các nơi khác.

- Dùng ba-dô-ca để bắn. Ta phải chế tạo súng, mẫu chốt là chế tạo đạn lõm. Đến ngày 19 tháng 12 năm 1946 vẫn đang thí nghiệm chưa thành công. Khu chỉ có một khẩu ba-dô-ca từ Việt Bắc đưa về do khu nắm làm lực lượng cơ động.

- Dùng bom ba càng, nhược điểm là phải có người ôm bom đâm vào xe tăng, bom nổ là người hy sinh. Không có cách nào khác, Khu XI phải tổ chức 12 tổ quyết tử đánh tăng bằng bom ba càng.

- Chôn bom, mìn cũ nhặt nhanh được, có thể nổ, có thể không nổ. Ta chưa sản xuất được mìn chống tăng.

Về phá hoại đường sá, để ngăn chặn địch phát huy ưu thế về cơ giới tiến công ta, Bộ Tổng Tham mưu đề ra mấy biện pháp: đắp ụ, đóng cọc, đào đường, phá cầu cống...

Vì kháng chiến toàn quốc chưa nổ ra, xe cộ nhân dân còn phải đi lại làm ăn nên chưa thể đào đường, phá cầu cống, nhưng cần dự kiến địa điểm phá và chuẩn bị trước.

Việc có thể làm ngay từ tháng 8 là đắp ụ ba-ri-cát; ụ đắp nửa đường theo kiểu chữ chi, xe cộ phải chậm lại nhưng vẫn chạy được. Khi chiến tranh nổ ra sẽ đắp hết ngang đường kết hợp đào đường, phá cầu cống.

Về cách đánh thành phố, Bộ lấy Hà Nội làm trọng điểm để nghiên cứu rồi phổ biến cho các thành phố khác.

Bí thư Quân ủy, Tổng tham mưu trưởng, một bộ phận cán bộ tác chiến bí mật cùng nghiên cứu với Chủ tịch Ủy ban bảo vệ và Khu trưởng Khu XI.

Từ tháng 8 năm 1946, Bộ cùng với đồng chí Khu trưởng Lê Quảng Ba làm kế hoạch. Khi đồng chí Vương Thừa Vũ về làm Khu trưởng thay đồng chí Lê Quảng Ba, việc làm kế hoạch khẩn trương hơn, trong đó vấn đề mấu chốt nhất là cách đánh.

Có ý kiến cho là nên đồng loạt đánh Pháp ở Thành Hà Nội như ngày 9 tháng 3 năm 1945 Nhật đã làm. Ý kiến đó không được chấp nhận vì so sánh lực lượng quân sự của ta với Pháp thì bất lợi hơn so sánh lực lượng quân Nhật với Pháp tháng 3 năm 1945. Đánh vào Thành Hà Nội là phải đánh vào một mục tiêu rất lớn ta không thể thực hiện được. Một chuyên gia người Nhật theo ta tên là Ái Việt đề nghị trên đường Hà Nội - Hà Đông xây dựng 3 phòng tuyến trận địa để ngăn chặn địch, mỗi phòng tuyến cách nhau từ 2 đến 3 km. Phương án này cũng không được chấp nhận vì Hội nghị cán bộ Trung ương từ cuối tháng 7 đầu tháng 8 đã rút kinh nghiệm là: Xung quanh Sài Gòn quân ta đã lập trận địa rải màn hình nhưng không chặn nổi địch, nên kết quả là đem lực lượng tiêu phí vào việc giữ thành phố¹ (Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.151). Hơn nữa phương án này chỉ đơn thuần phòng ngự và cũng không đủ người và cơ sở vật chất để thực hiện. Cách đánh của ta là phải chủ động tiến công địch.

Ta phải bảo toàn thực lực mới kháng chiến được lâu dài. Vì thế, nhiệm vụ chiến lược của chiến cuộc mở đầu kháng chiến toàn quốc được nêu trong chỉ thị Toàn dân kháng chiến được công bố ngày 22 tháng 12 năm 1946 là: “Tích cực tiêu hao tiêu diệt địch, ngăn chặn làm chậm bước tiến của chúng, vạn bất đắc dĩ phải rút khỏi một số thành phố sau khi đã đánh địch quyết liệt ở đó để bảo toàn thực lực kháng chiến lâu dài”² (Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.151).

Nhưng ta cũng không thể bị động để địch chiếm dễ dàng thành phố, mà phải cố nắm quyền chủ động, tích cực tiêu hao tiêu diệt chúng, ngăn chặn chúng một thời gian để tạo điều kiện chuyển cả nước sang thời chiến. Sài Gòn, các

thành phố, thị xã miền Nam, Hải Phòng, Lạng Sơn lúc đầu chưa có kinh nghiệm, nên chỉ đánh địch trong nội thành được mấy ngày. Trong khi đó, việc giữ Hà Nội một thời gian càng dài càng tốt có ý nghĩa chiến lược vô cùng quan trọng.

Trung tuần tháng 11 năm 1946, tại biệt thự Villa des saules³ (Tiếng Pháp, nghĩa là Biệt thự Cây Liễu, ở khu vực công ty cơ khí Hà Nội, gần Cầu Mới, Ngã Tư Sở hiện nay), trong buổi làm việc với đồng chí Tổng chỉ huy Võ Nguyên Giáp và Bí thư Khu ủy - Chủ tịch Ủy ban bảo vệ Hà Nội Nguyễn Văn Trân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hỏi:

- Nếu vạn nhất không tránh được chiến tranh thì Hà Nội có thể giữ được bao lâu?

Đồng chí Bí thư Khu ủy XI hứa với Bác “quân và dân Hà Nội sẽ cố gắng đến mức cao nhất”. Đồng chí Tổng chỉ huy nêu quyết tâm giữ ít nhất nửa tháng¹ (Võ Nguyên Giáp, Chiến đấu trong vòng vây, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1996).

Tuy nhiên, Tổng chỉ huy Võ Nguyên Giáp, Tổng tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái và các đồng chí Bí thư Khu ủy Nguyễn Văn Trân, Chỉ huy trưởng Chiến khu XI Vương Thừa Vũ đều thống nhất với nhau cố gắng giữ được một tháng hoặc lâu hơn càng tốt.

Để ngăn chặn địch dài ngày, vấn đề cần giải quyết là làm thế nào để hạn chế ưu thế về xe tăng - thiết giáp của địch trong thành phố. Kinh nghiệm đánh địch ở Sài Gòn cho biết dân đã quăng bàn, ghế, sập, tủ, giường, xe cộ, ngả cây, ngả cột điện... để làm chướng ngại vật trên đường phố, nhưng chỉ chặn

địch được một thời gian ngắn. Ta sẽ vận dụng kinh nghiệm quý này nhưng phải nghĩ thêm cách khác để có thể chặn địch lâu hơn.

Bộ Tổng Tham mưu đề nghị bước đầu nên theo cách làm trên, tức là sẽ đắp ụ đất (ba-ri-cát, sẽ gọi là chiến lũy đường phố), đóng cọc, đào hầm hố chống tăng nhiều tầng lớp kết hợp ngả cây, ngả cột điện, quăng đồ đạc ra đường.

Khi chưa nổ ra chiến tranh, địch còn được phép đi lại, ta chưa đắp chiến lũy và lập chướng ngại trên mọi đường phố nhưng cần dự kiến nơi làm và chuẩn bị sẵn đất, bao cát, cọc, dụng cụ, nhân lực, phân công cụ thể. Cây cối và cột điện thì khoan sẵn lỗ, khi tác chiến sẽ tra thuốc nổ vào để phá. Nhưng chỗ nào làm trước được vẫn cứ làm.

Vì trên các đường phố sẽ xây chiến lũy, đặt chướng ngại nên để tiện việc cơ động và liên lạc, Bộ Tổng Tham mưu đề ra cần đục thông tường nhà nọ sang nhà kia.

Một vấn đề rất quan trọng nữa được đồng chí Tổng chỉ huy nêu lên vào cuối tháng 8 năm 1946 với Bộ Tổng Tham mưu và Khu XI là cần chọn một số khu vực có thể tổ chức trụ lại đánh dài ngày. Trong tháng 9 và tháng 10, Phòng Tác chiến Bộ Tổng Tham mưu đã cùng Khu đặc biệt Hà Nội đi nghiên cứu tại thực địa một số khu vực của Hà Nội.

Sau khi Tổng tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái đi nghiên cứu với Khu trưởng Khu XI, vào cuối tháng 11 năm 1946 khu vực được chọn là khu vực bắc hồ Hoàn Kiếm, thuộc Liên khu 1, tức khu vực phố cổ của Hà Nội thuộc quận Hoàn Kiếm ngày nay. Khu vực này có điều kiện về địa hình, địa vật đáp ứng việc trụ lại đánh dài ngày trong lòng thành phố.

Đồng chí Tổng chỉ huy còn nhắc Hà Nội phải chọn những nhà cửa, kiến trúc ở các vị trí khống chế được những quãng đường hiểm yếu để đặt hỏa lực, bố trí lực lượng. Những nơi chưa bố trí lực lượng cũng cần chuẩn bị thiết bị sẵn. Đó là một trong những kinh nghiệm đánh Nhật ở Thái Nguyên hồi tháng 8 năm 1945.

Ngoài ra Bộ còn giao cho cơ quan tham mưu Hà Nội phải tìm hiểu hệ thống cống ngầm để có thể lợi dụng khi tác chiến. Đồng chí Tham mưu chủ nhiệm Hoàng Văn Khánh đã hai lần tổ chức 2 đoàn chui vào hệ thống cống với mục đích tìm đường tiếp tế và rút lui cho Liên khu 1 và sử dụng trong quá trình tác chiến nhưng không đạt được ý định đề ra.

Vấn đề mấu chốt Bộ Tổng chỉ huy yêu cầu là phải nắm cho được quyền chủ động, làm cho địch bị động. Căn cứ vào sự chỉ đạo đó, từ cuối tháng 11 năm 1946, Khu trưởng Khu XI Vương Thừa Vũ, vừa về nhận nhiệm vụ đã khẩn trương làm kế hoạch tác chiến cụ thể.

Ngày 14 tháng 12 năm 1946, kế hoạch tác chiến của Bộ chỉ huy Chiến khu XI được Bộ Tổng chỉ huy thông qua lần cuối¹ (Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, 50 năm Quân đội nhân dân Việt Nam, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995, tr.37).

Trong kế hoạch, ta phán đoán địch sẽ đem quân từ cửa Bắc của thành tiến theo đường Phan Đình Phùng, Hàng Đậu ra chiếm cầu Long Biên đồng thời với quân từ Gia Lâm đánh sang nhằm làm chủ con đường huyết mạch này. Địch cũng từ Cửa Nam của Thành Hà Nội theo đường Cột Cờ, Tràng Thi, Tràng Tiền và từ Đồn Thủy theo đường Lê Thánh Tông lên cùng với cánh quân cửa Nam ra, đánh chiếm khu Bắc Bộ Phủ, Tòa Thị chính. Địch cũng có thể từ Cửa Nam theo đường Hàng Lọng và từ Đồn Thủy theo đường Trần Hưng Đạo tiến ra nhằm nối thông với ga Hàng Cỏ và ngã tư Khâm Thiên.

Địch ở Gia Lâm cũng có thể vượt sông sang tăng viện cho Hà Nội.

Ý định tác chiến của ta là nắm quyền chủ động, dùng lực lượng Vệ quốc đoàn, Tự vệ chiến đấu Hoàng Diệu, Tự vệ Thành bất ngờ tiến công đồng loạt nhiều vị trí địch trước khi chúng tiến công ta, đặc biệt phải bất ngờ tiêu diệt ngay từ đầu các ổ chiến đấu độc lập của địch tại các khu phố, làm chúng bị động, đồng thời tích cực ngăn chặn và hạn chế sự tiến công ồ ạt, đánh nhanh thắng nhanh của chúng.

Sau ba ngày tác chiến thì:

- Cắm lại một lực lượng trong lòng thành phố ở Liên khu 1 chặn đánh dài ngày ở sau lưng địch. Các lực lượng của Liên khu 2 và Liên khu 3 kiên quyết chặn đánh địch từ trong tiến ra và lui dần, đêm luôn vào đánh du kích làm cho địch lâm vào thế trước sau đều bị ta chặn đánh phải phân tán lực lượng không thể đánh chiếm nhanh chóng thành phố.

- Phối hợp chặt chẽ các lực lượng Vệ quốc đoàn, Tự vệ chiến đấu, Tự vệ Thành, Công an xung phong, các đội cảm tử đánh tăng, các tổ du kích đặc biệt, bám sát địch chặn đánh địch khắp nơi để tiêu hao chúng làm chúng hoang mang, luôn luôn phải bị động chống đỡ.

- Vận dụng các chiến thuật đánh trong thành phố để chặn cuộc tiến công của địch, kết hợp tiến công với phòng ngự tiêu hao tiêu diệt chúng.

Căn cứ vào ý định tác chiến đó, Bộ chỉ huy Khu XI ra mệnh lệnh tác chiến cho các liên khu và các đơn vị như sau:

1. Liên khu 1:

Do đồng chí Nguyễn Hữu Mai làm Bí thư Liên khu ủy, đồng chí Lê Trung Toàn làm Phó bí thư, kiêm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến, đồng chí Hoàng Siêu Hải làm ủy viên quân sự. Lực lượng có 2 tiểu đoàn Vệ quốc quân (145, 101), 5 đội quyết tử đánh tăng, một số tổ du kích đặc biệt, 1 đại đội Tự vệ chiến đấu cứu quốc Hoàng Diệu, 7 đội Tự vệ Thành của 7 khu hành chính, 1 trung đội Công an xung phong, có nhiệm vụ:

a) Tiểu đoàn 101 sử dụng một đại đội Vệ quốc đoàn, một trung đội Tự vệ chiến đấu chặn đánh địch quyết liệt bảo vệ Bắc Bộ Phủ, Nhà Hát Lớn, Tòa Thị chính, nhà Bưu điện, gây cho địch tổn thất lớn. Nếu cuối cùng không giữ nổi thì phá các nơi này và rút vào Liên khu 1 giữ dài ngày; phải đánh một trận quyết liệt ở Bắc Bộ Phủ không cho địch chiếm dễ dàng nơi này.

b) Tiểu đoàn 145: Cùng đội công nhân xung phong tiêu diệt địch và phá triệt để nhà máy điện, nhà máy nước, cầu Long Biên... cùng tự vệ tiêu diệt các ổ chiến đấu độc lập của địch.

Chủ lực của tiểu đoàn tiến công kiên quyết tiêu diệt bằng được địch ở trường Bưởi, sau đó cấp tốc chuyển sang tiến công Phủ Toàn quyền.

c) 5 đội quyết tử đánh tăng phục sẵn ở một số đường trong liên khu mà xe tăng địch có thể đi qua được. Khi gặp tăng kiên quyết phá cho bằng được.

2. Liên khu 2:

Do đồng chí Nguyễn Văn Đào làm Bí thư Liên khu ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến, đồng chí Trần Vĩ làm ủy viên quân sự. Lực lượng có 2 tiểu đoàn Vệ quốc quân (77, 212), 4 đội quyết tử đánh tăng, một số trung đội công an xung phong, có nhiệm vụ:

a) Tiểu đoàn 77 được tăng cường một đại đội của tiểu đoàn 56 Hà Đông chiến đấu bảo vệ trại Vệ quốc đoàn trung ương, Bộ Quốc phòng, Ty Liêm phóng, nhà pha Hỏa Lò, tiêu diệt địch ở nhà dầu Shell Khâm Thiên, cùng tự vệ diệt các ổ chiến đấu độc lập của địch.

Chủ lực của tiểu đoàn chặn đánh địch từ Đồn Thủy tiến sang ga Hàng Cỏ (theo đường Trần Hưng Đạo) gặp quân trong Thành đánh xuống.

b) Tiểu đoàn 212 tập trung lực lượng tiến công tiêu diệt địch ở Đồn Thủy, ở Stai-quai (Phà Đen), ở Viện Pa-xơ, một bộ phận bố trí ở trường Đại học Dược (phố Lê Thánh Tông) đánh địch từ Đồn Thủy lên Bắc Bộ Phủ, xong cấp tốc về làm lực lượng dự bị ở khu vực trường mồ côi, Lò Lợn, Ô Cầu Dền.

c) 4 đội quyết tử đánh tăng phục sẵn ở một số đường trong liên khu để kiên quyết đánh tăng đi qua.

3. Liên khu 3:

Do đồng chí Đỗ Trình làm Bí thư Liên khu ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến, đồng chí An Giao, tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 523 làm ủy viên quân sự. Lực lượng có một tiểu đoàn Vệ quốc quân (523), 4 đội quyết tử đánh tăng, một số tổ du kích đặc biệt, 5 đội tự vệ Thành của 5 khu hành chính. Trong đó:

a) Tiểu đoàn 523 cùng các đội quyết tử đánh tăng và đội tự vệ chiến đấu chặn các ngã đầu phố Hàng Bột, Cửa Nam, nhà Đức Tiền, ngã tư Khâm Thiên, đánh các đoàn xe địch tiến công, tiêu diệt địch ở nhà ga, nhà Đê-lê-vô, cùng lực lượng tự vệ tiêu diệt các ổ chiến đấu độc lập của địch.

b) 4 đội quyết tử chống tăng phục sẵn ở một số đường đê kiên quyết diệt tăng.

4. Đội Tự vệ chiến đấu Hoàng Diệu:

Do đồng chí Nguyễn Anh Bảo chỉ huy. Trừ 1 đại đội đã giao cho Liên khu 1. Còn 5 trung đội được giao nhiệm vụ như sau:

a) Trung đội Ký Con bảo vệ khu Đấu Xảo thuộc Liên khu 2.

b) Trung đội Phó Đức Chính bảo vệ Đài phát thanh Bạch Mai và giúp xây dựng khu căn cứ Bạch Mai thuộc Liên khu 2.

c) Trung đội Trần Quốc Toàn tách một tiểu đội tăng cường cho trung đội Vệ

quốc đoàn của Tiểu đoàn 101 bảo vệ Nhà Hát Lớn. Còn chủ lực đánh địch tiến từ Thành ra Cửa Nam, Tràng Thi, Tràng Tiền, xong sẽ phối thuộc cho Liên khu 2.

d) Trung đội Tô Hiệu đánh diệt địch ở nhà Lơ-mét, chặn đánh địch từ Cột Cờ đến.

đ) Trung đội Hà Huy Tập giao cho Liên khu 3 chủ yếu đánh địch trên đường Khâm Thiên.

5. Tự vệ Thành:

Phối hợp với Vệ quốc đoàn và Tự vệ chiến đấu đánh các vị trí địch trong từng tiểu khu, diệt các ổ tác chiến độc lập, phá hoại một số nhà máy, cắt dây điện thoại, đặc biệt là tiếp tục đập ụ, chiến lũy, xây công sự, đào đường, ngả cây, ngả cột điện, thiết lập chướng ngại đường phố, phá các đường sá ra ngoài thành, tổ chức cho dân tản cư, tổ chức đội trừ gian, diệt thổ phỉ, tổ chức tiếp tế, tải thương.

6. 36 tổ du kích đặc biệt:

Bố trí ở các ngã ba, ngã tư, các khu vực gần nơi địch đóng, các điểm địch hay đi lại để quấy rối, bắn tỉa, phục kích nhằm tiêu hao địch làm chúng hoang mang không dám đi lòng sục ta.

Trong mệnh lệnh của Bộ chỉ huy Khu có hướng dẫn khi tiến công phải vận dụng tập kích, phục kích, quấy rối, đánh địa lôi, khi phòng ngự phải giữ từng nhà, từng đường phố, liên hoàn hỗ trợ để cơ động đánh địch, tránh mạnh đánh yếu, làm công sự lợi dụng địa hình địa vật để chặn địch. Nếu bị vây thì

tập trung lực lượng đột phá một mặt, một gọng kìm mà thoát. Rút lui phải có tổ chức, phân lực, phân đoạn mà rút, rút xong đánh vào sau lưng địch.

Trong những ngày chưa nổ súng, tổ chức nghi binh: sáng đưa quân từ ngoại thành và Hà Đông vào, tối bí mật đưa ra làm địch không phán đoán được ta.

Phải tuyệt đối giữ bí mật, bắt ngay bọn Việt gian, thổ phỉ.

Về thông tin liên lạc, Khu XI liên lạc với Liên khu 1 bằng vô tuyến điện, với Liên khu 2, Liên khu 3 và các tiểu đoàn của 2 liên khu này bằng điện thoại và thông tin vận động.

Sở chỉ huy mặt trận bố trí từ Ngã Tư Vọng đến sân bay Bạch Mai.

Chuẩn bị lương thực - thực phẩm cho 2 tháng. Riêng Liên khu 1 chuẩn bị dài hơn.

Tổ chức các đội tải thương, hệ thống trạm cứu thương và trạm quân y tiền phương, trạm thu dung, trạm tiếp thu nhận lương thực đạn dược, trạm sửa chữa súng đạn.

In ấn truyền đơn, báo chí, làm công tác dân vận, Hoa vận, địch vận.

Lệnh nổ súng: Phá nhà máy điện, đèn tắt toàn thành phố là báo động, 4 pháo đài cùng bắn vào thành là nổ súng. Vì pháo có thể không bảo đảm bắn kịp thời nên lấy tín hiệu tắt đèn là chủ yếu.

Mọi công tác chuẩn bị xong vào ngày 18 tháng 12 năm 1946.

Trong khi Chính phủ ta chủ trương giữ gìn hòa bình, quân Pháp không ngừng khiêu khích và gây chiến với quân dân ta. Cuộc chiến tranh từ Nam Bộ cuối năm 1945 đã lan rộng ở nhiều nơi, từ Nam ra Bắc. Là một thành phố có cảng biển quan trọng của miền bắc, Hải Phòng chỉ cách Hà Nội hơn 100km, giao thông đường bộ, đường sắt đều rất thuận lợi. Những diễn biến phức tạp do quân Pháp gây ra tại đây đều lập tức lan truyền về Hà Nội. Tiếp theo những hành động ngang ngược của chúng trước đây, sáng ngày 20 tháng 11 năm 1946 Va-luy, Tổng chỉ huy quân Pháp ở Đông Dương ra lệnh: “Thiết lập quyền kiểm soát thuế quan tại cảng Hải Phòng”. Công an và nhân viên thuế quan của ta tại đây đang làm nhiệm vụ đã bị quân Pháp xả súng, làm chết ba người. Sự phẫn nộ của quân dân Hải Phòng đã tới đỉnh điểm. 20 giờ 30 phút cùng ngày, cuộc kháng chiến chống Pháp của quân và dân Hải Phòng đã bùng nổ.

Trước hành động dã man của quân Pháp tại Hải Phòng, quân và dân Hà Nội vô cùng căm phẫn. Nhiều cuộc mít tinh, hội họp, nhiều bài báo lên án hành động của chúng và kêu gọi ủng hộ quân dân Hải Phòng kháng chiến. 9 giờ sáng ngày 24 tháng 11, một đoàn đại biểu Ủy ban hành chính thành phố và Tự vệ Hà Nội đã xuống thăm hỏi và tặng quà cán bộ, chiến sĩ mặt trận Hải Phòng tại chiến lũy khu vực Lạc Viên. Tấm lòng của đồng bào, đồng chí Thủ đô càng cổ vũ tinh thần chiến đấu của quân dân Hải Phòng, quyết tâm giáng cho địch những đòn đích đáng¹ (Quận Ngô Quyền - Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, Ban chỉ huy quân sự Ngô Quyền xuất bản, 1989, tr.73).

Tại Hà Nội nhiều công tác chuẩn bị cho kháng chiến càng được thực hiện khẩn trương hơn.

Việc bảo vệ cơ quan đầu não của Đảng và Nhà nước được tiến hành sớm và trong điều kiện rất khó khăn phức tạp, nhiều kẻ thù âm mưu đánh đổ chế độ mới. Quân Tưởng đến với ý đồ “diệt Cộng cầm Hồ”. Quân Pháp vào với âm mưu “kết thúc bằng một màn đảo chính”. Việt quốc, Việt cách đều có lực lượng vũ trang riêng cũng muốn đảo chính để giành chính quyền. Bọn tay sai của Pháp muốn giúp chủ cũ lật đổ chính phủ cách mạng.

Ta chỉ sử dụng một tiểu đoàn Giải phóng quân ở Việt Bắc về để bảo vệ Bắc Bộ Phủ nơi làm việc của Bác, bảo vệ cơ quan Bộ Quốc phòng, cơ quan Bộ Tổng Tham mưu. Việc bảo vệ các cơ quan khác ở Hà Nội giao cho Đội Tự vệ chiến đấu cứu quốc Hoàng Diệu vừa được thành lập. Lực lượng bảo vệ của ta rất yếu và rất mỏng. Khi một bộ phận Vệ quốc đoàn phải rút ra ngoài thành để tránh xung đột với quân Tưởng, thì việc bảo vệ các cơ quan chủ yếu do Đội Tự vệ chiến đấu cứu quốc Hoàng Diệu đảm nhiệm, cho nên lực lượng càng yếu và mỏng hơn. Thế nhưng ta đã làm tốt việc này.

Việc bảo vệ lãnh tụ rất được coi trọng. Bộ đội, tự vệ chiến đấu cùng công an Hà Nội được giao làm nhiệm vụ này. Đồng chí Trần Việt Hùng, Khu phó Khu XI được phân công chuyên trách công tác này. Theo yêu cầu của trên, Khu ủy và Bộ chỉ huy Khu XI đã giới thiệu nhiều đồng chí tin cậy để tăng cường vào lực lượng bảo vệ Bác. Trong đó, các đồng chí Nguyễn Chương và Tạ Quang Chiến, thuộc Đội Tự vệ chiến đấu Hoàng Diệu được chọn làm vệ sĩ bảo vệ Bác Hồ. Nhiều đồng chí tốt trong công nhân, tự vệ được tăng cường cho đại đội 1 tiểu đoàn 101 bảo vệ Bắc Bộ Phủ. Tuy Bác có một nơi ở công khai ở số 8 Lê Thái Tổ nhưng nơi nghỉ tối của Bác lại được chọn ở nhiều nơi. Trong đó có một cơ sở bí mật, gần cầu Mới (Ngã Tư Sở), thường gọi là biệt thự Cây Liễu, bốn người tin cần được đồng chí Trần Việt Hùng, Chỉ huy phó Chiến khu XI, trực tiếp chọn lựa để bảo vệ nơi này. Một cơ sở khác cạnh đền La Thành thuộc khu vực Cống Vị, do đồng chí Nguyễn Lương Bằng¹ (Thời

gian này Thường vụ Trung ương giao cho đồng chí Nguyễn Lương Bằng và đồng chí Trần Đăng Ninh phụ trách công tác bảo vệ Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh) lựa chọn, Bác cũng thường bí mật về làm việc và nghỉ đêm. Vị trí này được giao cho các đồng chí Lê Thủ, Nguyễn Thế Mỹ, Đặng Văn Mỹ và Trần Minh Trung thuộc Đội Tự vệ chiến đấu Hoàng Diệu bảo vệ.

Khi thấy chiến tranh khó tránh khỏi, vấn đề chọn các ATK (an toàn khu) để kịp thời di chuyển các cơ quan lãnh đạo là rất cần thiết. Sau khi ở Pháp về, Bác giao việc này cho đồng chí Trần Đăng Ninh, Ủy viên Trung ương Đảng phụ trách. Đồng chí Trần Đăng Ninh đã lấy một số cán bộ của Hà Nội và Bộ Tổng Tham mưu tổ chức thành nhiều tổ “công tác đội” đi tìm ATK trong phạm vi các huyện Hoài Đức, Thanh Trì, Chương Mỹ của tỉnh Hà Đông, các huyện Quốc Oai, Thạch Thất của tỉnh Sơn Tây. Một số đội được phái lên tìm các ATK ở Việt Bắc. ATK của Trung ương và của Hà Nội được khoanh riêng. Các tổ “công tác đội” theo sự giới thiệu của các tỉnh ủy, huyện ủy nói trên tìm đến các thôn xóm có cơ sở mạnh, phân chia từng, nhà cho từng bộ phận cơ quan đóng. Đồng chí Trần Đăng Ninh trực tiếp tìm ATK cho Thường vụ và Bác ở. Các làng Vạn Phúc, Đại Mỗ, Tây Mỗ, Chúc Sơn, Chùa Thầy và nhiều thôn xóm khác được chọn.

Khi tình hình trở nên căng thẳng, các bộ trưởng, thứ trưởng đã được Ủy ban kháng chiến Hà Nội tổ chức chuyển ra vùng Thái Hà Ấp, Hoàn Long.

Trước khi kháng chiến bùng nổ, toàn bộ các cơ quan đảng, quân, dân, chính của Trung ương và của Hà Nội, các lãnh tụ đều đã bí mật di chuyển đến các ATK. Những cơ quan không liên quan đến việc chỉ đạo kháng chiến ở Hà Nội thì chuyển lên Bắc Cạn, Tuyên Quang.

Bác, Thường vụ Trung ương Đảng, Bộ Tổng chỉ huy, Bộ Tổng Tham mưu đã

luân chuyển đến các khu ATK trong vành đai cách Hà Nội từ 10 đến 25km để trực tiếp chỉ đạo Hà Nội kháng chiến trong hơn 2 tháng rồi mới chuyển lên Việt Bắc.

Ngày 5 tháng 12 năm 1946 cơ quan Bộ Tổng Tham mưu cũng bắt đầu di chuyển từ số nhà 16 phố Nguyễn Du ra Thái Hà Ấp.

Bản thân các cơ quan của Hà Nội cũng di chuyển đến các ATK trong vành đai gần hơn để lãnh đạo và chỉ huy Hà Nội tác chiến.

Quân địch tìm mọi cách phát hiện cơ quan đầu não của ta để oanh tạc hoặc đem quân tiến công. Nhưng dựa vào dân, ta đã bảo vệ an toàn các cơ quan đầu não bảo vệ được các lãnh tụ nên đã duy trì được sự lãnh đạo chỉ huy liên tục kịp thời.

Hà Nội đã góp phần quan trọng vào việc bảo vệ các cơ quan đầu não của Đảng và Chính phủ, tuy việc này chủ yếu do Bộ và Trung ương đảm nhiệm.

Nhiệm vụ động viên toàn dân Hà Nội sẵn sàng tham gia kháng chiến được Trung ương và Thành ủy Hà Nội hết sức chú ý. Chúng ta rất coi trọng động viên lòng yêu nước, luôn kịp thời vạch bộ mặt xâm lược của kẻ thù, giáo dục ý thức quốc phòng, tinh thần cách mạng cho toàn thể nhân dân Hà Nội.

Trước những hành động khiêu khích ngày càng tăng của bọn thực dân, Hà Nội sôi sục căm thù. Nhưng để kéo dài thời gian hòa hoãn, tránh hành vi manh động để chuẩn bị được tốt hơn, Thành ủy đã chỉ dẫn cho dân phải bình tĩnh, phải nín nhịn chờ lệnh Chính phủ. Kế hoạch chiến đấu được các khu phố thực hiện rất khẩn trương. Nhiều người hăng hái tham gia xây dựng chiến lũy. Đồng bào ngoài việc đóng góp dụng cụ: cuốc, xẻng, xà beng, cọc

sắt, đắp lũy, đào hào, còn tích cực lập những đội cứu thương, hoả thực và dự trữ lương thực để chiến đấu. Bộ mặt thành phố thay đổi từng ngày. Những đường phố xinh đẹp trở thành thành lũy. Tự vệ, thanh niên các khu phố tích cực dựng cọc sắt, đào chiến hào, khoét lỗ ở những thân cây chuẩn bị đặt mìn. Quân Pháp không biết rằng chính những hành động gây hấn của chúng đã thúc đẩy công tác chuẩn bị chiến đấu tại Hà Nội được thực hiện khẩn trương hơn.

Sau khi địch gây chiến đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn vào ngày 20 tháng 11 năm 1946 thì ngày 21 tháng 11 năm 1946 báo chí Hà Nội đã đăng lời kêu gọi của Đảng Cộng sản (với danh nghĩa Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác) như sau:

“... Hỡi toàn quốc đồng bào! Những hành động của Pháp xâm phạm chủ quyền Việt Nam rất có thể lan rộng. Tình thế vô cùng nghiêm trọng. Hãy sẵn sàng chiến đấu để tự vệ bất cứ nơi nào và chỗ nào! Mỗi người dân Việt Nam lúc này phải hăng hái gánh nhiệm vụ thiêng liêng: bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc. Đoàn kết, phấn đấu, chúng ta nhất định sẽ thắng”¹ (Văn kiện Đảng toàn tập, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.149).

Ngày 8 tháng 12, với danh nghĩa Thành bộ Việt Minh, Khu ủy Khu XI chính thức kêu gọi nhân dân Thủ đô sẵn sàng chiến đấu cao độ.

Khu ủy XI và Ủy ban bảo vệ các cấp của Hà Nội sớm coi trọng tổ chức việc tản cư dân để bảo vệ tính mạng tài sản của dân. Rút kinh nghiệm trong chiến tranh thế giới lần thứ hai, một số nước không tổ chức tốt việc tản cư cho dân tại các đô thị lớn nên khi mặt trận lan tới, tình trạng tản cư lộn xộn của dân đã cản trở hành động phòng thủ của quân đội, vì thế Khu ủy phân công một khu ủy viên, đồng chí Tạ Hoàng Cơ tổ chức, chỉ đạo việc tản cư. Ủy ban tản cư các cấp được thành lập trong chính quyền các cấp. Kế hoạch tản cư của Ủy

ban bảo vệ và Bộ chỉ huy Chiến khu XI dự kiến dân tại khu vực Liên khu 1 sẽ rút theo đường Phúc Xá lên Nhật Tân, Chèm, Vẽ; dân tại Liên khu 2 sẽ rút theo đường Bạch Mai, Quỳnh Lôi, Văn Điển; dân tại Liên khu 3 sẽ rút ra theo đường Ô Chợ Dừa, Ngã Tư sở. Nhân dân tản cư về đâu sẽ được các ủy ban các xã sở tại tiếp đón, bố trí nơi ăn, ở chu đáo. Những người ở lại đều phải đăng ký tên để khi chiến tranh xảy ra có thể tham gia chiến đấu hoặc phục vụ chiến đấu.

Bác Hồ và Thường vụ rất chú ý chỉ đạo việc tản cư. Bác gửi thư cho đồng bào tản cư, trong đó nói: “Tản cư là yêu nước”, “Tản cư cũng là kháng chiến”. Người kêu gọi đồng bào các địa phương hết sức giúp đỡ đồng bào tản cư. ““Nhiều điều phải lấy giá gương, Người trong một nước phải thương nhau cùng”. Bác và Thường vụ Trung ương nhắc nhở phải chú ý việc tổ chức tản cư cho các nhân sĩ, trí thức, văn nghệ sĩ. Thường vụ giao cho Hà Nội danh sách các vị cần phải giúp đỡ tản cư. Với lòng yêu nước được nâng lên, lại được sự giúp đỡ của tổ chức, tuyệt đại bộ phận các vị đã ra vùng hậu phương căn cứ địa.

Khó khăn nhất là việc động viên nhân dân đi tản cư. Ta có thể vận động những người già và trẻ em đi tản cư trước. Nhưng đối với các người đang buôn bán, nhất là buôn bán lớn và gia đình khá giả, không phải họ dễ dàng bỏ lại toàn bộ gia sản để tản cư. Ngoài ra, còn có đông đảo nhân dân lao động làm thuê gánh mướn, kiếm ăn hàng ngày, chưa thể tản cư ngay. Ta cần tổ chức họ lại để khi nổ súng thì đưa họ ra.

Nhiệm vụ di chuyển các kho tàng nhà máy, nguyên vật liệu được làm sớm hơn, từ tháng 8 năm 1946. Sau khi về nước, Bác giao việc này cho đồng chí Nguyễn Lương Bằng chỉ đạo. Bác và Thường vụ chỉ thị phải chuẩn bị gạo muối, thuốc men, vải vóc, đưa máy móc, nguyên vật liệu, nhà in, đài phát thanh, kho bạc... ra ATK. Gạo phải chuẩn bị ở nông thôn. Muối phải đưa từ biển lên. Còn các thứ khác thì đưa từ thành phố, thị xã, đặc biệt đưa từ Hà Nội ra.

Đồng chí Nguyễn Lương Bằng đã chỉ đạo Hà Nội tổ chức di chuyển hàng nghìn tấn máy móc, nguyên vật liệu, các thiết bị chủ yếu của các xưởng A-vi-a (Aviat), Boa-lô (Boillot)... về Chi Nê và sau đó đưa tiếp lên Việt Bắc.

Chi bộ nhà máy xe lửa Gia Lâm lãnh đạo công nhân đưa hàng trăm loại máy móc và nhiều tấn sắt thép vật liệu khác lên Phú Thọ, Yên Bái. Các thiết bị của xưởng làm thuốc nổ ở Đông Anh được chở lên Tuyên Quang, Bắc Cạn.

Có thể nói, các xưởng quân giới được hình thành ở Việt Bắc sau này có phần đóng góp quan trọng của Hà Nội cả về máy móc, con người và nguyên vật liệu.

Nhà máy in báo Đảng và nhiều nhà in khác được đưa vào căn cứ địa kịp thời. Kho bạc và nhà in giấy bạc tài chính được chuyển ra Chi Nê, sau đó đưa lên Việt Bắc. Đài tiếng nói Việt Nam ở Bạch Mai, được chuyển một bộ phận ra Chùa Trầm, một bộ phận lên Bắc Cạn. Bộ phận ra Chùa Trầm sau cũng đưa lên Bắc Cạn. Trường Đại học Y - Dược di chuyển lên chiến khu với đầy đủ thiết bị, tài liệu, sinh viên và thầy giáo. Một số bệnh viện, quân y viện, trạm xá được đưa về Vân Đình, Cự Đà, Khúc Thủy.

Bác Hồ và cơ quan Trung ương lúc đầu di chuyển đến khu vực ngã tư Canh (từ ngày 26 tháng 11 đến ngày 2 tháng 12 năm 1946), sau chuyển đến Vạn Phúc (từ ngày 3 tháng 12 đến ngày 19 tháng 12 năm 1946). Từ bên ngoài, Người chăm chú theo dõi và chỉ đạo công cuộc chuẩn bị kháng chiến của cả nước, đặc biệt là những diễn biến mới ở Thủ đô.

Sau này, khoảng tháng 5 năm 1947, toàn bộ cơ quan trung ương của đảng,

quân, dân, chính đã lên đến Tuyên Quang, Thái Nguyên, Bắc Cạn. Thủ đô đã chuyển lên Việt Bắc.

Hà Nội đã góp phần hết sức quan trọng vào việc “thiên đô”. Đó là một thắng lợi hết sức to lớn.

Từ đầu tháng 12 năm 1946 công tác chuẩn bị tác chiến của Hà Nội được tiến hành gấp rút hơn.

Tại cơ quan Khu ủy và Bộ chỉ huy Chiến khu XI, công việc hết sức khẩn trương. Đồng chí Trần Quốc Hoàn, phái viên của Trung ương bên cạnh Khu ủy XI mỗi lần đi họp trên về phổ biến nghị quyết ngay. Đồng chí Nguyễn Văn Trân, Bí thư Khu ủy phân công Đảng ủy xong tự mình đi kiểm tra và chỉ đạo cụ thể. Đồng chí Vương Thừa Vũ triệu tập các liên khu, các đơn vị khẩn trương thực hiện về mặt quân sự. Mọi việc tiến hành khẩn trương. Hình ảnh Chỉ huy trưởng Vương Thừa Vũ đầu húi cua, da ngăm đen, đôi mắt suy tư, sinh hoạt nghiêm túc, chỉ huy quyết đoán, nhưng rất dân chủ, lắng nghe ý kiến cấp dưới, suốt ngày lẫn lộn ở các mặt trận trong thành phố về đến sở chỉ huy lại cặm cụi vào tấm bản đồ bày binh bố trận còn in trong ký ức của nhiều người.

Do thực tế chiến đấu, cán bộ chỉ huy và lãnh đạo các địa bàn được điều chỉnh lại. Ta rút bớt lực lượng đã phân công ra gác ở các nơi, để tăng cường lực lượng tập trung, nhưng lực lượng này vẫn ít quá. 5 tiểu đoàn Vệ quốc đoàn vẫn còn phải bố trí canh gác rải rác ở 65 địa điểm, phần lớn là từ một nửa tiểu đội đến một trung đội. Chỉ có vài nơi như Bắc Bộ Phủ có 1 đại đội, ở Quân Ngựa có 2 đại đội. Các đơn vị tự vệ chiến đấu cũng ở tình trạng tương tự. Các đội tự vệ chiến đấu được bố trí về các khu phố. Việc bố trí cán bộ Vệ quốc đoàn và Tự vệ chiến đấu về các khu phố có tác dụng thiết thực giúp các đơn vị tự vệ xí nghiệp, Tự vệ Thành xây dựng kế hoạch và phương án tác chiến ở các khu phố.

Trước khi nổ súng mấy ngày, theo chỉ thị của Bộ, Trung đoàn 13 Hà Đông thuộc Chiến khu II đã đưa 3 đại đội 1, 3, 5 của tiểu đoàn 56 vào tăng cường cho Hà Nội. Bộ chỉ huy Chiến khu đã bổ sung cho một số nơi xung yếu nhưng lực lượng của ta còn mỏng. Đại đội 1 do đồng chí Nguyễn Thế Mộn làm đại đội trưởng, tăng cường cho tiểu đoàn 145 bố trí đánh địch ở Ngọc Hà - Đội Cấn, có nhiệm vụ tiến công nhà máy bia Ô-men (tức công ty bia Hà Nội, trên đường Hoàng Hoa Thám ngày nay) và đánh địch nong ra đường Đội Cấn. Đại đội 3 do đồng chí Nguyễn Công Tâm làm đại đội trưởng, tăng cường cho tiểu đoàn 523, bố trí ở phố Khâm Thiên, tham gia đánh địch ở nhà ga Hàng Cỏ và nhà dầu Shell Khâm Thiên. Đại đội 5 do đồng chí Nguyễn Mẫn làm đại đội trưởng tăng cường cho tiểu đoàn 212 bố trí ở ngã tư Ô Cầu Dền, sẵn sàng đánh địch nong ra phía nam.

Cơ quan tham mưu Bộ chỉ huy Chiến khu XI, các ban chỉ huy tiểu đoàn, đại đội Vệ quốc đoàn, tự vệ đi đến từng khu vực, từng nhà hướng dẫn bộ đội và tự vệ cách bố trí lực lượng, cách tập kích địch bất ngờ, cách chiến đấu phòng ngự từng nhà, từng đường phố, nơi xây dựng công sự, nơi đắp chiến lũy, nơi đào hầm đào hố, đào giao thông hào, nơi bố trí hỏa lực. Trong kế hoạch tác chiến, Liên khu 1 phải làm nhiệm vụ cố thủ chiến đấu độc lập dài ngày trong vòng vây địch, vì vậy Bộ chỉ huy Khu XI đã tổ chức đảm bảo cho Liên khu 1 khá lớn lượng dự trữ của mình gồm hàng chục tấn lương thực thực phẩm, 1 vạn viên đạn, 500 quả lựu đạn, 100 chai xăng cơ-rếp, 1 máy vô tuyến thu phát. Khối lượng này tương đương với một nửa lượng dự trữ của toàn bộ Mặt trận Hà Nội.

Ủy ban kháng chiến Khu XI cử đồng chí Trần Quốc Cư làm trưởng ban phá hoại của khu. Một tiểu đoàn công binh được xây dựng do đồng chí Lê Khắc làm tiểu đoàn trưởng để đảm nhiệm việc phá hoại, phối hợp cùng trung đoàn công binh của Bộ do đồng chí Hoàng Đạo Thụ làm trung đoàn trưởng. Một kế hoạch phá hoại khá cụ thể được xác định sẵn để khi có lệnh là thực hiện. Ngày 9 tháng 12 năm 1946, sau khi có chỉ thị phá hoại của Bộ Tổng Tham mưu, công tác phá hoại được triển khai khá tích cực.

Các trục đường ra ngoại ô bắt đầu đắp ụ đất chữ chi nhiều tầng nhưng vẫn để xe qua lại. Riêng đối với trục đường Hàng Bột, đường di chuyển của cơ quan Trung ương mãi đến ngày 19 tháng 12, đồng chí Nguyễn Văn Trân mới lệnh cho đắp ụ ở đầu đường và đắp ở ngã tư Khâm Thiên.

Trên khu vực dự kiến sẽ trụ lại dài ngày ở Liên khu 1, ụ đất được đắp chặn ngang các phố quân Pháp không qua lại hay ít qua lại và đắp ụ chữ chi ở những phố quân Pháp còn qua lại.

Tự vệ và nhân dân các khu dùng xe tay kéo, xe bò, xe ô tô chở đất cát, hoặc bao đất, bao cát xếp sẵn ở nhiều hè phố.

Công nhân xe lửa, xe điện chuẩn bị sẵn các toa đổ đầy đá để khi nổ súng thì đẩy đến chặn ngang đường.

Trong nhiều nhà, ở vị trí hiểm yếu đã đục lỗ châu mai, đào hố chiến đấu. Ở nhiều ban công cũng xếp bao cát để có thể đặt súng bắn dọc đường phố.

Nhiều cây cối được cưa dỡ hoặc đục lỗ sẵn, khi tác chiến có thể ngã được ngay để chặn đường. Tủ, bàn, ghế được khiêng ra vỉa hè. Tường của nhiều nhà được đục thông từ nhà nọ sang nhà kia, nhất là ở Liên khu 1.

Các tổ phá hoại công nhân đã có kế hoạch và chuẩn bị thuốc nổ, bom để phá nhà máy điện, nhà máy nước, nhà ga, cầu Long Biên, các kho tàng, nhà máy do Pháp làm chủ, đài phát thanh Bạch Mai. Để phá cầu Long Biên, trước đây quân Pháp đã khoét rộng trụ cầu số 10 và số 15 để đặt bom sẵn sàng phá cầu khi quân Nhật tiến vào xâm lược Đông Dương. Tận dụng sự chuẩn bị đó của

quân Pháp, tự vệ khu Phúc Xá đã nghiên cứu chuyển một quả bom nặng 100kg vào trụ số 10, sẵn sàng phá cầu khi có lệnh. Quả bom được một xưởng quân giới của ta tại số 1 Hàng Đậu nghiên cứu chế tạo. Đồng chí Quýnh và Phạm Lê Ninh, công nhân xưởng quân giới tham gia vận chuyển và sẵn sàng trực tiếp đánh bom¹ (Chiến đấu bảo vệ chính quyền cách mạng, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005, tr.85, 86. Trích tư liệu của đồng chí Minh Tiến, nguyên Thứ trưởng Bộ Công an. Đồng chí Phạm Lê Ninh sau này là Cục phó Cục Cảnh vệ Bộ Công an).

Vệ quốc đoàn cũng chuẩn bị sẵn phương tiện để phá các dinh thự, công sở ở các đường Trần Hưng Đạo, Lý Thường Kiệt, Hai Bà Trưng, Hàng Bài và trục Cửa Nam, Tràng Thi, Tràng Tiền do đường rộng, ít dân nên việc đắp ụ chưa làm được nhiều.

Ở Cửa Nam ta đào sẵn một đường ngầm chôn bom để đánh xe địch tiến về Bắc Bộ Phủ. Từ Bắc Bộ Phủ sang khách sạn Mê-tơ-rô-pôn, từ trại Vệ quốc đoàn trung ương sang rạp Ma-giét-xtíc ta đều bí mật đào đường hầm đặt bom sẵn để khi có lệnh là cho nổ bom, nhưng đào ra đến đường thì gặp cống chặn ngang không đào tiếp được. Từ trại Vệ quốc đoàn trung ương sang nhà Vĩnh Thụy (51 Trần Hưng Đạo), ta đào một đường giao thông ngầm nhưng không đào được.

Địch lòng lộn. Chúng đòi ta phải phá các ụ đất và cho xe ra húc đổ nhiều ụ. Nhưng ngày địch phá, đêm ta đắp lại. Các bệnh viện được chuyển ra Văn Điển, Cự Đà, Khúc Thủy. Điện thoại được mắc từ sở chỉ huy Khu XI đến các sở chỉ huy Liên khu 2, Liên khu 3 và các tiểu đoàn. Đó là một số máy ta thu nhặt được. Hà Nội chỉ có hai máy vô tuyến điện do tìm kiếm, gom góp một số linh kiện cũ lắp lại, đặt ở Sở chỉ huy Chiến khu và Liên khu 1.

Nhân dân và bộ đội đã dự trữ lương thực, thực phẩm. Các đội tiếp tế đội cứu

thương, đội tuyên truyền được tổ chức gấp. Ủy ban tản cư hoạt động ráo riết vận động đồng bào đi tản cư. Cơ quan các cấp bí mật rút ra các ATK.

Tự vệ các tiểu khu đã kịp thời bắt giữ và đưa ra ngoài thành phố hàng trăm tên mật thám, Việt gian, phản động các loại tay sai của địch.

Công tác động viên tinh thần được tiến hành mạnh mẽ. Các đội quyết tử quân làm lễ tuyên thệ. Công tác chính trị ở các đơn vị bộ đội, tự vệ, công an và cả với dân, với các đoàn thể quần chúng được tiến hành mạnh mẽ nhằm khơi sâu lòng căm thù giặc và ý chí “thà chết không chịu làm nô lệ”, “thà chết vinh còn hơn sống nhục”, cả Hà Nội sôi sục căm thù, Ủy ban kháng chiến kêu gọi đồng bào phải bình tĩnh, nín nhịn, chờ lệnh.

Ngày 16 tháng 12 năm 1946 tại nơi di chuyển của Bộ chỉ huy Mặt trận Hà Nội ở Mọc Quan Nhân, gần Ngã Tư Sở, Tổng chỉ huy Võ Nguyên Giáp và Tổng tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái, đã đến kiểm tra và trực tiếp nghe Bộ chỉ huy Mặt trận báo cáo toàn bộ công tác chuẩn bị tác chiến. Sau khi nghe báo cáo, đồng chí Tổng chỉ huy đã căn dặn Bộ chỉ huy Mặt trận:

“... Phải hết sức tỉnh táo, hết sức kỷ luật đề phòng sự khiêu khích, nếu quân Pháp trở mặt đánh ta thì chiến đấu phải hết sức kiên cường. Vận dụng chiến thuật phải hết sức linh hoạt nhưng phải bảo tồn lực lượng...”¹ (Thủ đô Hà Nội - Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp, Nxb Hà Nội, 1986, tr.116).

Đồng chí Tổng chỉ huy đã cùng Bộ chỉ huy Mặt trận đến kiểm tra pháo đài Láng, thăm hỏi động viên các pháo thủ. Sau đó các đồng chí trong Đảng ủy, Bộ chỉ huy Mặt trận và Ủy ban bảo vệ thành phố tiếp tục chia nhau đi kiểm tra một số nơi để động viên nhân dân, bộ đội, tự vệ, công an xung phong chuẩn bị chiến đấu.

Cùng ngày, bọn trùm thực dân Pháp ở Đông Dương gồm: Đắc-giăng-li-e, Va-luy, Moóc-li-e, Xanh-tơ-ny... hội họp với nhau ở Hải Phòng để bàn tính việc đánh chiếm Thủ đô Hà Nội.

Sáng ngày 17 tháng 12 năm 1946, từ 7 giờ đến 12 giờ, máy bay thám thính của địch bay lượn, quần đảo trên bầu trời thành phố. Trong khi đó, theo lệnh của Moóc-li-e và Xanh-tơ-ny, quân Pháp đã cho xe húc đến phá ụ đất của tự vệ phố Lò Đúc và bắn súng bờ bãi vào đồng bào ta. 11 giờ 30 phút chúng cho quân đến bao vây trụ sở công an phố Hàng Đậu. 12 giờ chúng đốt nhà dân ở khu phố Trúc Bạch và phá các ụ chiến đấu của tự vệ phố Hàng Bún và phố Yên Ninh. Bị tự vệ ta đối phó lại, chúng đã nã đại bác vào hai phố trên. Sau đó chúng cho một tiểu đoàn xuất kích mở cuộc tàn sát vào phố Hàng Bún, bao vây tiến công trụ sở của tự vệ, thẳng tay bắn giết đốt phá, làm 43 đồng bào ta bị chết, trong đó có cả các cụ già và em bé, bắt 15 người đem vào Thành.

Trước tình hình ấy, trong hai tuần đầu tháng 12 các đồng chí Thường vụ Trung ương Đảng đã nhiều lần hội ý, tổ chức họp bất thường tại làng Vạn Phúc (Hà Đông), do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì. Các cuộc họp đã phân tích tình hình của cách mạng cả nước và nhiệm vụ của quân và dân ta, cuối cùng đi đến quyết định: Động viên sức người sức của, của cả dân tộc tiến hành cuộc chiến tranh yêu nước chính nghĩa chống thực dân Pháp xâm lược. Đồng thời định ra những nội dung cơ bản về đường lối kháng chiến¹ (Thư ký của Bác Hồ kể chuyện, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005, tr.46-49).

Cũng ngày 18 tháng 12 năm 1946, không khí ở Hà Nội vô cùng ngột ngạt, căng thẳng vì những hành động khiêu khích có tính toán của thực dân Pháp.

Ngay từ sáng sớm, chúng cho một đại đội lính dù đến bao vây, lục soát, xả súng bắn vào dân thường các phố: Hàng Khoai, Đồng Xuân. Bao vây đe dọa đồn công an ta ở phố Hàng Đậu. 11 giờ, đại úy Sa-ti-ông, sĩ quan liên kiểm Pháp chuyển cho ta một bức thư, trong thư chúng viết: “Bộ chỉ huy quân đội Pháp ở đây bắt buộc phải dùng những phương tiện để bảo đảm sự an toàn của quân đội, của thường dân Pháp và của ngoại kiều... Những thứ gì có thể làm cản trở sự đi lại của quân đội Pháp sẽ phải huỷ bỏ”. Chúng còn báo trước là sẽ đến đóng quân tại trụ sở Bộ Giao thông công chính¹ (Nay là trụ sở cơ quan thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số nhà 164 Trần Quang Khải). Không đợi ta trả lời, lính Pháp có xe tăng đi cùng đến phá công sự của ta ở phố Hàng Bún và kéo quân đến chiếm đóng trụ sở Bộ Giao thông công chính. 16 giờ cùng ngày, chúng gửi tiếp “Tối hậu thư” thứ hai, láo xược đòi làm nhiệm vụ trị an vì công an Hà Nội không làm tròn nhiệm vụ.

Tình hình đã thật sự khẩn cấp. Bộ chỉ huy Chiến khu XI đã ra Mệnh lệnh chuẩn bị chiến đấu² (Thủ đô Hà Nội-Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp, Nxb Hà Nội, 1986, tr.117) cho toàn thể lực lượng vũ trang thủ đô. Nội dung như sau:

“Gửi toàn thể vệ quốc đoàn, dẫn quân tự vệ và công an xung phong toàn thành”.

Mấy ngày nay, địch đã có một âm mưu khởi hấn.

Chúng cứ là chúng đã chuẩn bị gấp về quân sự như đặt súng ở các phố, các nhà tư nhân và vận chuyển lương thực khí giới đã tích trữ ở các nơi đó. Chúng chuyển quân về tập trung ở các nơi như: Nhà thương Đồn Thủy, trường Bưởi, khách sạn Mê-tơ-rô-pôn.

Gần đây, ngày 17 tháng 12 năm 1946 chúng đã vây bắt các tự vệ phố Hàng Bún. Ngày 18 tháng 12 năm 1946 chúng chiếm Sở Tài chính và đòi tước vũ khí của cả bộ đội ta. Hơn nữa chúng hạ tối hậu thư cho Chính phủ ta hạn tới 20 tháng 12 năm 1946 sẽ tước hết quyền trị an.

Những sự chuẩn bị ráo riết và hành động khiêu khích của chúng như vậy là một triệu chứng mà chúng sắp đánh úp ta thực sự.

Chúng ta vì danh dự của Tổ quốc, vì quyền lợi của dân tộc. Chúng ta quyết không chịu lùi bước.

Vậy chúng tôi hạ lệnh cho toàn thể vệ quốc đoàn, tự vệ toàn thành và công an xung phong từ giờ phút này phải chuẩn bị gấp để chờ lệnh. Bất kỳ giờ phút nào, nếu chúng tôi hạ lệnh: Toàn thể bộ đội cũng như tự vệ, công an phải triệt để tiến công vào vị trí địch như nhiệm vụ của từng đơn vị đã định trong kế hoạch.

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 1946

Chủ tịch Ủy ban kháng chiến Khu XI Bộ chỉ huy Chiến khu XINGUYỄN VĂN TRÂN VƯƠNG THỪA VŨ, TRẦN ĐỘ

Quân dân Hà Nội sẵn sàng chờ lệnh. Cơ quan tham mưu Bộ chỉ huy Khu XI lúc này bận rộn suốt ngày đêm, lo nắm tình hình địch, kiểm tra công việc chuẩn bị của các tiểu đoàn, nắm lực lượng các nơi, nắm lực lượng cứu thương, tiếp tế các nơi, nắm lực lượng hậu cần của ta, bố trí lại hệ thống tiếp tế, thông tin liên lạc.

Kế hoạch chiến đấu được các khu phố thực hiện rất khẩn trương. Thanh niên hăng hái tham gia xây dựng chiến lũy. Tự vệ tiến hành ngả cây, cột đèn, khoét lỗ ở những thân cây chuẩn bị đặt mìn. Đêm đêm Hà Nội âm âm tiếng búa đục tường, thông từ nhà nọ sang nhà kia để đảm bảo sự cơ động lực lượng của ta.

Cuộc chiến đấu sắp tới là một thử thách rất lớn với lực lượng vũ trang non trẻ của chúng ta. Công tác chính trị đã được chú ý ở các liên khu, các đơn vị, đặc biệt ở các đơn vị có nhiệm vụ đánh xe tăng và xe cơ giới địch. Việc dùng bom ba càng lao vào xe tăng sẽ dẫn đến hy sinh khó tránh khỏi. Điều đó đòi hỏi một ý chí chiến đấu kiên cường, tinh thần hy sinh to lớn. Vì vậy, theo đề nghị của đồng chí Trần Độ, Chính trị ủy viên Chiến khu XI, Đảng ủy Khu XI đồng ý tổ chức các buổi lễ đội quyết tử cho các đơn vị quyết tử quân. Ngày 18 tháng 12, các đơn vị quyết tử của Liên khu 3 làm lễ tuyên thệ tại đình làng Mọc Quan Nhân, thề “Quyết tử để bảo vệ Tổ quốc, quyết sống chết với Thủ đô. Cùng ngày tại cây đa Nhà Bò1 (Nay là nhà hộ sinh phố Lò Đúc), các đơn vị tự vệ Liên khu 2 tổ chức lễ quyết tử: “Thề sống chết với Thủ đô”. Đồng chí Nguyễn Văn Trân, Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban bảo vệ thành phố và đồng chí Trần Độ, Chính trị ủy viên Khu XI đã tới dự. Từ đó lần lượt nhiều buổi lễ quyết tử được tổ chức tại các đơn vị chủ lực và đơn vị tự vệ.

Từ đầu tháng 12 vấn đề hiệu lệnh chiến đấu cho toàn thành phố cũng được đặt ra đối với lãnh đạo Khu ủy và Bộ chỉ huy Chiến khu XI. Muốn giành được yếu tố bất ngờ đối với địch, các lực lượng ta phải hành động thống nhất trong toàn thành phố khi có lệnh. Pháo đài Láng được quyết định nổ súng làm hiệu lệnh mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc.

Đây là một pháo đài nằm tại phường Láng Thượng, quận Đống Đa ngày nay, được Pháp xây dựng từ trong chiến tranh thế giới thứ hai, để phòng thủ bắn máy bay Nhật. Đến giữa năm 1940 chúng xây bệ đặt 4 khẩu pháo cao xạ 75mm của Đức, là loại súng tối tân nhất lúc bấy giờ và cố định súng vào bệ bê tông. Trong pháo đài có đài chỉ huy, hầm trú ẩn, hầm để đạn. Ngoài pháo

cao xạ, có 2 khẩu đại liên hốt-kít, 1 trung liên bơ-ren và một số súng trường để trợ thủ và bảo vệ cho pháo. Quân số có 1 đại đội lính Pháp và lính khố đỏ do một viên quan hai Pháp chỉ huy. Phía lính khố đỏ người Việt có viên đội Nguyễn Ứng Gia cai quản. Cách mạng Tháng Tám thành công, pháo đài Láng về tay Quân giải phóng, Nguyễn Ứng Gia tình nguyện đi theo cách mạng. Ta bố trí tại đây 44 người, chia thành 3 khẩu đội. Bốn khẩu pháo cao xạ đã bị mất nhiều bộ phận được tu sửa lắp lại thành 2 khẩu nên pháo đài Láng chỉ 2 khẩu đội có súng với khoảng 400-500 viên đạn. Nhân dân Láng Trung phát hiện còn một hầm chứa 200 viên đạn do địch chôn giấu ở gần đó đã chuyển cho pháo đài. Anh em pháo thủ đa số là bộ binh và thanh niên mới nhập ngũ chưa biết đến pháo được các đồng chí cũ huấn luyện. Với tinh thần yêu nước, quyết tâm giết giặc, anh em đã nhanh chóng thực hiện được các thao tác chính xác theo lệnh của chỉ huy, điều khiển 2 khẩu pháo cao xạ làm pháo bắn mục tiêu mặt đất.

Tuy nhiên đề phòng hiệu lệnh súng nổ vì lí do nào đó không thực hiện được và thông tin liên lạc phục vụ chỉ huy gặp khó khăn, những hiệu lệnh khác cũng đã được Khu ủy và Bộ chỉ huy Chiến khu XI tính đến. Sau khi cân nhắc, các đồng chí đều nhận thấy không có gì nhanh chóng, tức thời và rộng khắp hơn là làm mất điện trong toàn thành phố và sau đó là nổ pháo đại bác vào doanh trại địch. Đền tắt và tiếng pháo nổ âm vang sẽ là tín hiệu cho giờ G bắt đầu. Muốn làm mất điện trong toàn thành phố, ngay lập tức chỉ có cách phá máy phát điện tại nhà máy điện Yên Phụ, nơi cung cấp điện cho toàn thành phố. Để thực hiện ý tưởng này, đồng chí Nguyễn Văn Trân, Bí thư Thành ủy đã bí mật trực tiếp giao nhiệm vụ cho đồng chí Nguyễn Giang, một đảng viên công nhân làm việc trong nhà máy điện Yên Phụ, trung tâm cung cấp điện cho toàn thành phố Hà Nội bằng mọi cách phải thực hiện tắt điện khi giờ G đến. Buổi giao nhiệm vụ còn có các đồng chí Trần Quốc Hoàn, Vương Thừa Vũ và Trần Độ cùng dự. Nhà máy điện Yên Phụ là một mục tiêu lực lượng tiếp phòng quân hai bên phải bảo vệ. Vì vậy, tại đây ta và địch cùng gác chung, cả bên trong, bên ngoài nhà máy rất cẩn mật. Đồng chí Nguyễn Giang suy tính, chỉ có phá tuyết-bin là hiểm nhất, địch không thể khôi phục ngay được. Đồng chí Giang đề nghị, đồng chí cùng với đồng chí Dung, công nhân trong nhà máy, dùng a-xít và mìn phá huỷ các tuyết-bin này. Phương án đã được duyệt.

Chiến tranh như một đám mây đen đang vẫn đục trên bầu trời Thủ đô Hà Nội. Trong những ngày này Chủ tịch Hồ Chí Minh ở tại làng Vạn Phúc, gần thị xã Hà Đông bình tĩnh xử trí các tình huống cuối cùng nhằm cứu vãn hòa bình. Trong một tuyên bố với báo Pa-ri - Sài Gòn ngày 13 tháng 12, Bác viết: “Đồng bào tôi và tôi thành thực muốn hòa bình. Chúng tôi không muốn chiến tranh. Tôi biết là nhân dân Pháp không muốn chiến tranh. Cuộc chiến tranh này chúng tôi muốn tránh bằng đủ mọi cách. Chúng tôi tha thiết với nền độc lập... Nước Việt Nam cần kiến thiết, nước Việt Nam không muốn là nơi chôn vùi hàng bao nhiêu sinh mạng. Nhưng cuộc chiến tranh ấy, nếu người ta buộc chúng tôi phải làm, chúng tôi sẽ làm. Nước Pháp có những phương tiện ghê gớm, cuộc chiến đấu sẽ khốc hại, nhưng dân tộc Việt Nam đã sẵn sàng chịu đựng tất cả, chứ không chịu mất tự do”. Chính vì vậy khi những kẻ hiếu chiến trong giới thực dân ở Đông Dương tổ chức khiêu khích, gây chiến, Người vẫn nhắc nhở đồng bào bình tĩnh và bằng mọi cách liên lạc với phía Pháp để giải quyết bất đồng. Lần này, trước liên tiếp các vụ tấn công của địch gây đổ máu cho đồng bào ta, trong một nỗ lực cuối cùng, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn gửi thư cho Xanh-tơ-ny yêu cầu ông ta tiếp xúc với đại diện của Chính phủ ta để tìm giải pháp cải thiện bầu không khí hiện tại. Cũng trong đêm 18, thực hiện chủ trương của Thường vụ Trung ương Đảng về phát động toàn dân chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, Người đã viết Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến.

Sáng ngày 19 tháng 12 năm 1946, không đếm xỉa gì đến thiện chí hòa bình của ta, thực dân Pháp lại gửi tiếp cho ta một “Tối hậu thư” nữa, đòi ta phải đình chỉ mọi hoạt động chuẩn bị kháng chiến, đòi tước vũ khí của lực lượng vũ trang ta. Sau đó chúng đe dọa: Nếu những yêu cầu trên trong vòng 24 giờ không được thực hiện, quân Pháp sẽ hành động. Đi đôi với những hành động khiêu khích liên tục trong hai ngày, với ba “tối hậu thư” trên, thực dân Pháp đã xâm phạm thô bạo chủ quyền và an ninh quốc gia của nước Việt Nam độc lập.

Dã tâm xâm lược nước ta của thực dân Pháp đã lộ rõ. Không thể nhân

nhượng được nữa. Đồng chí Vũ Kỳ, thư ký của Bác Hồ kể lại, khi được nghe báo cáo về việc Xanh-tơ-ny tỏ thái độ dứt khoát không tiếp ông Hoàng Minh Giám, phái viên của Chính phủ ta tới đề nghị tiếp tục thương lượng tháo gỡ nguy cơ chiến tranh, “Bác đã trầm ngâm một lúc, bước thêm mấy bước đến chiếc bàn có để bản thảo Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến sẽ thông qua Thường vụ Trung ương Đảng, rồi nói khẽ, nhưng rõ ràng, dứt khoát: “Hừ! Thì đánh”¹ (Thư ký Bác Hồ kể chuyện, Vũ Kỳ, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005, tr.50).

Rõ ràng người gây ra cuộc chiến tranh này không ai khác hơn là giới thực dân hiếu chiến Pháp ở Đông Dương.

Trưa ngày 19 tháng 12 năm 1946, Thường vụ Trung ương Đảng thông báo tình hình tại Hà Nội cho các đồng chí bí thư tỉnh ủy và chỉ huy trưởng 12 chiến khu trong cả nước: Giặc Pháp đã hạ tối hậu thư đòi tước vũ khí của quân đội, tự vệ, công an ta. Chính phủ ta đã bác tối hậu thư ấy. Như vậy chỉ trong vòng 24 giờ là cùng, chắc chắn giặc Pháp sẽ nổ súng. Chỉ thị của Trung ương “Tất cả hãy sẵn sàng”² (Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, 50 năm Quân đội nhân dân Việt Nam, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995, tr.37).

Quyết giành quyền chủ động trong chiến tranh, phá tan ngay từ đầu âm mưu đánh úp của thực dân Pháp, Bộ trưởng Quốc phòng - Tổng chỉ huy quyết định cuộc tổng tiến công sẽ bắt đầu vào lúc 20 giờ ngày 19 tháng 12 năm 1946.

Bộ Tổng Tham mưu nhanh chóng chuyển mệnh lệnh nổ súng xuống các đơn vị, các địa phương.

Nhận được chỉ thị, không khí chuẩn bị chiến đấu khẩn trương hân lên khắp mọi nơi trong cả nước.

Chiều ngày 19 tháng 12, Bộ Chỉ huy Chiến khu XI đã ra Mệnh lệnh tấn công

cho lực lượng vũ trang toàn thành phố. Bộ chỉ huy Chiến khu XI đã triệu tập khẩn cấp chỉ huy các tiểu đoàn về sở chỉ huy phổ biến nhiệm vụ. Toàn văn mệnh lệnh như sau:

Mệnh lệnh tấn công¹ (Lê Trung Toàn, Quyết tử để cho Tổ quốc quyết sinh, Nxb Hà Nội, 2000, tr.131-134)

Gửi các tiểu đoàn 101, 523, 212, 77, 145, Đội quyết tử Tự vệ Thành, Công an xung phong.

Địch, bộ binh có chừng hơn 6.000, cùng xe tăng, đại bác, phi cơ, vũ khí tối tân, mạnh hơn ta, hiện giờ này chúng đang mở đầu cuộc khởi hấn bằng những vụ bao vây các đầu phố, phá ụ bắn giết công an, tự vệ, tước vũ khí của ta.

Nhiệm vụ của ta là phải kịch liệt kháng chiến để tự vệ, quyết chiến với địch để bảo tồn lãnh thổ và Tổ quốc, giữ danh dự thượng võ của Quân đội cũng như của Dân quân, Tự vệ Việt Nam.

1. Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 145, ở phía tây bắc thành phố chiếu theo kế hoạch đã định, phối hợp với công nhân xung phong để triệt để phá hủy các điểm như cầu Long Biên, nhà máy điện, nhà máy nước, nhà dầu xăng. Còn các ổ đề kháng nhỏ, điểm nào điểm ấy nhất tề xung phong vào các ổ chiến đấu của địch.

Chủ lực của tiểu đoàn nhằm thẳng vào trường Bưởi, là một trọng điểm của địch mà công kích, quyết phải tiêu diệt cho bằng được. Sau khi chiếm được điểm đó rồi tiểu đoàn cấp tốc chuyển hướng để tấn công vào Phủ Toàn

quyền.

2. Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 523 ở phía tây nam thành phố theo kế hoạch đã định, đem toàn chủ lực chặn giữ các ngã, đầu phố nhà dầu Shell ở ngã tư Khâm Thiên, nhà ga, đầu phố Hàng Bột, Cửa Nam, Nhà đúc tiền để tiến công vào các ổ chiến đấu của địch và phối hợp với những tổ quyết tử toàn Liên khu 3 đánh đoàn xe của địch thực ra các ngã đầu phố.

3. Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 77 giữ trại Vệ quốc đoàn trung ương, Ty Liêm phóng, Hỏa Lò, chiếu theo kế hoạch đã định. Tiểu đoàn phải kịch liệt cho tiêu diệt các ổ chiến đấu của địch. Chủ lực của tiểu đoàn phải chặn đường tiến của địch từ nhà thương Đồn Thủy qua Tràng Tiền để đánh ra Cửa Nam và phố nhà ga, khi chúng liên lạc với quân trong Thành tiến ra.

4. Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 101 chặn đánh địch để giữ các điểm: nhà Bắc Bộ Phủ, Tòa Thị chính, nhà Bưu điện.

Khi tình thế biến chuyển không thể giữ được các điểm đó thì tiểu đoàn tự cho rút vào Liên khu 1 để củng cố và chống giữ cho đến cùng. Có gì thay đổi phải chờ mệnh lệnh mới được hành động.

Trước khi rút vào Liên khu 1, thì các điểm kia phải phá hủy cho tan tành.

Phương pháp rút và cách thức củng cố Liên khu 1, tiểu đoàn căn cứ vào kế hoạch đã định mà thi hành và luôn luôn báo cáo bằng vô tuyến điện về khu.

5. Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 212 làm tổng đội dự bị của toàn khu. Vị trí ở trường mồ côi Xanh Ma-ri, Lò Lợn, ngã tư Cầu Dền. Hễ khi tiếng súng bắt đầu nổ thì tiểu đoàn tập trung lực lượng tiến công mãnh liệt vào Đồn Thủy để tiêu diệt cứ điểm chính của địch. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ rồi, tiểu đoàn lại cấp tốc tập hợp về vị trí như trong kế hoạch đã định.

6. Đội tự vệ xung phong, liên lạc với bộ đội ở Ty Liêm phóng, phải kịch liệt chiến đấu với địch để giữ lấy nhà Đấu Xảo và nhà Việt Điện. Nếu không chống cự nổi thì phải rút ra ngoài như đã định trước.

7. Các đội quyết tử ở các liên khu phối hợp với các đơn vị bộ đội để chen đánh các đầu phố. Khi xe tăng của địch tiến qua phố nào thì phải quyết tử xông ra phá hủy cho bằng được.

8. Vị trí của Bộ chỉ huy ở Bạch Mai, Ngã Tư Sở, tùy thời di động để đôn đốc các mặt trận.

9. Về liên lạc, tiểu đoàn 101 liên lạc bằng vô tuyến điện với khu, còn các tiểu đoàn khác liên lạc bằng điện thoại và đặt các trạm liên lạc với khu.

10. Âm hiệu: Máy đèn tắt tức là báo động. Đại bác ở Láng bắn tức là khởi chiến. Khi đó, toàn thể phải nhất tề tấn công lập tức.

Mệnh lệnh này ra, các ông tiểu đoàn trưởng, Đội dân quân tự vệ, Đội quyết tử và Công an toàn thành phải triệt để tuân theo và thi hành.

Khu 11, ngày 19 tháng 12 năm 1946, hồi.... giờ

Chính trị ủy viên Khu trưởng TRẦN ĐỘ VƯƠNG THỪA VŨ

Một không khí chiến đấu hùng hực trong mỗi con người với lòng căm thù giặc sâu sắc, một quyết tâm chiến đấu đến cùng bảo vệ Thủ đô yêu dấu.

Buổi sáng ngày 19 tháng 12, tuy chưa được phổ biến mệnh lệnh chiến đấu, nhưng công tác chuẩn bị tại Hà Nội đã rất khẩn trương, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã triệu tập cán bộ tự vệ phổ biến tình hình. Cuộc họp đã biến thành lễ tuyên thệ. Đại diện hơn 8.000 đội viên Tự vệ Thành, những người chỉ huy tự vệ các liên khu, khu phố thề trước quốc kỳ và ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh:

- Nghiêm chỉnh, sẵn sàng chờ lệnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Chính phủ.

- Tự vệ Thành sống chết với Thủ đô.

Tại Bắc Bộ Phủ, tiểu đoàn 101 làm lễ nhận danh hiệu “Đội quyết tử của Thủ đô”.

Sau khi phổ biến mệnh lệnh, các đồng chí lãnh đạo chỉ huy Chiến khu chia nhau đi kiểm tra, đôn đốc các đơn vị. Đồng chí Tấn Dương, Tham mưu trưởng Bộ chỉ huy Chiến khu XI cùng đồng chí Phạm Văn Đôn, đại đội

trưởng pháo binh tới pháo đài Láng thông báo tình hình, truyền đạt mệnh lệnh của Chỉ huy trưởng Chiến khu XI: Pháo đài phải hoàn tất công tác chuẩn bị và sẵn sàng chờ lệnh chiến đấu.

17 giờ chiều ngày 19 tháng 12, đồng chí Nguyễn Giang, người phụ trách phá máy phát điện tại nhà máy điện Yên Phụ nhận được hai chai a-xít và hai quả mìn theo đúng kế hoạch. Đồng chí Trần Quốc Cư, Thành ủy viên phụ trách công tác phá hoại ra lệnh: Đúng 20 giờ phá máy. Mọi việc được chuẩn bị hết sức bí mật.

Cũng vào khoảng 17 giờ, đồng chí Nguyễn Văn Trân, Chủ tịch Ủy ban bảo vệ Khu XI đã phổ biến quyết định của trên cho các đồng chí chủ tịch Ủy ban bảo vệ Liên khu, thông báo quyết định vào lúc 20 giờ ta sẽ khởi sự tác chiến. Bắt đầu kháng chiến thì Ủy ban bảo vệ các liên khu đổi là Ủy ban kháng chiến. Chủ tịch Ủy ban kháng chiến chịu trách nhiệm tổ chức kháng chiến trên địa bàn theo kế hoạch của Ủy ban kháng chiến thành phố và Bộ chỉ huy Chiến khu XI.

18 giờ, đồng chí Nguyễn Tấn Dương, Tham mưu trưởng Bộ chỉ huy Khu XI và đồng chí Phạm Văn Đôn, đại đội trưởng pháo binh truyền đạt mệnh lệnh của Bộ chỉ huy chiến khu cho chỉ huy trưởng pháo đài Láng - Nguyễn Ứng Gia: Đúng 20 giờ, sau khi đèn điện thành phố tắt, pháo đài nổ súng bắn phá pháo lệnh đầu tiên vào sở chỉ huy quân đội Pháp trong Thành. Pháo binh non trẻ của quân đội ta đã sẵn sàng chờ lệnh.

Chương 3

60 NGÀY ĐÊM KHÁNG CHIẾN

1. Đánh địch trong nội thành (19.12.1946 - 23.12.1946)

20 giờ 03 phút, theo đúng lệnh của các đồng chí Nguyễn Văn Trân, Vương Thừa Vũ giao cho, tổ công nhân xung phong gồm 3 đồng chí (Giang, Dung, Thăng) do đồng chí Nguyễn Giang (tức Quý) làm tổ trưởng đã nổ mìn phá máy điện. Điện toàn thành phố phụt tắt. Pháo đài Láng bắn phát đạn đầu tiên. Tiếp đó đại bác ở các pháo đài Xuân Canh, Xuân Tảo cùng nhắm đạn vào các mục tiêu đã định trước.

Tiếng đại bác rền vang bầu trời Thủ đô. Lửa khói mù mịt báo hiệu cuộc Kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Các lực lượng vũ trang Thủ đô đồng loạt tiến công các vị trí đóng quân của giặc Pháp trong toàn thành phố.

Tại Liên khu 1, ở nhà máy đèn Bò Hồ, đồng chí Phúc Anh, trung đội trưởng Vệ quốc đoàn cùng đơn vị bất ngờ nổ súng tiến công trung đội lính Pháp gác chung với ta. Chín tên lính Pháp bị tiêu diệt, bọn còn lại tháo chạy.

Ở Bắc Bộ Phủ, các chiến sĩ đại đội 1 tiểu đoàn 101 giật quả bom 250kg chôn sẵn dưới nền nhà khách sạn Mê-tơ-rô-pôn1 (Nay là khách sạn Thống Nhất phố Ngô Quyền), nhưng bom không nổ. Từ Bắc Bộ Phủ chiến sĩ ta xuất kích tiến công khách sạn. Bọn địch chống cự quyết liệt. Ta xung phong mấy lần đều bị cản lại. Hai bên nằm tại chỗ nổ súng chế áp lẫn nhau.

Ở phía tây hồ Hoàn Kiếm, trung đội Vệ quốc đoàn bảo vệ nhà ở và nhà làm việc của Bác Hồ tại số 8 phố Lê Thái Tổ (đối diện với nhà Thủy Tạ), phối hợp với tự vệ thành các phố Hàng Trống, Hàng Hành, Bảo Khánh tập kích nhà ở của viên tướng Pháp Moóc-li-e2 (Nay là trụ sở báo Nhân dân, số 71 phố Hàng Trống). Quân Pháp ở trong Thành phải cho xe bọc thép đến cứu. Chiếc xe chở Xanh-tơ-ny chạy từ phố Nhà Thờ qua phố Nhà Chung đến đầu phố Tràng Thi thì trúng mìn của ta, xe bốc cháy, Xanh-tơ-ny và tùy tùng bị trọng thương.

Ở Cửa Đông, ba chiến sĩ tự vệ khu phố Đông Thành lọt vào Thành Hà Nội, dùng lựu đạn, chai cháy đốt một số kho tàng.

Trung đội Vệ quốc đoàn gác ở Bãi Giữa cùng tự vệ khu Phúc Xá cho nổ bom phá trụ cầu số 10 cầu Long Biên. Hòa cùng tiếng súng pháo của ta nổ ran ở khắp nơi lúc 20 giờ ngày 19, một tiếng nổ lớn vang lên, rung cả cây cầu. Tuy nhiên lượng nổ có hạn, chỉ đủ sức làm sập một góc trụ cầu. Bọn địch gác chung hoảng hốt tản ra, nhưng sau đó chúng trụ lại chống trả. Quân ta rút lên Bãi Giữa. Trong lúc đó trung đội Vệ quốc đoàn gác chung với địch ở vị trí phía đông cầu Long Biên, chưa nhận được lệnh nổ súng của ta, bị địch đánh trước phải rút lui và nhập vào bộ đội

Gia Lâm. Kế hoạch diệt địch, phá cầu Long Biên không thực hiện được.

Trong đêm đầu tiên này, đáng chú ý là nhiều vị trí nhỏ biệt lập của quân Pháp đã bị các đơn vị bộ đội và tự vệ lựa chọn để tiêu diệt, vì vừa khả năng chiến đấu của quân ta. Trận tiêu diệt ổ chiến đấu của địch ở số 4 Kinh Dương Vương (nay là phố Thi Sách) là một điển hình. Đây là ngôi nhà hai tầng, mặt tiền hướng ra đường, trước nhà có hàng rào sắt, trong đó có 4 tên lính đóng giữ. Ta có một tiểu đội tự vệ 9 người do tiểu đội trưởng Nguyễn Trọng Việt chỉ huy. Khi đèn thành phố tắt, pháo ta bắn vào Thành, toàn tiểu đội từ bên đường đối diện xung phong tiến qua đường, bám vào dây hàng rào sắt trước nhà, chưa kịp vượt vào sân thì địch từ trên gác ném nhiều lựu đạn xuống. Ta hy sinh 1, bị thương 1. Ta buộc phải tạm ngừng tiến công để giải quyết thương vong, chờ lệnh trên nhưng vẫn không chế không cho địch rút.

Được nhân dân giúp đỡ, hầu hết các ổ đề kháng bí mật do Pháp kiêu, Việt gian, thổ phỉ xây dựng tại các khu phố Tây và trung tâm thành phố, nhanh

chóng bị tiêu diệt.

Ta còn đánh địch đóng ở nhà in IDEO, nhà máy gạch SATIC, nơi địch sửa chữa xe quân sự, ở nhà thuyền Hồ Tây, ở cơ quan tình báo Ngọc Hà, đánh bật địch khỏi nhà máy bia Ô-men, nhà máy nước. Tuy nhiên tại các vị trí này ta chỉ tiêu diệt được một bộ phận địch trong lúc chúng bất ngờ. Sau khi trấn tĩnh lại, số đông địch co cụm trên gác các nhà cao tầng ra sức chống trả, ta không đánh lên được.

Ở Liên khu 2 ta cũng tiến công tiêu diệt nhiều ổ chiến đấu độc lập của địch. Từ Hoả Lò và Quân y viện (nay là Bệnh viện C, phố Tràng Thi) ta tiến công tiêu diệt địch ở Viện Ra-di-um (nay là Bệnh viện K). Một bộ phận của Tiểu đoàn 77 cùng tự vệ đánh vào nhà đại tá La-mi (nay là Sứ quán Pháp). Địch đang ăn tiệc. Xanh-tơ-ny cũng đến dự, vội vàng cho xe thiết giáp đến cứu, dọc đường lại bị quân ta đánh bị thương. Ta làm chủ khu nhà này.

Một tiểu đội của tiểu đoàn 212 cùng tự vệ đánh địch ở Nha khí tượng thủy văn. Địch tăng cường một trung đội có xe tăng, thiết giáp đến đánh tập hậu, ta chống trả quyết liệt, đại bộ phận đã anh dũng hy sinh.

Trung đội Vệ quốc đoàn ở Ty liên kiểm Việt - Pháp ở số 21 Mai Hắc Đế (nay là phố Bà Triệu) có 2 tiểu đội đang ngồi xe đi tuần với Pháp. Khi có tín hiệu đèn tắt, xe địch hướng thẳng vào Thành, thấy tình hình bất lợi, khi chạy qua cầu chui Cửa Đông, một số anh em liều lĩnh vọt khỏi xe, bám cầu nhảy xuống. Số còn lại trên xe bị địch bắt đưa vào Thành. Tại Ty liên kiểm, bộ phận của ta ở lại không đi tuần cùng với Pháp, không nhận được lệnh của ta, đã bị địch tấn công, 4 đồng chí hy sinh, 3 đồng chí chạy được vào trại Vệ quốc đoàn.

Một bộ phận của tiểu đoàn 212 cũng đã tổ chức tập kích vào một vị trí của địch tại Viện Pát-xơ. Đây là một dinh thự ba tầng kiên cố dài khoảng 100m, phía sau có nhiều nhà phụ, phía tây là đường Lò Đúc. Địch đã đưa hai tiểu đội trang bị đầy đủ súng trường, tiểu liên, một trung liên, một đại liên đến đóng. Đây là một vị trí thuận tiện để địch có thể điều khiển, nắm tình hình và tiếp tế cho các ổ chiến đấu độc lập trên địa bàn Liên khu 2. Liên khu đã sử dụng 2 trung đội của đại đội 14 và 1 tiểu đội quyết tử thuộc tiểu đoàn 212 do đại đội trưởng Lê Tập chỉ huy để tập kích tiêu diệt địch. Đền tấ, từ vườn hoa Pát-xơ, ta nổ súng tiến công chính diện vào công viện, đồng thời mũi thứ yếu từ phía tây (phố Lò Đúc) cũng đồng loạt đánh sang. Tuy nhiên, ở cả hai hướng đều vấp phải sự kháng cự quyết liệt của địch ngay từ ngoài hàng rào, không thể nào tiến vào được. Bỗng ở hướng thứ yếu, tiểu đội trưởng Ngô Thế Du (vốn là một người lính ở Thượng Hải về) phát hiện có một cổng ngầm dẫn vào phía tây của dinh thự. Lập tức đồng chí thăm dò rồi tổ chức cho anh em chui vào bật nắp cổng lên sân, đồng loạt ném lựu đạn đánh địch. Địch hốt hoảng tháo chạy sang Đồn Thủy. Ta hoàn toàn làm chủ vị trí này, thu nhiều chiến lợi phẩm.

Bên cạnh những trận đánh vào các vị trí nhỏ, lẻ, ở Liên khu 2 cũng có trận tiến công vị trí tập trung lớn của địch. Một đại đội của tiểu đoàn 212 và một đại đội của tiểu đoàn 77 tiến công địch ở Đồn Thủy lúc 20 giờ 30 phút. Cùng với Thành Hà Nội, đây là một căn cứ quân sự lớn của địch, được phòng thủ nghiêm ngặt, xung quanh có tường vây. Sau nhiều giờ nổ súng, ta không tiến vào được. Tối 2 giờ sáng ngày 20 tháng 12 ta buộc phải rút.

Tại Liên khu 3, theo hiệu lệnh chiến đấu Vệ quốc đoàn, Tự vệ chiến đấu, Công an xung phong cùng đồng bào đã tiến công, uy hiếp địch ở sở xe điện, Nhà giặt, đánh bật địch ra khỏi Nhà máy bia Ô-men1 (Nay là nhà máy bia Hà Nội). Ở nhà Đê-lê-vô2 (Nay là các nhà số 3, 5, 7, 9 phố Cát Linh); ta vừa kiên quyết tiến công, vừa kêu gọi địch hạ vũ khí đầu hàng. Nhưng dựa vào công sự kiên cố, hỏa lực mạnh địch vẫn ngoan cố chống cự. Sau nhiều giờ chiến đấu, ta tiêu diệt một bộ phận địch. Sáng ngày 20 tháng 12 số còn lại dùng một xe ô tô cắm cờ hồng thập tự tháo chạy. Anh em không kịp bắn, địch chạy thoát.

Nhìn chung trên toàn thành phố, ngay từ phút đầu nổ súng, các lực lượng vũ trang Thủ đô đã hoàn toàn làm chủ tình thế. Hai mươi một vị trí đóng quân của quân Pháp đều bị tiến công làm chúng rất lúng túng trong việc đối phó. Với ưu thế về lực lượng, trang bị, lại chiếm đóng sẵn những vị trí lợi thế về quân sự, thực dân Pháp hy vọng có thể nhanh chóng và bất ngờ tiêu diệt lực lượng vũ trang Thủ đô, chụp bắt các cơ quan đầu não lãnh đạo chỉ huy kháng chiến của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà trong vòng 24 tiếng đồng hồ. Nhưng chúng đã bị bất ngờ khi ta chủ động nổ súng tiến công trước. Tướng Xa-lăng phải thừa nhận: “Việc chi viện của cơ giới và thiết giáp trở nên khó khăn... các đơn vị thiết giáp không thể ứng cứu kịp thời cho quân Pháp ở những nơi cuộc chiến đấu ác liệt đang diễn ra... Mỗi vị trí, mỗi đơn vị, mỗi căn nhà đều bị cô lập trong nhiều giờ, không có sự chỉ huy của cấp trên...”.

Tuy nhiên, vì đã có kế hoạch đảo chính vào sáng ngày 20, nên sau khi ta nổ súng, địch lập tức hình thành bốn cánh quân lần lượt từ trong Thành tiến ra đánh chiếm một số mục tiêu trọng yếu.

Cánh quân thứ nhất có khoảng 300 lính lê dương, 18 xe tăng, xe bọc thép theo đường Cột Cờ, Tràng Thi đánh chiếm đồn công an Hàng Trống, Nhà Hát Lớn và khu vực Bắc Bộ Phủ.

Cánh quân thứ hai theo phố Hàng Lọng¹ (Nay là phố Lê Duẩn) chiếm ga Hàng Cỏ, bao vây tiến công đại đội tự vệ của ta tại khu Đấu Xảo, cứu viện cho bọn ở nhà dầu Shell.

Cánh quân thứ ba có hơn 30 xe quân sự tiến đánh đầu cầu Long Biên. Một bộ phận theo thế gọng kìm vòng lên đường Cổ Ngư (nay là đường Thanh Niên) chiếm nhà máy điện, nhà máy nước Yên Phụ, phong toả khu Trúc Bạch sau đó đánh thốc xuống đầu cầu.

Cánh quân thứ tư tiến theo hai hướng, một bộ phận lên phố Hàng Đậu phối hợp với cánh quân thứ ba đánh chiếm cầu Long Biên, bộ phận còn lại thọc qua Phùng Hưng xuống chi viện cho cánh quân bao vây Bắc Bộ Phủ.

Trên cả bốn hướng, các cánh quân địch đều bị bộ đội, tự vệ và nhân dân Thủ đô chặn đánh.

Tại ngã năm vườn hoa cửa Nam, quân ta giật bom, nổ mìn, xả súng vào đội hình địch. Đồng chí Hoàng Châu giật quả bom 150kg lật nhào một xe bọc thép. Bằng lựu đạn, chai cháy quân ta đã phá huỷ 3 xe quân sự.

Ở đầu phố Hàng Lọng, quân ta bất ngờ nổ súng mãnh liệt từ bãi chướng ngại chặn xe cơ giới địch. Không kịp đối phó, một xe tăng địch bị phá huỷ, hai xe vận tải bị bắn hỏng, không vượt qua được đầu phố Hàng Lọng, địch phải đi vòng tiến công Toà án Hoả Lò, Viện Ra-di-um. Rạng sáng ngày 20 tháng 12 năm 1946 quân địch mới đến được khu Đấu Xảo. Sau nhiều giờ chiến đấu, các chiến sĩ tự vệ chủ động rút lui để bảo toàn lực lượng.

Cánh quân Pháp định qua phố Hàng Đậu tiến đánh đầu cầu Long Biên bị trung đội công an đồn Hàng Đậu, bộ đội Vệ quốc đoàn phối hợp với tự vệ và nhân dân các phố Hàng Than, Hàng Đậu nổ súng chặn đứng. Đường Hàng Đậu từ tháp nước tròn đến đầu cầu Long Biên chỉ khoảng 300m rộng hơn 30m là quãng đường giao thông huyết mạch ở phía bắc Hà Nội. Kiến trúc hai bên đường phố là dãy nhà gạch một tầng, xen kẽ có một số nhà hai tầng. Đường ngang giữa phố có ngõ Hồng Phúc thông lên phía bắc (Yên Phụ) và phố Nguyễn Thiếp thông xuống phía nam (Đồng Xuân). Đường Hàng Đậu rất ít cây cối. Đây là đường quân Pháp được phép đi lại sang Gia Lâm, cho nên khi chưa có chiến sự ta chưa thể đào đắp và xây dựng trước các chướng ngại

hoặc ngả cây cối chặn ngang đường. Ta phán đoán, khi nổ súng, việc đầu tiên của địch là phải chiếm quãng đường cửa ngõ hiểm yếu này để nối thông qua cầu Long Biên sang sân bay Gia Lâm và xuống cảng Hải Phòng.

Ở Hàng Đậu ta có một trung đội tự vệ công nhân 20 người, có 10 súng trường các loại, 1 khẩu trung liên, 1 khẩu thôm-sơn, 1 khẩu sten, một số lựu đạn, mìn, chai cháy và dao găm. Đơn vị có 3 đảng viên trong tổng số 7 đảng viên của chi bộ Đồng Xuân. Đầu phố Hàng Đậu (phía đầu cầu Long Biên) ta có 1 trung đội Vệ quốc đoàn đóng tại nhà số 1. Khi chiến đấu chỉ có một lực lượng nhỏ tham gia. Cuối phố (phía bốt tròn vườn hoa Hàng Đậu) có 1 trung đội công an xung phong đóng ở đồn công an tại ngã tư Hàng Đậu - Hàng Giấy. Nhiệm vụ của tự vệ Hàng Đậu là hiệp đồng với công an và Vệ quốc đoàn ngăn chặn không cho địch đánh chiếm con đường huyết mạch này. Từ tháng 11 năm 1946, công tác chuẩn bị được đẩy mạnh. Việc đào hào, đắp ụ, đục thông tường từ nhà nọ sang nhà kia được thực hiện tích cực. Việc làm chướng ngại vật ngoài đường đã được tính toán, chuẩn bị vật liệu, có lệnh sẽ làm gấp. Tự vệ đã đào một hào sâu ở ngã ba Hồng Phúc - Hàng Đậu, đào ngang ra giữa đường Hàng Đậu ngay trước các nhà số 34, 36, 38 (phía bên số lẻ). Bên số chẵn vẫn để xe cộ chạy được. Pháp cho xe ủi đến san lấp ban ngày, đêm ta lại đào và chôn cọc.

Ngày 19 tháng 12, sau khi nhận được lệnh của trên, chi bộ Đồng Xuân họp quán triệt tình hình nhiệm vụ. Ủy ban bảo vệ khu phố kiểm tra lại kế hoạch tác chiến ở Hàng Đậu và cầu Long Biên. Huy động toàn dân trong khu phố khuân các đồ vật nặng nề, công kênh đã giấu sẵn ở ngõ Hồng Phúc và Nguyễn Thiếp vớt ra đường làm chướng ngại. Tự vệ đi chôn mìn, đóng cọc vào các vị trí đã định. Mọi việc tiến hành rất khẩn trương. Lúc 20 giờ 03 phút, khi đèn tắt, ta nổ súng, ngay lập tức bọn địch ở đầu cầu chủ động đánh trước. Chúng dùng xe bọc thép khổng lồ chế toàn bộ khu vực đầu cầu. 15 phút sau, địch từ Cửa Bắc theo đường Phan Đình Phùng ra phố Hàng Đậu nhằm làm chủ con đường huyết mạch thông lên cầu Long Biên. Đến trước tháp nước tròn bọn này bị trung đội công an tại đồn công an ngã tư Hàng Đậu - Hàng Giấy chặn đánh. Chiến sĩ ta dựa vào nhà gác bắn súng, ném lựu đạn, ném chai xăng cơ-rếp đốt cháy 1 xe bọc thép của địch. Tự vệ phố Hàng Than (bên số chẵn) dùng hỏa lực chi viện cho công an đánh địch. Pháo trên tầng của địch bắn dữ dội vào đồn công an. Sau 1 giờ chiến đấu, công an phải rút về phố Gầm Cầu.

Địch gặp chướng ngại vật không tiến nhanh vào Hàng Đậu được, đi mấy chục mét, 1 xe bọc thép đến trước cửa nhà số 49 thì trúng mìn, bị hỏng. Tổ đồng chí Đỗ Trung Hiến từ trong nhà ném lựu đạn, bắn tiểu liên diệt địch. Đến các số nhà 34, 36, 38 vương hào và cọc sắt, lính địch trên xe xuống nhổ cọc. Lợi dụng tình thế đó, đồng chí Thư Chương và đồng chí Lộc dùng chai xăng cơ-rếp ở trên gác ném xuống, 1 xe nữa bốc cháy. Trên đường tiến, chúng phát hiện có mìn của ta liền cho xe chạy lên hè dây số chẵn để tránh, đồng thời để lại 1 xe yểm trợ cho tốp sau đang bị ùn. Bọn chỉ huy đi xe Jeép từ tháp nước tiến lên số nhà 19 bị tổ đồng chí Thư Chương bắn bị thương, xe bị hỏng nằm lại ở ngã tư Nguyễn Thiếp - Hàng Đậu. Một xe bọc thép khác lên chiếm ngã tư này đứng trước nhà 18 bắn dồn dập sang dây số lẻ và đường Nguyễn Thiếp để chặn quân ta. Tiểu đội đồng chí Dương và Thư Chương vẫn kiên trì trụ bám. Địch ùn lại không tiến lên được.

Trước tình thế đó, cánh quân Pháp gồm 10 xe tăng, xe bọc thép, xe vận tải từ Cửa Bắc sau khi đánh chiếm xong khu vực Yên Phụ, liền chuyển hướng theo

đường đê tiến về đầu cầu Long Biên nhằm hợp lực với đồng bọn từ phía tháp nước tròn đánh thông đường Hàng Đậu. Mặt trận trở nên hết sức khốc liệt. Tự vệ cùng anh em Vệ quốc đoàn do đồng chí Nguyễn Hùng, đại đội phó Vệ quốc đoàn chỉ huy kiên quyết chặn đánh bọn này ở bờ sông và đầu đường Trần Nhật Duật. Tổ đánh bom của tự vệ gồm các đồng chí Ngà, Tố, Kế, Cồn phối hợp với tổ trung liên của đồng chí Thường ở số 4 Hàng Đậu đã lao ra đặt mìn làm nổ tung dốc cầu. Đồng chí Ngà hy sinh, đồng chí Tố bị thương. Bọn địch hoang mang cụm lại ở dọc cầu dùng hoả lực chi viện.

Từ số 1 Hàng Đậu, trung đội trưởng Vệ quốc đoàn Nguyễn Duân chỉ huy tự vệ và bộ đội bắn vào bọn địch co cụm ở dốc cầu. Phát hiện được hoả điểm quan trọng này, địch dùng hoả lực trên xe thiết giáp bắn chi viện cho lính xông vào nhà số 1.

Quân ta kiên cường cầm cự cho tới khi gần hết đạn thì rút về Yên Phụ và khu vực phố Hàng Khoai.

Sau 3 giờ chiến đấu, địch bị chết 10 tên, bị phá hủy 3 xe bọc thép, 1 xe Jeép. Về phía ta 3 đồng chí bị hy sinh, 1 đồng chí bị thương. Đây là một trận đánh quyết liệt hết sức anh dũng mở đầu đợt chống trả quân địch.

Với cánh đánh chủ động tiến công, triệt để lợi dụng những ngôi nhà kiên cố hai bên phố, kết hợp với các bãi.. chướng ngại nhiều tầng, nhiều lớp, các vũ trang nhân dân khu vực phố Hàng Đậu đã chặn đứng bước tiến quân của bộ binh cơ giới địch suốt 3 tiếng đồng hồ, gây cho chúng nhiều thiệt hại.

Trận đánh trên đường Hàng Đậu, đặc biệt tại quãng đường ngã ba Hồng Phúc - Hàng Đậu là bản anh hùng ca về cuộc chiến tranh trên đường phố của quân dân Hà Nội. Kết quả của trận chiến đấu đã củng cố thêm lòng tin cho cán bộ chiến sĩ và nhân dân về khả năng tác chiến giữ gìn chân địch dài ngày

trong thành phố để cả nước có thời gian chuyển vào kháng chiến. Trận đánh cũng để lại nhiều kinh nghiệm về chiến thuật đánh địch trên đường phố.

Cùng lúc diễn ra trận đánh ở Hàng Đậu, cánh quân lớn nhất của Pháp với khoảng 300 lính lê dương, 18 xe tăng, xe bọc thép từ trong Thành theo đường Cột Cờ, Tràng Thi đánh chiếm đồn công an Hàng Trống, Nhà Hát Lớn và Bắc Bộ Phủ.

Tại đồn công an Hàng Trống, một trung đội công an xung phong giữ vững vị trí chiến đấu trong nhiều tiếng đồng hồ, sau đó chủ động rút sang nhà in Tê-rê-xa¹ (Nay là trụ sở báo Hà Nội mới).

Ở Nhà Hát Lớn thành phố, trung đội Vệ quốc đoàn đã kiên cường chống trả các đợt tiến công của một đại đội lính Pháp có nhiều xe tăng, xe bọc thép. Địch dùng pháo 75mm bắn thẳng vào các vị trí phòng ngự của ta. Bộ binh chúng mở cửa vượt cửa mở tràn vào. Xe tăng, xe bọc thép chạy xung quanh bao vây tấn công và uy hiếp tinh thần bộ đội ta. Rạng sáng ngày 20 tháng 12, địch chiếm được tầng dưới. Quân ta rút lên tầng hai cố thủ. Khoảng 4 giờ sáng trung đội phó Đất và các chiến sĩ còn lại sau khi chiến đấu đến viên đạn cuối cùng, hầu hết bị thương nặng đã sa vào tay giặc. Kẻ thù dụ dỗ và tra tấn dã man vẫn không khuất phục được các chiến sĩ - những người con trung dũng của Thủ đô thề quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh. Cảm tức trước dũng khí cách mạng của các chiến sĩ, chúng đã đem các chiến sĩ bị bắt ra xử bắn. Các dũng sĩ Nhà Hát Lớn thành phố - những người con bất tử của Thủ đô đã nêu một tấm gương ngời sáng về chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam.

Bắc Bộ Phủ là một mục tiêu trọng yếu đối với địch. Khu vực này bao gồm các công thự của Bộ Nội vụ, Bộ Lao động² (Nay là trụ sở Bộ Lao động Thương binh - Xã hội, phố Ngô Quyền) Bộ Bưu điện³ (Nay là Bưu điện Bờ Hồ), Nhà Thương mại, Sở Kiểm duyệt¹ (Nay là Bưu điện quốc tế phố Đinh Tiên Hoàng) và Bắc Bộ Phủ² (Nay là nhà khách Chính phủ, phố Ngô Quyền), nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh làm việc. Do tập trung các cơ quan chính

quyền của ta, khu vực này là mục tiêu trọng yếu trong âm mưu của địch. Vì vậy nhiều ngày trước khi chiến tranh bùng nổ, Bộ chỉ huy Pháp đã điều hơn 200 lính đến đóng trên gác hai khách sạn Mê-tơ-rô-pôn đối diện với Bắc Bộ Phủ, sẵn sàng hành động khi có lệnh. Tuy Chủ tịch Hồ Chí Minh và các cơ quan của ta đã rút hết ra ngoài, song đối với cán bộ, chiến sĩ Chiến khu XI, được giao nhiệm vụ ở lại chiến đấu. Việc địch đánh vào Bắc Bộ Phủ là đánh vào biểu tượng của chính quyền cách mạng của nhân dân ta, vì vậy ta chủ trương chặn đánh một trận quyết liệt ở Bắc Bộ Phủ, không cho chúng đánh chiếm dễ dàng rồi rút lui bảo toàn lực lượng.

Bắc Bộ Phủ là một dinh thự ba tầng kiên cố, mặt tiền ngoảnh ra phố Ngô Quyền nằm trong một khu vườn có hàng rào sắt bao quanh, có hè rộng khoảng 20m. Bên kia đường là khách sạn Mê-tơ-rô-pôn nơi địch có 200 quân cải trang ếm sẵn. Phía đông bắc có một quảng trường khá rộng phía trước nhà Ngân hàng Đông Dương. Phía bắc có vườn hoa Chí Linh (nay là vườn hoa Lý Thái Tổ). Bên kia vườn hoa là Toà Thị chính. Phía nam Bắc Bộ Phủ là trụ sở Bộ Nội vụ, Bộ Lao động, sở Kiểm duyệt, cuối cùng là những dãy nhà ba tầng kiên cố hình chữ u ngoảnh mặt ra đường Ngô Quyền. Phía sau Bắc Bộ Phủ (tức phía tây) là Sở Bưu điện, Phòng Thương mại.

Việc phòng thủ Bắc Bộ Phủ được bố trí trên một diện rộng do đại đội 1 tiểu đoàn 101 phụ trách. Đại đội do đồng chí Mộng Hùng làm đại đội trưởng và đồng chí Lê Gia Đình là chính trị viên. Đại đội đã bố trí 1 trung đội ở Rạp Ê-đen (nay là rạp Công Nhân), khách sạn Gà Trống Vàng (nay là khách sạn Dân Chủ), Phòng Thương mại. Một tiểu đội bộ đội cùng với tự vệ bưu điện phòng giữ nhà Bưu điện. Riêng ở trong khuôn viên Bắc Bộ Phủ bố trí 2 trung đội vệ quốc đoàn: 1 trung đội ở tiền duyên sát bờ rào, tại đây có hào chiến hào và xây dựng ụ súng, một trung đội bố trí ở tầng hai, tầng ba. Hai tổ bom ba càng bố trí một tổ ở trước nhà, một tổ phía sau nhà. Hai quả bom 150kg được chôn trên lối ra vào dinh thự, ở hai đầu bậc lên xuống cửa lớn.

Trong đợt tiến công thứ nhất, lúc 24 giờ ngày 19 tháng 12, chúng cho xe tăng

dùng hỏa lực mạnh yểm trợ cho bộ binh tiến công chính diện vào Bắc Bộ Phủ. Từ hào giao thông, ụ chiến đấu bảo vệ vòng ngoài, từ các tầng gác cao, các chiến sĩ ta chống trả quyết liệt. Nhiều lính Pháp trúng đạn bắn thẳng của ta đổ gục trước khách sạn Gà Trống Vàng và cửa hàng công nghệ phẩm của hãng Sáp-phăng-giông¹ (Nay là hiệu sách quốc văn Tràng Tiền).

Sau khi tổ chức lại lực lượng, khoảng 3 giờ sáng ngày 20 tháng 12, địch lại tiến công lần thứ hai vào Bắc Bộ Phủ. Hai xe tăng địch hạ nòng pháo bắn yểm hộ cho bộ binh địch xung phong. Phải tiêu diệt xe tăng, dập tắt khối hỏa lực cơ động nguy hiểm chỗ dựa chủ yếu của bộ binh địch. Một chiến sĩ quyết tử ôm bom ba càng khéo léo tiếp cận đâm thẳng bom vào xe địch. Chiếc xe đứng khựng lại bốc cháy. Bộ binh theo xe hoảng sợ nằm phục xuống lòng đường bắn loạn xạ, khi chiếc xe thứ hai tiến đến, người chiến sĩ ấy lại ôm bom lao cả người vào xe địch. Bom không nổ, đồng chí chiến sĩ quyết tử đã hy sinh oanh liệt.

Không đánh chiếm được Bắc Bộ Phủ, quân Pháp bỏ dở cuộc tiến công, đợi trời sáng khi có thêm viện binh sẽ đánh tiếp.

Tại các cửa ô và các làng ngoại thành, khi tiếng súng kháng chiến bùng nổ, các tổ chức quần chúng nhanh chóng tổ chức thành đội ngũ chuẩn bị vũ khí, lương thực đợi trời sáng kéo vào nội thành cùng các lực lượng vũ trang chiến đấu.

Đồng bào nội thành sát cánh cùng tự vệ nổ mìn, phá cột điện, cửa chặt cây, lật đổ những toa xe lửa, xe điện chắn ngang đường phố chặn xe cơ giới địch. Ở nhiều khu phố đồng bào khuôn vác những đồ đạc công kênh của nhà mình như tủ chè, sập gụ, bàn ghế, giường phản ra đường xây dựng bãi chướng ngại, ụ chiến đấu. Trên các trục đường chính và hầu hết các phố phường Hà Nội đâu đâu cũng xuất hiện những hào chặn chiến xa, công sự, ụ chiến đấu.

Tại các phố Hàng Bông, Hàng Gai nhiều ụ chiến đấu được xếp bằng những kiện bông, kiện tơ. Ở các phố Hàng Hòm, Hàng Quạt, Sinh Từ nhiều vật chướng ngại được xếp bằng những cây gỗ lớn. Ở phố Hàng Bát nhiều đồ sứ quý giá cũng được sử dụng làm vật chướng ngại. Trong các dãy phố, nhân dân, tự vệ, bộ đội, công an xung phong đục tường, đào hào thông từ nhà nọ sang nhà kia tạo nên những con đường bí mật để cơ động lực lượng khi tác chiến. Nhiều người đem gạo, tiền bạc, thuốc men đến ủng hộ lực lượng vũ trang nhân dân Thủ đô đánh giặc. Riêng số gạo do đồng bào khu Hoàn Kiếm và khu Đông Thành ủng hộ đã hơn 10 tấn. Các loại thực phẩm như mắm, muối, đỗ, đậu các loại cũng đều dăm bảy tấn.

Bằng những hoạt động đó, các lực lượng vũ trang nhân dân Thủ đô cùng đồng bào Hà Nội đã chính thức chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược, mở đầu cuộc Kháng chiến toàn quốc.

Theo thông báo của Bộ Tổng chỉ huy, trong đêm 19 tháng 12, địch ở nhiều thành phố, thị xã khác cũng bị đánh. Do nhận được lệnh muện, Nam Định nổ súng lúc 0 giờ 30 phút ngày 20 tháng 12, Huế lúc 2 giờ 30 phút, Hải Dương lúc 3 giờ, Bắc Ninh, Bắc Giang lúc 3 giờ, Vinh lúc 3 giờ.

Nhờ gần Trung ương, Hà Nội chuẩn bị tốt, chấp hành mệnh lệnh đúng giờ quy định nên có vinh dự nổ súng đầu tiên mở đầu Kháng chiến toàn quốc.

Sáng ngày 20 tháng 12 năm 1946, Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh theo làn sóng điện của Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam đã được truyền đến đồng bào và chiến sĩ cả nước. Đồng thời đây cũng là lời tuyên bố với nhân dân thế giới cuộc kháng chiến chính nghĩa của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà chống thực dân Pháp xâm lược bắt đầu.

“Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên!

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước.

Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân!

Giờ cứu nước đã đến. Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, để giữ gìn đất nước. Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta!

Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm!

Kháng chiến thắng lợi muôn năm!”¹

(Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, 2000).

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh là lập trường chính nghĩa của dân tộc Việt Nam, một dân tộc yêu chuộng hoà bình, tự do và độc lập. Vì tự do và độc lập, dân tộc Việt Nam quyết tâm chiến đấu hy sinh đến giọt máu cuối cùng.

Lời kêu gọi của Bác Hồ là lời hiệu triệu của non sông đất nước kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước nhất trí đồng lòng, triệu người như một, nhất tề đứng dậy chống thực dân Pháp, cứu nước cứu nhà.

Ngày trong sáng 20 tháng 12 năm 1946, các báo xuất bản ở Hà Nội như “Đồng Xuân”, “Tiền phong”, “Đông Kinh Nghĩa Thục”, “Cảm tử”, “Tiền phong” và “Chiến thắng” đều đăng trọng thể lời kêu gọi của Bác. Các đội tuyên truyền xung phong đã đến tận chiến hào chuyển lời kêu gọi của Bác tới các chiến sĩ. Các đồng chí Trần Quốc Hoàn, đặc phái viên của Trung ương. Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng chỉ huy cùng đồng chí Hoàng Văn Thái, Tổng tham mưu trưởng đến sở chỉ huy Mặt trận Hà Nội truyền đạt lời kêu gọi của Bác, thăm hỏi các lực lượng vũ trang nhân dân và đồng bào Thủ đô. Các đồng chí Trần Quốc Hoàn, Võ Nguyên Giáp, Vương Thừa Vũ đến thăm đại đội tự vệ công nhân phố Khâm Thiên. Đồng chí Hoàng Văn Thái cùng chính trị viên Trần Độ xuống kiểm tra đơn vị pháo binh ở pháo đài Láng. Đồng chí Tổng chỉ huy còn dặn dò cán bộ, chiến sĩ Thủ đô nêu cao hơn nữa truyền thống của Thủ đô. Phải giam chân địch, tiêu hao thật nhiều sinh lực địch, bảo toàn lực lượng ta, tạo điều kiện cho cả nước chuẩn bị kháng chiến. Các đơn vị không vì thắng lợi mà chủ quan khinh địch,

cũng không vì một vài thất bại mà thiếu quyết tâm tin tưởng. Phải chuẩn bị chiến đấu trong những điều kiện khó khăn ác liệt nhất. Phải xứng đáng với vị trí của người cầm súng chiến đấu bảo vệ Thủ đô.

Cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân Thủ đô quyết tâm thực hiện nghiêm chỉnh những lời căn dặn của đồng chí Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Đáp lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chấp hành mệnh lệnh chiến đấu của Bộ Tổng chỉ huy, phối hợp chiến đấu với Hà Nội, đồng bào và chiến sĩ cả nước đã anh dũng xông tới mặt trận chống quân thù.

Nhiều khẩu hiệu được kẻ lên tường khắp trên đường phố Hà Nội, nhất là tại Liên khu 1, địa bàn trung tâm và đông dân cư nhất của Hà Nội. Những khẩu hiệu này cổ vũ tinh thần chiến đấu quyết tử của quân dân Thủ đô: “Hà Nội mồ chôn giặc Pháp”, “Thà chết vinh còn hơn sống nhục”, “Quyết sống chết với Thủ đô”, “Hà Nội - Xta-lin-grát”, “Thà chết không chịu làm nô lệ”.

Ở thị xã Hải Dương, đêm 19 tháng 12, trung đoàn 44 phối hợp với quần chúng tiến công quân Pháp tại trường nữ học, cầu Phú Lương... Tại Nam Định, trung đoàn 57, Chiến khu IV cùng lực lượng tự vệ bất ngờ bao vây tiến công quân Pháp trong sân bay, buộc một trung đội lính Pháp có cả sĩ quan phải đầu hàng. Tại Đà Nẵng, sáng 20 tháng 12 năm 1946, quân và dân thành phố dùng địa lôi phá sập cầu Thủy Tú, cầu Cẩm Lệ ở ngoại vi thành phố và tiến công nhiều vị trí địch. Tại Nam Bộ, quân ta đẩy mạnh chiến tranh du kích, quân và dân ở nhiều thành phố thị xã cũng tiến quân vây hãm quân địch.

Tại Hà Nội, nhiều trận đánh từ đêm 19, khi bắt đầu nổ súng kháng chiến, tiếp tục diễn ra khắp trung tâm thành phố. Quyết liệt nhất vẫn là trận chiến đấu bảo vệ Bắc Bộ Phủ.

Khoảng 6 giờ sáng ngày 20 tháng 12, sau khi chiếm được Nhà Hát Lớn, lại có thêm lực lượng từ Đồn Thủy lên, địch triển khai 4 xe tăng, 8 xe bọc thép cùng 1 đại đội bộ binh trên quảng trường Nhà ngân hàng Đông Dương tiến vào đường Ngô Quyền để tiến công vào chính diện Bắc Bộ Phủ, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động, Sở Kiểm duyệt. Hai xe tăng bắn pháo mở đường, theo sau là bộ binh tiến sát hàng rào sắt Bắc Bộ Phủ. Ta dựa vào chiến hào ở tiền duyên bắn súng trường, ném lựu đạn vào bộ binh diệt nhiều tên, đánh lui được địch, một bộ phận địch bị dạt sang vườn hoa Con Cóc. Đợt tiến công thứ ba bị đẩy lùi.

9 giờ sáng ngày 20 tháng 12, địch tổ chức đợt tiến công thứ tư. Pháo, cối và pháo của xe tăng bắn mãnh liệt vào ngôi dinh thự. Hai xe tăng đã tiến vào húc đổ 2 đoạn hàng rào ở chính diện rồi tiến vào sân, theo sau mỗi xe tăng là 1 trung đội bộ binh xông lên. Hai tổ bom ba càng đã dũng cảm chặn đánh, diệt cả 2 xe tăng, bộ binh ta dùng mìn tẩu, kiếm, súng trường đồng loạt ném lựu đạn phản kích mãnh liệt, diệt trên 10 tên địch, chúng phải rút chạy ra ngoài hàng rào.

Gần trưa, địch tổ chức đợt tiến công thứ 5. Sau khi pháo hỏa chuẩn bị, chúng tổ chức xung phong liên tiếp mấy lần vào chính diện nhưng vẫn bị chặn lại. Chúng chuyển sang vườn hoa Chí Linh đánh vào sườn trái Bắc Bộ Phủ. Một tiểu đội Vệ quốc đoàn cùng tự vệ Bưu điện đã chống trả quyết liệt. Một bộ phận địch đột nhập vào được nhưng đến 14 giờ bị ta phản kích đánh bật ra.

15 giờ, sau khi pháo hỏa chuẩn bị, địch lại tổ chức tiến công lần thứ 6 vào chính diện. Lúc này ta đã gần hết đạn và lựu đạn, tiếp tục kéo dài trận đánh sẽ không có lợi, ban chỉ huy đại đội quyết định rút lực lượng chủ yếu sang cố thủ tại nhà Bưu điện. Chính trị viên đại đội Lê Gia Đình chỉ huy bộ phận còn lại quyết tử chiến đấu đến cùng. Địch chiếm tiền duyên và xông lên nhà dinh thự. Ta giật 1 quả bom ở chân tam cấp diệt nhiều địch. Ngừng một thời gian, địch lại xung phong phía tam cấp đối diện. Ta giật quả bom thứ 2 không nổ. Chính trị viên Lê Gia Đình xông lên đập kíp, nhưng bom không nổ. Trước hành động dũng cảm của anh, bọn địch hoảng hốt rút lui, cả bộ binh, xe tăng

chạy ra ngoài hàng rào nổ súng ác liệt vào sân và cửa dinh thự. Dưới làn đạn ác liệt của kẻ thù, đồng chí Lê Gia Đình đã hy sinh anh dũng.

Tấm gương chiến đấu xả thân vì sự nghiệp bảo vệ tổ quốc, bảo vệ Thủ đô sáng ngời chủ nghĩa anh hùng cách mạng của Lê Gia Đình được nêu cao trong toàn Liên khu 1. Anh được truy tặng danh hiệu “Người quyết tử quân số một của Liên khu”. Lê Gia Đình, người chiến sĩ vệ quốc một năm trước đây cùng chi đội Giải phóng quân về Hà Nội đã ngã xuống tại Bắc Bộ Phủ, anh đã giữ trọn lời thề: “Quyết không cho kẻ thù chiếm nhà Cha Hồ”.

Sau khi nắm được tình hình, Ủy ban kháng chiến Liên khu 1 đã lệnh cho đại đội 1 rút sang Toà Thị chính để bảo toàn lực lượng. Đại đội đã rút sau khi đánh bại đợt tiến công thứ 6 của địch.

Kết quả, sau một đêm và một ngày chiến đấu kiên cường, 45 cán bộ, chiến sĩ đại đội 1 tiểu đoàn 101 Vệ quốc đoàn đã hy sinh anh dũng. Giặc chiếm được Bắc Bộ Phủ nhưng chúng đã phải trả một giá đắt, hơn một trăm tên lính bị tiêu diệt, nhiều xe tăng, thiết giáp, xe vận tải quân sự bị phá hỏng.

Trận chiến đấu phòng ngự Bắc Bộ Phủ là trận đánh lớn nhất, ác liệt nhất, kéo dài nhất trong ngày đầu kháng chiến ở ngay trung tâm thành phố. Tinh thần chiến đấu kiên cường cùng các chiến thuật đã sử dụng trong trận đánh của cán bộ, chiến sĩ đại đội 1 tiểu đoàn 101 đã để lại cho các lực lượng vũ trang nhân dân Thủ đô nhiều kinh nghiệm quý báu. Quân đội xâm lược nhà nghề khét tiếng tàn bạo cũng khiếp đảm trước ý chí chiến đấu của quân và dân ta, chúng không dám hung hăng, kiêu ngạo như trước.

Trong ngày 20, địch còn cho máy bay thả xăng đốt cháy cả khu Long Biên ở ven sông, Ủy ban kháng chiến khu phố, các đội cứu thương xông ra cứu dân vào trong đê rồi tổ chức cho dân tản cư.

Ở phía tây Liên khu 1 từ sáng sớm, xe tăng, thiết giáp cùng bộ binh tiến chiếm các phố Hà Trung, Ngõ Trạm, Nguyễn Trãi (nay là phố Nguyễn Văn Tố), nhà thờ Tin lành rồi tiếp theo là Hàng Điều, Hàng Gà, nhà buôn Nhật Xi-nô-mu-ra, đình Thái Cam. Địch đánh rạp Ô-lanh-pi-a (nay là rạp Hồng Hà, trước chợ Hàng Da) bị ta kháng cự, phải lùi.

Khống chế được Hàng Đậu ở phía bắc, đường Tràng Thi, Hàng Khay, Tràng Tiền ở phía nam, Hàng Điều, Hàng Gà ở phía tây, địch bắt đầu hình thành thế bao vây, dồn lực lượng Liên khu 1 vào khu phố cổ.

Cánh quân từ trong Thành tiến theo đường Cửa Nam, Cột Cờ 1 (Tức phố Điện Biên Phủ ngày nay), Hàng Lọng trong đêm 19 tháng 12 khi đến ngã tư Hàng Lọng thì bị tự vệ chặn đánh. Công nhân xe lửa dùng toa tàu chở đá chặn ngang đường sắt. Không tiến được, từ Cửa Nam địch phải rẽ theo đường Tràng Thi, Quán Sứ, chiếm Viện Radium (Viện K ngày nay), Hoả Lò, Toà án. Đến gần sáng chiếm Sở hoả xa Việt Điện (nay là trụ sở Tổng liên đoàn lao động), rồi chiếm Nha Công an.

Sáng ngày 20, địch đánh thông đường Hàng Lọng, cùng bộ phận từ nhà dầu Shell (phố Khâm Thiên) tiến lên giải vây bộ phận ở ga Hàng cỏ. Tiếp đó tiến công Nha Công an (nay là Bộ Công an) và trụ sở Đội Tự vệ chiến đấu Hoàng Diệu tại 107 Trần Hưng Đạo. 140 công an xung phong đã dũng cảm đánh trả quyết liệt diệt khoảng một trăm tên địch, phá một xe, ta bị thương vong 30 người, rồi rút sang khu Đấu Xảo cùng tự vệ chiến đấu giữ khu Đấu xảo (nơi có 1 đại đội Tự vệ chiến đấu Hoàng Diệu chốt giữ).

Ở 107 Trần Hưng Đạo ta chỉ có một tổ nhỏ đánh một lúc rồi rút. Tối 20 ta cũng rút khỏi Đấu Xảo đem theo nhiều dân. Qua đường Nguyễn Du thì bị

địch ở một hoả điểm bắn vào dân. Đây là hoả điểm của một ổ chiến đấu độc lập. Bộ đội, tự vệ phải tìm cách dùng hoả lực bịt hoả điểm đảm bảo cho dân rút.

Cũng sáng ngày 20, ở Liên khu 2, địch ở Đồn Thủy tiến ra chiếm lại Lò Đúc, Viện Pát-xơ, nhà Stai-quai (Phà Đen). Trong mấy ngày ta giành đi giật lại Stai-quai. Cuối cùng địch mạnh hơn, để bảo toàn lực lượng, ta buộc phải rút. Con đường rút lui khi cần thiết của ta ở phía nam đã bị địch vít kín.

Từ Đồn Thủy địch cho xe bọc thép cùng bộ binh giải vây cho rạp Ma-giét-xít nhưng bị ta chặn lại ở Hàm Long không tiến được. Ở Hàm Long ta chiến đấu suốt một ngày mới đánh lui được quân địch.

Ở Liên khu 3, ngày 20 địch ở Phủ Toàn quyền nống ra phố Ngọc Hà và phố Đội Cấn hòng đẩy lùi quân ta nhưng bị đánh lui.

Qua một ngày đêm chiến đấu ác liệt đầu tiên, quân và dân Hà Nội đã đánh trên 30 trận, loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm tên, phá huỷ nhiều xe tăng, xe bọc thép, xe vận tải của địch, tiêu diệt nhiều vị trí nhỏ và ổ chiến đấu lẻ của địch. Trong điều kiện so sánh lực lượng quá chênh lệch, quân ta còn ấu trĩ về cách đánh, lần đầu tiên trực tiếp đánh địch, đạt được thành tích như vậy là rất quan trọng. Một ngày đêm thử lửa với một số kết quả đã làm vững tâm cán bộ, chiến sĩ Thủ đô. Hiện tượng bờ ngõ, lo lắng của mọi người, thậm chí sợ hãi, dao động của một số người đã qua đi. Anh em thấy rõ dù địch có ưu thế to lớn về binh khí kỹ thuật, dù bom đạn ác liệt, dù hoả lực địch rất mạnh, nhưng địch vẫn có những điểm yếu, ta có thể đánh và trụ lại nhiều ngày.

Các trận đánh oanh liệt của ta ở Hàng Đậu, ở Nhà Hát Lớn, Bắc Bộ Phủ, Nha

Công an khiến cho địch không còn hung hăng coi thường ta như trước. Chúng trở nên khiếp sợ, sợ bom ba càng, sợ mìn, sợ lựu đạn, sợ tinh thần dũng cảm của ta.

Toàn bộ lực lượng địch ở Hà Nội được huy động, không còn lực lượng dự bị.

Trước tình thế đó, Bộ chỉ huy của địch ở miền Bắc đã lệnh cho quân địch ở Hải Phòng, phải gấp rút đánh thông ở đường quốc lộ số 5 để đưa lực lượng tăng viện cho Hà Nội, đồng thời rút tiểu đoàn Bắc Ninh, Bắc Giang đánh mở thông đường 5. Va-luy đã kêu gọi binh lính: “Hãy nghiêng răng chịu đựng trước cuộc xung đột đang diễn ra ác liệt... chẳng bao lâu nữa, các bạn sẽ được tăng viện và tiếp tế”. Ông ta cố giật gấu vá vai để đưa quân từ miền Nam ra và điện về Pa-ri để xin tăng viện gấp.

Ngày 21 tháng 12, địch tiếp tục đánh chiếm các mục tiêu quan trọng trong thành phố. Từ sớm chúng tổ chức tiến công trụ sở Bộ Quốc phòng và trại Vệ quốc đoàn trung ương.

Trụ sở Bộ Quốc phòng đóng tại trường nữ học Đồng Khánh (nay là Trường Trưng Vương), ở 28 Hàng Bài. Đây là một ngôi nhà kiên cố ba tầng, mặt tiền ở phía đông trông ra phố Hàng Bài, cửa phía nam trông ra phố Lý Thường Kiệt, các phía bắc và tây là nhà dân. Chuẩn bị kháng chiến, cơ quan Bộ Quốc phòng đã di chuyển ra ngoài thành phố. Phòng ngự tại đây có một trung đội thuộc tiểu đoàn 77 cùng 2 tiểu đội tự vệ khu đại học do trung đội trưởng Phan Hào chỉ huy. Anh em đã làm lễ tuyên thệ quyết tử, xây dựng kế hoạch phòng ngự, đào hào chiến đấu và công sự chuẩn bị.

Ngay từ 8 giờ sáng, quân địch với xe tăng và thiết giáp dẫn đầu từ Thành theo đường Hai Bà Trưng và Lý Thường Kiệt đánh vào phía đông và phía nam trụ sở. Chúng cho xe tăng bắn pháo và 12,7mm vào nhà ngang rồi cho bộ binh

xung phong. Trung liên của ta bắn ra quyết liệt chặn diệt nhiều tên, địch tháo chạy, một số nấp ở bờ tường bắn trả. Ở mặt Hàng Bài xe thiết giáp áp sát bờ rào dùng trung liên bắn vào cửa sổ nhà chính. Quân ta từ gác hai ném lựu đạn và chai xăng cơ-rếp xuống buộc xe địch phải dạt ra giữa đường. Chúng đưa hỏa lực sang nhà đối diện bắn mạnh vào các tổ súng trường của ta rồi cho bộ binh xung phong. Ta chờ địch đến gần, dùng lựu đạn và súng trường diệt địch. Đến 11 giờ trưa, địch vẫn không đột phá nổi. Chúng cho quân ra xa, dùng máy bay ném 4 quả bom làm sập dãy nhà ngang và một góc phía bắc dãy nhà chính.

Ta vẫn kiên trì chặn địch.

Tuy nhiên, dưới bom đạn ác liệt của địch, nhiều đồng chí, trong đó có trung đội trưởng Phan Hào đã anh dũng hy sinh, cầm cự đến 15 giờ, lực lượng ta còn khoảng 2 tiểu đội, đã tổ chức chôn cất cho các đồng chí hy sinh, đưa thương binh theo đường Mai Hắc Đế1 (Nay là phố Bà Triệu, thời gian trước Cách mạng tháng Tám và trong thời tạm chiếm, còn gọi là phố Gia Long) rút lui. Kết quả, trận phòng ngự tại đây khoảng 60 tên địch bị tiêu diệt, ta thương vong 2 tiểu đội, tuy lực lượng tổn thất nhưng đã hoàn thành nhiệm vụ chặn địch không cho chúng đánh chiếm một cách dễ dàng.

Trong ngày 21 tháng 12, địch cũng đồng thời tấn công trại Vệ quốc đoàn trung ương ở 40 Hàng Bài. Đây là một trại lính khố xanh cũ hồi Pháp thuộc. Phía đông trại là phố Hàng Bài đối diện là rạp Ma-giét-xtic (nay là rạp Tháng Tám). Phía nam trại là phố Trần Hưng Đạo, đối diện là nhà cổ văn Bảo Đại2 (Nay là 51 Trần Hưng Đạo, trụ sở Trung ương Hội liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam). Phía bắc và phía tây là nhà dân và cơ quan. Bốn phía xung quanh doanh trại có 4 lô cốt cao, tường mỏng, lợp ngói, có lỗ châu mai. Phía đông và phía nam có rào sắt. cổng chính mở ra phố Hàng Bài. Cổng có chòi cao. Đi vào cổng là một sân rộng rồi đến nhà của cơ quan chỉ huy, nhà ở của binh sĩ, nhà ăn và kho ở phía sau. Ta có hai trung đội của đại đội 3 tiểu đoàn 77 phòng giữ.

Địch tổ chức tiến công trại Vệ quốc đoàn sau khi ta đã làm chủ rạp Ma-giét-xtíc và tiêu diệt ổ chiến đấu độc lập của chúng ở phố Vọng Đức trong đêm 19 và đêm 20 tháng 12.

7 giờ sáng 21 tháng 12 địch bắt đầu tiến công trại. Chúng cho pháo bắn phá mãnh liệt mở màn trận đánh. Tám giờ, 4 tăng và thiết giáp cùng xe chở bộ binh theo đường Trần Hưng Đạo chia làm hai bộ phận từ hai phía nam và đông đánh vào doanh trại. Bộ phận ở phía Hàng Bài chiếm lại rạp Ma-giét-xtíc, rồi đặt súng bắn mãnh liệt vào chính diện của trại, chi viện cho bộ binh xung phong.

Từ 8 giờ đến 11 giờ, dựa vào chiến hào và công sự sát tường rào, trung đội 2 do Vũ Quang Bình chỉ huy ở hướng đông và trung đội Nguyễn Văn Quý chỉ huy ở hướng nam đã đánh lui 3 đợt xung phong của địch, diệt nhiều tên. Không đột phá được, địch cho quân lui ra rồi cho máy bay ném 2 quả bom 50kg vào khu nhà phía bắc. Nhà sập, nhưng quân ta đang bố trí trong công sự, chiến hào nên không bị tổn thất. Sau trận bom, địch cho xe tăng xông vào cổng chính tiến vào sân. Cả hai trung đội theo đường Bà Triệu rút lui. Ta thương vong khoảng 15 người, địch bị giết và bị thương khoảng 50 tên. Trong trận này thiếu sót của ta là không giữ được rạp Ma-giét-xtíc và nhà Bảo Đại (tức những điểm đối diện) để cho địch lợi dụng.

Trước tình hình địch tiến công một loạt các vị trí của ta từ Hàng Bài đến phố Huế ở Liên khu 2, Bộ chỉ huy Chiến khu động viên các đơn vị kiên cường bám trụ, đồng thời tăng cường lực lượng do trên chi viện tới khu vực này. Theo lệnh của Bộ Tổng Tham mưu, tiểu đoàn 56 Hà Đông, do tiểu đoàn trưởng Nguyễn Anh Độ và chính trị viên Lê Thanh phụ trách tiếp tục đưa 2 đại đội 2 và 4 ra chiến đấu ở Hà Nội. Đại đội 2 do Vũ Công Định làm đại đội trưởng, Lê Chí Thực làm chính trị viên, đại đội 4 do Lâm Văn Do làm đại đội trưởng, Trần Quân Lập làm chính trị viên. Tiểu đoàn bộ và đại đội 4 bố trí

chiến đấu từ Ô Cầu Dền tới ngã tư Trung Hiền. Đại đội 2 bố trí ở Việt Nam Học Xá là lực lượng cơ động của tiểu đoàn.

Chiếm xong trụ sở Bộ Quốc phòng và trại Vệ quốc đoàn trung ương, ngày 22, địch đánh chiếm Tòa Thị chính (nay là Ủy ban nhân dân thành phố). Đây là một khu nhà kiên cố hai tầng. Để không cho địch đánh chiếm một cách dễ dàng khu nhà quan trọng này, Liên khu 1 lấy một trung đội Vệ quốc đoàn vốn là Giải phóng quân ở Việt Bắc về để phòng giữ.

Vì đã vấp phải sự kháng cự kiên quyết của quân ta ở Bắc Bộ Phủ, trong trận này địch thận trọng hơn. Sáng ngày 22 chúng bắt đầu tiến công. Sau khi hỏa lực phi cơ, pháo binh chuẩn bị dữ dội, chúng cho 3 xe tăng và 5 xe bọc thép dẫn bộ binh xung phong. Quân ta chờ địch tiến gần mới bắn, đánh lui 3 đợt xung phong của địch. Trong suốt ngày 22 địch không đột phá được. Để bảo toàn lực lượng, tối 22 ta chủ trương rút lui sau khi đã diệt khoảng 30 địch, thu được 10 súng trường và 2 tiểu liên. Sáng 23 địch mới chiếm được Tòa Thị chính.

Ngày 23, để dồn hẹp phạm vi của ta ở nam Liên khu 1, quân Pháp từ Tràng Thi theo các đường Cửa Nam, Quán Sứ, Phủ Doãn, Lý Quốc Sư tiến đánh Hàng Bông. Các đội tự vệ chặn đánh quyết liệt, nhưng vì địch mạnh, nên ta dồn về Hàng Da, Hàng Nón; do đó nhiều chỗ bị trống.

Liên khu 1 kịp thời đưa một tiểu đội Vệ quốc đoàn đến phòng thủ, nhất là cố giữ cho được khách sạn A-si-a1 (Đây là một nhà cao ba tầng trên phố Hàng Bông, lúc bấy giờ là điểm cao đột xuất ở khu vực này. Từ trên cao có thể quan sát tới các phố Phủ Doãn, Tràng Thi). Địch tập trung để chiếm, dùng pháo bắn trúng các cửa ngõ, nhưng bộ binh xung phong đều bị ta đánh bật. Một xe tăng húc vào tường bị chai xăng cơ-rếp đốt cháy. Địch tìm cách kéo ra rồi rút, không chiếm được khách sạn. Cuộc tiến công Hàng Bông lần thứ nhất bị thất bại.

Trong thời gian này, địch đã có ý định nống ra khu vực phía nam và các cửa ô thuộc Liên khu 2.

Ngày 21 tháng 12 địch huy động lực lượng tấn công ngã năm Lò Đức, ngã tư Lò Đức - Nguyễn Công Trứ và nhà rượu. Tại ngã năm Lò Đức, mặc dầu địch dùng pháo 75mm bắn phá vào ụ chiến đấu nhưng bộ binh của chúng không sao tiến lên được vì bị lực lượng tự vệ Chợ Hôm đánh chặn rất quyết liệt. Tại ngã tư Nguyễn Công Trứ - Lò Đức địch cũng vấp phải sự kháng cự mạnh của ta, đặc biệt bị các chiến sĩ của đại đội 15 đánh ngang sườn từ trong nhà thương chó. Địch phải vòng qua Phạm Đình Hồ vào Hoà Mã phá đổ tường vào trong nhà rượu. Tại đây quân địch lại vấp phải lực lượng chiến đấu của đại đội 1 tiểu đoàn 56 và 1 trung đội của đại đội 14 tiểu đoàn 77 cùng với 1 tiểu đội tự vệ của tiểu khu Chùa Vua. Cuộc chiến đấu trong nhà máy rượu diễn ra hết sức ác liệt suốt từ 10 giờ sáng đến 18 giờ chiều, địch không sao chiếm được nhà máy rượu đành phải rút lui.

Ngày 22, địch từ Đồn Thủy đánh ra Lò Lợn định đánh xuống Ô Đống Mác nhưng vấp phải sức kháng cự của đại đội tự vệ Lò Đức không tiến lên được. Đại đội tự vệ khu vực Lò Đức là một đơn vị mạnh, gồm 3 trung đội được phân công bảo vệ từng địa bàn. Bị nhiều tổn thất, chúng phải cụm lại chờ viện binh.

Cùng ngày một mũi từ Lò Đức theo đường Nguyễn Công Trứ định tiến sang phố Duy Tân¹ (Nay là phố Huế) thì bị tự vệ Lò Đức và một đại đội của tiểu đoàn 56 (tăng cường cho tiểu đoàn 77) đánh chặn lại² (Đại đội này được gọi là đại đội hải ngoại, gồm các binh sĩ người Việt trong quân đội Pháp trước đây đóng ở Thượng Hải (tô giới của Pháp ở Trung Quốc dưới thời Tưởng Giới Thạch). Khi được tin nước nhà đã giành được độc lập, anh em đấu tranh đòi về nước. Pháp phải nhượng bộ, đưa về Hải Phòng. Đại đội này chiến đấu rất dũng cảm, bắn rất giỏi).

Tiểu đoàn 77, tiểu đoàn 212 và các đơn vị tự vệ khu vực Chợ Hôm, Lò Đúc đã phối hợp với nhau ngăn chặn có hiệu quả các cuộc tiến công của chúng ra ngoại thành.

Trong ngày 22, bằng cách bắn ngắm trực tiếp, pháo đài Láng đã bắn rơi một máy bay địch. Đây là chiếc máy bay bị rơi đầu tiên ở Hà Nội từ khi Kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

Ngày 23 tháng 12, địch theo đường Lê Văn Hưu tiến sang đường Nguyễn Du cùng với hướng chính từ ngã năm dốc Hàng Kèn đánh trụ sở Bộ Tổng Tham mưu (nay là trụ sở Tổng công ty bưu chính viễn thông). Đây cũng là một trong những trận đánh ác liệt nhất.

Trụ sở Bộ Tổng Tham mưu vốn là Trường học mồ côi Xanh Ma-ri của người Pháp ở số nhà 16 Nguyễn Du trước Cách mạng Tháng Tám (nay là số 18 Nguyễn Du). Đây là nơi Tổng tham mưu trưởng đầu tiên Hoàng Văn Thái xây dựng cơ quan tham mưu từ tay không, đã làm kế hoạch tổ chức bộ đội Nam tiến, kế hoạch dẹp những kẻ phản động trong Việt Quốc, Việt Cách và đặc biệt là bắt đầu làm kế hoạch Kháng chiến toàn quốc.

Từ tháng 11 năm 1946, cơ quan Bộ Tổng Tham mưu chuyển ra an toàn khu. Việc bảo vệ trụ sở giao cho tiểu đoàn 77, Chiến khu XI.

Trụ sở Bộ Tổng Tham mưu là một ngôi nhà hai tầng dài khoảng 30m, rộng 8m có hiên ở phía trước. Sau nhà có sân rộng. Bên phải của sân trước có ngôi nhà gỗ, nơi ngủ của vệ binh, phía sân sau có nhà ăn, nhà bếp, kho, nhà vệ sinh.

Mặt tiền của trụ sở hướng về phía nam, tức phía đường Nguyễn Du, chính giữa có cổng ra vào và trạm gác. Phía đông, cách trụ sở khoảng 60 - 70m có phố Duy Tân (nay là phố Huế), phía tây cách trụ sở 75 - 80m có phố Mai Hắc Đế (nay là phố Bà Triệu). Đường Nguyễn Du giao nhau với phố Mai Hắc Đế ở ngã năm dốc Hàng Kèn¹ (Dốc Hàng Kèn là đoạn dốc trên phố Bà Triệu ngay nay, từ Trần Hưng Đạo tới ngã năm Bà Triệu - Nguyễn Du - Hồ Xuân Hương). Cách trụ sở về phía sau, tức hướng bắc, khoảng 18m là đường Trần Quốc Toàn.

Ba phía đông, tây, bắc đều có nhà dân ở sát nhau. Đường duy nhất binh lính, xe tăng, thiết giáp địch có thể tiến đánh trụ sở là đường Nguyễn Du.

Một trung đội thuộc đại đội 1 tiểu đoàn 77 do trung đội trưởng Nguyễn Văn Thiêng (tức Trần Thành) chỉ huy được giao nhiệm vụ phòng thủ trụ sở Bộ Tổng Tham mưu. Trung đội có 3 tiểu đội, mỗi tiểu đội có 5 - 6 súng trường, còn lại là mìn búp da, mìn tẩu, mỗi người có 3 - 4 lựu đạn, phần lớn là loại lựu mìn Phan Đình Phùng. Toàn trung đội có 1 trung liên với khoảng 200 viên đạn, 1 quả bom ba càng.

Từ tháng 9 năm 1946 địch đã vài lần cho xe tăng thiết giáp chạy vòng quanh trụ sở khiêu khích đồng thời để tập dượt tiến công. Từ khi tình hình trở nên căng thẳng, bộ đội ta đã chuẩn bị kháng chiến, đục thông tường các nhà trên phố Nguyễn Du từ ngã năm Hàng Kèn đến ngã tư Nguyễn Du - Duy Tân (phố Huế ngày nay). Đục tường các nhà đều có đục lỗ châu mai. Ở phía nam sân trụ sở có đào chiến hào sát tường rào, từng đoạn có đục lỗ châu mai, có bao cát đắp ụ chiến đấu cá nhân. Ta phán đoán hướng tiến công chủ yếu của địch là từ ngã năm Hàng Kèn tới và hướng thứ yếu là từ phía phố Lê Văn Hưu sang.

Vì thế lực lượng của trung đội tập trung phòng ngự ở hướng tây: khẩu trung liên bố trí ở góc ngã năm Nguyễn Du phía dốc Hàng Kèn, 1 tiểu đội bố trí dọc các nhà đã đục tường từ dốc Hàng Kèn đến trụ sở. Tổ đánh bom ba càng cũng bố trí ở đây. Trên đường Nguyễn Du cách trụ sở khoảng 50m có đào hố và giao thông hào để tổ quyết tử cơ động ra đánh tăng. Một tiểu đội bố trí phòng thủ dọc chiến hào phía nam sân sát tường vây. Một tiểu đội được bố trí giữ ngôi nhà chính.

Phía đông ở góc Nguyễn Du - phố Duy Tân bố trí 1 nửa tiểu đội tự vệ sinh viên của khu Học xá với một đại liên hướng về đường Lê Văn Hưu. Ngoài ra còn đại đội tự vệ khu Chợ Hôm bố trí ở đường Lê Văn Hưu, ở khu phố Duy Tân. Anh em đã ngả cây, ngả cột điện, thiết lập nhiều chướng ngại đường phố, úp nhiều nôi niêu, xoong chảo, rổ rá, v.v... trên lòng đường. Dọc đường Bà Triệu có tự vệ của khu Bảy Mẫu. Nói chung việc phòng ngự được tổ chức liên hoàn, kết hợp lực lượng Vệ quốc đoàn với tự vệ trên một khu vực tương đối rộng.

Đêm ngày 19 tháng 12 năm 1946, sau khi Toàn quốc kháng chiến bùng nổ, nhiều thương binh và dân thường bị thương trong các trận đánh ở trung tâm thành phố được dồn về đây sơ cứu rồi chuyển ra ngoài. Có thể nói đây là một điểm cấp cứu ban đầu cho những người bị thương trong chiến đấu tại Hà Nội. Tới ngày 23, số bị thương lên tới khoảng 25-30 người. Do đó trận chiến đấu ở đây ngoài nhiệm vụ tiêu hao tiêu diệt địch giam chân chúng một thời gian, còn có nhiệm vụ bảo vệ thương binh trước khi được chuyển về phía sau. Trung đội hết sức quán triệt nhiệm vụ trên giao.

Một điều cần nói thêm về địch: Ở gần dốc Hàng Kèn về phía Mai Hắc Đế (tức Bà Triệu ngày nay) có một ổ chiến đấu độc lập của địch. Nguyên đây vốn là một cửa hàng của người Hoa bán đồ hộp, ngoài cửa treo cờ Trung Hoa dân quốc. Người Pháp bí mật đưa đến đây 1 tổ lính gồm 5 nam 1 nữ, ém sẵn ngay bên cạnh phía tây trụ sở Bộ Tổng Tham mưu mà ta không phát hiện được sớm. Khi ta có hiệu lệnh kháng chiến (tối 19 tháng 12), bọn này đã bắn vào dân tản cư và lực lượng vũ trang của ta. Ngày 21, đại đội trưởng đại đội 1 tiểu đoàn 77 đã dùng 1 trung đội Vệ quốc đoàn cùng 1 tiểu đội tự vệ bao vây

công kênh nhau lên gác phía sau nhà để tiêu diệt chúng nhưng không được.

Ngày 22 địch dùng lực lượng nhỏ từ hai hướng đông và tây mở 1 đợt tiến công thăm dò bị quân ta chặn đánh phải rút.

Ngày 23 tháng 12, địch mở cuộc tiến công lớn vào trụ sở Bộ Tổng Tham mưu. Khoảng 8 giờ sáng, địch bắt đầu pháo hoả chuẩn bị. Súng cối liên tiếp bắn vào trụ sở Bộ Tổng Tham mưu và dọc đường Nguyễn Du. Súng 12,7mm và 13,2mm từ ngã năm Hàng Kèn (Bà Triệu) cùng bắn mãnh liệt. Từ hai hướng, quân địch triển khai lực lượng tiến công ta:

Hướng thứ yếu ở phía đông, 1 đại đội có xe tăng dẫn đầu từ đường Nguyễn Công Trứ, đường Lê Văn Hưu đánh sang. Hướng này bị bộ đội ta và tự vệ chặn lại, địch không tiến được.

Hướng chủ yếu ở phía tây, địch cho 4 xe tăng và bọc thép cùng một đại đội lê dương mũ đỏ tiến công chiếm lại số nhà 63 Hàng Kèn (Bà Triệu) và bắn mạnh vào các nhà bên cạnh. Khẩu trung liên của ta do trung đội phó, 1 chiến sĩ quốc tế Nhật Bản tên là Mát-chư điều khiển đã phát huy hoả lực diệt một số địch. Các chiến sĩ của ta cơ động theo chiến hào bắn súng trường diệt địch. Ta cơ động nghi binh làm địch tưởng ta có nhiều quân, đồng thời để tránh ở cố định một chỗ để bị địch bắn trúng. Tổ cảm tử đánh tăng cùng trung đội trưởng Trần Thành theo hào giao thông ra bố trí ở giữa đường sẵn sàng đánh tăng.

Địch dùng cối và súng 12,7mm, 13,2mm tiếp tục bắn dồn dập vào vị trí phòng ngự của quân ta. Vì có nhiều chiến hào và công sự nên ta ít bị thương vong. Tiếp đó địch cho xe tăng dẫn bộ binh tiến từ ngã năm Hàng Kèn xung

phong vào vị trí phòng thủ của ta trên đường Nguyễn Du. Được khoảng 30m (cách trụ sở Bộ Tổng Tham mưu khoảng 50m), gặp hố và công sự của ta, chúng phải dừng lại. Trung đội trưởng Trần Thành xông lên bên sườn xe tăng, đâm bom ba càng. Chiếc xe đứt xích dừng lại. Trần Thành bị thương ở tay định bò về cổng Bộ Tổng Tham mưu. Khoảng 20 tên địch xông lên định bắt sống anh. Trần Thành nằm quay đầu lại phía địch cho nổ cùng một lúc hai quả lựu đạn vào bọn đang xông tới. Đồng chí hy sinh vô cùng anh dũng, xác địch nằm ngổn ngang cách Trần Thành không xa. Lúc đó là 10 giờ 30 phút. Địch bị chặn lại, không dám tiến tiếp. Thương binh trong trụ sở được bảo vệ an toàn.

Một đại úy địch ngồi xe Jeép theo đường Hàng Kèn (Bà Triệu) định tiến lên ngã năm bị trung đội phó Mát-chư (người Nhật) dùng trung liên bắn chết. Bốn tên khác định lên lấy xác cũng bị tiêu diệt.

Khoảng 11 giờ ta dồn lực lượng về bảo vệ trụ sở Bộ Tổng Tham mưu. Một bộ phận nhỏ của địch lọt được vào ngôi nhà gỗ ở phía tây sân định tiến đánh ngôi nhà chính hai tầng. Trung đội phó Mát-chư chỉ huy anh em dùng trung liên, súng trường, thường xuyên di chuyển vị trí bắn, kiên quyết bảo vệ ngôi nhà chính, nơi đang có nhiều thương binh chưa chuyển đi được. Khoảng 16 giờ, Mát-chư anh dũng hy sinh. Nén đau thương, anh em động viên nhau tiếp tục kiên cường chiến đấu ngăn chặn địch. Trời tối, địch bắt đầu rút lui. Ta củng cố lại vị trí. Trưởng ban quân y tiểu đoàn 77 Nguyễn Đức Hạnh khẩn trương tổ chức chuyển thương binh về hậu phương. Khoảng 21 giờ quân ta rút khỏi trụ sở sau khi đã chuyển xong toàn bộ thương binh. Trong trận này ta diệt và làm bị thương khoảng 45 tên địch, trong đó có 1 đại úy, phá 1 xe tăng. Ta thương vong 18 chiến sĩ Vệ quốc đoàn và 12 tự vệ.

Trận chiến đấu phòng ngự trụ sở Bộ Tổng Tham mưu là một trận đánh phòng ngự tuyệt vời, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Ngày 23 địch cho xe tăng và thiết giáp tiến công Ô Đống Mác lần thứ hai.

Đến trưa chúng tiến đến ba-ri-cát, phá ba-ri-cát rồi cho 150 quân tiến theo đê Trần Khát Chân xuống dốc Vĩnh Tuy. Tại đây có 1 trung đội thuộc đại đội Quang Biền của tiểu đoàn 77 và 2 trung đội của đại đội Triệu Minh của tiểu đoàn 212. Trước hỏa lực dày đặc của địch, ba trung đội này dạt vào hai phía Lương Yên và Thanh Nhàn. Địch đến đầu dốc Vĩnh Tuy, gặp ụ chiến đấu lớn của ta và bị hỏa lực của đại đội 16 bắn chặn, chúng phải rút về trú quân tại đình Lương Yên (một bộ phận về đóng ở Ô Đông Mác). Tại đình Lương Yên, khi địch đang chuẩn bị ăn uống thì bất ngờ bị các đơn vị của ta áp sát tiến công. Hàng chục quả lựu đạn được tung vào giữa đám quân địch. Hàng chục tên bị trúng đạn, bọn còn lại hốt hoảng la hét tháo chạy về Ô Đông Mác. Có tên không kịp xách theo vũ khí, bộ đội ta hò reo truy kích địch.

Quân Pháp tại Ô Đông Mác thấy đồng bọn hốt hoảng chạy về cũng vội vàng tháo chạy, quân ta truy kích tới nhà thương chó¹ (Nay là cơ quan lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, góc phố Lò Đúc - Nguyễn Công Trứ) mới thôi. Trận đánh này ta tiêu diệt gần 40 tên địch.

Đồng thời với trận đánh này, tại khu vực Chợ Hôm địch vây ta trong một khu vực gồm các phố Duy Tân, Lê Văn Hưu, Ngô Thì Nhậm và nhà rượu, Nguyễn Công Trứ. Chúng bố trí xe tăng ở các ngã tư cho quân phá các nhà đồn lực lượng chiến đấu của ta từ nhà nọ sang nhà kia để tiêu diệt. Tại khu vực Trần Xuân Soạn, Hoà Mã, kế hoạch này chúng không thực hiện được vì các nhà thông nhau, lực lượng chiến đấu của đại đội 3 tiểu đoàn 77 và tự vệ khu Chợ Hôm chen cửa rất an toàn, nơi nào địch vào được đều bị chặn lại. Riêng tại ngõ Huế, Duy Tân, Ngô Thì Nhậm, Nguyễn Công Trứ phía sau là nghĩa địa và vườn rau trồng trái² (Nay là khu vực công ty xe buýt, phố Nguyễn Công Trứ), trung đội Việt Tử của đại đội 15 đóng tại đây bị địch bao vây bốn phía đã anh dũng chiến đấu suốt cả ngày và hy sinh tới người cuối cùng.

Tin trung đội Việt Tử hy sinh đã khơi dậy lòng căm thù của tất cả các chiến sĩ tiểu đoàn 212 và quân dân Liên khu 2. Ngay đêm đó nhiều đơn vị đã tổ chức

tiến công vào các vị trí địch tại khu vực Đồn Thủy, trường Đại học, Nha Khí tượng và một số vị trí địch bên hồ Thiền Quang gây cho chúng nhiều thiệt hại.

Đi đôi với việc chặn đánh các đợt tiến công của địch vào ban ngày, trên toàn thành phố liên tiếp trong các buổi tối ta dùng lực lượng nhỏ tập kích quấy rối, đánh du kích vào các vị trí của địch. Tối ngày 21 ta tập kích trại Ngọc Hà. Trong các tối 21, 22, 23 liên tiếp quấy rối địch từ Yên Phụ đến cầu Long Biên. Tự vệ và bộ đội các khu đều có bộ phận nhỏ đánh du kích. Từ thực tiễn các trận đánh này, Bộ chỉ huy Khu XI giao nhiệm vụ cho tất cả các đơn vị phải mở một đợt đánh du kích, quấy rối đồng loạt các vị trí của địch, nhằm tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, làm chúng mất ăn mất ngủ, tiêu phí đạn dược.

Các liên khu và các đơn vị đã tích cực chấp hành mệnh lệnh. Địch bị đánh ở nhiều nơi. Liên khu 3 chủ trương tiếp tục tiến công địch tại nhà dầu Shell và khu vực ga Hàng Cỏ, không cho địch dễ dàng làm chủ khu vực đầu mối giao thông quan trọng này.

Nhà dầu Shell là nơi ta và địch mỗi bên có một tiểu đội cùng gác. Đây là một kho chứa xăng dầu gồm một dãy nhà 5 gian một tầng và có một téc lớn chứa khoảng 2 đến 3 tấn xăng, dầu cùng một số phuy 200 lít. Phía sau nhà có bãi rộng, có đường ray để đưa xăng dầu vào. Phía trước nhà có sân rộng. Xung quanh có hàng rào cột bê tông 10cm x 10cm, căng dây thép gai. Mặt tiền kho quay ra phía bắc, phía đường Khâm Thiên. Giữa mặt tiền có cổng ra vào, hai bên có 2 bốt gác xây bằng gạch. Đối diện bên kia đường Khâm Thiên là quán cơm Hoả Xa, có 3 ngôi nhà hai tầng ở cách nhau. Bắc quán cơm Hoả Xa là nhà đề-pô để đầu máy xe lửa. Phía tây nhà dầu là một ao nước dài, giữa có một lối đi nhỏ. Phía nam nhà dầu là bãi trống. Phía đông nhà dầu là đường xe lửa, đường Hàng Lọng, hãng ô-tô Trường Xuân (Ngựa Trắng) và bắc hãng ô-tô cách vài chục mét là hiệu chè Phú Xuân. Theo đường Hàng Lọng lên phía bắc khoảng 500m là ga Hàng Cỏ. Ở đây địch cũng có một tiểu đội cùng gác

với một tiểu đội quân tiếp phòng của ta.

Trước đó, trong các đêm 19 tháng 12 và 23 tháng 12 đã đánh nhưng không thành công. Lần này ta quyết định một lần nữa đánh vào vị trí địch tại nhà dầu Shell đêm 24 rạng 25 tháng 12. Lực lượng tham gia đánh địch gồm hai trung đội Vệ quốc đoàn của đại đội 27, hai trung đội tự vệ chiến đấu, tự vệ công nhân hoả xa, 1 đội quyết tử do tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 523, đồng chí An Giao trực tiếp chỉ huy.

Nhận thấy kết quả của trận đánh sẽ ảnh hưởng lớn về chính trị và tinh thần đối với bộ đội và nhân dân tại khu vực này, ta tập trung vũ khí đạn dược cho đơn vị để làm nhiệm vụ. Mỗi trung đội Vệ quốc đoàn được trang bị một trung liên với 100 viên đạn. Mỗi tiểu liên, súng trường đều đem theo 20-25 viên đạn. Ngoài ra là giáo, mác, kiếm, mã tấu, gậy sắt. Mỗi người 2 quả lựu đạn. Bộ chỉ huy Khu XI tăng cường 1 khẩu 37mm với 6 viên đạn, 1 khẩu 12,7mm với 175 viên đạn do 2 chiến sĩ quốc tế người Nhật hướng dẫn bắn.

Theo kế hoạch đã định, hướng chính của quân ta xuất phát từ Ô Chợ Dừa lúc 21 giờ ngày 24 theo đường đục tường qua các nhà ở phố Khâm Thiên chia thành 2 mũi tiến đánh nhà dầu Shell. Mũi thứ nhất gồm trung đội 50 và một tiểu đội quyết tử tiến qua chợ Khâm Thiên, rồi vòng qua bãi trống tiến sát phía nam nhà dầu. Mũi thứ hai gồm trung đội 51, một trung đội tự vệ, một tiểu đội quyết tử theo đường nhỏ giữa ao tiến sát phía tây nhà dầu. Khẩu 37mm và khẩu 12,7mm bố trí phía tây nhà dầu ở đầu ngã ba vào ngõ chợ Khâm Thiên nhằm vào hai cốt gác và sân phía trước nhà dầu Shell.

Hướng thứ yếu đi trước hướng chính 20 phút, cũng xuất phát từ Ô Chợ Dừa theo đường đục tường qua các nhà phố Khâm Thiên rồi vào làng Linh Quang ở phía bắc nhà dầu, tiếp đó chui qua lỗ hồng đục sẵn vào khu sau ga và chia thành 2 mũi: Một mũi gồm 2 tiểu đội tự vệ công nhân hoả xa cùng một tiểu đội Vệ quốc đoàn tiến công quán cơm Hoả Xa từ mặt sau, tức là từ phía bắc xuống. Mũi thứ hai gồm một tiểu đội tự vệ đánh vào nhà ga để quấy rối, chặn

không cho địch ở ga đánh vào sau lưng mũi một.

0 giờ 30 phút, theo hiệu lệnh, khẩu pháo 37mm và khẩu 12,7mm bắn vào 2 chốt gác địch, chốt gác thứ nhất bị phá. Hai khẩu trung liên đồng thời bắn vào nhà dầu. Tiểu đội quyết tử ở đầu mũi phía nam xung phong. Hoả lực địch bắn chặn mãnh liệt, ta phải dừng lại.

Pháo và trọng liên bắn tiếp diệt được chốt gác thứ hai của địch. Mũi phía nam vượt rào tiến vào sân sau nhà dầu. Hoả lực địch từ gác cao quán cơm Hỏa Xa bắn chặn quân ta ở sân này.

Ở hướng thứ yếu ở phía bắc, 4 tổ đã bí mật áp sát tường rào nhà quán cơm Hỏa Xa. 0 giờ 45 phút, ta đồng loạt ném lựu đạn rồi vượt tường rào đánh vào 3 nhà. Hoả lực địch từ một chiếc xe thiết giáp bắn mạnh về phía ta. Vì biết chiếc xe này rất lợi hại, nên trong kế hoạch ta có đưa theo quân khí viên là Nguyễn Vũ Giáp để đánh cướp lấy xe và tháo lấy khẩu 12,7mm. Khi phát hiện xe đang bắn, trung đội trưởng tự vệ Triệu, quân khí viên Giáp và một tự vệ đường sắt là Quảng đã ném lựu đạn lên xe giết chết tên bắn 12,7mm, nhảy lên xe, dùng khẩu 12,7mm của địch bắn vào cửa sổ ngôi nhà quán cơm địch đang chiếm giữ. Tiếp đó dùng khẩu này công phá 2 chốt gác ở cổng nhà dầu.

Biết ta đã đánh chiếm nhà quán cơm Hỏa Xa, lực lượng đánh nhà dầu đã xung phong đẩy nhà 5 gian. Địch tháo chạy theo đường xe lửa về nhà ga. Ta chiếm được nhà dầu, thu một súng trường, một các-bin, một số đạn và lựu đạn. 45 phút sau bộ phận phía nam rút quân.

Ở cánh bắc, sau khi chiếm được xe thiết giáp, các đồng chí Triệu, Giáp, Quảng lái xe ra ngã tư Khâm Thiên - Hàng Lọng, dùng súng 12,7mm bắn

mãnh liệt về phía nhà chè Phú Xuân và phía ga. Anh em định tháo khẩu 12,7mm trên xe mang đi nhưng tháo không được đành gài lựu đạn phá xe, phá súng rồi rút.

Kết quả địch bị thương vong 20 tên, bị phá 1 xe thiết giáp cùng một khẩu 12,7mm. Ta bị thương 7, thu một súng trường, một các-bin, một số đạn và lựu đạn.

Trận đánh nhà dầu Shell là một trận tiến công đạt kết quả tốt trong 60 ngày đêm đánh địch ở Hà Nội. Thắng lợi của trận đánh đã có tiếng vang lớn động viên tinh thần chiến đấu của quân và dân Thủ đô. Đồng chí Nguyễn Văn Trân, Bí thư Thành ủy và đồng chí Chính ủy Khu XI đã đến biểu dương và tặng quà cho đơn vị.

Sau ba ngày chiến đấu, đến ngày 23 tháng 12, Bộ chỉ huy Chiến khu XI quyết định điều chỉnh lại lực lượng theo thể trận đã xác định từ trước. Các lực lượng Liên khu 1 co về khu vực cố thủ để đánh dài ngày. Liên khu 2 và Liên khu 3 bố trí lại lực lượng để đánh địch tiến công trên các trục đường ra cửa ô.

Các liên khu đã tích cực chấp hành mệnh lệnh, tiếp tục tăng cường chiến lũy, công sự, hầm hố, giao thông hào, chướng ngại, tiến hành mạnh mẽ công tác chính trị, nắm vững bộ đội, tránh hoang mang dao động, tiếp tục tản cư dân chúng, bổ sung đạn dược, lương thực.

Khi các lực lượng vũ trang Liên khu 1 co về khu cố thủ, nói chung cán bộ, bộ đội có tinh thần vững vàng, nhưng Liên khu ủy phát hiện một số ít cán bộ, thậm chí cán bộ cấp tiểu đoàn sợ chiến đấu trong vòng vây, bàn tán với nhau cách phá vây. Liên khu ủy đã kịp thời lãnh đạo để toàn thể cán bộ, chiến sĩ

kiên trì chiến đấu dài ngày trong vòng vây vì đây là cách đánh mà trên đã xác định. Đồng thời chấn chỉnh tổ chức, đưa ra ngoài một số ít đồng chí dao động.

Theo chỉ thị của Bác và Thường vụ, tối 23 tháng 12, đồng chí Trần Quốc Hoàn, đặc phái viên của Trung ương, đồng chí Lê Quang Đạo, Phó bí thư Thành ủy Hà Nội, đồng chí Trần Việt Hùng, Khu phó Chiến khu XI bí mật lườn vào Liên khu 1 nắm tình hình và nhận thấy có thể yên tâm về khả năng đánh dài ngày của các lực lượng ta. Các đồng chí đồng ý báo cáo lên Thường vụ và Đảng ủy Mặt trận cho rút ra ngoài vài ba cán bộ dao động. Sau đó việc này đã được thực hiện.

Sự quan tâm sâu sát của Trung ương đã động viên cổ vũ cán bộ, chiến sĩ Liên khu 1 quyết tâm thực hiện nhiệm vụ đánh sau lưng địch và làm cho sự lãnh đạo và chỉ huy của liên khu càng kiên định hơn.

2. Chặn đánh địch tiến ra các cửa ô, trụ bám Liên khu 1 để đánh trong lòng địch. Trung đoàn Thủ đô ra đời (24.12.1946-14.1.1947)

Đúng như kế hoạch đã định, từ ngày 24 tháng 12, Bộ chỉ huy Chiến khu XI điều chỉnh lại lực lượng. Các lực lượng vũ trang Liên khu 1 co về khu vực khu phố cổ thủ để đánh dài ngày. Liên khu 2 và Liên khu 3 bố trí lại lực lượng để chặn đánh địch từ trong tiến công ra các cửa ô.

Quá trình mở rộng địa bàn chiếm đóng của địch bắt đầu từ việc đánh chiếm các cửa ô phía nam trước. Trước đây, từ ngày 20 địch đã một lần từ nhà Gian-đa (nay là Viện bảo tàng Mỹ thuật) tiến xuống Ô Chợ Dừa theo đường Hàng Bột nhưng bị quân ta ở khu vực Văn Miếu chặn đánh quyết liệt nên phải rút lui. Chúng cũng đã 2 lần đánh tới Ô Đống Mác nhưng bị quân dân ta tại đây chặn đánh không tiến lên được.

Ngày 24 tháng 12 địch lại tập trung lực lượng lớn quyết đánh chiếm Ô Đống Mác. Để bảo toàn lực lượng, ta vừa tổ chức chặn đánh vừa từng bước rút về Thanh Lương, tổ chức phòng thủ ở chiến lũy Ba Hàng.

Ngày 25, bộ binh và cơ giới địch theo đường Lê Đại Hành cho một mũi định đánh thông đường Đại cồ Việt nhưng bị quân ta đánh lui; một mũi tiến qua Vân Hồ định đánh ra Kim Liên để mở thông đường La Thành nhưng không tiến được, cũng buộc phải rút.

Để tăng cường lực lượng chặn đánh địch tiến ra chiếm các cửa ô, chấp hành lệnh của Tổng chỉ huy Võ Nguyên Giáp, Tổng tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái đã quyết định điều tiểu đoàn 56 của Trung đoàn 13 Hà Đông (Chiến khu 2) tăng cường cho Hà Nội. Bộ chỉ huy Chiến khu XI đã giao tiểu đoàn này cho Liên khu 2 để có thêm lực lượng đánh địch ở các cửa ô. Tiểu đoàn được bố trí ở khu vực Đống Mác, Thanh Lương để đánh địch.

Đồng chí Phùng Thế Tài, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 13 được Bộ chỉ huy Chiến khu XI giao nhiệm vụ chỉ huy cả ba tiểu đoàn 77, 212 và 56. Ba tiểu đoàn này theo quyết định của Bộ chỉ huy Chiến khu tổ chức phòng thủ tuyến nam đường La Thành, đường Đại Cồ Việt và đường Trần Khát Chân.

Ngày 26, sau khi đã chiếm được Chợ Hôm - Đức Viên, địch tiến công Ô Cầu Dền nhằm đẩy lực lượng vũ trang của ta tại địa bàn Liên khu 2 ra xa trung tâm thành phố. Trận đánh Ô Cầu Dền diễn ra từ ngày 26 đến ngày 28 tháng 12.

Ô Cầu Dền là ngã tư phố Duy Tân (nay là phố Huế), phố Bạch Mai, phố Đại

Cồ Việt, đê Bình Lao (nay là phố Trần Khát Chân). Đây là một trong các cửa ngõ ra vào nội thành lúc bấy giờ. Đoạn phố Duy Tân - Bạch Mai trong phạm vi gần cửa ô là các nhà gạch, có một số nhà hai tầng, như trường học Duy Tân, nhà Vạn Vân, nhà sửa Minh Ngọc, v.v... Đường Bạch Mai là đường độc đạo đi xuống ngã tư Trung Hiền (tức ngã tư Chợ Mơ). Một mương thoát nước chạy dọc phía nam sát ngang đường Đại Cồ Việt và đê Bình Lao đến tận hồ Thanh Nhàn. Mương rộng chừng 15m nước, sâu hơn 1m, cây cầu xi măng bắc qua mương dài khoảng 20m là điểm nối của hai phố Duy Tân và phố Bạch Mai. Hai bên đường Đại Cồ Việt - Bình Lao là bãi và ruộng trồng rau, xen kẽ hồ, ao. Địa hình ấy tạo thuận lợi cho ta tổ chức một chốt phòng ngự chặn địch nống ra khu Bạch Mai, căn cứ của Liên khu 2, trong đó có sở chỉ huy các đơn vị, trạm y tế, kho thuốc, kho lương thực, v.v...

Trước đó, sau khi chiếm được trụ sở Bộ Tổng Tham mưu (16, 18 Nguyễn Du), Chợ Hôm - Đức Viên ngày 23 tháng 12 năm 1946, địch đã khống chế được khu vực phía bắc đường Đại Cồ Việt, phố Duy Tân. Chúng đã chiếm trường học Duy Tân, nhà nước mẫu Vạn Vân, nhà sửa Minh Ngọc (khu vực quanh ngã ba phố Thịnh Yên - phố Huế bây giờ). Gần đó địch còn đóng ở nghĩa địa Tây¹ (Trên đất nghĩa địa Tây là khu tập thể Nguyễn Công Trứ ngày nay), nhà máy rượu, nhà máy diêm, một số nhà cao ở phố Duy Tân² (Phố Huế ngày nay), phố Lê Bình³ (Phố Mai Hắc Đế ngày nay), v.v... Như vậy Ô Cầu Dền là điểm ta và địch trực tiếp tiếp xúc, ranh giới là đường Đại Cồ Việt, đê Bình Lao⁴ (Đê Bình Lao nay đã được san phẳng thành đoạn đường Trần Khát Chân từ Ô Cầu Dền tới cuối phố Lò Đúc). Ta và địch chỉ cách nhau chừng 50 - 60m.

Lực lượng trực tiếp phòng ngự tại đây là đại đội 3 tiểu đoàn 77 do đồng chí Nguyễn Mẫn làm đại đội trưởng (đại đội này nguyên của tiểu đoàn 56 bổ sung sang). Đại đội 3 tiểu đoàn 77 bố trí lực lượng chủ yếu tại khu vực Ô Cầu Dền một trung đội phía đường Đại Cồ Việt, một trung đội tự vệ phố Duy Tân. Hai tiểu đội phía đê Bình Lao ngăn địch từ phía Đống Mác có thể tiến vào. Tại khu vực phía Ô Đống Mác, Thanh Nhàn còn có 1 đại đội của tiểu đoàn 212 phòng giữ.

Vũ khí tham gia chiến đấu của đại đội 3 tiểu đoàn 77 tại khu vực Ô Cầu Dền đáng kể có 1 khẩu đại liên, bố trí cạnh chiến lũy, 1 trung liên ở đình Tô Hoàng chặn địch phía đường Đại Cồ Việt, 1 trung liên phía đê Bình Lao và 2 quả bom ba càng.

Ngay từ giữa tháng 12 ta đã đắp một ụ chắn phía nam con mương chặn suốt chiều ngang phố Bạch Mai. Khi chiến sự chưa xảy ra, ta còn để thông một đoạn phía đường tàu điện để nhân dân đi lại. Từ chiều 19 tháng 12 trở đi ta lấp lại và đắp rất kiên cố. Hàng trăm cọc sắt, tà vẹt, cọc tre đóng chặt xuống đường rồi xếp bao cát, đào đất ở mương lên đắp cao tới 4m, chân rộng 8m, bề mặt lũy rộng từ 4 đến 5m. Toàn bộ chiến lũy Ô Cầu Dền dài khoảng 16m. Đồng chí Phùng Thế Tài, Chỉ huy mặt trận phía nam Hà Nội còn chỉ đạo tổ chức các ỗ chiến đấu, trong đó có một hỏa điểm đại liên trên nóc ụ. Rất nhiều bàn, ghế, tủ, giường, đồ vật công kênh được xếp quanh ụ. Ngay dưới chân ụ ở phía nam ta còn khoét sâu vào làm nơi để vũ khí, đạn dược, chỗ nằm nghỉ ngơi giữa các trận chiến đấu và sơ cứu thương binh trước khi đưa về phía sau. Phía đường Duy Tân ta úp nôi, niêu, rổ, rá, rải rơm, xếp bàn ghế, tủ, giường khắp mặt đường kéo dài hàng trăm mét để nghỉ binh lừa địch. Phía đê Bình Lao ta lợi dụng mương nước, đào hào chặn xe tăng địch, đồng thời làm hào giao thông để cơ động lực lượng về phía sau. Quân dân phía nam Hà Nội tự hào gọi chiến tuyến của mình là chiến lũy Maginot (một chiến lũy nổi tiếng của Pháp thời kỳ chống phát xít Đức trong chiến tranh thế giới thứ hai). Chiếc ụ to lớn đó, mặt tiền trông sang phố Duy Tân, đứng sừng sững, chắn kín ngang hết mặt đường, kể cả vỉa hè, khiến cho xe tăng, xe bọc thép và các phương tiện cơ giới khác của địch đều không thể qua được, như chiếc gai chọc vào mắt chúng. Đồng chí Vương Thừa Vũ đã trực tiếp đến đây để rút kinh nghiệm việc đắp ụ chiến lũy Ô Cầu Dền và động viên bộ đội.

Ngày 26 tháng 12 cuộc tiến công của địch xuống Ô Cầu Dền bắt đầu.

Sáng sớm máy bay địch ném bom dọc phố Duy Tân và Bạch Mai, trọng điểm là chiến lũy Cầu Dền. Nhiều nhà cửa đổ sập. Một xe tăng, 1 xe bọc thép dẫn hơn 100 lính tiến từ phố Duy Tân xuống, vừa đi vừa bắn vào hai bên dãy phố và bắn 20 phát 37mm vào chiến lũy. Bọn địch ở nhà Vạn Vân, trường Duy Tân, nhà sửa Minh Ngọc dùng đại liên bắn dữ dội về phía ta. Ta kiên quyết đánh trả, không cho địch phá ụ để tiến lên. Chúng cho xe tăng vòng qua chiếm ngã ba Đại Cồ Việt, Lê Bình¹ (Tức phố Mai Hắc Đế ngày nay). Chúng dùng pháo trên xe và súng 12,7mm bắn vào bên sườn chiến lũy và đình Tô Hoàng, nơi có khẩu trung liên của ta. Ta kiên trì chặn địch. Đến 17 giờ địch vẫn không đột phá được chiến lũy, phải ngừng cuộc tiến công và rút về phía sau. Đợt này, 10 tên địch bị chết, nhiều tên khác bị thương.

Đêm đó ta củng cố lại chiến lũy Ô Cầu Dền, xếp thêm bao cát thành nhiều ụ chiến đấu.

Sớm hôm sau, ngày 27 tháng 12, địch tiến công lần thứ hai. Rút kinh nghiệm hôm trước, ta bố trí lực lượng kiềm chế các ụ đại liên của địch trên các nhà cao. Cuộc tiến công của địch lần này cũng bị chặn lại.

Ngày 28 tháng 12 địch tiến công lần thứ ba. Bộ chỉ huy Chiến khu XI đã tăng cường cho mặt trận này 1 khẩu ba-dô-ca với 5 viên đạn. Đây là khẩu ba-dô-ca của Mỹ duy nhất tại Hà Nội. Xe tăng, xe bọc thép của địch đi đầu bắn phá, bộ binh đi sau. Theo đường Duy Tân, ra tới gần cửa ô, xe địch đi chậm lại để bộ binh kiểm tra phá bỏ các nôi, niêu, rổ, rá úp trên đường phát hiện mìn thật. Từ sau chiến lũy, từ trên các nhà cao ta nổ súng, ném lựu đạn vào đội hình quân địch. Yểm trợ cho bộ binh, xe tăng địch bắn dữ dội vào chiến lũy. Xạ thủ ba-dô-ca của ta là một người Nhật tên Việt là Tâm¹ (Có nhân chứng nói

tên thật là A-ka-sư-đa) liền bắn 3 phát đạn, 1 xe tăng địch bốc cháy, 1 xe thiết giáp bị bắn hỏng, khựng lại. Địch khiếp sợ tháo chạy. Chiến sĩ người Nhật này sau đó bị trúng đạn đã hy sinh anh dũng. Ta thừa thắng xuất kích đánh chiếm nhà lơ Vũ Tạo, nhà sữa Minh Ngọc, diệt ổ súng đại liên của địch tại ngã ba Đại Cồ Việt - Lê Bình² (Tức ngã ba Đại Cồ Việt - Mai Hắc Đế ngày nay), đánh vào vị trí địch tại trường Duy Tân đốt cháy 2 xe tải. Tổng cộng địch chết khoảng 20 tên, bị thương một số tên, 1 xe tăng, 1 xe bọc thép bị phá hỏng. Số thương vong trong toàn bộ cuộc chiến đấu giữ Ô Cầu Dền của đại đội 3 tiểu đoàn 77 và tự vệ trong cả 3 ngày lên tới trên dưới 100 người. Trong đó có 1 cán bộ đại đội, 3 cán bộ trung đội, nhiều cán bộ tiểu đội.

Sau đợt tiến công thất bại, ngày 28 tháng 12, địch vẫn không ngừng tổ chức các đợt tiến công đánh phá trong thế giằng co với ta nhưng quy mô nhỏ hơn và đều thất bại. Ban ngày ta lui về phía nam chiến tuyến chống cự với địch, ban đêm lại vượt ụ, vượt đê vào tập kích các chốt của địch trong nội thành. Đây là một trận phòng ngự chiến lũy điển hình tại mặt trận Hà Nội. Ta dùng lực lượng đông nhất, giữ được trận địa lâu nhất. Trong suốt 20 ngày địch không đột phá nổi. Nhằm được tình hình ngày 15 tháng 1 năm 1947 địch sẽ từ Vĩnh Tuy và từ Vọng đánh sang chiếm ngã tư Trung Hiền¹ (Tức ngã tư Chợ Mơ, phố Bạch Mai - Trương Định - Minh Khai - Đại La), như vậy chiến lũy Ô Cầu Dền sẽ bị cô lập cả hai phía bắc và nam, tình thế lúc ấy sẽ hết sức nguy hiểm. Trước tình hình đó, đêm 14 tháng 1 các lực lượng ta tại Ô Cầu Dền đã chủ động vượt vòng vây rút ra ngoài. Quân ta rút theo đường Ngõ Bò, Ngõ Quỳnh qua khu Đề Thám, Mê Linh về Nam Dư.

Tại đây trong suốt thời gian chiến đấu, không chỉ có bộ đội và tự vệ đánh giặc, mà còn có cả một bộ máy lãnh đạo, chỉ huy và nhân dân trên địa bàn sở tại tham gia. Đó là Ủy ban kháng chiến Liên khu 2 và Ủy ban kháng chiến Khu 17, Ban chỉ huy mặt trận Cầu Dền cùng đông đảo đoàn viên các đoàn thể cứu quốc (phụ nữ, thanh niên, nông dân, công nhân) với hàng trăm đồng bào tản cư còn đọng lại tham gia chiến đấu, làm các công việc cứu thương, tải thương, nấu ăn, tiếp tế, coi kho, đào đất, đắp ụ... Nhiều nhà sư cũng tham gia chiến đấu. Trong làng Quỳnh Lôi, bộ phận hậu cần đã tổ chức một cái bếp tập thể gồm mấy chục chị em chuyên lo nấu cơm, sẵn sàng cung cấp cho tất cả

những ai tham gia chiến đấu tại khu vực Liên khu 2. Lùi xuống phía nam đầu phố Trương Định (bây giờ là làng Hoàng Mai), là nơi ta đặt kho thóc và thực phẩm từ các nơi mang tới cung cấp cho mặt trận. Các loại cối xay, cối giã gạo hoạt động hết sức nhộn nhịp. Tiếng người gọi nhau, tiếng trâu bò kêu, lợn rống âm ỉ không lúc nào ngớt. Các trạm y tế tiền phương đặt tại trường Công Ích (ngõ Chùa Liên) và nhà ông giáo Hiền (làng Quỳnh Lôi).

Mặt trận Ô Cầu Dền kiên cường cầm chân địch suốt 20 ngày, từ ngày 26 tháng 12 năm 1946 tới ngày 15 tháng 1 năm 1947, là niềm kiêu hãnh lớn của quân dân Liên khu 2 Hà Nội.

Cũng trong ngày 28 tháng 12, địch lại theo hai hướng Trần Khánh Dư, Đống Mác, Thanh Lương tiến đánh Vĩnh Tuy lần thứ hai, có phi pháo chi viện mãnh liệt, có xe tăng dẫn đầu. Đại đội 16 tiểu đoàn 212 do đồng chí Như Trang làm đại đội trưởng đảm nhiệm chốt giữ khu vực này. Đồng chí Vương Thừa Vũ đã tới kiểm tra công tác chuẩn bị chiến đấu của đơn vị. Khi địch tiến công, quân ta đã dựa vào chiến lũy Ba Hàng, dùng đại liên diệt nhiều tên. Một bộ phận ém quân dưới bãi ngô gần đó đã dùng cối 60 và 81mm bắn vào xe địch. Lần đầu tiên bị bắn bất ngờ bằng súng cối, xe tăng thiết giáp của địch rút chạy bỏ mặc bộ binh trơ vơ trên đê, bộ đội ta nhất tề xung phong, quân địch hốt hoảng bỏ chạy, tới gần Lò Lợn 1 (Vị trí này ở cuối phố Nguyễn Huy Tự, Lê Quý Đôn ngày nay) mới thôi. Riêng ở làng Thanh Lương lực lượng ta rút ra ngoài nhử địch vào rồi từ hai mặt phản kích, địch tháo chạy, ta truy kích đến Đống Mác. Trận này ta diệt 50 tên địch, ta thương vong 16. Đây là một trận đánh dũng cảm, mưu trí, sáng tạo.

Sau đợt quấy rối tập kích địch vào đêm 23, Bộ chỉ huy Mặt trận lại lệnh cho các liên khu phải tiếp tục đánh du kích, đồng thời chuẩn bị để đánh địch tiến công ra các cửa ô khác.

Trong các đêm 24, 25, 26 cho đến 29, tự vệ khu Trúc Lăng quấy rối địch từ Yên Phụ đến cầu Long Biên.

Đêm 24, tự vệ Liên khu 1 quấy rối địch ở Hàng Đậu. Tự vệ khu Hoàn Kiếm và 1 tổ Vệ quốc đoàn tập kích nhà Moóc-li-e, treo quốc kỳ ở Tháp Rùa.

Đêm 25, một trung đội của tiểu đoàn 145 tập kích Nhà Tiền diệt một số địch. Một bộ phận khác của tiểu đoàn tập kích địch ở Chùa Một Cột, phá một xe Jeep.

Một đơn vị tự vệ Liên khu 3 tập kích vào nhà Gian-đa phá được 2 xe tăng. Cũng trong đêm 25, tiểu đoàn 523 Liên khu 3 lại đánh nhà ga và nhà dầu Shell lần thứ ba. Riêng đơn vị đánh nhà dầu Shell được tăng cường một khẩu 37mm với 6 viên đạn và một khẩu 12,7mm với 175 viên đạn.

Ở nhà ga, ta đột nhập được vào sâu, ném một số lựu đạn, bị hỏa lực địch chặn không tiến lên được. Khi rút, ta ném lựu đạn phá được một xe thiết giáp.

Liên khu 2 cũng cho một đại đội của tiểu đoàn 56 chia thành ba bộ phận vào tập kích địch ở các phố Mai Hắc Đế, Huyền Trân Công Chúa, Nhà Diêm... Một tổ tự vệ chiến đấu phục kích ở phố Hàm Long diệt một số tên địch.

Liên khu 1 đã đánh du kích rộng rãi, nhiều tổ bắn tỉa săn Tây được hình thành, diệt và làm bị thương nhiều tên địch làm chúng rất khiếp sợ.

Trong cuộc chiến đấu này, các lực lượng vũ trang tại từng khu vực hợp tác, hỗ trợ nhau rất hiệu quả. Bộ đội chủ lực có vai trò lớn trong các trận đánh chính. Tự vệ lại không muốn tỏ ra “lép vế” trước bộ đội chủ lực nên cực kỳ xông xáo, dũng cảm. Đặc biệt anh em là những “thổ công” tại mỗi địa phương nên rất thông thạo từ đường ngang ngõ tắt, đến mọi “xó xỉnh” trong

thành phố. Họ di chuyển rất mau lẹ, chính xác, phục vụ chiến đấu cũng như chiến đấu rất kịp thời.

Về phía địch, đến ngày 27 chúng đánh thông đường số 5 và tăng cường lực lượng từ Hải Phòng cho Hà Nội.

Ngày 28 tháng 12, Ủy ban kháng chiến và Bộ chỉ huy Mặt trận Hà Nội họp kiểm điểm tình hình tác chiến trong mười ngày qua. Tổng chỉ huy và Tổng tham mưu trưởng cũng đến tham dự cuộc họp.

Cuộc họp đánh giá, tuy ta có nhiều nhược điểm, nhiều thiếu sót nhưng trong 10 ngày đánh địch được như vậy là một thành tích lớn. Ta có thể đánh dài ngày hơn.

Có thêm lực lượng, địch sẽ lần lượt đánh ra chiếm các cửa ô còn lại của Liên khu 2 và Liên khu 3 để giảm bớt thế “nghe thở” của chúng, như đài phát thanh của chúng thừa nhận, sau đó mới tập trung lực lượng đánh Liên khu 1.

Các liên khu 2 và 3 đã bố trí lại lực lượng, tăng cường công sự để sẵn sàng đánh trả. Còn Liên khu 1 phải tích cực đánh du kích, cố giữ vững khu cố thủ không cho địch dồn ép.

Các tiểu đoàn chủ lực lấy thêm tự vệ để bổ sung lực lượng. Cách bổ sung cũng có nhiều hình thức, chủ yếu lấy từ lực lượng tự vệ sang. Có tiểu đoàn bổ sung lẻ chiến sĩ tự vệ cho đủ quân số, có tiểu đoàn lấy nguyên cả đơn vị tự vệ sang. Một ví dụ như, trung đội 1 (đại đội 4 tiểu đoàn 64) chính là Đội tự vệ phố Duy Tân chuyển sang với 6 tiểu đội, 96 cây súng như cũ. Đại đội này trở

thành đơn vị gồm toàn những gương mặt của Tự vệ Thành từ cán bộ tới chiến sĩ, trong đó một trung đội là tự vệ khu Bảy Mẫu, một trung đội khu Quán Sứ và Hàng Cỏ, một trung đội là tự vệ phố Duy Tân. Cán bộ đại đội cũng là một thanh niên học sinh Hà Nội mới 20 tuổi, đồng chí Hồng Quân.

Cùng với việc tăng cường lực lượng chiến đấu, tại các địa bàn đều đắp thêm chiến lũy, đào thêm công sự sẵn sàng đánh địch.

Phòng chính trị Chiến khu XI đã hướng dẫn các liên khu, các tiểu đoàn tiến hành công tác chính trị mạnh mẽ, chú ý biểu dương các gương chiến đấu dũng cảm kiên cường, nắm vững đơn vị, tránh tình trạng chạy dài, dẫn đến tan rã hàng ngũ, chú ý bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, nêu cao tác dụng gương mẫu của đảng viên, kết nạp những cán bộ, chiến sĩ ưu tú vào đảng, tăng cường công tác địch vận bằng gọi loa, kẻ khẩu hiệu, tung truyền đơn vào vị trí địch.

Phòng Quân nhu, Phòng Quân giới cũng kịp thời bổ sung lương thực, thực phẩm và đạn dược. Cái khó nhất vẫn là thiếu thốn đạn dược, bom mìn.

Nhân dân các khu ngoại thành tận tình cung cấp lương thực, rau xanh, làm tiếp tế cứu thương, giúp dân nội thành tản cư và tiếp tục đào hầm hố, công sự để sẵn sàng đánh địch, sẵn sàng làm “vườn không nhà trống” khi địch tiến đến.

Cũng trong thời gian này, qua nghiên cứu thực tế chiến đấu của Hà Nội, theo đề nghị của Bộ Tổng chỉ huy, ngày 25 tháng 12 năm 1946, Thường vụ Trung ương Đảng và Bộ Tổng chỉ huy đã quyết định sáp nhập Chiến khu XI vào Chiến khu II1 (Sau khi sáp nhập, Chiến khu II gồm 9 tỉnh, thành là: Hà Nội,

Hà Đông, Sơn Tây, Hòa Bình, Sơn La, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình. Khu vực tiền phương gồm: Hà Nội, Hà Đông và Sơn Tây). Bộ Chỉ huy chiến khu XI trở thành Bộ chỉ huy tiền phương của Chiến khu II, tiếp tục chỉ huy chiến đấu trên địa bàn Hà Nội. Đồng chí Vương Thừa Vũ, trở thành Chỉ huy phó Chiến khu II kiêm Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy tiền phương Hà Nội hay Bộ chỉ huy Mặt trận Hà Nội. Tuy nhiên cuộc chiến đấu vẫn đang khẩn trương, bộ máy chỉ huy vẫn những con người như vậy, vì vậy anh em vẫn quen gọi là Bộ chỉ huy Khu XI. Quyết định nhập Chiến khu XI vào Chiến khu II là một chủ trương đúng đắn, tạo điều kiện cho Hà Nội có một hậu phương rộng rãi, một nguồn nhân, vật lực đảm bảo cho Hà Nội tiếp tục chiến đấu.

Ngày 30 tháng 12 năm 1946 địch mở cuộc tiến công để chiếm Hàng Bột - Ô Chợ Dừa và phố Khâm Thiên lần thứ hai. Mục đích của các cuộc tiến công này chiếm Ô Chợ Dừa, khai thông con đường số 6 từ Hà Nội đi Hà Đông, Hoà Bình và vùng Tây Bắc của đất nước.

Đường phố Hàng Bột và Khâm Thiên, nhà gạch liền sát nhau, ít nhà kiên cố và nhà cao. Từ đường Đoàn Thị Điểm xuống đến Ô Chợ Dừa ít đường ngang. Hai bên đường là các xóm Thịnh Hào, Văn Chương, Thổ Quan. Trong các xóm này nhà thưa, đường nhỏ, nhiều hồ ao. Ngã năm Ô Chợ Dừa tạo bởi các đường Khâm Thiên, Đê La Thành, Hàng Bột. Ở đây có một số nhà cao hai tầng, có kiến trúc bền vững kiên cố. Việc đục tường thông nhà, đào hầm đắp ụ cơ bản được củng cố thường xuyên. Ta đắp vững thêm 2 ba-ri-cát tại đầu Hàng Bột, Văn Miếu và ngã ba phố Đoàn Thị Điểm - Hàng Bột. Trên đường phố, tự vệ xếp nhiều đồ vật công kênh làm chướng ngại vật. Ở trước các chiến lũy ba-ri-cát, ở một số ngã ba, ngã tư ta úp rổ rá, nồi niêu để nghi binh cản bước tiến của địch.

Tiểu đoàn 523 đã bố trí đại đội 29 ở phố Hàng Bột và xóm Văn Chương, đại đội 27 ở Khâm Thiên và xóm Thổ Quan, còn 1 đại đội giữ ba nơi Kim Liên, Ô Chợ Dừa và Thịnh Hào. Các đơn vị ở đâu hiệp đồng chiến đấu với tự vệ ở đó.

Lực lượng tự vệ có một đại đội do đồng chí Nguyễn Hữu Thành làm đại đội trưởng, quân số 147 người, trong đó quân số chiến đấu 111 người. Anh em tự mua sắm được 11 súng trường, dao kiếm, còn lựu đạn, 4 quả bom ba càng, 2 viên đạn cối 60mm do trên cấp.

Từ 5 giờ sáng, địch dùng máy bay oanh tạc và pháo bắn vào hai bên phố Hàng Bột, Khâm Thiên và Ô Chợ Dừa. Sở chỉ huy của Liên khu 3 và tiểu đoàn 523 ở nhà máy Tóc bị trúng bom, đồng chí Đỗ Trình, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến Liên khu bị sức ép của bom. Sở chỉ huy phải di chuyển về Thái Hà Ấp.

Tiếp đó 300 tên địch có 4 xe tăng, 2 xe thiết giáp cùng xe ủi, xe vận tải từ nhà Gian-đa (Bảo tàng Mỹ thuật) tiến vào phố Hàng Bột. Đại đội 29 và tự vệ chặn đánh quyết liệt ở Văn Miếu. Từ các công sự, ự chiến đấu hai bên phố, ta dùng súng trường và lựu đạn chặn đánh địch. Địch dùng pháo trên tăng và súng trọng liên trên xe thiết giáp bắn phá dữ dội dọc hai bên phố. Ta không giữ được, đến 10 giờ phải rút. Địch dùng xe ủi phá ba-ri-cát đầu phố Hàng Bột - Văn Miếu. Đến ba-ri-cát thứ hai ở ngã ba Đoàn Thị Điểm - Hàng Bột thì bị quân ta tại đây cùng lực lượng từ Văn Miếu dồn về đánh trả quyết liệt. Địch không thể phá ự được. Xe tăng, xe cơ giới phải dừng lại, bộ binh địch cũng không tiến lên được. Địch buộc phải cho một bộ phận từ Nhà Tiền1 (Nay là nhà máy in Tiến Bộ) theo bãi thể thao Sếp-tô2 (Tức là sân vận động Hàng Đẫy hay sân vận động Hà Nội, phố Nguyễn Thái Học) tiến xuống Thịnh Hào để đánh từ dưới lên. Bộ phận quân ta tại Thịnh Hào không giữ được phải lui về Giảng Võ. Địch chiếm được Thịnh Hào, thừa thế tiến công chiếm cuối phố Hàng Bột rồi từ đó đánh quật lên ba-ri-cát của ta ở ngã ba Đoàn Thị Điểm - Hàng Bột, đồng thời cho một bộ phận đánh sang Khâm Thiên - Ô Chợ Dừa. Máy bay địch, pháo các loại bắn phá dữ dội vào ngã năm Ô Chợ Dừa. Cũng thời gian này địch đánh phố Khâm Thiên và khép vây tại Ô Chợ Dừa. Trước áp lực dữ dội của cả hai mũi tiến công của địch từ đường Hàng Bột và Khâm Thiên tới, lực lượng ta tại Ô Chợ Dừa buộc phải tổ chức rút quân về khu vực Nam Đồng.

Tuy chiếm được một địa bàn rộng quanh Hàng Bột, Khâm Thiên và Ô Chợ Dừa trong ngày 30 tháng 12, nhưng trước sức chiến đấu kiên cường của quân và dân ta, đêm hôm đó địch cũng chỉ dám để lại một bộ phận đóng giữ các nhà cao ở ngã năm Ô Chợ Dừa, còn đại bộ phận rút quân về ngay trong chiều tối. Kết quả trận đánh, trên cả hai hướng Khâm Thiên, Hàng Bột địch chết 30 tên. Ta có 35 đồng chí hy sinh và 20 đồng chí bị thương¹ (Không có tài liệu nào nói rõ thương vong từng hướng).

Ngay chiều hôm đó các đồng chí Võ Nguyên Giáp, Vương Thừa Vũ đã đến thực địa gặp tiểu đoàn 523 và các đơn vị tự vệ để rút kinh nghiệm trận đánh, động viên cán bộ chiến sĩ. Từ Ô Chợ Dừa tới Nam Đồng ta tiếp tục củng cố công sự, trận địa, đặt mìn, đặt thêm chướng ngại vật ngăn chặn địch tiếp tục mở rộng địa bàn chiếm đóng.

Cũng theo mệnh lệnh của đồng chí Tổng chỉ huy và Chỉ huy trưởng Chiến khu XI, ngay đêm 30 tháng 12, được lệnh chuyển sang mặt trận Ô Chợ Dừa thay thế cho tiểu đoàn 523, tiếp tục giữ địch tại khu vực này. Đại đội 4 được bố trí từ chiến lũy Ô Chợ Dừa đến Thái Hà Ấp. Đại đội 2 bố trí dọc đê La Thành từ Ô Chợ Dừa đến Giảng Võ. Đại đội 3 trước thuộc tiểu đoàn 523 nay trở về thuộc tiểu đoàn 56, bố trí từ Thái Hà Ấp đến Ngã Tư Sở. Địa thế của đại đội 2 rất trống trải, chỉ có lẻ tẻ vài nhà tranh trên đê La Thành. Trừ làng Giảng Võ là làng kháng chiến có lũy tre dày đặc quanh làng, có hầm hào chiến đấu. Đại đội 2 bố trí 1 trung đội từ Ô Chợ Dừa tới xã Hoàng Cầu dọc đê La Thành, 1 trung đội từ Hoàng Cầu đến ngã tư Giảng Võ, 1 trung đội ở làng Giảng Võ tạo ra tuyến phòng ngự ngăn địch.

Tuy chủ động tích cực tổ chức phòng ngự tại khu vực này song do địa bàn rộng, trống trải, lực lượng hạn chế và vũ khí thô sơ, tình thế của ta tại đây khá bất lợi.

Tại cửa Ô Đồng Lầm (tức Ô Kim Liên), một cửa ngõ phía nam của thành phố thông ra đường quốc lộ số 1, địch cũng đã nhiều lần tiến công vị trí đóng giữ của ta tại đây nhưng đều bị các đơn vị Vệ quốc đoàn và tự vệ đánh lui. Ngày 31 tháng 12, địch sử dụng 2 xe tăng, 4 thiết giáp dẫn 200 quân từ đầu phố Khâm Thiên tiến xuống và từ đường Đại Cồ Việt tiến sang.

Đại đội 27 tiểu đoàn 523 cùng tự vệ dựa vào chiến lũy, công sự, giao thông hào để chặn địch, chúng bị thiệt hại khá nhiều. Địch cho một số xe lội nước chở quân vượt hồ Bảy Mẫu đánh vào Kim Liên. Ta rút lui, thương vong khoảng 40 người, trong đó có 1 cán bộ đại đội, 3 cán bộ trung đội, phần lớn do bị máy bay oanh tạc.

Từ ngày 3 tháng 1 năm 1947 địch cũng tập trung quân đánh ra hướng tây bắc thành phố theo ba trục đường Đội Cấn, Hoàng Hoa Thám, Thủ Khoa Huân¹ (Phố Thủ Khoa Huân nay là phố Thụy Khuê).

Đường Đội Cấn bắt đầu từ ngã tư phố Ngọc Hà - Tôn Thất Thuyết² (Phố Tôn Thất Thuyết nay là phố Lê Hồng Phong) đến ngã ba đường đê La Thành - Cống Vị. Đây là một trong năm con đường từ trung tâm thành phố ra ngoài theo hướng tây. Phía bắc sát với Hồ Tây là đường Thủ Khoa Huân, đường Hoàng Hoa Thám đến đường Đội Cấn, phía nam là đường Kim Mã và đường La Thành. Đường hẹp 6 đến 8m. Nhà cửa hai bên đường thấp, không kiên cố, ít nhà gác cao. Xen giữa đường Đội Cấn và Hoàng Hoa Thám là các làng Ngọc Hà, Hữu Tiệp, Đại Yên, sân Quần Ngựa. Phía nam đường là các làng Kim Mã, Vạn Phúc, Liễu Giai, Cống Vị. Địa hình làng mạc rất nhiều hồ ao.

Phát hiện địch chuẩn bị đánh ra hướng tây bắc thành phố, Bộ chỉ huy Chiến khu XI đã chỉ thị cho tiểu đoàn 145 sẵn sàng đánh địch. Lúc này sở chỉ huy tiểu đoàn đóng ở Đại Yên. Tiểu đoàn có 8 trung đội, bố trí 2 trung đội ở đường Thủ Khoa Huân, 2 trung đội ở đường Hoàng Hoa Thám, 2 trung đội ở đường Đội Cấn, 2 trung đội dự bị cơ động đóng ở Đại Yên và Quần Ngựa. Sau khi nhận được lệnh của Bộ chỉ huy, cán bộ tiểu đoàn, đại đội phân công

nhau tới từng tổ chiến đấu quán triệt quyết tâm cho bộ đội, kiểm tra công tác chuẩn bị đánh địch. Các đơn vị đều củng cố thêm công sự, hầm hào, kiểm tra vũ khí trang bị. Trên cả ba tuyến đường Đội Cấn, Hoàng Hoa Thám, Thủ Khoa Huân đều bố trí các đội quyết tử đánh xe tăng bằng bom ba càng.

Trong cuộc tiến công này địch sử dụng lực lượng khá lớn gồm 700 quân, có 7 xe tăng, 10 xe thiết giáp, khoảng 70 xe vận tải, xe Jeep, 3 máy bay chi viện hỏa lực. Vị trí tập trung quân ở trường Bưởi, nhà trồng cây (nay là công ty Công viên), nhà Phái bộ Anh, Bách Thảo và trại Ngọc Hà. Riêng đường Đội Cấn địch sử dụng 2 đại đội, có 4 xe tăng, 2 xe bọc thép.

Năm giờ sáng ngày 3 tháng 1 năm 1947 địch bắt đầu tiến công.

Trên đường Đội Cấn máy bay địch bắn phá suốt hai bên dãy phố phá huỷ nhiều nhà cửa. Sau đó xe tăng, xe bọc thép dẫn bộ binh tiến vào. Hai trung đội của tiểu đoàn 145 đã phân công nhau phụ trách từng khu vực dựa vào trận địa kiến trúc nhà cửa chặn đánh địch quyết liệt. Một chiến sĩ quyết tử ôm bom ba càng đâm vào xe tăng địch. Bom không nổ, đồng chí hy sinh. Một đồng chí khác ôm quả khác xông lên phá được xe tăng, bộ binh địch chùn bước không dám sục sạo. Ta trụ bám từng nhà, dựa vào chiến lũy công sự, từ gác cao ném lựu đạn xuống rồi xông ra diệt địch. Địch bị thương vong khoảng 1 trung đội không tiến được, ùn lại. Đến 13 giờ chúng cho một mũi từ phố Sơn Tây tiến qua làng Vạn Phúc đánh vào nhà thờ Liễu Giai, vu hồi phía giữa phố, kết hợp với bọn trên đường Đội Cấn bắn rất mạnh vào hai bên phố để uy hiếp quân ta. Tại làng Vạn Phúc ta dựa vào địa hình làng mạc, hồ ao chiến đấu chặn địch, diệt nhiều tên. Do tương quan lực lượng chênh lệch, 14 giờ 30 phút ta phải rút khỏi Vạn Phúc và nhà thờ Liễu Giai về bố trí phòng ngự tại nhà Brigade Mobile.

Phía đường Thủ Khoa Huân¹ (Tức phố Thụy Khuê ngày nay), Hoàng Hoa

Thám, địch đã chiếm Sở xe điện, nhà máy giặt, nhà bia Ô-men² (Công ty bia Hà Nội, trên phố Hoàng Hoa Thám ngày nay). Do bị thiệt hại nên cả ba cánh quân đều ngừng tiến công để củng cố lực lượng và khu vực mới chiếm.

Kết quả trong ngày 3 tháng 1, trên cả 3 tuyến đường, chủ yếu là trên đường Đội Cấn ta diệt 116 tên, phá huỷ 1 xe tăng, 2 xe vận tải, phá hỏng 1 xe thiết giáp, thu 1 súng ngắn, 7 súng trường, hy sinh 30, bị thương 25 đồng chí, mất 3 súng khai hậu.

Đồng thời với việc tiến công trên ba trục đường phía tây, ở Liên khu 2, trong ngày 3 tháng 1, địch còn cho một đại đội 2 xe tăng, 3 thiết giáp cùng một số xe vận tải tiến công chiến lũy Ba Hàng và đê Thanh Lương ở hướng đông nam Lò Lợn. Đồng chí Vương Thừa Vũ, Chỉ huy trưởng Chiến khu XI có mặt ở đây đã trực tiếp điều động các phân đội đánh địch, chỉ huy cối 60mm bắn hỏng một xe thiết giáp, dùng đại liên bắn địch, rồi cho bộ đội phản kích đuổi địch đến Lò Lợn. Trận này ta diệt 50 tên địch, bắn hỏng 1 xe thiết giáp. Ta hy sinh 12 trong đó có 1 đồng chí đại đội trưởng.

Trong các trận chiến đấu ở Liên khu 3, một trận đánh nổi bật trong thời gian này là trận đánh tại khu vực Giảng Võ, ngày 6 tháng 1 năm 1947. Đây là một trận đánh quyết liệt trong tình thế ta hết sức bất lợi.

Giảng Võ lúc này là một thôn ở ngoại ô phía tây Hà Nội, diện tích khá rộng nằm kẹp giữa các tuyến đường La Thành, Giảng Võ và Kim Mã ngày nay. Sau các cuộc tiến công của địch tại Hàng Bột, Khâm Thiên, lực lượng của ta cầm cự rồi lui dần ra ngoài, trong đó làng Giảng Võ là một điểm đứng chân mới. Địch có thể theo đường La Thành hoặc từ Hàng Bột theo đường Cát Linh tiến đánh Giảng Võ.

Do địa bàn Liên khu 3 khá rộng, nhưng lực lượng lại khá mỏng, chỉ có tiểu

đoàn 523, Bộ chỉ huy Mặt trận đã điều tiểu đoàn 56 từ Liên khu 2 sang phòng ngự ở khu vực Ô Chợ Dừa thay cho tiểu đoàn 523 lui về phía sau để chặn chính và làm lực lượng dự bị.

Tiểu đoàn 56 đã bố trí 3 đại đội phòng thủ ở 3 khu vực: Đại đội 2 ở khu vực làng Thành Công, đại đội 4 ở khu vực Ô Chợ Dừa, Nam Đồng, đại đội 3 ở khu vực Ngã Tư Sở.

Đại đội 2 phòng ngự ở Giảng Võ có 3 trung đội bộ binh, được trang bị 1 trung liên, 2 tiểu liên, 40 súng trường các loại, 1 bom ba càng, còn là vũ khí thô sơ. Đại đội trưởng là Võ Công Định, chính trị viên là Lê Chí Thực.

Từ ngày 4 tháng 1 năm 1947 cán bộ, chiến sĩ đơn vị đến đóng tại thôn Giảng Võ. Nhận được chỉ thị đề phòng địch tiến công, đại đội đã nghiên cứu địa hình và chuẩn bị phương án chiến đấu, đào một số công sự và một đoạn chiến hào. Lực lượng địch có 2 xe tăng, một số xe bọc thép và xe vận tải chở khoảng 2 đại đội đến tiến công.

Khoảng 3 giờ 30 phút sáng ngày 6 tháng 1 năm 1947, lợi dụng đêm tối và mưa phùn gió rét, được một số tên Việt gian dẫn đường, một đại đội địch theo đường Cát Linh tiến đến Giảng Võ, một đại đội khác từ Ô Chợ Dừa theo đường La Thành cũng bí mật tiến sang Giảng Võ.

Khoảng 6 giờ sáng chúng hình thành thế bao vây quân ta ở trong làng.

Mờ sáng, địch bắt đầu dùng cối bắn vào làng, 2 xe tăng địch xuất hiện ở cổng làng.

Đồng chí Vũ Công Định đã kịp thời triển khai lực lượng để phòng ngự chặn đánh địch, chiến đấu trong thế bị động, bất lợi.

Sau khi pháo hoả chuẩn bị dồn dập, địch cho xe tăng dẫn đầu cùng bộ binh xung phong tiến vào làng. Ta chờ địch đến gần mới bắn súng và ném lựu đạn. Tuy nhiên xe tăng địch vẫn hùng hổ tiến vào cổng làng. Đồng chí Nguyễn Phúc Lai trong tổ quyết tử, đã lao lên đâm bom ba càng làm chiếc xe tăng đứt xích. Các tổ bộ binh tranh thủ thời cơ tiếp tục bắn súng trường và ném lựu đạn tiêu diệt một số tên. Đợt xung phong đầu tiên của địch bị đánh lui. Đồng chí Nguyễn Phúc Lai anh dũng hy sinh.

Địch chấn chỉnh đội hình, tiếp tục bắn pháo rồi xung phong tiến lên. Ta bị thương vong nhiều do chưa làm được nhiều công sự nhưng do tinh thần chiến đấu quyết tử của cán bộ, chiến sĩ và sự chỉ huy kiên quyết của đại đội, quân địch vẫn bị đánh lui.

Đến 10 giờ 15 phút, địch lại dùng hoả lực bắn chuẩn bị ác liệt và tiến lên. Với ưu thế về binh lực, hoả lực chúng đã đột phá được vào làng. Vì đã tiến hành bao vây chặt, địch cố tiêu diệt toàn bộ quân ta ở trong làng.

Trước tình thế bốn mặt có địch, chúng lại tiến được vào làng, để bảo toàn lực lượng, đại đội trưởng Vũ Công Định quyết định mở một đường máu rút lui về phía nam. Đồng chí đã dẫn đầu bộ phận mở đường, dùng trung liên bắn kiềm chế đội hình địch để bộ đội phá vây vượt đê La Thành rút về làng Thành Công. Đồng chí Lê Chí Thực, chính trị viên đại đội chỉ huy bộ phận đuổi chặn đánh địch ở phía sau. Cuộc rút lui đã được thực hiện, song cả hai đồng chí chỉ huy: đại đội trưởng Vũ Công Định và chính trị viên Lê Chí Thực đều anh dũng hy sinh.

Kết quả trận đánh, đại đội hy sinh 40 người, bị thương 10 người, mất 15 súng trường. Địch bị diệt 30 tên.

Trận đánh Giảng Võ đã nêu cao tinh thần chiến đấu kiên cường bất khuất của quân và dân Liên khu 3 cũng như toàn thể quân dân Hà Nội. Tấm gương hy sinh anh dũng của các đồng chí Vũ Công Định, Vũ Chí Thực, Nguyễn Phúc Lai đã được đăng trên báo chí và phổ biến cho các đơn vị học tập. Một khoá học trường quân chính đã được mang tên khoá Vũ Công Định¹ (Liệt sĩ Nguyễn Phúc Lai đã được truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, một đường phố Hà Nội đã được đặt tên anh). Tuy nhiên, trận này cũng để lại nhiều kinh nghiệm cho các đơn vị. Đó là việc nắm chắc địch khi chúng tiếp cận của đại đội 2, tiểu đoàn 56. Việc tổ chức chỉ huy, hiệp đồng chiến đấu, thông tin liên lạc giữa các lực lượng của tiểu đoàn tại địa bàn phụ trách (Thành Công, Giảng Võ, Ô Chợ Dừa, Ngã Tư Sở) cũng có nhiều thiếu sót, yếu kém. Vì thế trong suốt quá trình chiến đấu ác liệt của đại đội 2 mà lực lượng ứng cứu, chi viện của tiểu đoàn hầu như không có. Những khuyết điểm này đã được tiểu đoàn và Bộ chỉ huy Chiến khu rút kinh nghiệm kịp thời. Tuy nhiên những khó khăn khách quan, đó là so sánh lực lượng ta và địch tại Giảng Võ và nói chung trên toàn địa bàn tiểu đoàn 56 là quá chênh lệch, địa bàn trống trải, vũ khí thô sơ, thiệt hại đối với ta là khó tránh khỏi.

Tại Liên khu 1, sau khi co về cố thủ theo kế hoạch, lực lượng vũ trang Liên khu vừa phải giữ vững thế cầm cự, không cho địch lấn chiếm khép vây, đồng thời sẵn sàng đối phó với địch khi chúng tập trung đánh phá sau khi đã đẩy lùi được các lực lượng vũ trang Liên khu 2, Liên khu 3 ra xa.

Tiểu đoàn 101 sau các cuộc chiến đấu tại Bắc Bộ Phủ, Nhà Hát Lớn, Nhà Đèn, Bờ Hồ, Toà Thị chính đã rút về khu vực Hàng Bè, sau đó được Ủy ban kháng chiến Liên khu 1 chấn chỉnh về tổ chức. Các đồng chí Nguyễn Văn Triệu, tiểu đoàn trưởng; Bạch Thành Phong, chính trị viên được trên điều đi nhận nhiệm vụ mới. Các đại đội thuộc tiểu đoàn 101 được phân công về làm nòng cốt cùng tự vệ các khu phố còn lại của liên khu là Đồng Xuân, Đông

Thành, Đông Kinh Nghĩa Thục tổ chức chiến đấu trên địa bàn của mình. Ủy ban kháng chiến các khu phố thống nhất chỉ huy các lực lượng vũ trang của phân khu. Tuy vậy do Ủy ban kháng chiến các khu phố bận quá nhiều việc của một cơ quan chính quyền nhằm tổ chức việc phục vụ chiến đấu, lo việc tản cư nhân dân nên việc chỉ đạo tác chiến gặp nhiều khó khăn. Ủy ban kháng chiến các khu phố, kể cả cấp liên khu không phối hợp được hoạt động của các lực lượng chiến đấu, không thống nhất được sự chỉ đạo và chỉ huy, hiệu quả chiến đấu bị hạn chế. Từ thực tế tình hình, chủ trương hợp nhất các lực lượng vũ trang để thống nhất chỉ đạo, chỉ huy, dần dần hình thành. Ngày 25 tháng 12 năm 1946, Ủy ban kháng chiến Liên khu đã họp và quyết định hợp nhất lực lượng vũ trang cả chủ lực và tự vệ tại mỗi phân khu thành một tiểu đoàn. Khu vực Đồng Xuân hình thành tiểu đoàn 101 (mới), do đồng chí Mộng Hùng, nguyên đại đội trưởng thuộc tiểu đoàn 101 cũ, làm tiểu đoàn trưởng; đồng chí Đỗ Tân, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến khu Đồng Xuân là chính trị viên; đồng chí Nguyễn Hùng, nguyên đại đội phó Vệ quốc đoàn làm tiểu đoàn phó. Tại khu vực Đông Thành và một phần khu Hoàn Kiếm ta còn giữ được, hình thành tiểu đoàn 102 do đồng chí Vũ Yên, nguyên đại đội trưởng Tự vệ chiến đấu Hoàng Diệu làm tiểu đoàn trưởng; đồng chí Đàm Văn Ngọ, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến khu Đông Thành làm chính trị viên. Tại khu Đông Kinh Nghĩa Thục hình thành tiểu đoàn 103 do đồng chí Tấn Công, nguyên đại đội trưởng tiểu đoàn 101 cũ làm tiểu đoàn trưởng; đồng chí Phạm Văn Trường, nguyên Chủ tịch Ủy ban kháng chiến khu làm chính trị viên; đồng chí Đỗ Đức Liêm (tức Vũ Lăng), nguyên đại đội phó Vệ quốc đoàn làm tiểu đoàn phó. Tiểu đoàn 101 cũ (hay tiểu đoàn 101 Bắc Bộ Phủ như cách gọi của nhiều người) đã hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang nhiệm vụ của mình những ngày đầu kháng chiến, trở thành nòng cốt xây dựng lực lượng chủ lực của Liên khu 1.

Trên cơ sở sự hình thành các tiểu đoàn 101, 102, 103, Ủy ban kháng chiến Liên khu 1 đã đề nghị Ủy ban kháng chiến Khu XI thành lập trung đoàn Liên khu 1 để tập trung chỉ huy tác chiến của các tiểu đoàn. Bộ chỉ huy Chiến khu XI đã chấp thuận việc thành lập Trung đoàn Liên khu 1, chỉ định đồng chí Hoàng Siêu Hải¹ (Đồng chí Hoàng Siêu Hải là người dân tộc Tày quê ở Cao Bằng, từng theo học trường quân sự ở Liễu Châu, Trung Quốc. Đã từng chiến đấu trong hàng ngũ quân giải phóng của ta tại Việt Bắc. Chuẩn bị kháng

chiến, đồng chí được Bộ chỉ huy Chiến khu XI giao về phụ trách 2 tiểu đoàn chủ lực 101 và 145 đóng trên địa bàn Liên khu 1, đồng thời là Trưởng ban Tác chiến của Ủy ban bảo vệ Liên khu 1), cán bộ Vệ quốc đoàn làm trung đoàn trưởng; đồng chí Lê Trung Toàn² (Đồng chí Lê Trung Toàn là cán bộ hoạt động trước Cách mạng tháng Tám, từng bị địch bắt tù đầy tại nhà tù Sơn La. Sau Cách mạng tháng Tám được bổ sung vào Thành ủy Hà Nội, trực tiếp là đội trưởng Đội Tự vệ chiến đấu Hoàng Diệu. Sau đó được điều động xuống công tác tại Hải Phòng. Gần Toàn quốc kháng chiến, đồng chí được điều động trở lại tham gia Thành ủy Hà Nội và trực tiếp là Chủ tịch Ủy ban bảo vệ (sau là Ủy ban kháng chiến) Liên khu 1), Chủ tịch Ủy ban kháng chiến Liên khu 1 làm chính trị viên trung đoàn. Đồng chí Hoàng Phương, cán bộ Đội Tự vệ chiến đấu Hoàng Diệu cũng được Liên khu ủy và Ủy ban kháng chiến Liên khu chỉ định làm Tham mưu trưởng và tham gia Ban chỉ huy trung đoàn. Các cơ quan trực thuộc có Ban Tham mưu, Ban Tuyên truyền, Ban Quản lý, Ban Y tế... Bệnh xá của trung đoàn đặt tại hiệu buôn Nam Long phố Hàng Buồm. Trung đoàn còn tổ chức một xưởng để sửa chữa vũ khí.

Ngày 6 tháng 1 năm 1947 lễ thành lập Trung đoàn Liên khu 1 được tổ chức trọng thể tại Toà soạn báo Lao Động, 51 phố Hàng Bồ. Đây là trung đoàn thành lập đầu tiên trong khối lửa của cuộc kháng chiến, biểu hiện sự trưởng thành của lực lượng vũ trang Liên khu 1 nói riêng và cả Thủ đô nói chung.

Lực lượng nòng cốt để thành lập trung đoàn thực ra chỉ có 2 đại đội Vệ quốc đoàn của tiểu đoàn 101. Lực lượng bổ sung phần lớn là tự vệ, một phần là công an xung phong và rất nhiều dân thường tình nguyện. Nghe tin thành lập trung đoàn mọi người nô nức đăng ký nhập ngũ. Họ gồm đủ loại già, trẻ, gái, trai, công nhân, học sinh, người buôn bán, viên chức, nhà báo, nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ, người làm thuê, nhà tư sản... Kết quả quân số của trung đoàn lên tới 5.600 người. Trang bị bằng đủ mọi thứ quần áo mà họ có, một đội quân chưa có đồng phục, chỉ có phù hiệu thống nhất. Tuy xuất thân khác nhau, ăn mặc khác nhau, nhưng có chung một lòng yêu nước, một quyết tâm chiến đấu vì Thủ đô, vì Tổ quốc. Việc hình thành Trung đoàn Thủ đô đã tạo nên một sức mạnh vật chất và tinh thần rất to lớn cho cuộc chiến đấu ở Liên khu 1 cũng như ở Thủ đô nói chung.

Việc thành lập các tiểu đoàn 101, 102, 103 và Trung đoàn Liên khu 1 làm nức lòng quân dân Liên khu 1 cũng như quân dân Thủ đô.

Cán bộ, chiến sĩ tiểu đoàn 103, đại diện cho quân và dân Liên khu 1 đã tổ chức lễ tuyên thệ quyết tử tại rạp hát Tố Như (nay là rạp Chuông Vàng, phố Hàng Bạc), động viên tinh thần chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ liên khu. Trong không khí trang nghiêm, đồng chí Vũ Lăng đã tuyên thệ: “Chúng ta nguyện hoàn thành các nhiệm vụ cấp trên giao cho. Chúng ta thề sống chết vì Thủ đô. Giặc Pháp muốn chiếm Thủ đô, chúng ta sẽ chiến đấu đến cùng cho Thủ đô bất diệt”¹ (Chiến đấu bảo vệ chính quyền cách mạng, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2005, tr.44).

Tin Trung đoàn Liên khu 1 ra đời bay ra ngoài hậu phương rất nhanh. Hội nghị quân sự toàn quốc họp ngày 12 tháng 1 năm 1947 tại Chúc Sơn (Chương Mỹ - Hà Đông) sau khi nghe báo cáo tình hình chiến đấu của các địa phương và Thủ đô từ sau Toàn quốc kháng chiến (19 tháng 12 năm 1946), đã biểu dương tinh thần chiến đấu của quân dân cả nước, đồng thời quyết định tặng Trung đoàn Liên khu 1 của Hà Nội danh hiệu Trung đoàn Thủ đô. Ngày 13 tháng 1, Ủy ban kháng chiến Khu XI lập tức thông báo tin vui này tới cán bộ, chiến sĩ Liên khu 1 và quân dân Thủ đô nói chung, động viên mọi người quyết tâm chiến đấu hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ trên giao.

Nhân dịp hội nghị này, Tổng chỉ huy Võ Nguyên Giáp và Chỉ huy trưởng Vương Thừa Vũ nhận định về những diễn biến mới tại Mặt trận Hà Nội, dự kiến địch sẽ đẩy lui lực lượng ta ra khỏi các cửa ô trước, sau đó mới quay về đánh Liên khu 1. Do đó cần điều chỉnh lại bố trí, tăng cường thêm chiến lũy, động viên bộ đội và tự vệ chiến đấu tích cực, chặn địch trên các trục phố dẫn đến ra cửa ô. Đồng thời củng cố những công trình phòng thủ tại Liên khu 1 sẵn sàng đánh địch và rút lui đúng lúc.

Trong cuộc chiến đấu ở Thủ đô, vai trò của các cấp ủy đảng và đảng viên thể hiện rất rõ nét. Ở Liên khu 1 điều này thể hiện rất rõ. Đảng ủy Liên khu 1 do đồng chí Lê Trung Toàn làm Bí thư. Đảng bộ Liên khu có 8 chi bộ có 32 đảng viên. Liên khu ủy chủ trương kết nạp thêm những cán bộ, chiến sĩ có phẩm chất tốt, chiến đấu dũng cảm để tăng thêm sức mạnh của Đảng. Đến giữa tháng 1, số đảng viên lên tới 72 người, chưa kể số được rút ra theo chỉ thị của trên để nhận trọng trách khác. Với vai trò gương mẫu kiên cường và sự lãnh đạo sát sao đúng đắn của mình, Đảng bộ Liên khu 1 là hạt nhân, là linh hồn của cuộc chiến đấu ở Liên khu 1. Công tác chính trị được Liên khu ủy và các chi bộ rất coi trọng. Vấn đề mấu chốt là nâng cao tinh thần quyết trụ bám đánh địch trong vòng vây, khắc phục hiện tượng sợ hãi, dao động. Một số cán bộ, chiến sĩ kém tinh thần đã được đưa ra hậu phương. Công tác cổ động chiến trường, báo chí, tuyên truyền rất được đề cao. Ban chính trị trung đoàn cho xuất bản tờ báo “Chiến thắng” để động viên cổ vũ tinh thần mọi người, nêu cao các gương chiến đấu dũng cảm, phổ biến các kinh nghiệm tác chiến.

Tuy Ban chỉ huy Trung đoàn Liên khu 1 được thành lập, các bộ phận của cơ quan đoàn bộ được hình thành, nhưng trên địa bàn còn có dân, còn có quan hệ đối ngoại nên Ủy ban kháng chiến Liên khu vẫn được duy trì để điều hành các công việc đối nội, đối ngoại.

Bên cạnh vấn đề tổ chức lại lực lượng là công tác tiếp tế (nay gọi là công tác hậu cần). Vấn đề tiếp tế phải giải quyết rất khẩn trương vì trung đoàn nằm trong vòng vây của địch. Sau khi địch chiếm Yên Phụ, khống chế khu Trúc Bạch, đốt cháy khu Long Biên và chiếm hãn vị trí Phà Đen, việc tiếp tế từ ngoài vào Liên khu 1 hết sức khó khăn.

Đồng chí Nguyễn Văn Trân đã giao cho đồng chí Tạ Hoàng Cơ, Thành ủy viên, tổ chức việc chở gạo, đạn, thuốc men đến khu Trúc Lãng. Đồng thời cũng giao cho đồng chí Nguyễn Hữu Mai, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến Trúc Lãng¹ (Khu Trúc Lãng là địa bàn Yên Phụ, Trúc Bạch, Quán Thánh ngày

nay, không thuộc liên khu nào mà trực tiếp thuộc Chiến khu XI phụ trách) phải tổ chức việc tiếp tế từ đây vào Liên khu 1. Đồng chí Vũ Yên, Ủy viên tác chiến Liên khu 1 cũng ra liên lạc với đồng chí Vị Hải, Ủy viên quân sự khu Trúc Lăng đề nghị tổ chức khâu tiếp tế này. Từ đêm 22 tháng 12 đội giao thông liên lạc do đồng chí Mạc Phúc Ứng phụ trách đã liên tục tiếp tế nhu yếu phẩm cho Liên khu 1. Vượt qua vòng vây địch tiếp tế cho bộ đội là một công việc nguy hiểm nhưng nhiều chị em phụ nữ Yên Phụ đã tích cực tham gia nhiệm vụ này. Đường vào của đội là đi theo ven sông Hồng, từ Tứ Tổng xuống đến khu Hồng Hà, vượt qua bốt Nhà Đỏ ở đầu đường Yên Phụ, từ đó theo đường giao thông hào suốt dọc bãi, qua gầm cầu Long Biên, vượt đê vào ngõ Phất Lộc, tới giao hàng tại Hàng Bạc. Đồng chí Bùi Nguyên Cát, trưởng ban quản lý của trung đoàn đêm đêm đón nhận những tấn hàng từ ngoài vào với biết bao tình nghĩa. Hàng chủ yếu là lương thực, thực phẩm, trong đó đặc biệt cần thiết là rau xanh. Lúc đầu đội quân này có khoảng 30 người, sau do hàng hoá dự trữ từ trước giảm mạnh, nhu cầu vận tải cao hơn-nên số người được huy động cũng nhiều lên, có lúc lên tới 65 - 70 người.

Một vấn đề lớn nữa cũng rất nan giải đối với chính quyền kháng chiến Liên khu 1 là, cùng với lực lượng vũ trang còn có 4 vạn dân trước đây chưa kịp tản cư ra ngoài, trong đó có gần 1 vạn người Hoa và một số người Ấn Độ. Việc bảo vệ tính mệnh, tài sản, đảm bảo lương thực, thực phẩm, nước ăn và chất đốt cho họ là một vấn đề hết sức khó khăn.

Phải tìm cách đưa dân ra ngoài. Bằng đường bí mật, Ủy ban kháng chiến Liên khu đã đưa được một số người nhưng rất có hạn. Để tản cư phần lớn số dân còn lại, trong đó có nhiều ngoại kiều trong nội thành, qua trung gian Lãnh sự Trung Hoa dân quốc Viên Tử Kiên, một cuộc gặp gỡ giữa ta với đại diện lãnh sự Mỹ, Anh và Trung Hoa tại Hà Nội đã được tổ chức. Phía ta có các đồng chí Nguyễn Văn Trân, Bí thư Khu ủy, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến Khu XI; Hoàng Minh Giám, Bộ trưởng Bộ ngoại giao; Hoàng Hữu Nam, Thứ trưởng Bộ Nội vụ. Các bên thỏa thuận ngày 15 tháng 1, ta và Pháp sẽ ngừng bắn để ngoại kiều và nhân dân Việt Nam còn ở lại trong thành phố được công khai rút ra ngoài. Đây là cuộc đàm phán ngoại giao ít thấy trong lịch sử. Các đối tác gặp gỡ nhau ngay dưới chân chiến lũy Ô Chợ Dừa, bàn ghế xếp ngay

ngoài đường về phía dãy số chẵn phố Nguyễn Lương Bằng ngày nay. Đại đội 4 tiểu đoàn 56 được giao bảo vệ cuộc đàm phán này¹ (Tư liệu của đồng chí Trần Quân Lập, nguyên chính trị viên đại đội 4 tiểu đoàn 523).

Tranh thủ lý do tổ chức tản cư hợp pháp cho dân, để khắc phục những khó khăn về tiếp tế hậu cần cho Liên khu 1, Bộ chỉ huy Khu XI chỉ thị cho Liên khu 1 giảm mạnh số cán bộ, chiến sĩ của Trung đoàn Liên khu 1 xuống, chỉ để lại 500 người. Ngày 15 việc tản cư đã được thực hiện. Sợ địch lật lọng, đồng bào không dám đi. Các đoàn thể cứu quốc và Ủy ban kháng chiến từ liên khu tới các khu phố phải giải thích kỹ lưỡng, dân mới tin và chịu ra đi. Đối với người Hoa, do cuộc sống của họ gắn liền với việc làm ăn ở thành thị, vì không có quê hương ở ngoại thành và các tỉnh nên việc vận động tản cư gặp rất nhiều khó khăn. Cuối cùng nhiều người đã nhận thấy việc ra đi chính là để bảo vệ sự an toàn cho bản thân mình nên đều tự giác thực hiện việc tản cư.

Sáng ngày 15 tháng 1 năm 1947, hơn 600 đồng bào và ngoại kiều đã được công khai tản cư theo đường Hàng Đậu lên Yên Phụ ra ngoại thành. Nhân dịp này, Liên khu 1 đã tổ chức đưa ra ngoài theo đường bí mật cụ Nguyễn Văn Tố, Trưởng ban thường trực Quốc hội; bác sĩ Trần Hữu Tước, bác sĩ Nguyễn Cao Luyện, nhà tư sản yêu nước Trịnh Văn Bô, là những vị nằm trong danh sách cần đưa ra trước khi nổ súng Toàn quốc kháng chiến nhưng chưa ra kịp.

Hàng nghìn cán bộ, chiến sĩ Liên khu 1 được chỉ định trước cũng đã đi lẫn vào dân để ra ngoài. Tuy nhiên trong phiên họp chiều ngày 15 tháng 1 của các cán bộ chủ chốt của trung đoàn và các tiểu đoàn thuộc Liên khu 1 để kiểm điểm việc tản cư thực hiện trong buổi sáng, số quân còn lại của toàn trung đoàn vẫn còn tới 1.200 người, trong đó có 200 phụ nữ, 75 thiếu nhi. Họ muốn ở lại chia sẻ nhiệm vụ chiến đấu với đồng đội. Chỉ huy các tiểu đoàn tự nhận khuyết điểm thiếu kiểm tra, đôn đốc đơn vị mình. Tuy nhiên không ai nữ kỷ luật những chiến sĩ dám ở lại chiến đấu giữa vòng vây của địch tại Liên khu 1.

Ngày hôm sau, đồng chí Trần Quốc Hoàn điện vào Liên khu 1 bức điện ngắn gọn: “Theo chỉ thị của Hồ Chủ tịch, báo cáo ngay bằng điện toàn bộ danh sách cán bộ và chiến sĩ còn ở lại”. Nhận được điện, cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn Thủ đô hết sức xúc động trước sự quan tâm của Bác. Bức điện đó đồng nghĩa với sự ghi công của Tổ quốc đối với cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn Thủ đô, động viên mọi người quyết tâm chiến đấu, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tất cả các công việc từ chấn chỉnh tổ chức lực lượng, tản cư bớt dân ra ngoài, tổ chức công tác tiếp tế hậu cần đã tạo điều kiện cho lực lượng vũ trang Liên khu 1 sẵn sàng bước vào những đợt chiến đấu mới, tiếp tục kéo dài cuộc chiến đấu theo nhiệm vụ trên giao.

Sau đợt đánh và chiếm các cửa ô, lực lượng địch càng bị phân tán ra chiếm đóng nên không còn lực lượng để tiến công tiếp. Chính phủ Pháp đã cử Mari-ux Mu-tê, Bộ trưởng Pháp quốc Hải ngoại và Đại tướng Lơ-cléc, Tổng thanh tra quân đội Pháp sang Đông Dương xem xét tình hình. Về nước, Lơ-cléc đề nghị tăng viện 2 vạn quân để kết thúc chiến tranh trước mùa mưa năm 1947. Chính phủ Pháp phê chuẩn. Bộ Tổng Tham mưu Pháp cố vét quân và bắt thêm lính nhưng chỉ đưa được 14 tiểu đoàn sang. Một số tiểu đoàn có thể đến Hải Phòng vào đầu tháng 1. Như vậy là vào trung tuần tháng 1, quân tăng viện sẽ đến Hà Nội.

Bộ Tổng chỉ huy của ta và Bộ chỉ huy Mặt trận Hà Nội phán đoán, lấy bàn đạp là các vị trí chiếm đóng mới ở các cửa ô, địch có thể sẽ tiếp tục đánh ra ngoài thành trước, đẩy lực lượng ta ra xa hơn rồi mới quay vào đánh Liên khu 1.

Để Hà Nội có điều kiện tiếp tục giam chân địch, Bộ Tổng chỉ huy quyết định giao nhiệm vụ cho Chiến khu II tăng cường cho Mặt trận Hà Nội 2 tiểu đoàn:

tiểu đoàn 45 thuộc Trung đoàn 9 Sơn Tây và tiểu đoàn 64 thuộc Trung đoàn 13 Hà Đông.

Căn cứ vào sự phán đoán nói trên, Ủy ban kháng chiến Hà Nội và Bộ chỉ huy Chiến khu XI điều chỉnh lại sự bố trí để đánh địch tiến công ra ngoại thành.

- Tiểu đoàn 145 do đồng chí Trác Vinh Nam làm tiểu đoàn trưởng, đánh địch trên các trục đường đi Yên Phụ, Nhật Tân, đường Thủ Khoa Huân, đường Hoàng Hoa Thám - Bưởi, đường Đội Cấn - Cổng Vĩ.

- Tiểu đoàn 523 do đồng chí An Giao làm tiểu đoàn trưởng, đánh địch trên các trục đường Sơn Tây, Cầu Giấy, đường Đê La Thành, đường Ô Chợ Dừa - Ngã Tư Sở - Thái Hà Ấp.

- Tiểu đoàn 64 do đồng chí Quốc Linh làm tiểu đoàn trưởng, đánh địch trên trục đường Kim Liên - Cổng Vọng và khu vực Việt Nam Học xá.

- Tiểu đoàn 212 do đồng chí Hồng Kỳ làm tiểu đoàn trưởng, đánh địch trên các trục đường Lò Lợn - Mai Động và dọc đê Đại Hà đi Vĩnh Tuy.

- Tiểu đoàn 56 do đồng chí Nguyễn Anh Độ làm tiểu đoàn trưởng, tiếp tục chặn giữ địch lần chiếm về phía Ngã Tư Sở, Cầu Mới.

- Tiểu đoàn 77 do đồng chí Hoàng Kiện làm tiểu đoàn trưởng, sang thay tiểu đoàn 56 trên đường Ô Cầu Dền, đường Bạch Mai.

- Tiểu đoàn 45 do đồng chí Tuấn Sơn làm tiểu đoàn trưởng, làm đội dự bị chung của mặt trận, bố trí trên trục đường Thái Hà Ấp - Hà Đông.

Như vậy là ta dùng 7 tiểu đoàn để chặn đánh địch tiến ra các cửa ô chứ không phải đánh theo thế trận “trong đánh, ngoài vây”, hay “trong đánh ra, ngoài đánh vào” như có người lầm tưởng. Muốn thực hiện thế trận “trùng độc chiến” ở Liên khu 1 thì phải có 7 tiểu đoàn cùng chặn đánh và lui dần ra ngoại thành.

Rút kinh nghiệm của các trận chiến đấu vừa qua, đồng chí Vương Thừa Vũ, Chỉ huy trưởng Mặt trận Hà Nội chỉ thị tất cả các đơn vị đều phải có bộ phận phòng ngự, bộ phận dự bị và bộ phận dùng để tiến công.

Ủy ban kháng chiến Hà Nội quyết định sáp nhập khu Đống Đa với Liên khu 3 để tiện việc lãnh đạo và chỉ huy tác chiến trên một trục đường từ Ô Chợ Dừa ra Thái Hà Ấp. Đồng chí Hồ Trúc thay đồng chí Đỗ Trình làm Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến Liên khu 3 - Đống Đa. Đồng chí Đỗ Đức Kiên, nguyên Chủ nhiệm Thành bộ Việt Minh được bổ nhiệm làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến khu Đại La.

Một lần nữa, Phòng Chính trị và chính trị viên các tiểu đoàn, các đơn vị tự vệ lại tiến hành công tác động viên chính trị để các lực lượng vũ trang ra sức kìm giữ địch xung quanh Liên khu 1, kiên quyết chặn đánh địch tiến công ra ngoại thành, mở rộng vùng chiếm đóng của chúng.

3. Đánh địch tiến công ra ngoại thành. Tiếp tục giữ Liên khu 1 để đánh địch (15.1.1947-18.2.1947)

Ngày 15 tháng 1 năm 1947, mặc dù hai bên đã thỏa thuận ngừng bắn để đưa dân và ngoại kiều ở Liên khu 1 ra ngoài, nhưng địch vẫn sử dụng 1.000 quân, 150 xe các loại tiến công ra phía nam để chiếm vành đai từ Vĩnh Tuy đến Ngã Tư Sở.

Để tiến công Vĩnh Tuy, địch sử dụng 1 đại đội, 2 xe tăng, 2 xe thiết giáp, 15 xe tải chở quân xuất phát từ Đồn Thủy qua Lò Lợn, phố Lò Đức tiến xuống. Đánh Vĩnh Tuy nằm trong một kế hoạch lớn của địch bao gồm cả các mũi đánh nhà thương Vọng, Ngã Tư Sở.

Đối phó với âm mưu của địch, Bộ chỉ huy Chiến khu đã điều tiểu đoàn 77 đến thay tiểu đoàn 56 chốt giữ các tuyến đê Bình Lao - Đại Cồ Việt, từ chốt Ba Hàng - Thanh Lương đến Ô Cầu Dền, Vân Hồ, Ngã Tư Vọng. Do phải rải quân phòng ngự trên một diện rộng, nên tại chính Vĩnh Tuy cũng chỉ bố trí được một trung đội Vệ quốc đoàn và một đại đội tự vệ.

Cuộc tiến công Vĩnh Tuy bắt đầu lúc 4 giờ sáng ngày 15 tháng 1 năm 1947. Địch dùng một ca-nô chở khoảng một trung đội, tắt máy xuôi theo sông Hồng bí mật đổ quân lên ém sẵn ở bãi ngô bờ sông Vĩnh Tuy. Ta không phát hiện được địch. Khoảng 5 giờ, địch bắn pháo cối trên diện rộng vào các khu vực từ nhà thương Vọng, Ô Cầu Dền, Ba Hàng đến Vĩnh Tuy. Sau đó khoảng một đại đội địch (100 quân) có xe tăng, xe bọc thép tiến xuống Vĩnh Tuy bằng hai đường: Một đường từ Lò Lợn qua Lương Yên, một đường từ Ô Đống Mác xuống Thanh Lương. Tại Thanh Nhàn và Lương Yên, ta chặn đánh địch rất quyết liệt. Địch không tiến xuống được buộc phải lui về Lò Lợn và Đống Mác. Ta diệt khoảng 20 tên địch, thu 4 súng trường. Sau khi chấn chỉnh lại lực lượng, địch dùng máy bay đến hiệu chỉnh cho pháo bắn vào các vị trí nghi có quân ta bố trí.

Đợt tiến công tiếp theo từ 9 giờ sáng. Một mũi có xe tăng thiết giáp dẫn đầu đánh vào chiến lũy Ba Hàng. Số quân ém sẵn ở bãi ngô, bất ngờ tiến công vào trung đội của tiểu đoàn 212 đóng giữ Vĩnh Tuy. Một bộ phận khác của địch từ Lạc Trung đánh xuống. Tự vệ và bộ đội chặn đánh quyết liệt, nhưng cả ba mặt đều có địch, địa hình trống trải, hỏa lực địch mạnh, ta không giữ được Vĩnh Tuy buộc phải rút về Thanh Trì, Nam Dư, một bộ phận khác rút về đường Chợ Mơ, cùng với các đơn vị của tiểu đoàn 77 chặn đánh địch.

Trong trận này, địch bị diệt khoảng 20 tên, chủ yếu ở Thanh Nhàn, Vĩnh Tuy. Ta bị thương vong một số.

Sau khi chiếm được Vĩnh Tuy, 11 giờ địch đánh sang ngã tư Trung Hiền (cạnh Chợ Mơ). Tại đây, một đại đội của tiểu đoàn 77 và tự vệ phố Duy Tân đã được bố trí để đánh địch. Ta có thiếu sót là không chuẩn bị công sự, không tổ chức phục kích nên bị thiệt hại nặng. Một trung đội của ta hy sinh tới quá nửa nhưng không chặn được địch. Chiếm xong ngã tư Trung Hiền, địch tiến sang phối hợp cùng một mũi quân địch ở đường số 1 xuống tiến công chiếm Ngã Tư Vọng.

Ngã Tư Vọng là một vị trí quan trọng trên đường số 1, nối Hà Nội xuống các tỉnh phía nam, đồng thời nằm trên vành đai ngoại thành từ Vĩnh Tuy - ngã tư Trung Hiền - Ngã Tư Vọng - Ngã Tư Sở - đường Láng - Bưởi - Nhật Tân.

Ta nhận định sau khi chiếm được ngã tư Kim Liên, địch nhất định sẽ đánh xuống Ngã Tư Vọng. Vì vậy đã bố trí tại đây một lực lượng lớn, tập trung tại nhà thương Vọng (tức bệnh viện Bạch Mai ngày nay).

Nhà thương Vọng có khuôn viên gần như vuông vức, khá rộng, mỗi chiều khoảng 300m, có tường bao quanh. Phía bắc là một bãi bóng và một bãi trống có một số hố đấu và lò gạch nhỏ (tức là phía khu tập thể Kim Liên ngày nay); phía đông là con đường sắt, đường xe điện và đường quốc lộ số 1 hình thành một mặt bằng khá rộng; phía nam là đường Tàu Bay (nay là đường Trường

Chinh) nối liền với đường Đại La. Mặt tiền của bệnh viện trông ra đường số 1, có cổng ra vào. Trên cổng có một cái chòi. Trong bệnh viện, có nhiều nhà ba tầng làm việc và nhà bệnh nhân nội trú.

Quân ta có một đại đội của tiểu đoàn 64, ba trung đội tự vệ và khoảng 100 cứu thương đồn ở tuyến trước về. Tất cả khoảng 500 người.

Khi được tin địch từ Kim Liên đánh xuống, ta cấp tốc triển khai lực lượng phòng ngự: 3 trung đội tự vệ bố trí ở bãi trống phía bắc. Đại đội Vệ quốc đoàn bố trí ở trong bệnh viện, có 1 trung đội dọc theo tường rào phía bắc, 1 trung đội ở phía đông, 1 khẩu đại liên bố trí ở chòi cao cổng ra vào. Còn 1 khẩu ở mặt đất, đục lỗ tường bắn ra dọc đường số 1.

Năm giờ sáng địch bắt đầu chuẩn bị hoả lực mãnh liệt, có pháo, cối và máy bay tham gia. Một đoàn 8 xe tăng và thiết giáp, cùng 10 xe vận tải chở khoảng 300 lính Xê-nê-gan¹ (Lính người Xê-nê-gan, trong đội quân lê dương của Pháp) ăn mặc giả thường dân triển khai cách cổng bệnh viện 300m, đồng thời bắt dân đi đầu để tiến công.

Ta dùng súng trường bắn chỉ thiên cho dân chạy tản ra. Địch dã man bắn vào dân thường đang chạy.

Địch tiếp tục tiến, khi tiến đến gần cổng, bất ngờ khẩu đại liên của ta ở chòi cổng bệnh viện bắn ra mãnh liệt, nhiều tên địch bị tiêu diệt và tháo chạy. Địch chấn chỉnh lại đội hình, lần nữa tổ chức xung phong và lại bị ta bắn chặn. Cho đến 10 giờ địch đã tiến hành 6 đợt xung phong nhưng đều bị ta dùng đại liên, súng trường, lựu đạn chặn lại.

Địch dùng pháo trên tăng bắn mãnh liệt. Mười giờ 30 phút, chúng bắn sập 2

lò gạch nhỏ ở phía bắc. Khoảng hơn 1 tiểu đội tự vệ của ta bị thương vong nhưng anh chị em vẫn ngoan cường bám trụ công sự để chặn địch. Một bộ phận thám báo địch tiến theo hướng tây bắc bệnh viện cũng bị ta chặn lại.

Mười một giờ địch bắn sập chòi trên nóc cổng trên có khẩu đại liên của ta. Một chiến sĩ quốc tế người Nhật bản đã nhanh chóng xếp gạch và bố trí lại khẩu đại liên để ngăn chặn địch.

Trước tình hình trận đánh diễn ra quyết liệt, ban chỉ huy tiểu đoàn đã lệnh cho hướng bắc kiên quyết giữ vững vị trí chặn địch, đồng thời ra lệnh cho bộ phận nữ cứu thương, cấp dưỡng theo lạch nước rút về hướng sân bay Bạch Mai.

Trong khi đó một cánh quân của địch gồm 8 xe tăng, xe thiết giáp, 15 xe vận tải chở 500 quân, sau khi đánh chiếm Vĩnh Tuy và ngã tư Trung Hiền, được lệnh chuyển sang tăng cường cho bọn địch tại nhà thương Vọng, tiến công từ phía đông. Cánh quân này tiến theo đường Đại La, 14 giờ thì đến Ngã Tư Vọng và bắt đầu đánh vào phía sau quân ta. Như vậy là, địch từ hai mặt giáp công: cánh bắc yếu hơn đã bị ta chặn đánh nhiều lần suốt từ sáng và cánh quân Ngã Tư Vọng mới tăng cường ở phía nam, mạnh hơn. Ở phía nam ta lại chưa tổ chức phòng ngự. Địch dùng pháo trên tăng diệt được ổ đại liên của ta ở cổng bệnh viện rồi cho xe tăng húc đổ tường đột phá vào hướng đông nam của bệnh viện. Tổ bom ba càng đâm vào 1 xe tăng làm nổ tung chiếc xe này. Một chiếc xe tăng khác lại xông lên. Ta trụ bám từng ngôi nhà trong khu bệnh viện để chặn địch. Vì địch mạnh hơn nên đến khoảng 18 giờ ta phải rút quân về hướng Khương Trung, sân bay Bạch Mai. Một trung đội được giao bảo vệ cuộc rút quân, sau khi hoàn thành nhiệm vụ đã xuống hầm ngầm của bệnh viện. Đến nửa đêm trung đội cũng rút được an toàn.

Trận nhà thương Vọng là một trận đánh oanh liệt, quân ta phải chống trả lại 2 tiểu đoàn địch tiến công từ 2 hướng, đánh lui nhiều đợt xung phong của địch diệt khoảng 200 tên, trụ bám được 1 ngày. Tuy nhiên trận này ta cũng chịu

tổn thất lớn, bị thương vong khoảng 50 chiến sĩ Vệ quốc đoàn, 100 chiến sĩ tự vệ, trong đó có 1 chính trị viên đại đội và 1 trung đội trưởng. Trận này đơn vị có quyết tâm cao, chiến đấu dũng cảm, song thương vong lớn, không đạt được yêu cầu bảo toàn lực lượng để đánh lâu dài.

Đồng thời với đánh nhà thương Vọng, địch có một mũi tiến từ Ô Chợ Dừa xuống, bị một trung đội của tiểu đoàn 523 phục kích ở gò Đống Đa diệt khoảng một trung đội địch.

Ngày 16 tháng 1 địch mới chiếm được Ngã Tư Sở.

Cùng ngày, địch tiến đánh đường Tàu Bay, đánh chiếm sân bay Bạch Mai và tiến công khu Việt Nam Học xá (Đại học Bách khoa ngày nay), ở khu Việt Nam Học Xá, một đại đội của tiểu đoàn 77, một đại đội của tiểu đoàn 64, một đại đội tự vệ sinh viên và đại đội tự vệ Bảy Mẫu đã lần lượt chặn đánh địch trong hai ngày 16 và 17. Riêng tự vệ sinh viên đã dùng đại liên diệt khoảng 50 tên địch.

Như vậy là với lực lượng khá lớn, địch phải mất hai ngày mới chiếm được đoạn vành đai gần 6km từ Vĩnh Tuy qua ngã tư Trung Hiền đến Ngã Tư Sở. Quân ta trải qua gần một tháng đánh địch đã có ít nhiều kinh nghiệm nên đã chặn đánh tốt hơn, gây cho địch thiệt hại lớn hơn. Chính quyền các xã ngoại thành đã huy động tự vệ và nhân dân tích cực tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

Sau khi địch chiếm được Ngã Tư Sở, tiểu đoàn 56 lui về tổ chức phòng ngự ở cầu Mới, vừa chặn giữ hướng này, từng bước lui dần về phía thị xã Hà Đông. Tiểu đoàn lúc này còn 3 đại đội (đại đội 3 chuyển thuộc tiểu đoàn 64, đại đội 5 chuyển thuộc tiểu đoàn 77). Đại đội 1 bố trí ở Phụng Khoang, đại đội 2 ở Đại Mỗ, đại đội 4 ở cầu Tó. Tiểu đoàn lúc này vẫn do đồng chí Nguyễn Anh

Đệ làm tiểu đoàn trưởng, đồng chí Trần Quân Lập được bổ nhiệm chính trị viên.

Sau khi chiếm được Vĩnh Tuy, địch phát hiện ta có 2 khẩu pháo 37mm vừa đưa ở Thổ Khối sang Nam Dư Hạ và Yên Duyên. Ngày 18 tháng 1 năm 1947, địch huy động 250 tên, 2 xe tăng, 2 ca-nô theo 2 đường thủy bộ tiến đánh Nam Dư. Ta có hai đại đội của tiểu đoàn 212, một đại đội ở Nam Dư Thượng, một đại đội ở Nam Dư Hạ, một khẩu pháo ở đầu đê Nam Dư Hạ, một ở đê Yên Duyên. Dân quân tự vệ mỗi thôn có một trung đội.

Từ mờ sáng ngày 18 tháng 1 năm 47, lợi dụng đêm tối địch từ Lò Lợn qua Vĩnh Tuy chia hai đường thủy bộ tiến xuống định đánh úp bất ngờ ta ở Nam Dư. Cánh trên bộ có 2 xe tăng dẫn đầu qua làng Thanh Trì đã bị dân quân ở đây đánh chặn. Đại đội đóng ở Nam Dư Thượng cùng dân quân tự vệ dựa vào địa hình địa vật và công sự đã chặn đánh địch quyết liệt. Pháo của địch trên xe tăng phải đứng trên đê bắn vào làng chi viện làm cho bộ binh xung phong. Mặc dầu vậy chúng vẫn không vào được. Đến 14 giờ địch chia làm hai ngả theo đường làng và đường đê tiến xuống Nam Dư Hạ. Một đại đội của ta ở đây cùng tự vệ chuẩn bị sẵn sàng chặn đánh địch. Gặp ụ chắn trên đê, xe tăng địch vòng xuống đê để vượt qua. Khẩu 37mm của ta đặt trên đê (chỗ đầu Khuyến Lương, Nam Dư Hạ) đã hạ nòng ngắm bắn trực tiếp 3 phát. Một xe tăng bốc cháy ngay trên đê địa phận làng Thanh Trì. Dưới sông địch dùng hai ca-nô chở 2 trung đội địch đổ quân lên đánh tập hậu. Khẩu pháo thứ 2 của ta đặt trên đê Yên Duyên đã linh hoạt chuyển xuống bãi ngô sát mép nước để đón đánh ca-nô địch. Hai ca-nô địch chưa kịp đổ quân lên bãi thì 1 chiếc bị bắn chìm, bọn địch trên ca-nô bị tiêu diệt. Chiếc còn lại quay đầu tháo chạy. Bị thiệt hại nặng mà không diệt được lực lượng ta, đến gần chiều chúng phải rút quân về Vĩnh Tuy. Trong trận này địch bị chết 50 tên, 1 xe tăng bị phá, 1 ca-nô bị đắm. Ta hy sinh 13 người, bị thương 10 người, mất 3 súng trường.

Sau đợt đánh địch chiếm vành đai Vĩnh Tuy - Ngã Tư Sở, ta phán đoán địch sẽ đánh tiếp quãng đường Ngã Tư Sở - Bưởi.

Đúng như phán đoán, ngày 20 tháng 1 năm 1947, địch tập trung 1.200 quân trên 100 xe các loại, có 3 máy bay chi viện, mở đợt tiến công để chiếm hai mục tiêu Bưởi và Cầu Giấy.

Ta có tiểu đoàn 145 và một bộ phận của tiểu đoàn 56 chặn đánh địch.

Để tiến công Bưởi, địch chia làm hai mũi: một mũi khoảng 150 tên từ dốc Tam Đa, nhà máy thuộc da Thụy Khuê theo đường Thụy Khuê tiến lên. Một mũi khoảng 200 tên từ nhà máy bia Ô-men theo đường Hoàng Hoa Thám tiến lên. Các mũi đều có xe tăng và xe cơ giới dẫn đầu. Ta chặn đánh ở Ngọc Hà, Vĩnh Phúc, Bưởi rồi rút về Nghĩa Đô, Cổ Nhuế.

Để đánh Cầu Giấy địch tiến quân theo ba mũi: một mũi từ Liễu Giai theo đường Đội Cấn đánh lên Cổng Vị, một mũi theo đường Sơn Tây đánh lên Thủ Lệ, Yên Lãng và một mũi từ Ngã Tư Sở theo đường Láng đánh lên Cầu Giấy. Ở Thủ Lệ, một trung đội Vệ quốc đoàn cùng tự vệ chặn đánh, dùng đại liên bắn mạnh diệt 30 tên địch. Trên đường Láng, mũi từ Ngã Tư Sở tiến lên bị ta phục kích ở Hòa Mục. Vì giữ được bí mật, đánh bất ngờ nên ta diệt 50 tên địch. Địch từ các mũi tiến đánh Cầu Giấy và Thủ Lệ. Ta chặn đánh quyết liệt, diệt trên 100 tên rồi rút về Mai Dịch. Địch đánh Yên Lãng, ta chặn đánh kiên cường, sau đó phải rút. Địch chiếm được pháo đài Láng.

Tuy chiếm được quãng vành đai từ Ngã Tư Sở qua Cầu Giấy đến Bưởi dài 6km, nhưng địch cũng bị tiêu diệt khoảng 300 tên (không rõ số bị thương), bị phá hủy 2 xe tăng, 2 xe Jeep.

Quân ta có nhiều tiến bộ, biết lợi dụng địa hình, địa vật, tổ chức công sự, chờ

địch đến gần mới bắn, biết tổ chức phục kích, cán bộ nắm chắc bộ đội, biết sử dụng hỏa lực, biết nguy trang giữ bí mật, biết tổ chức rút quân tốt nên tổn thất ít, 15 đồng chí hy sinh, 21 đồng chí bị thương. Tuy nhiên vì thiếu bom ba càng, thiếu mìn nên kết quả đánh xe tăng chưa cao.

Sau khi địch chiếm Cầu Giấy và Bưởi, Bộ chỉ huy tiền phương phán đoán địch sẽ đánh chiếm đoạn vành đai cuối cùng Bưởi - Nhật Tân, nên đã lệnh điều chỉnh lại lực lượng để chống địch: đại đội của tiểu đoàn 145 ở Tứ Tổng để một trung đội ở Phú Gia và đưa 2 trung đội về Nhật Tân.

Ngày 25 tháng 1 năm 1947, địch tập trung khoảng 500 quân, 30 xe cơ giới đánh vào 2 mục tiêu: một là Xuân Tảo, Trích Sài, hai là Nhật Tân.

Ở mục tiêu thứ nhất, địch từ Nghĩa Đô vòng lên Cáo Đình đánh vào Xuân Tảo và dùng ca-nô chở quân qua Hồ Tây đổ bộ lên Trích Sài. Khi địch vào Xuân Tảo, một trung đội của ta rút từ Xuân Tảo ra Đông Khu rồi cùng trung đội ở Cáo Đình phản kích diệt khoảng 30 tên. Địch chiếm Trích Sài rồi đánh sang Xuân Tảo, ta phải rút.

Ở mục tiêu thứ hai, địch tiến quân từ Yên Phụ lên và dùng ca-nô đổ bộ một đại đội lên Nhật Tân. Đại đội của tiểu đoàn 145 chưa kịp bố trí lại lực lượng theo lệnh của Bộ chỉ huy mặt trận, đã bị địch vây ở Tứ Tổng phải phá vây để rút, bị thương 10, hy sinh 18 đồng chí. Địch kết hợp hai đường thủy bộ chiếm Nhật Tân. Trong đợt tiến công này, địch bị ta diệt 140 tên, chủ yếu là ở Xuân Tảo. Song ở Tứ Tổng, vì không có tổ chức lãnh đạo, dân chạy tán loạn bị địch bắn chết và bị thương trên 100 người. Đó là một thiếu sót lớn.

Như vậy là đến ngày 25 tháng 1 năm 1947 địch đã chiếm xong vành đai ngoại thành. Tuy vậy chúng đã phải trả giá khá đắt. Quân và dân Liên khu 2 và Liên khu 3 đã chống lại 8 cuộc tiến công của địch, đánh hàng chục trận, tiêu hao tiêu diệt hàng nghìn tên và điều quan trọng là làm chậm bước tiến của địch. Từ giữa thành phố đến vành đai ngoại ô khoảng 5km địch phải mất 27 ngày (tính từ ngày 30 tháng 12 năm 1946 đến ngày 25 tháng 1 năm 1947), bình quân mỗi ngày chúng chỉ tiến được chưa đầy 200m. Đó là một thành

tích rất quan trọng, làm chậm bước tiến của địch, tạo điều kiện thuận lợi cho Liên khu 1 đánh địch dài ngày hơn nữa.

Trong khi địch tập trung lực lượng đánh ra vành đai ngoại thành đồng thời siết chặt vòng vây Liên khu 1, quân và dân Liên khu 1 vẫn kiên cường giữ vững thế phòng thủ, nhằm kéo dài ngày cầm cự với địch.

Phạm vi Liên khu 1 lúc này đã bị thu hẹp nhiều. Ở phía nam là dọc phố Hàng Bông, Hàng Gai (địch ở số lẻ, ta giữ số chẵn), phố Cầu Gỗ, đến đầu Hàng Dầu; ở phía đông dọc phố Bắc Ninh (nay là phố Nguyễn Hữu Huân); ở phía bắc, địch khống chế đường Hàng Đậu, ta chốt ở khách sạn Hoa Nam và đóng ở Hàng Khoai, Hàng Lược; ở phía tây dọc Hàng Da ta chốt ở hiệu sơn Géc-ko và rạp Ô-lanh-pi-a (Olympia), giữ Hàng Mành, Hàng Thiếc, Hàng Bút, Hàng Vải Thâm, Hàng Rươi. Trong quá trình tác chiến, phạm vi này bị thu hẹp dần.

Trung đoàn Thủ đô đã tranh thủ thời gian địch chưa đánh lớn chấn chỉnh lực lượng, điều chỉnh lại thế bố trí và tăng cường công sự, chiến lũy, chướng ngại phòng ngự, chặn đánh địch dồn hẹp phạm vi, tích cực đánh du kích bằng những trận nhỏ. Lực lượng tham gia trong từng trận đánh là từng tổ nhỏ và tiểu đội. Cách đánh được vận dụng là quấy rối, bắn tỉa, tập kích, phục kích. Bị quân ta quấy rối, địch mất ăn mất ngủ và bắn lãng phí rất nhiều đạn. Địch rất sợ bị bắn tỉa không dám thò mặt ra, không dám đi lại nghênh ngang. Vì bị ta từ rạp Ô-lanh-pi-a bắn tỉa dọc Ngõ Trạm, địch phải dùng thiết giáp để tiếp tế cho quân địch đóng ở nhà thờ Tin Lành. Nhiều nơi chúng phải che cát, che bạt ngang đường để khi cơ động tránh được đạn bắn tỉa của ta.

Nhiều nơi ta cho từng tổ nhỏ leo ống máng, cây cửa, lật ngói thả lựu đạn diệt địch đang ngủ hoặc diệt ụ súng địch ở sân thượng. Có chiến sĩ ôm chân bông đồ xăng, đốt căn phòng địch ngủ trên gác, vì thế có tên phải nhảy liều xuống hy vọng thoát thân. Ở hiệu thuốc Noóc-man, đồng chí Lại, công nhân sửa chữa ô tô bò vào đặt mìn, ngòi ầm không nổ phải bò ra bò vào thay ngòi

nhiều lần mình mới nổ, diệt được một tiểu đội địch, hủy được 1 trọng liên 12,7mm. Ở phố Hàng Giấy, ta đặt một trung liên ở khách sạn Hoa Nam (gần rạp Bắc Đô) phục sẵn chờ xe lửa địch chạy qua. Nhiều lần bị ta bắn, địch chết hàng trăm tên. Chúng phải đưa lực lượng tiến công hòng tiêu diệt hỏa điểm mai phục của ta, nhưng bị đánh lui. Mãi sau khi ta rút chúng mới chiếm được. Ở phố Hàng Khoai, có mấy điểm ngày địch đóng, nhưng đêm lại phải rút. Ta đưa lực lượng vào phục sẵn ban đêm, sáng địch tới ta nổ súng diệt nhiều tên.

Ngày 16 tháng 1 năm 1947, một tổ súng trường của tiểu đoàn 102 do đồng chí Bạch Ngọc Liên chỉ huy bắn rơi một máy bay khu trục của địch. Với thành tích này, tổ được thưởng huân chương Chiến sĩ hạng ba.

Phóng viên AFP đã viết về cách đánh du kích của ta như sau:

“Trong cuộc chiến tranh kỳ dị này, người ta có thể chết một cách dễ dàng ở bất kỳ nơi nào lúc nào mà người ta không thể biết... Ban đêm họ len lỏi vào các phố một cách nhanh nhẹn, không một tiếng động, không một bóng người. Từ trên gác cao quân Pháp ném lựu đạn xuống. Họ vẫn tiến công một cách hăng hái và bền bỉ với những tiếng hét rùng rợn. Đến sáng họ lại biến như mây khói. Còn ban ngày thì họ ẩn nấp ở nơi chắc chắn, chĩa súng vào đối phương. Tiếng súng nổ ban ngày không phải ở nơi phân giới tuyến mà cả trong khu Pháp đã tảo thanh. Tiếng súng nổ ở bất kỳ nơi nào, ngay cả ở trung tâm thành phố”¹ (Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh, Nxb Hà Nội, 1997, tr.64 (trích lại trong cuốn Trung đoàn Thủ đô, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1963).

Như vậy là cán bộ, chiến sĩ Liên khu 1 đã vận dụng những cách đánh du kích trong thành phố làm địch rất khiếp sợ.

Trong quá trình này, vì lực lượng địch còn tập trung để đánh chiếm các cửa ô và ngoại ô, chúng chưa có lực lượng lớn để đánh Liên khu 1, nhưng các cuộc tiến công nhỏ để lấn chiếm và khép chặt vòng vây hầu như xảy ra hàng ngày ở nhiều phía, nhất là ở phía bắc và phía đông.

Ở phía bắc, từ phía Hàng Đậu địch tiến xuống theo một số đường phố Hàng Lược, Hàng Giấy, Hàng Thiếc để tiến sát dần đến Hàng Khoai. Vì khách sạn Hoa Nam là một vị trí hiểm yếu, nên chúng cố đánh chiếm cho kỳ được. Ở phía đông Liên khu 1, địch cố vót cho kỳ được quãng từ đầu phố Bắc Ninh lên đến gần cầu Long Biên, ở quãng này, theo chỉ thị của Bộ và của Bộ chỉ huy mặt trận, Liên khu giao cho tiểu đoàn 103 quyết giữ cho kỳ được hai vị trí hiểm yếu là nhà Xô-va và Trường Ke.

Địch đã nhiều lần từ nhà Bác Cổ tiến lên định đánh chiếm để bịt đường tiếp tế vận tải của Liên khu 1 nhưng đều bị đánh lui.

Thường vụ Trung ương Đảng và Bộ Tổng chỉ huy theo dõi sát sao tình hình trên toàn quốc, chỉ đạo các mặt trận cùng phối hợp đánh địch.

Ở Tây Bắc, địch chiếm được Sơn La, Hát Lót và Yên Châu. Ở Thượng Lào chúng chiếm tuyến Sông Mã và đang bắt liên lạc với một số lang đạo ở nam Hòa Bình và tây bắc Thanh Hóa. Ở Đông Bắc địch đã nổi Tiên Yên, Đình Lập với Lạng Sơn và đang tiến từ Đình Lập xuống Phả Lại. Chúng tập trung một trung đoàn trên đường 9 Trung Lào và điều một lực lượng từ Tây Nguyên xuống Nha Trang để đi tàu thủy ra Đà Nẵng.

14 tiểu đoàn tăng viện từ Pháp sang sẽ đến vào cuối tháng 2.

Bộ phán đoán địch sẽ từ Đà Nẵng đánh ra và từ Sê-pôn (Lào) theo đường 9

đánh xuống để giải vây Huế, đồng thời từ Lào và từ Yên Châu địch sẽ đánh chiếm vùng Mộc Châu và tây bắc Thanh Hóa.

Ở Hà Nội, chúng sẽ tiếp tục đánh vùng ngoại thành và sau khi viện binh đến sẽ đánh chiếm Liên khu 1, hoàn thành công việc đánh chiếm Hà Nội, từ đó đưa quân giải vây cho Nam Định.

Để đối phó với tình hình mới, Bộ chủ trương:

1-Kiên quyết nắm quyền chủ động chuyển sang đợt tác chiến mới trên mọi mặt trận. Tránh chuyển sang đợt mới một cách bị động lâm vào tình trạng rối loạn, tan rã, hoang mang, mỗi mết.

2-Không đưa chủ lực đối chọi với địch để bảo toàn lực lượng, đánh lâu dài, nhưng phải đánh du kích và tập trung một phần lực lượng đánh tiêu diệt nhỏ, luôn luôn giành thắng lợi nhỏ để động viên toàn dân kháng chiến.

3-Tổ chức mặt trận Tây Tiến, phá thế uy hiếp của địch ở phía tây hậu phương của ta, nắm quyền chủ động chiến lược buộc địch phải phân tán lực lượng đối phó.

4-Đối với các thành phố đang đánh địch cần tiếp tục duy trì cuộc chiến đấu thêm một thời gian, nhưng phải có kế hoạch đánh địch giải vây; chủ động rút lui đúng lúc để bảo toàn thực lực.

Để lập mặt trận Tây Tiến, Bộ quyết định điều của Chiến khu III một tiểu đoàn, Chiến khu II một tiểu đoàn và Hà Nội một tiểu đoàn. Dự kiến sẽ điều

tiểu đoàn 212 của Hà Nội, một đơn vị đã có ít nhiều kinh nghiệm tác chiến. Tiểu đoàn 212 sẽ là nòng cốt cho mặt trận Tây Tiến.

Trong khi đối phó với địch đánh ra vành đai ngoại thành, quân ta vẫn tích cực đánh địch ở nội thành. Ngày 19 tháng 1, nhân kỷ niệm một tháng kháng chiến, ta mở một đợt tập kích, quấy rối đồng loạt vào rất nhiều vị trí địch trong toàn thành. Cờ đỏ sao vàng được treo ở nhiều nơi. Khẩu sơn pháo 75mm của mặt trận được khiêng vào đặt ở Nghi Tàm bắn 20 phát vào vị trí địch ở trường Bưởi.

Thường vụ và Bộ Tổng chỉ huy theo dõi sát sao tình hình chiến sự trên cả nước, đặc biệt là Mặt trận Hà Nội và Liên khu 1 để chỉ đạo các mặt trận cùng phối hợp đánh địch. Ngày 20 tháng 1 năm 1947 (tức ngày 29 Tết Nguyên đán Đinh Hợi), đồng chí Trần Quốc Hoàn, phái viên của Trung ương và đồng chí Lê Quang Đạo, Phó bí thư Khu ủy XI đã được Trung ương cử vào Liên khu 1 để xem xét tình hình và động viên bộ đội nhân dịp năm mới. Các đồng chí đã báo cáo với Bác và Thường vụ Trung ương: Nếu được tiếp tế đều đặn đạn và lương thực, thực phẩm, Trung đoàn Thủ đô vẫn có khả năng trụ lại thêm một thời gian. Các chiến sĩ đều hăng hái, lạc quan. Nhưng con đường tiếp tế từ ngoài vào có thể bị cắt bất cứ lúc nào. Bộ đội thiếu đạn trầm trọng. Khu Đông Thành có hai khẩu trung liên đều ọc ạch, vừa bắn vừa phải sửa. Một tiểu đội ở phố Cầu Gỗ chỉ có một khẩu khai hẩu, anh em gọi đùa là khẩu “thần công”. Các chiến sĩ bắt đầu phải chia nhau từng viên đạn.

Tết Đinh Hợi, năm 1947, cái tết đầu tiên của cuộc kháng chiến chống Pháp của quân và dân ta, tiếng súng ở mặt trận đã thay tiếng pháo mừng xuân. Đồng bào ở ngoại thành và lân cận Hà Nội đón xuân nhưng không quên những chiếc bánh chưng, cây giò, gói mứt gửi những người đang chiến đấu tại mặt trận Hà Nội. Các chiến sĩ Liên khu 1 còn nhận được cả một cành đào và những bó hoa tươi. Đặc biệt họ còn nhận được những tình cảm thiết tha của Hồ Chủ tịch trong bức thư của Người gửi cho cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn Thủ đô. Với những tình cảm triu mến như của người Cha đối với những

người con đang chiến đấu ngoài mặt trận, Bác viết:

“Cùng các chiến sĩ yêu quý Trung đoàn Thủ đô!

Các em ăn Tết thế nào? Vui vẻ lắm chứ? Tôi và nhân viên Chính phủ vì nhớ đến các em cho nên cũng không ai nỡ ăn Tết. Còn 90 phần trăm đồng bào ở hậu phương cũng giảm bớt 90 phần trăm mâm cỗ tiệc tùng, ai cũng tiết kiệm để dự bị công cuộc trường kỳ kháng chiến.

Các em là đội cảm tử. Các em cảm tử để Tổ quốc quyết sinh. Các em là đại biểu cái tinh thần tự tôn tự lập của dân tộc ta mấy nghìn năm để lại, cái tinh thần quật cường đó đã kinh qua Hai Bà Trưng, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, truyền lại cho các em. Nay các em gan góc tiếp tục cái tinh thần bất diệt đó, để truyền lại cho nòi giống Việt Nam muôn đời về sau...”¹ (Hồ Chủ tịch với các lực lượng vũ trang nhân dân, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1962, tr.26-27).

Lời động viên cổ vũ thiêng liêng của Bác đã thấm sâu vào trái tim khôi óc của từng cán bộ, chiến sĩ Thủ đô. Họ quyết tâm chiến đấu đến cùng để đáp lại lòng ước mong của Bác.

Đêm 30 Tết, các chiến sĩ Hà Nội đã mở một đợt tấn công địch ở nhiều nơi và cắm cờ đỏ sao vàng trên đỉnh Tháp Rùa, thể hiện tinh thần kiên cường bất khuất và quyết tâm chiến đấu của quân và dân ta đối với quân thù.

Sáng ngày 28 tháng 1, các đồng chí Tổng chỉ huy và Tổng tham mưu trưởng một lần nữa lại đến sở chỉ huy của Mặt trận Hà Nội đặt ở Tây Mỗ để cùng

các đồng chí Nguyễn Văn Trân, Vương Thừa Vũ, Trần Độ nghiên cứu tình hình và đề ra nhiệm vụ tác chiến trong bước sắp tới. Các đồng chí đều nhất trí địch còn phải đẩy lùi lực lượng ta ra xa vành đai ngoại thành và rải quân ra đóng khu vực mới chiếm, nên phải chờ viện binh đến mới có quân đánh Liên khu 1. Vì thế Trung đoàn Thủ đô vẫn có thể tiếp tục duy trì việc đánh trong vòng vây, nhưng phải chuẩn bị để có thể rút ra ngoài được an toàn vào thời cơ thích hợp. Đồng chí Tổng chỉ huy nhấn mạnh phải giữ cho được hai vị trí Xô-va và Trường Ke ở phía đông thành phố và phải chuẩn bị thuyền dò sẵn để khi cần thì rút ra theo đường sông. Đồng chí Nguyễn Văn Trân đã giao cho đồng chí Nguyễn Hữu Mai, lúc này là Chủ tịch Ủy ban kháng chiến Liên khu Trúc Lãng và đồng chí Trần Quốc Cư, trưởng ban phá hoại của mặt trận chuẩn bị thuyền dò ở khu vực Tứ Tổng và Tầm Xá sang Phúc Yên và ở khu vực Khuyến Lương sang Hưng Yên.

Đây là lần thứ ba Bộ Tổng chỉ huy và Bộ chỉ huy mặt trận quyết định kéo dài thêm một thời gian giam chân địch ở Hà Nội.

4. Từng bước ngăn chặn địch tiến công đánh chiếm Liên khu 1 (6.2.1947-14.2.1947)

Để củng cố các địa bàn chiếm đóng tại Liên khu 2, Liên khu 3, ngày 6 tháng 2 địch đánh Giáp Bát, Yên Duyên; ngày 7 tháng 2, chúng tiến công Chèm, Cổ Nhuế, Hoài Đức, Mai Dịch.

Tuy nhiên, từ ngày 6 tháng 2 năm 1947, địch tập trung lực lượng để tiến công quyết tiêu diệt Trung đoàn Thủ đô ở Liên khu 1. Bắt đầu chúng đánh nhà Xô-va rồi Trường Ke ở phía đông và Hàng Thiếc ở phía tây nam Liên khu 1.

Nhà Xô-va nằm trên đường Trần Quang Khải và Trường Ke nằm trên đường Trần Nhật Duật, cách Cột Đồng Hồ1 (Cột Đồng Hồ là một vị trí ở khu đất

rộng, giáp giới các phố Trần Nhật Duật, Trần Quang Khải, Nguyễn Hữu Huân ngày nay) về hai phía bắc, nam khoảng 200m. Đây là hai vị trí mà từ đó ta có thể canh giới, bảo vệ con đường tiếp tế hàng đêm từ hậu phương qua bãi sông Hồng vào Liên khu 1.

Trước đây chúng đã có 1 lần đánh nhà Xô-va nhưng không được. Trận đánh thứ hai vào nhà Xô-va chúng sử dụng khoảng 90 lính lê dương, một số xe tăng và xe thiết giáp. Trung đội 2 đại đội 14 tiểu đoàn 103 phòng ngự tại đây chờ bộ binh địch tiến gần mới dùng lựu đạn và súng trường chặn đánh suốt hai giờ, đánh lui bốn đợt xung phong ở cả hai hướng tiến công của địch. Địch dùng pháo bắn thẳng phá tường rồi lọt vào góc tây nam khu nhà. Quân ta buộc phải co lên gác cổ thủ. Địch định xông lên. Ta dùng chai xăng cơ-rếp đốt cháy cầu thang bằng gỗ, địch không lên được. Một bộ phận men theo cành cây si ở ngôi đền phía bắc nhà Xô-va để rút về phía Hàng Mắm và báo cáo lên trên. Lực lượng còn lại tiếp tục ở thế giăng co với địch.

Phải quyết giữ bằng được vị trí nhà Xô-va, trung đoàn lệnh cho tiểu đoàn 103 đưa trung đội dự bị của tiểu đoàn đang đóng tại các phố Mã Mây, Hàng Buồm ra phản kích. Trung đội dự bị do tiểu đoàn phó Đỗ Đức Liêm (tức Vũ Lăng) trực tiếp chỉ huy, sau khi chia làm hai mũi tiếp cận ngôi nhà đã dùng lựu đạn ném vào đội hình địch. Bị tập kích bất ngờ từ sau lưng, chúng hoảng hốt tháo chạy, ta diệt và làm bị thương khoảng 40 tên địch, đốt cháy 1 xe tăng, 1 xe thiết giáp.

Sau khi bị thất bại, ngày 7 tháng 2 địch tập trung quân đánh Trường Ke. Rút kinh nghiệm, lần này địch dùng xe tăng - thiết giáp bịt các ngã ta có thể tăng viện. Tám lần địch xung phong đều bị ta đánh lui, tuy viện binh ta không đến, nhưng đơn vị phòng thủ Trường Ke vẫn kiên trì giữ vững vị trí suốt ngày 7 tháng 2.

Thắng lợi ở nhà Xô-va ngày 6 tháng 2 và ở Trường Ke ngày 7 tháng 2 là những chiến công rất có ý nghĩa của Trung đoàn Thủ đô về tác chiến phòng ngự ở thành phố. Trung đoàn đã thực hiện được chỉ thị của Bộ Tổng chỉ huy và Bộ chỉ huy Hà Nội giữ vững đường giao thông liên lạc từ Liên khu 1 với bên ngoài.

Ngay tối ngày 6 tháng 2 năm 1947, Tổng chỉ huy Võ Nguyên Giáp đã gửi điện khen các đơn vị của tiểu đoàn 103 đã chiến đấu phòng giữ và phản kích địch lấy lại được nhà Xô-va.

Cũng ngày 7 tháng 2 năm 1947 địch tiến công mặt trận tây nam Liên khu 1. Máy bay và pháo bắn phá dữ dội các phố Hàng Nón, Hàng Thiếc, Hàng Manh, Hàng Hòm, Bát Đàn, Hàng Quạt làm sụp đổ rất nhiều nhà cửa. Địch giội xăng đốt cháy từng dãy phố. Sau đó dùng bộ binh từ Thành ra, chia làm hai mũi, có xe tăng dẫn đầu để tiến công lực lượng ta trụ bám tại phố Hàng Thiếc. Một mũi từ phố Bát Đàn đánh xuống, mũi kia từ Hàng Quạt đánh quật lên. Phố Hàng Thiếc bị chặn đánh từ hai đầu. Quân địch dùng súng ba-dô-ca bắn và ném lựu đạn hơi ngạt vào vị trí quân ta. Trung đội Tô Hiệu của tiểu đoàn 102 phòng ngự tại đây do đồng chí Nguyễn Thừa Tuyên làm trung đội trưởng, đồng chí Trần Đan làm chính trị viên đã ngoan cường đánh trả quân địch, giành giật từng căn nhà, góc phố, đoạn đường, ụ đất. Nhiều gương chiến đấu dũng cảm xuất hiện. Đồng chí Tuyên chờ địch đến gần, giật mìn ném lựu đạn. Đồng chí Anh Dũng dùng khẩu trung liên duy nhất của trung đội cơ động suốt từ đầu đến cuối phố bí mật, bất ngờ diệt nhiều tên. Tổ đồng chí Trần Đan dùng lựu đạn, súng trường, tiểu liên đánh gần, giành giật từng căn buồng, từng gờ tường. Trong một lần ném lựu đạn, chính trị viên Trần Đan bị thương cụt bàn tay phải, máu chảy ròng ròng vẫn động viên đồng đội giữ vững vị trí chiến đấu.

Tối ngày 7 tháng 2, quân ta phải bỏ dây số nhà chẵn sang cố thủ dây số lẻ. Hai bên ta và địch mỗi bên giữ một dãy phố, cách nhau chỉ hơn chục mét, suốt 4 ngày, giành giật với nhau từng căn nhà, thước đất. Chúng phun xăng

đốt, ta dùng chấu hứng xăng, tôi đến đem xăng đốt địch. Địch tổn thất gần một trăm tên. Ta vẫn giữ vững dãy nhà số lẻ.

Địch đồng thời cũng tiến công phố Hàng Quạt, ngõ Tô Tịch, đầu phố Cầu Gỗ và đều bị ta chặn lại.

Như vậy là cuộc tiến công của địch vào phía đông Liên khu 1 bị thất bại, cuộc tiến công vào phía tây nam cũng bị chặn lại.

Địch chuyển hướng tiến công lên khu vực Đồng Xuân ở phía bắc. Ban chỉ huy Trung đoàn Thủ đô lệnh cho tiểu đoàn 101 phải kiên quyết chặn từng bước tiến của địch, tích cực tiêu hao, làm thất bại âm mưu của chúng. Tuy là một tiểu đoàn nhưng ta chỉ có 110 người trực tiếp chiến đấu. Tiểu đoàn lấy trọng điểm phòng ngự là chợ Đồng Xuân và gấp rút tổ chức một điểm tựa để chặn địch.

Trận phòng ngự khu vực Đồng Xuân diễn ra rất ác liệt trong suốt ngày 14 tháng 2 năm 1947. Địch dùng phi pháo oanh tạc mãnh liệt, tổ chức ba đợt xung phong từ nhiều hướng có xe tăng thiết giáp dẫn đầu đánh vào khu chợ. Hai đợt đầu bị ta đánh lui. Đồng chí Nguyễn Văn Bật dùng trung liên diệt 60 tên, đồng chí Phạm Luận cũng dùng trung liên diệt 40 tên, cả hai đồng chí đều anh dũng hy sinh.

Đến đợt xung phong cuối cùng địch chiếm được chợ và dãy số chẵn phố Hàng Chiếu. Ban chỉ huy trung đoàn trực tiếp xuống tiểu đoàn để chỉ đạo. Trung đoàn đã kịp thời tăng cường lực lượng phản kích chiếm lại dãy số chẵn phố Hàng Chiếu, chặn hãn quân địch lại. Trong trận này ta tiêu diệt khoảng 200 địch. Ta hy sinh 15, bị thương 19 đồng chí.

Các chiến sĩ “quyết tử quân” ở trận Đồng Xuân đã góp phần làm rạng rỡ truyền thống của Thủ đô Hà Nội anh hùng.

5. Rút Trung đoàn Thủ đô ra khỏi Liên khu 1, tích cực đánh địch ở các liên khu 2, 3 và ngoại thành để phối hợp (15-19.2.1947)

Sau trận Đồng Xuân, Trung đoàn Thủ đô chỉ còn 5 ngày lương thực, mỗi khẩu súng còn 7 viên đạn. Mức nước ở nhiều giếng còn rất thấp. Trước tình hình đó, Bộ chỉ huy Mặt trận Hà Nội đã hội ý báo cáo lên trên, đề nghị cho rút Trung đoàn Thủ đô ra ngoài. Ngay tối 14 tháng 2 Quân ủy đã hội ý cấp tốc, quyết định đề nghị Bác và Thường vụ Trung ương cho rút Trung đoàn Thủ đô ra ngoài.

Sáng 15, Bác và đồng chí Trường Chinh đều đồng ý cho rút, nhưng phải tổ chức rút chu đáo an toàn bí mật. Bác yêu cầu chuyển lời khen ngợi của Bác tới cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn Thủ đô: “Các chú giam chân địch một tháng là thắng lợi. Đến nay giữ Hà Nội được hai tháng là đại thắng lợi”¹ (Lịch sử Đảng bộ thành phố Hà Nội, Nxb Hà Nội, 2004, tr.193).

Tuy gặp nhiều khó khăn song tinh thần chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn Thủ đô không hề giảm sút. Trong khi lệnh rút quân đang được truyền đạt xuống thì chiều ngày 15 tháng 2 năm 1947 đồng chí Tổng chỉ huy Võ Nguyên Giáp còn nhận được bức điện của Trung đoàn trưởng Hoàng Siêu Hải và Chính trị viên Lê Trung Toàn với nội dung: “Đề nghị cho trung đoàn ở lại tiếp tục chiến đấu”. Tuy nhiên để bảo toàn lực lượng, Tổng chỉ huy vẫn chỉ thị cho Bộ Tổng Tham mưu: “Lệnh cho trung đoàn rút đúng thời gian quy định”.

Chiều 15 tháng 2 năm 1947, Liên khu ủy 1 khi chưa nhận được lệnh trên, cũng họp mở rộng, có Ủy ban kháng chiến Liên khu, Ban chỉ huy trung đoàn

cùng các trưởng ban, các bí thư chi bộ, các ban chỉ huy tiểu đoàn tham gia, để đánh giá tình hình và đề ra chủ trương kế hoạch đối phó mới.

Tuy cũng có ý kiến nên tiếp tục đánh, nhưng sau khi phân tích tình hình mọi mặt, hội nghị đi đến chủ trương rút quân ra khỏi vòng vây của địch để bảo tồn lực lượng. Và lại, trước khi tác chiến, khi giao nhiệm vụ cho Liên khu 1, Ủy ban kháng chiến Hà Nội và Bộ chỉ huy Khu XI đã nêu rõ: ta cố đánh giam chân địch càng lâu càng tốt nhưng việc rút lui của Liên khu 1 sẽ tùy tình hình cụ thể có thể tự quyết định cho thích hợp.

Nhưng rút theo đường nào là vấn đề hắc búa nhất. Không thể rút theo đường Yên Phụ - Nhật Tân ở phía tây bắc và đường Bác Cổ - Vĩnh Tuy ở phía nam vì ở hai hướng này địch đã đóng nhiều điểm. Đường giao thông tiếp tế từ Lãng Bạc vào bị tắc nghẽn từ sau khi địch chiếm Nhật Tân (25-1). Đường cống ngầm ra Vĩnh Tuy có dùng vài lần nhưng bị địch phát hiện đã bịt lại và canh gác cẩn mật. Và lại hàng nghìn người và thương binh không thể đi theo đường này. Chỉ còn đường vượt sông Hồng. Nhưng địch canh gác kỹ cầu Long Biên, có đèn pha chiếu sáng, bên kia cầu là Gia Lâm địch đóng. Lại phải qua hai ba lần sông, chưa biết có thuyền dò để chở một lúc hơn một nghìn con người không.

Chấp hành mệnh lệnh của Ủy ban kháng chiến và Bộ chỉ huy Mặt trận Hà Nội, 23 giờ ngày 15 tháng 2, tiểu đội liên lạc đặc biệt do trung đội trưởng tự vệ chiến đấu Nguyễn Ngọc Nại trực tiếp chỉ huy đưa được một chuyến tiếp tế vào. Đường liên lạc bị tắc nghẽn từ sau Tết được nối lại.

Sau khi tìm hiểu đường vào của tiểu đội và biết trên đã có kế hoạch chuẩn bị thuyền dò phục vụ cho việc rút quân của trung đoàn, sáng 16 tháng 2 Liên khu ủy quyết định sẽ bí mật rút ra theo đường ấy và giữ tiểu đội liên lạc để dẫn đường.

Kế hoạch rút tóm lại như sau:

Thời gian rút: 20 giờ ngày 17 tháng 2. Rút vào ngày 17 là phù hợp nhất vì theo phán đoán của ta, kể từ ngày 14 đánh Đồng Xuân địch còn phải mất 5 ngày mới mở được đợt tiến công khác.

Thứ tự rút: tiểu đoàn 101 đi đầu, tiếp sau là trung đoàn bộ, rồi đến tiểu đoàn 102, tiểu đoàn 103 đi cuối. Tiểu đoàn 101 cho một trung đội bí mật chốt ở dưới đầu cầu Long Biên để bảo vệ đường rút. Tiểu đoàn 103 cho một trung đội chốt ở khu vực Cột Đồng Hồ để bảo vệ sau lưng. Đội liên lạc Nguyễn Ngọc Nại làm nhiệm vụ dẫn đường và bảo vệ cho trung đoàn trong quá trình rút quân.

10 giờ ngày 17 mới phổ biến kế hoạch này cho các ban chỉ huy tiểu đoàn để tiểu đoàn kịp đặt kế hoạch phổ biến cho cấp đại đội. 17 giờ mới ra mệnh lệnh rút đến chiến sĩ, coi như một mệnh lệnh chiến đấu.

Một việc đột xuất xảy ra. Trưa ngày 16 tháng 2, Tổng lãnh sự Trung Hoa dân quốc Viên Tử Kiên đề nghị giúp lương thực, chất đốt cho người Hoa và ngừng bắn vào ngày 18 hoặc 20 để rút hết người Hoa ra khỏi Liên khu 1.

Biết rõ Viên Tử Kiên muốn nhân thể thăm dò giúp người Pháp, nhưng tương kế tựu kế ta đồng ý sẽ giúp 5 tạ gạo, 2 tạ ngô và có thể ngừng bắn vào ngày 18 tháng 2 nếu phía Pháp cũng đồng ý làm theo.

Chấp hành mệnh lệnh của Bộ về việc tổ chức đánh nghi binh phục vụ cho việc rút quân của Trung đoàn Thủ đô, Bộ chỉ huy Mặt trận Hà Nội ra lệnh

cho các liên khu 2, 3 đánh mạnh các vị trí địch trên địa bàn mình. Đêm 15 tháng 2, lực lượng Liên khu 2 tiến công Ô Cầu Dền; các đơn vị Liên khu 3 đánh vào Hàng Bột, Cầu Giấy, Kim Mã, vận dụng các cách đánh quấy rối, tập kích, biệt kích, nghi binh.

21 giờ ngày 15 tháng 2, tiểu đoàn 145 tập kích Đông Ngạc, Mai Dịch, Hoài Đức và cho một số tổ lườn vào nội thành quấy rối.

Đêm 16, theo lệnh của Bộ chỉ huy Mặt trận, các đơn vị lại tiếp tục nổ súng trên toàn ngoại thành. Liên khu 1 cũng đánh một số vị trí địch vừa chiếm đóng và quấy rối một số nơi khác.

Ngày 17, cơ bản không có đánh nhau lớn. Địch đang chuẩn bị đợt tiến công mới vào Liên khu 1. Sáng 18 viện binh địch mới từ Hải Phòng lên.

20 giờ tối ngày 17 tháng 2, theo kế hoạch đã định, ta bí mật bắt đầu rút quân từ đình Phất Lộc ra Cột Đồng Hồ vượt đê, dọc theo bờ sông vượt gầm cầu Long Biên thẳng lên rồi rẽ phải lội qua sông sang Bãi Giữa Trung Hà. Tại trạm gác cầu Long Biên tuy còn đèn sáng nhưng sương mù dày đặc, địch không phát hiện được. Cho đến 24 giờ, đồng chí Hoàng Phương, Tham mưu trưởng chỉ huy bộ phận cuối cùng rút khỏi Liên khu 1 sang tới Bãi Giữa.

Sang Bãi Giữa, bộ đội phải đi qua bến đò Cự Canh sang vùng bãi Tứ Tổng, Tam Lạc, Tầm Xá. Theo lệnh của Khu ủy và Bộ chỉ huy Mặt trận, đồng chí Trần Quốc Cư đã cùng với chính quyền địa phương vận động nhân dân các xã Tứ Tổng, Tam Lạc, Tầm Xá... và cả vùng Bãi giữa Trung Hà đem thuyền tam bản mà nhà nào cũng có ra chở bộ đội qua sông. Nhân dân địa phương được tin đã tích cực tham gia. 44 chiếc thuyền đã được huy động chở bộ đội

trong suốt đêm. Mỗi thuyền phải qua lại nhiều chuyến mới chở hết đoàn quân qua sông. Đêm tối như bưng, thuyền đi thuyền về dễ va vào nhau, sông rộng bảy tám trăm mét, lại không được thắp đèn tín hiệu, phải căng tai căng mắt để nhận biết nơi cập bến, tuy nhiên nhân dân vùng bãi đã quen với sông nước nên việc chèo lái khá trót lọt.

Sau khi tập kết tại Tầm Xá, trong ngày 18 quân ta hành quân lên phía đình Tầm Xá để vượt sông Hồng sang Dầu Canh thuộc địa phận Đông Anh. Đội quân nhân dân vận tải thuyền dò tối hôm trước lại được huy động chuyển thuyền lên bến Cự Mai để thực hiện nhiệm vụ này. Nhiều thuyền đã được tổ chức khiêng trên bộ ngược bãi lên bến sông này. Mọi việc chuẩn bị cho đêm thứ hai vượt sông phải xong trước xẩm tối.

Ngoài số thuyền đêm trước, lại được bổ sung thêm một số thuyền ở khu vực này, có những chiếc thuyền to chở được năm sáu chục người nên việc đưa bộ đội qua sông đêm thứ hai thực hiện khá nhanh gọn. Khoảng 11 giờ đêm ngày 18 tuyệt đại bộ phận cán bộ, chiến sĩ trung đoàn đã sang tới Dầu Canh.

Sáng 19 tháng 2, khi địch phát hiện quân ta đã rút khỏi Liên khu 1, chúng liền huy động thủy lục không quân đuổi theo hòng tiêu diệt Trung đoàn Thủ đô. Lúc này chỉ còn một tiểu đội của Trung đoàn Thủ đô chưa qua được sông¹ (Tiểu đội này đi lạc nên đến sáng 19 tháng 2 mới tới khu vực Tầm Xá).

Nghe có tiếng súng nổ ở phía Tứ Tổng, đồng chí Nguyễn Ngọc Nại liền trèo lên một cây cao ở chùa Tầm Xá, nơi đóng quân của đội liên lạc đặc biệt để quan sát và phát hiện địch đang truy kích. Đồng chí lập tức lệnh cho 2 đội viên tiếp tục dẫn đường cho tiểu đội sau cùng của trung đoàn vượt sông, còn bản thân mình chỉ huy số còn lại vừa chặn đánh và rút sang phía tây nhằm đánh lạc hướng truy kích của địch. Đồng chí Nại đã chỉ huy đội liên lạc chiến đấu anh dũng. Khi còn lại 2 người (đồng chí Nại và đồng chí Lực) và một

quả lựu đạn, địch xông vào bắt sống, đồng chí Nại đã cho nổ lựu đạn, một số tên địch bị chết, đồng chí đã hy sinh. Địch lồng lộn tàn sát trên 50 người dân lành ở xã Tứ Tổng và Tầm Xá. Cuộc chiến đấu và sự hy sinh anh dũng của 8 đồng chí trong đó có tấm gương lâm liệt của đội trưởng Nguyễn Ngọc Nại, cùng sự chở đò vô cùng vất vả và sự hy sinh đau thương của nhân dân Tứ Tổng, Tầm Xá đã tạo điều kiện cho toàn bộ Trung đoàn Thủ đô rút lui an toàn. Từ đó ngày 19 tháng 2 hàng năm trở thành ngày “giỗ trận” để tưởng nhớ những người con anh dũng của Đội liên lạc đặc biệt Nguyễn Ngọc Nại và dân làng Tứ Tổng hy sinh năm xưa.

Bộ Tổng chỉ huy đánh giá việc rút lui thành công của Trung đoàn Thủ đô ra khỏi Liên khu 1 là một thắng lợi rất to lớn.

Đợt chiến đấu mở đầu Toàn quốc kháng chiến của quân dân Hà Nội đã kết thúc tốt đẹp. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng kiêm Tổng chỉ huy Võ Nguyên Giáp đã gửi thư khen ngợi:

“... Các cấp chỉ huy,

Các chiến sĩ Trung đoàn Thủ đô.

Tôi thay mặt toàn thể Quân đội Quốc gia Việt Nam hoan nghênh tinh thần anh dũng của các chiến sĩ.

Các chiến sĩ đã chiến đấu hai tháng ròng rã để giữ vững ngọn cờ nước Việt giữa Thủ đô Hà Nội. Các chiến sĩ đã nêu cao tinh thần oanh liệt của nhân dân Việt Nam và thanh danh rực rỡ của Quân đội Quốc gia Việt nam.

Các chiến sĩ lại mở được con đường máu vượt qua vòng vây quân địch để thực hiện chỉ thị bảo tồn chủ lực. Các chiến sĩ sẽ tiếp tục chiến đấu cho Tổ quốc Việt Nam. Chúng ta sẽ chiến đấu 10 năm hay lâu hơn nữa nếu cần.

Cho đến ngày Tổ quốc độc lập thống nhất.

Cho đến ngày Thủ đô Hà Nội được rạng mặt làm Thủ đô của một nước Việt Nam thống nhất!

Ta thề Thủ đô sẽ chiến thắng quân thù!

Muôn năm, tinh thần oanh liệt Thủ đô!

Muôn năm tinh thần trung dũng của Trung đoàn Thủ đô!”.

Chủ trương rút Trung đoàn Thủ đô ra ngoài là chủ trương rất sáng suốt từ cấp chỉ huy cao nhất là Bộ Tổng chỉ huy cho tới Bộ chỉ huy Mặt trận Hà Nội và Ban chỉ huy trung đoàn. Quyết định đó được đề ra đúng thời điểm thích hợp, lại được Ủy ban kháng chiến và Mặt trận Hà Nội tổ chức chu đáo, do đó đã bảo toàn được lực lượng, rút ra ngoài an toàn.

Chương 4

TRUNG ĐOÀN THĂNG LONG RA ĐỜI

PHÁT TRIỂN CHIẾN TRANH DU KÍCH

TẠI NGOẠI THÀNH HÀ NỘI VÀ CÁC TỈNH HÀ ĐÔNG, SƠN TÂY

(19.2.1947-1.1948)

Sau khi Trung đoàn Thủ đô rút khỏi Liên khu 1, các đơn vị bộ đội chủ lực khác cũng lui dần ra ngoài các cửa ô, địch cơ bản chiếm được nội thành. Tuy vậy lực lượng tự vệ tại chỗ của các khu vực ven nội thành vẫn còn khá đông đảo, tinh thần chiến đấu vẫn được giữ vững.

Khu ủy và Bộ chỉ huy Khu XI đã chỉ đạo các lực lượng tự vệ Hà Nội còn lại liên tục bám đánh địch, chặn bước tiến của chúng, về phía tây bắc thành phố các đại đội tự vệ của các khu phố Trúc Bạch, Hồng Hà, Thăng Long, đại đội tự vệ nhà máy bia Ô-men, phối hợp với các đại đội tự vệ khu Đại La và Lãng Bạc, tổ chức chiến đấu ngăn chặn địch trên tuyến sông Nhuệ, về phía tây nam thành phố, các đại đội của ga Hàng Cỏ, tự vệ khu phố Văn Miếu, Khâm Thiên... cùng các lực lượng tự vệ Đống Đa bám đánh địch trên tuyến đường 11 (Ngã Tư Sở - Hà Đông) chặn từng bước tiến của địch ở Mọc Quan Nhân, Cự Lộc, Chính Kinh, Kim Lũ. Về phía nam, các đơn vị tự vệ của các khu phố Bạch Mai, Phố Huế, tự vệ nhà máy Stai, A-vi-a, Nhà Rượu... cùng với tự vệ các khu Đề Thám, Mê Linh chiến đấu chặn địch trên đê Vĩnh Tuy, Thanh Trì, Yên Duyên và trên tuyến đường số 1 Giáp Bát - Văn Điển.

Do tương quan lực lượng giữa ta và địch quá chênh lệch, bất lợi cho ta, các lực lượng vũ trang Khu XI phải lùi dần ra ngoài địa phận Hà Nội tiếp tục chiến đấu trên đất các huyện Hoài Đức, Đan Phượng, Thanh Oai, Thanh Trì (thuộc tỉnh Hà Đông) tiếp giáp với ngoại thành Hà Nội. Nhân dân các xã ngoại thành tiếp tục triệt để tản cư, thực hiện “vườn không nhà trống” phá hoại giao thông, tiêu thổ kháng chiến.

Sau khi Trung đoàn Thủ đô và một số tiểu đoàn được điều động đi nơi khác,

thực chất lực lượng chủ lực của Chiến khu XI chiến đấu tại ven Hà Nội chỉ còn các tiểu đoàn 145, 523 và 77. Đây là các đơn vị đã từng kiên cường chiến đấu trong suốt 60 ngày đêm mở đầu Toàn quốc kháng chiến. Để thống nhất chỉ huy các tiểu đoàn, Bộ chỉ huy Chiến khu đã quyết định sáp nhập các đơn vị thành một trung đoàn mới - Trung đoàn 801 (Sau này được đổi phiên hiệu là Trung đoàn 48. Theo Quyết định 180/TCH ngày 12.5.1948 của Bộ trưởng Quốc phòng, Trung đoàn 48 được mang danh hiệu Trung đoàn Thăng Long). Đồng chí An Giao, nguyên tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 523 được giao nhiệm vụ trung đoàn trưởng. Đồng chí Trương Công Cẩn, nguyên Chủ nhiệm chính trị Chiến khu XI làm chính ủy. Ngày 27 tháng 2 năm 1947 tại đình Mậu Lương (nay thuộc thị xã Hà Đông), trung đoàn đã làm lễ thành lập. Chỉ huy Chiến khu XI Vương Thừa Vũ cùng đại diện các đơn vị trực thuộc trung đoàn, đại biểu các quận ngoại thành Hà Nội, đại biểu một số đơn vị và địa bàn trung đoàn đóng quân đã tới dự. Buổi lễ tuy đơn giản nhưng đầy hào khí quyết tâm chiến đấu và tinh thần đoàn kết giữa các đơn vị trong trung đoàn, giữa Trung đoàn 80 với các đơn vị bạn và các địa phương trung đoàn đóng quân¹ (Theo tư liệu của đồng chí Nguyễn Việt Chiến, cán bộ thuộc Khu bộ XI, từ cuối tháng 1 năm 1947, tại vị trí di chuyển ở Đại Mỗ (Hà Đông), Bộ chỉ huy Khu XI đã có chủ trương thành lập Trung đoàn 80. Đến 27 tháng 2 năm 1947 mới có điều kiện tổ chức lễ ra mắt trung đoàn. Ngày 27 tháng 2 năm 1947 đã được lấy làm ngày truyền thống của Trung đoàn 80, sau là Trung đoàn 48 - Thăng Long). Cuối tháng 2 năm 1947, địch nhận được quân tăng viện từ Pháp sang, chúng ra sức củng cố khu vực nội thành và ngoại thành mới chiếm đóng, mặt khác tập trung lực lượng và phương tiện cơ giới, mở các cuộc tấn công thọc sâu vào vùng hậu phương ta nhằm truy kích bộ đội chủ lực, chụp bắt các cơ quan lãnh đạo, phá các kho tàng, tiếp tục đẩy các lực lượng kháng chiến của ta ra xa Hà Nội. Từ đó nổi thông liên lạc giữa Hà Nội và các thành phố, thị xã đã chiếm được, liên kết Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định và một số đầu mối giao thông quan trọng thành một hệ thống chiếm đóng, tạo ra chỗ đứng chân để mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược, biến Hà Nội thành căn cứ quan trọng bậc nhất ở chiến trường Bắc Đông Dương.

Nhiệm vụ của Trung đoàn 80 và du kích các địa phương là tiếp tục ngăn chặn địch tiến ra hậu phương ta ở phía tây và nam Hà Nội, về phía các tỉnh Hà

Đông và Sơn Tây, hướng mà các cơ quan Trung ương và nhân dân tản cư đông nhất. Do tương quan lực lượng chênh lệch bất lợi cho ta, ta chủ yếu tìm cách sát thương, làm chậm bước tiến của địch, không dàn trận cố thủ. Chiến sự đã diễn ra quyết liệt ở Văn Điển, thị xã Hà Đông, Chèm, Cầu Diễn.

Ngày 2 tháng 3 năm 1947, quân Pháp mở cuộc tiến công lớn ra phía tây Hà Nội, đánh chiếm thị xã Hà Đông và Ba La - Bông Đỏ. Sau đó dùng xe tăng, cơ giới mở cuộc hành quân chớp nhoáng đánh thọc qua Mai Lĩnh vòng lên địa hạt Quốc Oai. Một cánh quân khác xuất phát từ Nhật Tân theo tuyến đê sông Hồng tiến lên Chèm qua Bông Lai, Bá Giang về Phùng, đánh vào khu vực Sầu, Giá (Đan Phượng), hình thành thế gọng kìm để tìm diệt lực lượng bộ đội ta ở Hà Nội rút ra. Phối hợp với các cuộc hành binh trên, chúng còn dùng một lực lượng chia làm hai mũi: một mũi từ Ngã Tư Vọng đánh xuống Văn Điển, một mũi từ Vĩnh Tuy đánh xuống khu vực Khuyến Lương, Yên Duyên, Sở Thượng và Đông Trạch.

Không chỉ kiên cường giữ, ngăn chặn việc mở rộng vùng chiếm đóng của địch, Bộ chỉ huy Chiến khu XI còn tổ chức cả những trận phản kích, thu hồi mục tiêu đã mất. Từ đêm 18 tháng 3 đến sáng 20 tháng 3 năm 1947, Bộ chỉ huy Chiến khu đã tổ chức một lực lượng lớn gồm các tiểu đoàn 56, 64 và 523 tiến công thị xã Hà Đông, nơi địch mới chiếm được. Đồng chí Vương Thừa Vũ, Chỉ huy trưởng Chiến khu XI trực tiếp chỉ huy. Tiểu đoàn 56 là mũi tiến công chủ yếu đánh vào hướng tây nam thị xã, tiểu đoàn 64 tiến công hướng đông bắc, tiểu đoàn 523 chặn viện binh địch từ Hà Nội vào. Ta chiếm được một nửa thị xã, song địch phản kích quyết liệt, hai bên ở thế giằng co tại chỗ. Sáng ngày 19 tháng 3, lực lượng tại chỗ của địch và viện binh địch từ Hà Nội kéo vào hợp lực với nhau phản kích lại ta. Dựa vào hệ thống công sự dày đặc trong thị xã, cán bộ, chiến sĩ ta đánh bại nhiều cuộc tiến công của chúng. Đến cuối ngày 19 tháng 3, trận đánh kết thúc, ta rút về làng Đơ cố thủ. Sáng 20 tháng 3 rút ra ngoài. Kết quả 88 tên địch bị diệt, bị thương, 1 khẩu 12,7mm và 1 xe Jeep của chúng bị phá hủy. Ta bị thiệt hại cũng khá nặng nề.

Rõ ràng, trong thời gian này các lực lượng vũ trang của ta chưa đủ sức tiến công vào một thị xã địch chiếm đóng.

Từ ngày 21 tháng 3 đến ngày 6 tháng 4 năm 1947, phối hợp với cánh quân từ Nam Định kéo lên, địch mở cuộc tiến công lớn ở phía nam Hà Nội, đánh vào khu vực Ứng Hoà và Chương Mỹ (tỉnh Hà Đông), nơi có nhiều cơ quan và đồng bào Hà Nội tản cư, một cánh quân khác của địch tiến đánh Ba Thá, Miếu Môn, Chợ Bến... nơi nằm sâu trong vùng hậu phương ta, nơi tập trung nhiều cơ quan Trung ương của ta từ Hà Nội chuyển ra trước khi lên Chiến khu Việt Bắc.

Sau những trận tiến công trong tháng 3 và đầu tháng 4 năm 1947, giặc Pháp đã thiết lập và củng cố được phòng tuyến thứ nhất bảo vệ nội thành Hà Nội từ Nhật Tân qua Bưởi, Cầu Giấy, Ngã Tư Vọng, Mai Động, Vĩnh Tuy. Chúng ráo riết xúc tiến lập phòng tuyến thứ hai theo tuyến sông Nhuệ.

Vừa đối phó với các hoạt động của địch, Đảng ủy và Ủy ban kháng chiến Khu XI, vừa chấn chỉnh tổ chức, sắp xếp lại bộ máy lãnh đạo và chỉ huy, củng cố các lực lượng vũ trang cho phù hợp với tình hình mới.

Từ đầu tháng 3 năm 1947, khu vực ngoại thành được chia làm ba quận. Các quận Lãng Bạc và Đại La sáp nhập thành quận 4, khu Đống Đa đổi thành quận 5. Hai khu Đề Thám và Mê Linh gộp lại thành quận 6. Các cơ quan chỉ đạo của Đảng, chính quyền đoàn thể quần chúng, Ban Dân quân Khu XI và các ban chỉ huy quân sự ở các quận được thành lập¹ (Quận 4 lúc đầu do đồng chí Nguyễn Mai làm bí thư, đồng chí Nguyễn Quang Tuân làm chủ tịch, đồng chí Nguyễn Văn Vi làm quận đội trưởng. Quận 5, đồng chí Hán làm bí thư, đồng chí Hoàng Dụ làm chủ tịch, đồng chí Lê Thanh làm quận đội trưởng. Quận 6, đồng chí Nguyễn Tiến Đức làm bí thư, đồng chí Dương Ngà làm chủ tịch, đồng chí Lâm Văn Sơn làm quận đội trưởng. Ban Dân quân khu XI do đồng chí Trần Vĩ làm chỉ huy trưởng, đồng chí Văn Mỹ làm chính trị viên).

Các lực lượng tự vệ, công an, quân báo được củng cố và tổ chức lại. Trong số các đại đội tự vệ của nội và ngoại thành rút ra, ta lựa chọn số anh em trẻ, khoẻ, chiến đấu dũng cảm, gan dạ, tổ chức biên chế 13 đại đội du kích tập trung và thống nhất gọi là Du kích Thủ đô, đặt dưới quyền chỉ huy chung của Ban Dân quân Khu XI và giao cho các ban chỉ huy các quận 4, 5, 6 trực tiếp chỉ huy (quận 4 có 5 đại đội, quận 5 và 6 mỗi quận có 4 đại đội). Số còn lại được lựa chọn bổ sung cho các đơn vị bộ đội chủ lực thuộc Trung đoàn 80.

Sau khi được củng cố, các đại đội Du kích Thủ đô được bố trí theo khu vực tác chiến có nhiệm vụ chặn đánh quân địch mở rộng vùng kiểm soát và lập các đường phòng tuyến, quấy rối tiêu hao lực lượng địch ở các vị trí chúng mới chiếm đóng, phối hợp với dân quân du kích ở các huyện, vận động nhân dân rào làng chiến đấu.

Các đơn vị du kích tập trung quận 4 vừa đẩy mạnh các hoạt động phục kích tập kích, đánh địa lôi... trên địa bàn các huyện Hoài Đức, Đan Phượng và Quốc Oai, vừa thường xuyên tổ chức các trận đánh quấy rối vị trí địch như Chèm, Cổ Nhuế, Cầu Giấy, Nghĩa Đô, Mai Dịch, Cầu Đôi, Đại Mỗ... Các đơn vị du kích tập trung quận 5, vừa bố trí chiến đấu ngăn chặn địch trên đất Thanh Oai, vừa luồn về đánh địch ở vị trí Quang Bằng, Đình Công, Kim Lũ, sân bay Bạch Mai, Ngã Tư Sở... Các đại đội du kích quận 6 liên tục bám đánh địch trên đất Thường Tín, Thanh Trì trên trục đường số 1 và đê Đại Hà phía nam, thường xuyên quấy rối và tiêu hao địch ở Vĩnh Tuy, Văn Điển, Tứ Kỳ... gây cho địch nhiều thiệt hại.

Ngày 27 tháng 3 năm 1947, trong trận tiến công xuyên phía nam thị xã Hà Đông, giặc Pháp phát hiện được một đơn vị của ta đang đóng tại làng Cự Đà (huyện Thanh Oai, Hà Đông). Đây là một trung đội du kích tập trung thuộc quận 5 Hà Nội chuyển ra do đồng chí Vũ Văn Sự làm trung đội trưởng, đồng chí Nguyễn Đôn Tự làm chính trị viên. Trung đội này đang được tăng cường

cho tiểu đoàn 523 chiến đấu ở khu vực nam Hà Nội tới thị xã Hà Đông. Địch đã cho 200 quân bao vây làng Cự Đà. Chúng cho xe tăng dẫn đầu tiến vào làng và bao vây chặt ngôi nhà có ban chỉ huy trung đội đang đóng quân. Không kịp liên lạc với các tiểu đội đóng trong làng, các đồng chí chỉ huy cùng các đồng chí trong trung đội bộ tại đây đã nêu quyết tâm cố thủ chiến đấu đến cùng.

Sau một ngày chiến đấu quyết liệt và đẫm máu, địch đã phải rút đi mà không tiêu diệt được ban chỉ huy trung đội. Ta hy sinh 2 đồng chí, địch bị chết và bị thương hàng chục tên.

Trận Cự Đà (Hà Đông) là một trận đánh tiêu biểu cho ý chí kiên cường bất khuất, quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh, chiến đấu đến hơi thở cuối cùng không chịu đầu hàng giặc của các cán bộ, chiến sĩ Mặt trận Hà Nội. Trận đánh đã được Tổng bí thư Trường Chinh đánh giá cao và biểu dương: “Thật đáng nêu gương cho toàn quốc”.

Ngày 2 tháng 4 năm 1947 một trung đội du kích quận 4 do trung đội trưởng Nguyễn Văn Kính và chính trị viên trung đội Hoàng Việt chỉ huy, đã phục kích một đoàn xe cơ giới địch trên đê sông Đáy thuộc xã Yên sở, huyện Đan Phượng phá huỷ một số xe vận tải, diệt 50 tên địch, giải thoát gần 100 đồng bào và lấy lại được một số trâu, bò. Bên ta hy sinh 5 chiến sĩ, trong đó có em Dương Văn Nội là một liên lạc viên rất dũng cảm. Em Nội đã được Chính phủ truy tặng huân chương Chiến công hạng nhì.

Ngày 19 tháng 5 năm 1947, du kích quận 5 tập kích vào vị trí địch ở Mậu Lương, Đa Sĩ (Hà Đông) diệt 24 tên, thu 14 súng.

Ngày 27 tháng 6 năm 1947, địch cho quân nhảy dù xuống Bồ Nâu - Ước Lễ hòng chụp bắt cơ quan chỉ đạo kháng chiến của Hà Nội, Du kích Thủ đô đã kiên cường chiến đấu, diệt 32 tên.

Tháng 7 năm 1947 địch lập xong phòng tuyến bảo vệ thứ hai là Chèm qua Cầu Diễn, Đại Mỗ, thị xã Hà Đông, Thanh Liệt, Văn Điển, Đông Trạch mở rộng vùng kiểm soát của chúng ra hết đất ngoại thành.

Ngày 29 tháng 7, địch tiến công chiếm đóng vị trí cầu Phụng (Đan Phượng) nhằm thiết lập phòng tuyến thứ ba trên tuyến đê sông Đáy.

Do tình hình chiến sự ngày càng lan rộng, cuộc sống của đồng bào tản cư về Hà Nội ngày một đông, nhất là đồng bào ngoại thành phải trở về bám đồng ruộng, làng mạc để sản xuất và sinh sống. Tuy hoàn cảnh buộc phải trở về vùng địch tạm kiểm soát, nhưng đại đa số nhân dân vẫn hướng về kháng chiến, nung nấu lòng căm thù giặc Pháp xâm lược. Trong khi đó bọn địch thi hành chế độ quân quản, thẳng tay đàn áp khủng bố, hòng dập tắt tinh thần yêu nước và kháng chiến của nhân dân. Ở nội thành chúng dựa vào một số tên Việt gian phản động lập ra “Ủy ban quản lý lâm thời hành chính và xã hội”, sau lại đổi tên là “Hội liên hiệp quốc gia Việt Nam”. Chúng còn cho tổ chức “Hội bảo trợ đồng bào hồi cư” do Phòng nhì Pháp điều khiển để mua chuộc, lôi kéo, dụ dỗ đồng bào trở về nội thành làm ăn sinh sống, thực chất là để tuyên truyền, kêu gọi những người kháng chiến trở về đầu hàng chúng. Mặt khác qua những người hồi cư, chúng khai thác mọi mặt của tình hình kháng chiến rồi tìm cách chống phá. Chúng cố biến Hà Nội thành khu vực hậu phương an toàn, một căn cứ quân sự vững chắc, một trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá của chế độ thực dân trong vùng chúng chiếm đóng.

Quán triệt đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh của Trung ương Đảng trong Chỉ thị “Toàn dân kháng chiến” ngày 22 tháng 12 năm 1946 và Nghị quyết Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ hai (họp từ ngày 3 đến ngày 6 tháng 4 năm 1947) đã nêu rõ: “Để nắm chắc thời

cơ thẳng lợi, phải mở mặt trận ở bất cứ nơi nào có bóng địch, đánh ngay cả sau lưng địch, trong ruột địch... phải kiên quyết chuyển sang du kích vận động chiến; du kích vận động chiến phải là cách đánh của toàn dân, chống thói quen đánh trận địa hay phòng ngự theo lối trận địa, phải phát động phong trào dân quân và vũ trang toàn dân”. “Cấp tốc việc tổ chức huấn luyện vũ trang và lãnh đạo dân quân, chuyển một bộ phận bộ đội chủ lực để dìu dắt dân quân du kích mau trưởng thành”¹ (Văn kiện quân sự Đảng, tập 2, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr.127).

Trên tinh thần ấy, Hội nghị Đảng bộ Khu XI họp tại Quốc Oai, Hà Đông (4 - 1947) đã tự phê bình vì thiếu kinh nghiệm nên không có một kế hoạch chung từ trước để bố trí cơ sở và lực lượng bí mật nằm lại trong thành phố. Còn ở ngoại thành, khi nhân dân triệt để tản cư ra hậu phương, cán bộ chính quyền và đoàn thể cùng rút theo dân, nên cơ sở của ta hầu như không còn gì. Hội nghị đã quyết định sắp xếp tổ chức, bố trí lại lực lượng để trở về hoạt động trong lòng địch, chủ trương đưa một số cán bộ ở các quận theo năm đồng bào hồi cư, trở về vùng địch tạm chiếm để gây cơ sở. Từ tháng 5, tháng 6 năm 1947, một số đơn vị du kích tập trung cùng các đội tuyên truyền xung phong bắt đầu vào hoạt động gây dựng cơ sở ở ngoại thành.

Ngày 25 tháng 7 năm 1947, theo quyết định của Chính phủ, Chiến khu XI được tách ra khỏi Chiến khu II. Chiến khu XI được mở rộng bao gồm cả Hà Nội, Hà Đông và Sơn Tây, còn gọi là Sơn Lưỡng Hà. Để thúc đẩy việc gây dựng cơ sở ở Hà Nội, tháng 9 năm 1947 Khu ủy XI quyết định lập lại Thành ủy Hà Nội do đồng chí Đào Văn An (tức Nguyễn Văn Đào) làm Bí thư. Khu ủy cũng quyết định sáp nhập 4 huyện Hoài Đức, Đan Phượng, Thanh Oai và Thanh Trì của tỉnh Hà Đông vào Hà Nội để mở rộng địa bàn hoạt động của lực lượng vũ trang Hà Nội. Thành ủy Hà Nội đã chia địa bàn Hà Nội, gồm cả nội thành, 3 quận ngoại thành và 4 huyện mới sáp nhập thành hai liên quận huyện 1 và 2, chỉ định các liên quận, huyện ủy và lập tiểu ban nội thành do Thường vụ Thành ủy phụ trách. Liên quận huyện 1 gồm quận 4 và Hoài Đức, Đan Phượng do đồng chí Nguyễn Đức Lạc làm bí thư. Liên quận huyện 2 gồm quận 5, quận 6, Thanh Oai và Thanh Trì do đồng chí Biên làm bí thư. Trung đoàn 80 cũng được chấn chỉnh và đổi phiên hiệu thành Trung đoàn 48.

Trong Trung đoàn 48 cũng có một số thay đổi. Tiểu đoàn 145 đổi phiên hiệu thành tiểu đoàn 164 do đồng chí Mạnh Quân làm tiểu đoàn trưởng, đồng chí Lê Vinh làm chính trị viên, được khu điều động cho mặt trận Tây Tiến. Trung đoàn tiếp nhận tiểu đoàn 185 của Trung đoàn 66, tiếp tục hoạt động trên địa bàn Sơn Tây.

Đầu tháng 9 năm 1947, sau khi đồng chí Trần Độ, Chính ủy Khu XI được điều động về Cục Chính trị Bộ Quốc phòng, đồng chí Đỗ Đức Kiên, nguyên Chính ủy Chiến khu XII được trên điều về làm Chính ủy Khu XI.

Ngày 20 tháng 9 năm 1947, Thành đội bộ dân quân Hà Nội được thành lập để chăm lo phát triển lực lượng dân quân du kích và chỉ đạo phong trào chiến tranh du kích trong thành phố. Đồng chí Vị Hải (tức Nguyễn Văn Vy), nguyên quận đội trưởng quận đội 4 được cử làm Thành đội trưởng; đồng chí Nguyễn Tiến Đức, nguyên chính trị viên quận 6 được cử làm chính trị viên thành đội. Bộ máy chỉ huy dân quân toàn thành được củng cố. Lực lượng du kích tập trung toàn thành lúc này có tất cả 11 đại đội với quân số 1.600 người, được trang bị hơn 400 khẩu súng các loại, còn chủ yếu trang bị bằng các loại vũ khí thô sơ, tự chế.

Thu đông năm 1947, giặc Pháp tập trung một lực lượng lớn bao gồm cả thủy, lục, không quân với khoảng 2 vạn quân cùng nhiều phương tiện chiến tranh, huy động hầu hết số máy bay hiện có ở Đông Dương, lấy Hà Nội làm căn cứ xuất phát mở cuộc tiến công lớn lên căn cứ địa Việt Bắc, nhằm thực hiện ý đồ chiến lược: Tiêu diệt gọn cơ quan đầu não kháng chiến và bộ đội chủ lực của ta, phá căn cứ hậu phương chính của ta, tạo điều kiện lôi kéo Bảo Đại về lập chính quyền bù nhìn toàn quốc nhanh chóng kết thúc chiến tranh. Toàn bộ chiến dịch lớn này được mang tên là “Kế hoạch Clô-clô” do Xa-lăng, chỉ huy quân Pháp ở miền Bắc Đông Dương trực tiếp chỉ huy.

Ngày 7 tháng 10 năm 1947, địch bắt đầu mở cuộc tiến công lên Việt Bắc nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến của ta. Đồng thời chúng cho một tiểu đoàn tiến lên Sơn Tây, Trung Hà, Hưng Hoá, vừa nghi binh vừa phối hợp với hướng chính để đánh ta. Lực lượng dự bị vẫn để ở Hà Nội, sẵn sàng tung vào những nơi cần ứng cứu.

Phối hợp với quân dân Việt Bắc, các đơn vị du kích Thủ đô và các tỉnh Hà Đông, Sơn Tây đã đẩy mạnh hoạt động, chiến đấu chặn địch trên các đường tiến quân của chúng.

Ngày 10 tháng 10 năm 1947 một đơn vị du kích Thủ đô đã phục kích tại Phú Lễ - Cần Kiệm chặn đánh một mũi tiến công của địch từ Sơn Tây vào Thạch Thất, diệt 82 tên. Ở nội thành công an ta được sự giúp đỡ của nhân dân, đã dùng cảm mìn trí ném lựu đạn vào xe tăng của Trương Đình Tri, Chủ tịch Hội đồng an dân Bắc Việt tại Cổng Đục, giết chết tên này ngay trước cửa nhà hắn.

Chấp hành chỉ thị ngày 15 tháng 10 năm 1947 của Thường vụ Trung ương Đảng “Phải phá cuộc tiến công mùa Đông của Pháp”, Khu ủy XI, các cấp ủy Hà Nội, Hà Đông, Sơn Tây chủ trương phá kế hoạch khôi phục an ninh trật tự, xây dựng hậu phương an toàn của địch xung quanh Hà Nội. Trong tháng 11 và tháng 12 năm 1947, các lực lượng vũ trang Hà Nội cùng một số đơn vị bộ đội chủ lực của Trung đoàn 48 đã đẩy mạnh đánh địch trên các phòng tuyến chúng vừa mới thiết lập, liên tiếp tập kích vào các vị trí địch ở Ngải Cầu, Giá, Đại Mỗ, Cầu Giấy, Quang Tó, Văn Điển, Đông Trạch, Mễ Trì, Thạch Bích, Vĩnh Tuy... diệt gần 200 tên địch. Trong trận đánh bột Vĩnh Tuy, đồng chí Dương Văn Bé, một chiến sĩ du kích dũng cảm và gan dạ, đã ôm bom lao vào vị trí giặc (đóng tại nhà tên Chánh Thụ ở Vĩnh Tuy Đoàn) làm sập một ngôi nhà hai tầng, diệt hơn 20 tên địch, đồng chí Bé đã hy sinh anh dũng.

Đặc biệt thời gian này ta đã đẩy mạnh phong trào “địa lôi chiến” suốt từ phía bắc xuống phía nam Hà Nội, đánh vào các đoàn xe cơ giới địch. Ở phía bắc có phong trào tháo gỡ mìn của địch cài ở xung quanh các vị trí đem về làm địa lôi. Một trong những đơn vị mở đầu cho phong trào này là trung đội du kích thuộc đại đội 355, du kích quận 4 do đồng chí Nguyễn Văn Dưới chỉ huy, trong một đêm đã tháo gỡ được hơn 100 quả mìn của địch ở vị trí Cầu Đồi, đem về đánh các đoàn xe tăng địch trên đê Kẽ, đê Giá1 (Trong cuộc gỡ mìn sau đó, đồng chí Nguyễn Văn Dưới hi sinh vì địch đã đối phó bằng cách chôn hai quả mìn chồng lẫn nhau, khi gỡ quả mìn ở trên nhấc ra thì bị quả mìn ở dưới nổ). Anh chị em du kích ở đoàn nam Hà Nội còn dùng những đầu đạn đại bác và đạn súng cối của địch chưa nổ, sửa chữa lại thành địa lôi để đánh xe tăng địch trên đường số 1 và đê Đại Hà... Chỉ tính đến cuối năm 1947, số xe cơ giới địch bị phá huỷ vì địa lôi của du kích đã lên tới 89 xe, gồm 10 xe tăng, 14 xe thiết giáp, 50 xe tải, 15 xe Jeep.

Ngày 13 tháng 11 năm 1947, ta đã tổ chức trận tổng phá tề đầu tiên ở quận 6, bắt được hơn 100 tên tề, thu 40 khẩu súng, làm cho hàng ngũ tề hoang mang hoảng sợ. Ta còn phá các tổ chức bảo an của địch ở Cổ Nhuế, Xuân Tảo, Cáo Đình, Phú Mỹ, Yên Duyên, Tứ Kỳ...

Đầu tháng 12 cuộc tiến công lên Việt Bắc bị sa lầy và tổn thất nặng nề, quân Pháp buộc phải tổ chức rút chạy về Hà Nội. Ngày 19 tháng 12 năm 1947 những tên lính cuối cùng của cả hai cánh quân thủy, bộ đã về tới Hà Nội. Cuộc hành binh mùa khô năm 1947 lên Việt Bắc là cố gắng cao nhất của thực dân Pháp sau một năm mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược ra toàn cõi Đông Dương. Thất bại có ý nghĩa chiến lược đó đã dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng cả về quân sự và chính trị. Âm mưu chiến lược “đánh nhanh, giải quyết nhanh” của thực dân Pháp đã hoàn toàn bị phá sản.

Địch quay về củng cố các vùng chúng tạm chiếm. Để bảo vệ Hà Nội sào huyệt của chúng, địch ra sức củng cố các phòng tuyến đã có và xúc tiến lập phòng tuyến thứ ba, từ Bồng Lai qua Phùng, Giá, Mai Lĩnh, Thạch Bích,

Khúc Thủy, Quán Gánh, Bằng Sở. Trên ba phòng tuyến, địch đóng tất cả 32 vị trí với trên 2.000 quân, chưa kể số quân cơ động bảo vệ Hà Nội thường xuyên có khoảng 6.000 tên. Chúng thường xuyên cho quân lính từ các vị trí sục vào các xã hoặc phục kích trên các đường giao thông, tổ chức các đội tuần tiễu, thành lập hội tề, hương dũng ở các xã, tổ chức canh phòng ngày đêm. Chúng dùng các đội quân lưu động cỡ đại đội, tiểu đoàn, phối hợp với quân đóng ở các vị trí, mở các cuộc càn quét hòng quét lực lượng ta đang hoạt động giữa các phòng tuyến, ngăn chặn không cho lực lượng vũ trang của ta đột nhập vào nội thành.

Để đối phó với âm mưu và hoạt động mới của địch, Hội nghị Khu ủy khu XI ngày 26 tháng 12 năm 1947 đã ra quyết định phá kế hoạch lập phòng tuyến của địch: "... Chúng ta phải làm cho các đường phòng tuyến đó trở nên vô hiệu, nghĩa là không thể ngăn cản được những hoạt động của ta vào nội thành. Muốn vậy, chúng ta phải duy trì và phát triển được các lực lượng kháng chiến của ta giữa các đường phòng tuyến để tiến tới bao vây lại các vị trí địch". Thực hiện chủ trương trên, ta đã phát động và đẩy mạnh chiến tranh du kích giữa các đường phòng tuyến, phục kích các đội tuần tiễu lẻ tẻ của địch, mở rộng địa lôi chiến, tập trung lực lượng đánh vận động tiêu diệt các đồn lẻ của địch. Các đơn vị du kích tập trung đã phối hợp với các đơn vị Trung đoàn 48 vận động tập kích quấy rối các vị trí của địch trên các phòng tuyến như: Thạch Bích, Văn Điển, Phùng, Giá, Mai Lĩnh, Chèm... Đồng thời chặn đánh các toán quân địch đi lòng sục cướp phá như ở làng Gồ (Quốc Oai), phục kích đánh địch ở Bối Khê, Đại Định truy kích địch ở Bình Đà, dùng súng ba-dô-ca bắn cháy 2 xe tăng địch ở liên quận 2, v.v...

Ngày 25 tháng 1 năm 1948, thực hiện sắc lệnh số 120/SL của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bộ Quốc phòng tổ chức lại các khu trong cả nước¹ (Biên niên sự kiện Bộ Quốc phòng, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2003, tr.54). Trong đó tại Bắc Bộ, Chiến khu I và Chiến Khu XII được nhập lại thành Liên khu 1, Chiến khu XI được hợp nhất với các chiến khu II, III thành Liên khu III, Chiến khu IV đổi là Liên khu IV bao gồm cả Bình - Trị - Thiên.

Chiến khu XI đã kết thúc nhiệm vụ vẻ vang của mình trong trận Tổng giao chiến đầu tiên của quân và dân ta với quân Pháp.

Tuy quân Pháp đã chiếm được Hà Nội và không ngừng củng cố địa bàn chiếm đóng, song hậu phương của chúng chưa bao giờ yên ổn. Cuộc chiến đấu tại địa bàn Hà Nội, Hà Đông, Sơn Tây còn tiếp tục không ngừng cho đến khi thắng lợi hoàn toàn. Bộ tư lệnh Liên khu 3 sẽ trực tiếp phụ trách về mặt quân sự với các mặt trận Hà Nội, Hà Đông và Sơn Tây.

Trong gần 1 năm chỉ đạo chiến tranh trên địa bàn ngoại vi Hà Nội, Hà Đông, Sơn Tây, sau khi địch đã tạm chiếm Hà Nội, Khu ủy, Bộ chỉ huy Chiến khu XI đã không ngừng lãnh đạo quân dân trên địa bàn tiến hành chiến tranh du kích, tiêu hao tiêu diệt sinh lực địch, ngăn chặn bước tiến nhằm mở rộng phạm vi chiếm đóng, tiếp tục làm phá sản chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh” của chúng. Trước các cuộc tiến công, càn quét của địch, ta chủ yếu tập trung vào đối phó, ngăn chặn những cuộc tiến công càn quét của chúng. Hoạt động của ta lúc này chủ yếu là do các đơn vị du kích tập trung, các phân đội nhỏ của Trung đoàn 80 sau là Trung đoàn 48, hoặc phối hợp cả bộ đội và du kích địa phương thực hiện, phần nhiều là đánh quấy rối, tiêu hao địch, chưa có khả năng đánh tiêu diệt các vị trí của chúng. Việc xây dựng lực lượng kháng chiến trong lòng địch có nhiều khó khăn. Ta mới tập trung gây dựng được cơ sở kháng chiến ở bốn huyện Thanh Oai, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng, còn ở các quận ngoại thành, cơ sở đảng, cơ sở quần chúng và dân quân du kích còn ít và rất non yếu, cơ sở ở nội thành hầu như chưa có gì. Công tác gây dựng cơ sở tuy mới thu được kết quả bước đầu, nhưng rất quan trọng làm cơ sở để phát triển cuộc chiến tranh du kích vào thành phố sau này.

KẾT LUẬN

Trong thời kỳ tồn tại của mình, từ tháng 10 năm 1946 tới tháng 1 năm 1948, Chiến khu XI đã chỉ đạo chiến tranh với hai thời kỳ rõ rệt.

Thời kỳ thứ nhất bắt nguồn từ sự phát triển từ Bộ chỉ huy Khu đặc biệt Hà Nội thành Bộ chỉ huy Chiến khu XI, tháng 10 năm 1946, cho tới khi Trung đoàn Thủ đô rút ra ngoài (19-2-1947), kết thúc thời kỳ oanh liệt, 60 ngày đêm chiến đấu vẻ vang. Thời kỳ này cuộc chiến đấu ở Hà Nội mang sắc thái điển hình của một cuộc chiến tranh nhân dân trên địa bàn đô thị ở nước ta.

Trong 60 ngày đêm từ ngày 19 tháng 12 năm 1946 đến ngày 18 tháng 12 năm 1947, quân và dân Hà Nội đã đánh gần 200 trận, tiêu diệt và loại khỏi vòng chiến đấu gần 2.000 tên địch, buộc Bộ chỉ huy Pháp phải đối phó lúng túng với tình huống và bị giam chân tới 2 tháng tại mặt trận này. Trong khi đó, quân và dân ta vừa đánh vừa xây dựng lực lượng. Lực lượng vũ trang được rèn luyện và tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm. Từ 5 tiểu đoàn khi mới nổ súng, ta đã phát triển thành 5 trung đoàn, trong đó có Trung đoàn Thủ đô, Trung đoàn Thăng Long... nổi tiếng.

Trong cuộc chiến đấu quyết liệt của những ngày đầu kháng chiến, Mặt trận Hà Nội đã huy động được sức mạnh đoàn kết to lớn của các tầng lớp nhân dân cùng đứng lên đánh giặc.

Có thể tóm tắt thành tích của quân dân Chiến khu XI trong cuộc chiến đấu 60 ngày đêm ở mấy điểm lớn:

Góp phần rất quan trọng bảo vệ cơ quan đầu não được an toàn.

Địch muôn tiêu diệt các cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến để thắng nhanh. Nhưng ngay từ sau Cách mạng Tháng Tám, Hà Nội đã làm tốt việc bảo vệ cơ quan đầu não trong tình thế thù trong giặc ngoài hết sức phức tạp.

Khi Kháng chiến toàn quốc sắp bùng nổ, Hà Nội đã góp phần rất quan trọng vào việc tìm ATK, di chuyển cơ quan đầu não kịp thời bí mật, an toàn, nhờ đó duy trì được sự lãnh đạo và chỉ huy kịp thời, liên tục của Thường vụ và Bộ Tổng chỉ huy, không những đối với Hà Nội, mà đối với toàn quốc. Đây là một thành tích hết sức quan trọng.

Tiêu hao tiêu diệt khá nhiều lực lượng tinh nhuệ của địch.

Với binh lực ít hơn địch nhiều lần, trang bị kém, trình độ bộ đội, cán bộ còn thấp lại đánh địch trong thế cơ bản phải phòng ngự, Hà Nội vừa tiêu hao tiêu diệt được khá nhiều địch, phá hủy, phá hỏng nhiều phương tiện chiến tranh của chúng. Số địch bị diệt là gần 2.000 tên. Tổng số xe bị phá là 22 xe tăng và xe thiết giáp, 31 xe vận tải. Ta còn bắn rơi và bắn hỏng 7 máy bay địch, bắn chìm 2 ca-nô1 (Thành ủy Hà Nội, Quân khu Thủ đô, Tổng kết 60 ngày đêm chiến đấu mở đầu Toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp của quân và dân Thủ đô Hà Nội, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995, tr.168). Lực lượng địch bị tiêu hao tiêu diệt thuộc những đơn vị tinh nhuệ bậc nhất đã từng tham gia giải phóng nước Pháp, giải phóng Pa-ri, đã từng đánh chiếm Tây Đức.

Đó là một kết quả tiêu hao tiêu diệt địch đáng được khen ngợi khi mở đầu kháng chiến trong thời điểm quân ta còn ấu trĩ, chưa hề có kinh nghiệm tác chiến.

Giam chân địch được 60 ngày đêm, vượt mức yêu cầu trên giao.

Tuy ta cố gắng đánh địch trong một tháng và trong mệnh lệnh chỉ nói 15 ngày, nhưng trên thực tế Bộ Tổng chỉ huy và Bộ chỉ huy Mặt trận đã ba lần

chủ trương kéo dài thêm thời gian và quân dân Hà Nội đã đạt được mục tiêu đó.

Đúng như lời Bác khen: “Giam chân địch ở Hà Nội được một tháng là thắng lợi, nay giữ được Hà Nội hai tháng là đại thắng lợi”.

Giam chân địch thời gian vượt mức yêu cầu là kết quả quan trọng nhất. Nhưng có bảo vệ được cơ quan đầu não và tiêu hao tiêu diệt địch làm cho chúng bị tổn thất ngoài dự kiến mới đạt được kết quả giam chân địch.

Giữ gìn và làm lớn mạnh lực lượng ta.

Qua 60 ngày đêm chiến đấu liên tục, Hà Nội đã thực hiện tốt nhiệm vụ bảo tồn thực lực để kháng chiến lâu dài. Tuy có một số nơi ta chủ trương chiến đấu quyết liệt để ngăn chặn địch như ở Bắc Bộ Phủ, Toà Thị chính... nhưng nhìn chung ta không đem lực lượng quyết chiến, không có một đại đội nào bị địch tiêu diệt hết. Mặc dù chiến đấu dưới bom đạn khá ác liệt của địch nhưng số hy sinh không nhiều (khoảng 800 người). Riêng Trung đoàn Thủ đô chỉ có 160 người hy sinh.

Không những ta bảo toàn được lực lượng mà sau 60 ngày đêm lại lớn mạnh thêm rất nhiều. Từ một số tiểu đoàn lúc đầu ta đã phát triển thành một số trung đoàn. Trung đoàn Thủ đô vốn là 2 đại đội của tiểu đoàn 101 được bổ sung thêm Tự vệ chiến đấu, Tự vệ Thành, Công an xung phong và cả dân thường nên trở thành một trung đoàn quân chính quy. Sau này với phiên hiệu 102, trung đoàn nằm trong biên chế của Đại đoàn Quân tiên phong 308.

Sau 60 ngày đêm, các tiểu đoàn 523, 145, 77 của Mặt trận Hà Nội được tập hợp lại thành Trung đoàn 80, sau được chấn chỉnh thành Trung đoàn 48 rồi

Trung đoàn Thăng Long, một trung đoàn chủ công của Đại đoàn Đồng Bằng 320.

Tiểu đoàn 212 của Hà Nội chiến đấu trong phạm vi Liên khu 2 đã được điều đi làm nòng cốt cùng tiểu đoàn 62 (Ký Con) của Chiến khu 3 và một tiểu đoàn mới xây dựng của Chiến khu 2 để thành lập Mặt trận Tây Tiến, mấy tháng sau đổi thành Trung đoàn 52 (Trung đoàn Tây Tiến), một trung đoàn của Đại đoàn 320 sau này.

Tiểu đoàn 56 của Hà Đông tăng cường cho Mặt trận Hà Nội, trải qua thử thách trong chiến đấu đã trở thành cốt cán để xây dựng Trung đoàn 35, có nhiệm vụ đánh địch trên đường số 6 Hà Đông - Hoà Bình.

Tiểu đoàn 45 của Trung đoàn 13 (Hà Đông) và tiểu đoàn 69 của Trung đoàn 9 (Sơn Tây) được rèn luyện trong khói lửa của Mặt trận Hà Nội, đã cùng một tiểu đoàn mới xây dựng để trở thành Trung đoàn 37, có nhiệm vụ đánh địch trên trục Hà Nội - Sơn Tây. Hai trung đoàn 35 và 37 sau được sáp nhập thành Trung đoàn 66 - trung đoàn chủ công của Đại đoàn 304.

Một điểm cần chú ý là nhiều bộ phận tự vệ thành, tự vệ chiến đấu đã được bổ sung cho các tiểu đoàn Vệ quốc đoàn hoặc được tổ chức thành một số đơn vị dân quân du kích đánh địch ở các quận ngoại thành hoặc trở thành những đội biệt động nội thành.

Điều quan trọng hơn là trong 60 ngày đêm chiến đấu, bộ đội Hà Nội đã được thử thách trong khói lửa. Từ chỗ chiến sĩ, cán bộ chưa hề có kinh nghiệm, họ đã được đo sức với địch trong nhiều trận nảy lửa, đã hiểu được địch một phần, có lòng tin có thể đánh thắng địch.

Qua các điểm nói trên, có thể nói quân và dân Hà Nội đã hoàn thành vượt mức nhiệm vụ mà Bác, Thường vụ, Bộ Quốc phòng - Tổng chỉ huy giao cho.

Trong cuốn hồi ký Chiến đấu trong vòng vây, đồng chí Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng chỉ huy Quân đội quốc gia và Dân quân tự vệ năm 1946, đã nhận định cuộc chiến đấu mở đầu Toàn quốc kháng chiến trên cả nước nhằm đánh bại âm mưu đánh nhanh của địch cuối năm 1946 là cuộc Tổng giao chiến đầu tiên của quân và dân ta dưới chính quyền cách mạng với quân Pháp xâm lược. “Tiêu biểu cho trận tổng giao chiến đầu tiên phải nói đến Thủ đô Hà Nội”¹ (Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Chiến đấu trong vòng vây, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995, tr.6). Đại tướng cũng nói thắng lợi của 60 ngày đêm chiến đấu kiên cường là thắng lợi chung của tất cả quân dân trong thành phố, của cả 3 liên khu, của bộ đội, tự vệ và nhân dân. Đồng chí viết: “Khi bàn về trận đánh Hà Nội, nhiều người đã quên hoặc ít nói tới liên khu 2 và 3. Ở hai liên khu này, cuộc chiến đã diễn ra 38 ngày đêm, trong đó có 27 ngày đánh địch trên các trục đường ra ngoại ô kết hợp với những tổ luồn vào khu vực địch đã kiểm soát thường xuyên tập kích địch. Nếu không có sự phối hợp này, chiến sĩ Liên khu 1 khó trụ sát nách địch một thời gian dài như vậy.

Tuy nhiên, Liên khu 1 vẫn là tiêu biểu nhất cho cuộc chiến đấu ở Thủ đô”¹ (Sách đã dẫn ở trên, tr.55, 56).

Chiến thắng đã góp phần cổ vũ tinh thần kháng chiến của quân dân cả nước. Trong buổi đầu kháng chiến đó, việc củng cố niềm tin chiến thắng cho toàn dân là một việc hết sức có ý nghĩa.

Thời kỳ thứ hai từ sau khi Trung đoàn Thủ đô rút ra, Hà Nội trở thành vùng tạm chiếm, cuộc chiến đấu trong thời kỳ này vô cùng khó khăn nhưng cũng hết sức vẻ vang.

Các lực lượng vũ trang Chiến khu XI thời gian này bao gồm Trung đoàn

Thăng Long, các đơn vị dân quân du kích Hà Nội, Hà Đông, Sơn Tây đã kiên cường chặn đánh các cuộc hành quân mở rộng vùng chiếm đóng của địch. Bằng cách đánh du kích, đơn vị du kích của các địa phương Hà Nội, Hà Đông, Sơn Tây cũng đã đánh hàng trăm trận, tiêu hao tiêu diệt nhiều tên địch. Nhiều cuộc phục kích, tập kích, đánh địa lôi, quấy rối các vị trí đóng quân của địch, cùng nhân dân phá tề, đã được tổ chức khiến quân giặc mất ăn mất ngủ. Công cuộc “bình định” Hà Nội và mở rộng vùng chiếm đóng của chúng gặp rất nhiều khó khăn.

Quân và dân Chiến khu XI thời gian này đã phối hợp có hiệu quả với quân dân Việt Bắc trong Thu Đông năm 1947, làm phá sản hoàn toàn chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh” của quân Pháp xâm lược.

Cuộc chiến tranh trên địa bàn Chiến khu XI trong thời kỳ đầu kháng chiến chống Pháp tuy mới diễn ra trong hơn một năm nhưng đã phản ánh rõ những mâu thuẫn cơ bản, sâu sắc giữa hai bên mà bên nào cũng đem hết nỗ lực để giải quyết và giành lấy phần thắng cho mình. Hai mục đích đối lập nhau: xâm lược - chống xâm lược. Hai điểm xuất phát và cũng là hai chỗ dựa của mỗi bên đối chọi nhau: lực lượng quân sự - lực lượng chính trị. Hai kiểu chiến tranh trái ngược nhau: chiến tranh quy ước - chiến tranh nhân dân. Hai chiến lược quân sự tương phản nhau: đánh nhanh thắng nhanh - đánh lâu dài nhất định thắng. Việc giải quyết những mâu thuẫn trên là một quá trình đấu trí giữa hai bộ thông soái tối cao và sự nỗ lực về mọi mặt của hai bên trong suốt cuộc chiến tranh. Ngay ở thời gian đầu, trong keo đầu, cuộc đấu trí này ở Thủ đô có ý nghĩa rất quan trọng. Kết quả của nó có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của cuộc kháng chiến lâu dài, toàn dân, toàn diện.

Thực dân Pháp đã phạm vào sai lầm lớn là đánh giá thấp đối phương và tự ru ngủ mình bằng tư tưởng ngạo mạn, cho mình là vô địch. Thực dân hiểu chiến Pháp không hình dung được sức mạnh ý chí của dân tộc Việt Nam. Hoặc là vì họ không hiểu gì hết, hoặc là vì họ không cần tính đến khi họ có trong tay một khối lượng sắt thép khổng lồ mà họ cho là có khả năng làm tiêu tan mọi

ý chí kháng cự của đối phương. Không những thế, các nhà quân sự Pháp cũng không hình dung được “sức kháng cự” của các lực lượng vũ trang cách mạng Việt Nam mà họ rất coi thường. Học thuyết quân sự của các nước đế quốc thường tính toán rằng “sự chênh lệch về các lực lượng vật chất không thể vượt quá mức mà các lực lượng tinh thần có thể bù đắp được”¹ (Clau-dơ-vít, sách đã dẫn, tr.63). Vì vậy Bộ chỉ huy Pháp đã tin chắc rằng dù có tinh thần cao đến đâu nhưng đứng trước một thực tế so sánh lực lượng hai bên quá chênh lệch về phía Pháp thì chuyện Việt Nam có thể chống lại sức mạnh của Pháp là chuyện nực cười. Trái với nhận định của họ, sức chống trả của nhân dân Việt Nam được Đảng Cộng sản và Chủ tịch Hồ Chí Minh vun đắp có sức mạnh vô địch, nhưng các nhà quân sự đế quốc lại không nhìn thấy được mặc dù họ có một nền khoa học quân sự phát triển.

Trong những cuộc chiến tranh xâm lược trước đây, những đánh giá chủ quan cùng với sự tính toán theo công thức máy móc của quân Pháp chưa hề làm cho Pháp bị thất bại. Song lần này gặp một đối phương là nhân dân Việt Nam có Đảng Cộng sản và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo, cuộc chiến tranh sẽ không diễn ra và kết thúc theo ý muốn của Chính phủ và Bộ chỉ huy quân viễn chinh Pháp. Diễn biến chiến sự qua 60 ngày đêm đầu Kháng chiến toàn quốc ở Hà Nội và một số thành phố, thị xã khác trên cả nước đã cho phép thấy được chiều hướng phát triển và kết thúc cuộc chiến tranh mà quân Pháp tiến hành ở Việt Nam. Quân Pháp không thực hiện được âm mưu “đánh nhanh thắng nhanh”, không tiêu diệt được lực lượng của ta, không làm cho ta bị hao mòn kiệt quệ đi. Trái lại ta đã mở đầu cuộc kháng chiến đúng lúc, làm cho địch bị bất ngờ. Ta có cách đánh thích hợp với điều kiện của ta, một cách đánh mà địch “khó hiểu”, “khó đối phó”. Ta có ý thức vừa chiến đấu vừa xây dựng nên sau một thời gian chiến đấu ngắn, lực lượng vũ trang của ta ngay tại mặt trận đã phát triển cả về số lượng và chất lượng, tinh thần chiến đấu càng cao. Hậu phương của ta vững chắc; hậu phương là ngoại thành, là các tỉnh kề cận Hà Đông, Sơn Tây; hậu phương ngay cả trong nội thành. Cả tiền tuyến và hậu phương đều quyết tâm chống xâm lược. Quán triệt đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng, ngay trong keo đầu, quân và dân Hà Nội tuy không tránh được những hiện tượng ấu trĩ, nhưng đã có chỗ dựa cơ bản để rút kinh nghiệm, khắc phục khuyết điểm và tiến lên từng bước.

Giành được thắng lợi lớn qua 60 ngày đêm chiến đấu không phải là việc dễ dàng. Quân và dân Khu XI đã chịu đựng nhiều khó khăn, tìm mọi cách thực hiện những chỉ thị và sự hướng dẫn của cấp trên để thi gan đấu trí với kẻ thù ngay trong các trận đánh. Tình trạng thiếu thốn và chất lượng không đảm bảo của vũ khí không làm cho quân ta nản lòng. Trang bị hiện đại của địch cũng không làm cho ta khiếp sợ. Qua từng trận đánh, từng ngày rèn luyện trong thực tế kháng chiến, cán bộ, chiến sĩ cùng với đồng bào ta vững tin vào thắng lợi của sự nghiệp chính nghĩa nên càng ra sức phát huy sáng kiến, chiến đấu dũng cảm, không sợ hy sinh trong khi làm nhiệm vụ. Tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến được chuyển hoá thành sức mạnh vật chất là một việc mà kẻ địch, không phá nổi. Trái lại với tính phi nghĩa của cuộc chiến tranh xâm lược mà kẻ địch gây ra trên đất nước Việt Nam, lại bị Đảng và nhân dân ta vạch mặt, lên án trước nhân dân thế giới kể cả nhân dân Pháp. Đây là nguồn sức mạnh - sức mạnh của chính nghĩa - mà Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên biết khai thác và phát huy tác dụng ngày càng to lớn. Tác dụng đó vừa có hiệu quả làm tăng sức kháng chiến của ta, vừa có hiệu quả làm suy yếu sức chiến đấu của quân xâm lược và gây khó khăn ngày càng nhiều cho việc giải quyết mối quan hệ giữa hậu phương và tiền tuyến của phía địch cũng như mối quan hệ của Pháp với thế giới. Chiến tranh mới bắt đầu, nhưng chỉ qua hơn một năm chiến đấu dưới sự lãnh đạo chỉ đạo của Khu ủy và Bộ chỉ huy Chiến khu XI, những người theo dõi cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam đã có thể thấy giá trị quan trọng bước đầu của việc khai thác và cụ thể hoá tính chính nghĩa thành sức mạnh vật chất.

Có chính nghĩa lại có đường lối đúng đắn - đường lối chiến tranh nhân dân - cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đã có những nhân tố quyết định đầu tiên để đạt mục đích giành độc lập thống nhất. 60 ngày đêm đầu kháng chiến ở Thủ đô là một cuộc khảo nghiệm đáng tin cậy để khẳng định tính đúng đắn và sự tất thắng của đường lối đó. Bằng ý chí “quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”, lòng dũng cảm và trí thông minh, tinh thần đoàn kết và kỷ luật tự giác, quân và dân Thủ đô đã triển khai và thực hiện có kết quả cao đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, đánh địch theo phương thức tiến hành chiến tranh mới. Phương thức chiến tranh cổ điển - chiến tranh quy ước - không đối chọi được với phương thức chiến tranh nhân dân do Đảng Cộng sản và Chủ tịch Hồ Chí Minh thiết kế và lãnh đạo toàn dân trên trên cả nước

thực hiện. Thành công tiêu biểu ngay từ những ngày đầu Kháng chiến toàn quốc đã được gặt hái ngay trên chiến trường Hà Nội. Ngay từ đầu, chưa phải quân ta đã thành thạo cách đánh trong thành phố, còn nhiều bỡ ngỡ và phải chịu những tổn thất ban đầu. Song trên các mặt trận ở nội thành cũng như ở vùng ngoại ô, những hiện tượng dàn quân đánh theo lối chính quy đều được phê phán và uốn nắn, khắc phục kịp thời. Nhờ đó ta đã làm cho địch không phát huy được ưu thế về cơ động và hỏa lực. Dựa vào đường lối chiến tranh nhân dân và được sự chỉ đạo rất sát của cấp trên, cán bộ và chiến sĩ ta từng bước đã nghiên cứu được cách đánh trong thành phố rất có hiệu quả, bảo tồn được lực lượng ta, tiêu hao nhiều sinh lực địch. Việc rút lui an toàn của Trung đoàn Thủ đô là một thành công lớn của quân dân Khu XI, một chứng minh về sự phát triển nghệ thuật quân sự của các lực lượng vũ trang Quân khu Thủ đô ở thời kỳ này. Cuộc chiến kéo dài gấp hàng chục lần thời hạn mà Bộ chỉ huy Pháp đã đề ra lúc đầu để “quét sạch mọi sự đề kháng của Việt Minh” trên địa bàn Hà Nội. Tổn thất về người và phương tiện chiến tranh lại khá lớn trước trình độ trang bị và khả năng chiến đấu của đối phương mà Bộ tham mưu Pháp cho là rất yếu kém. Tình hình đó làm cho những người cầm quyền và cầm quân dao động, lúng túng, binh sĩ sa sút tinh thần. Một quân đội có ưu thế về vũ khí, kỹ thuật như quân đội Pháp, nhưng lại thua kém đối phương về mặt chính trị tinh thần và nghệ thuật quân sự, thì ưu thế đó cũng không làm cho nó trội hơn và cuối cùng sẽ thất bại.

Có đường lối đúng đắn, có cách đánh hiểm hóc, thích hợp với điều kiện về mọi mặt của ta cũng chưa đủ bảo đảm để giành thắng lợi. Trung ương Đảng và Chính phủ, đặc biệt là Chủ tịch Hồ Chí Minh hết sức chăm lo chỉ đạo việc tổ chức thực hiện. Những ngày tháng trước khi nổ ra cuộc Kháng chiến toàn quốc, những việc chuẩn bị về tư tưởng, về tổ chức nhằm hướng dẫn cho toàn dân toàn quân sẵn sàng chiến đấu chống quân xâm lược đã được tiến hành khẩn trương. Các ngành hoạt động của Nhà nước, các đoàn thể quần chúng, các lực lượng vũ trang trên địa bàn Khu XI đều được nghiên cứu đường lối kháng chiến, những chỉ thị có liên quan đến ngành mình. Các cơ quan có trách nhiệm của Khu ủy và Ủy ban Bảo vệ thành phố đều được hướng dẫn hoạt động khi xảy ra chiến tranh. Nhờ đó toàn dân đều sẵn sàng. Khi có lệnh mọi người đã ở vị trí của mình, người nào việc nấy. Tình hình đó làm cho việc thực hiện nhiệm vụ được khẩn trương, đồng thời cũng có tác dụng động

viên lớn tới mọi người.

Sự chỉ đạo thực hiện của Trung ương và Khu ủy đã đến với chiến sĩ và đồng bào cả tiền tuyến và hậu phương. Tinh thần chiến đấu và phục vụ chiến đấu của quân và dân được thể hiện trong mọi công việc, nhất là từ khi có Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Mệnh lệnh chiến đấu của Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Cả nước được huy động bước vào cuộc kháng chiến. Toàn dân, toàn quân Hà Nội cùng với đồng bào cả nước hưởng ứng lời kêu gọi của Bác Hồ, chấp hành triệt để mệnh lệnh của Đại tướng Tổng chỉ huy. Trước lực lượng hùng hậu của toàn dân trên cả nước như thế, quân đội viễn chinh Pháp dù đông đến bao nhiêu cũng không thể địch nổi. Chúng bị phân tán trên nhiều chiến trường, bị căng ra ở khắp nơi.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trong giai đoạn đầu ở địa bàn Quân khu Thủ đô ngày nay đã chứng minh đường lối cách mạng, đường lối chiến tranh nhân dân Việt Nam dưới thời đại Hồ Chí Minh là đúng đắn. Đường lối đó được toàn dân trên cả nước thực hiện được phát huy cao độ tính hiệu quả của nó. Vì vậy ngay từ những ngày đầu, sự nghiệp kháng chiến chống thực dân pháp xâm lược đã giành thắng lợi vẻ vang ở Thủ đô.

Những bài học kinh nghiệm của Chiến khu XI đã được vận dụng và phát triển trong quá trình kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ sau này. Đó là những bài học về đoàn kết toàn dân, dựa vào sức dân để tiến hành chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện trên cả nước với nghệ thuật quân sự và cách đánh độc đáo, kết hợp chặt chẽ với binh vận và địch vận. Đó là những kinh nghiệm và tiến hành một cuộc chiến tranh cách mạng lâu dài theo phương châm vừa kháng chiến vừa kiến quốc, vừa chiến đấu vừa xây dựng; cuộc kháng chiến phải do Đảng lãnh đạo, vừa dựa vào sức mình là chính, đồng thời ra sức tranh thủ sự đồng tình ủng hộ và giúp đỡ của quốc tế cho sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân Việt Nam.

Ngày nay trước tình hình mới, những bài học kinh nghiệm trên vẫn còn nguyên giá trị để vượt qua khó khăn và thử thách mới.

PHỤ LỤC

(Toàn bộ phần phụ lục này được lấy từ nguồn Tổng kết 60 ngày đêm chiến đấu mở đầu Toàn quốc kháng chiến chống Pháp của quân và dân Hà Nội do Thành ủy Hà Nội và Bộ Tư lệnh Quân khu Thủ đô tổ chức nghiên cứu, biên soạn, xác minh, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997)

1. Hà Nội - diện tích, dân số năm 1945 -1946:

Vị trí: 105°87' độ kinh đông, 21°05' độ vĩ bắc.

Diện tích: năm 1945 khoảng 150km², riêng nội thành khoảng 13km².

Dân số: trên 523.000, nội thành khoảng 30 vạn người, trong đó có hơn 1 vạn Hoa kiều, trên 7.000 Pháp kiều và một số ngoại kiều khác.

Địa giới: đông giáp huyện Gia Lâm (thuộc Bắc Ninh cũ), tây giáp các huyện Đan Phượng, Hoài Đức (thuộc tỉnh Hà Đông cũ), nam giáp huyện Thanh Trì (thuộc Hà Đông cũ), bắc giáp huyện Đông Anh (thuộc tỉnh Phúc Yên cũ).

- Sau Cách mạng Tháng Tám, nội thành Hà Nội chia làm 17 khu phố: Trúc Bạch, Đồng Xuân, Thăng Long, Đông Thành, Đông Kinh Nghĩa Thục, Hoàn Kiếm, Văn Miếu, Quán Sứ, Đại Học, Bảy Mẫu, Chợ Hôm, Lò Đúc, Hồng Hà, Long Biên, Đồng Nhân, Vạn Thái, Bạch Mai và được tổ chức thành 3 liên

khu: Liên khu 1, Liên khu 2, Liên khu 3.

Có 7 cửa ô: Yên Phụ, Bưởi, Cầu Giấy, Chợ Dừa, Đồng Lâm (Kim Liên), Cầu Dền, Đống Mác.

- Ngoại thành có 5 khu: Lãng Bạc, Đại La, Đống Đa, Đề Thám, Mê Linh; với 136 thôn bao bọc xung quanh nội thành.

Cuối năm 1946 chuẩn bị kháng chiến, Trung ương chia cả nước làm 12 chiến khu. Hà Nội là Chiến khu XI (thường gọi là Khu 11).

2. Vị trí và lực lượng địch ở Hà Nội

Thời điểm tháng 12 năm 1946:

* Quân số: 4.220 tên. Cuối tháng 12 năm 1946, đầu tháng 1 năm 1947 ở Hải Phòng lên thêm, tổng quân số ở Hà Nội lên tới 6.500 tên.

Vũ khí: 5.000 súng trường, 600 liên thanh nhẹ, 180 liên hanh nặng, 42 khẩu pháo.

Cơ giới: 9 xe tăng, 26 xe thiết giáp.

Bố trí như sau:

1. Thành Hà Nội:

Quân số: 1.200 tên.

Vũ khí: 300 khẩu súng trường Mỹ, 300 súng liên thanh, liên thanh nặng.

Cơ giới: 9 xe tăng, 26 xe thiết giáp.

2. Trường Bưởi (nay là trường Chu Văn An). :

Quân số: 250 tên, gồm có:

1 đại đội bộ binh 150 tên.

1 phân đoàn thiết giáp của hải quân R.B.F.M (Régiment Blindé des Fusiliers Marines) 100 tên.

Vũ khí: 100 súng trường, 49 tôm-xơn, 40 các-bin, 9 liên thanh nhẹ.

Cơ giới: 3 xe tăng, 4 thiết giáp.

3. Trường An-be Xa-rô (nay là nhà số 2 Hoàng Ván Thụ).

Quân số 500 tên, gồm có:

1 đại đội bộ binh (đại đội 10, tiểu đoàn 3, trung đoàn bộ binh thuộc địa 6), 1 quan ba chỉ huy: Moles.

1 cụm pháo binh sư đoàn (tiểu đoàn 1, trung đoàn pháo binh thuộc địa đã

chiến I (RACM) có 3 khẩu đội: Chỉ huy gồm: 1 quan tư, 1 quan ba, 2 quan hai.

Vũ khí: 200 súng trường, 60 các-bin, 60 tôm-xơn, 20 liên thanh nhẹ, 15 liên thanh nặng.

Cơ giới: 5 xe thiết giáp, 2 xe tăng loại lớn, 2 xe tăng loại nhỏ.

4. Phủ Toàn quyền:

Quân số: 500 tên (thuộc tiểu đoàn 3 Trung đoàn bộ binh thuộc địa 6, đại đội 1 và 9).

Vũ khí: 120 súng trường, 80 tôm-xơn, 60 các-bin.

5. Trường Đỗ Hữu Vị (nay là trường Phan Đình Phùng):

Quân số: 50 thợ máy, một tiểu đội 12 lính gác.

Vũ khí: 7 súng trường, 2 các-bin, 2 tôm-xơn, 1 liên thanh nhẹ.

6. Quán Thánh:

Quân số: 1 đại đội.

Vũ khí: 10 liên thanh nhẹ, 10 các-bin, 20 tôm-xơn, 100 súng trường.

7. Đồn Thủy:

Quân số: 520.

Vũ khí: 6 liên thanh nặng, 3 liên thanh nhẹ, 66 súng trường.

Cơ giới: 4 xe hồng thập tự, 2 xe vận tải, 3 xe Jeep.

8. Khách sạn Mê-tơ-rô-pôn:

Quân số: 200 sĩ quan và binh lính đầy đủ vũ khí nhẹ.

9. Gia Lâm:

a. Khu vực sân bay:

Quân số 800.

Vũ khí loại nhẹ trang bị đủ, 7 pháo 75mm, 2 liên thanh nặng.

Cơ giới: 6 xe tăng, 2 xe thiết giáp, 50 xe vận tải.

Máy bay: 4 xpít-phai, 4 mo-ran, 5 oanh tạc, 6 khu trục mới ở Sài Gòn ra.

b. Xưởng sửa chữa:

Quân số: 36. Trang bị đủ vũ khí nhẹ.

Kho lương thực: 500 tấn cá khô, bột mì, đậu.

c. Nhà máy khuy:

Quân số 100. Trang bị vũ khí nhẹ, có thêm 3 liên thanh nặng.

Vị trí lực lượng nhỏ:

10. Viện quang tuyến Ra-đi-um: thường có 1 tiểu đội.

Tới 23 tháng 11 năm 1945 đưa đến 2 pháo đặt chĩa về phía Hỏa Lò.

11. Hàng Trống (nhà Moóc-li-e); thường có 1 tiểu đội.

Ngày 23 tháng 12 năm 1946 tăng thêm một lực lượng, bố trí cẩn mật.

12. Đầu cầu Long Biên: có 1 trung đội, 22 súng trường, 6 các-bin, 4 tôm-xơn, 2 liên thanh nhẹ.

13. Giữa cầu Long Biên: 1 trung đội, 25 súng trường, 4 các-bin, 5 tôm-xơn, 2 trung liên.

14. Dưới cầu Long Biên: 1 trung đội, 22 súng trường, 4 các-bin, 5 tôm-xơn, 2 trung liên.

15. Nhà ngân hàng Đông Dương: 2 tiểu đội gác chung với Vệ quốc đoàn.

16. Ga Hàng Cỏ: 1 tiểu đội gác chung với Vệ quốc đoàn.

17. Nhà dầu Shell Khâm Thiên: 1 tiểu đội, có 1 khẩu súng cối.

18. Số 7 phố Tự Do cũ (phía Ngọc Hà): 19 lính, 4 cai đội, 1 quản, 3 xe thiết giáp, 2 xe Jeep, 1 xe vận tải.

19. Số 10 Thụy Khuê: 30 lính, 14 súng trường, 4 các-bin, 4tôm-xơn, 6 liên thanh, 2 xe thiết giáp.

20. Số 10 Cao Bá Quát (kho descourđ): 10 lính thợ, 1 quan ba (vũ khí không rõ).

21. Ga-ra Xi-ta ga Hàng Cỏ (một bộ phận của xưởng Chiến Thắng hiện nay): 10 lính thợ (vũ khí không rõ).

22. Ga-ra Béc-xê (xưởng Dân Sinh, Trường Thị); 6 lính thợ, 6 súng trường, 1 liên thanh.

23. Ga-ra Boa-lô (5 Tràng Tiền): 20 lính thợ, 2 liên thanh.

24. Ga-ra Pho (Công ty xe con, số 7 Đặng Thái Thân): 1 tiểu đội.

25. Ga-ra Gi-rô-đô: 20 lính thợ, 1 liên thanh.

26. Hãng dầu Shell (nay là Ủy ban khoa học Nhà nước, góc phố Trần Hưng Đạo và Ngô Quyền): 1 tiểu đội.

27. Số 23 Hàn Thuyên: 20 lính, 1 quan tư, 1 quan ba, 14 súng trường, 4 liên thanh nhẹ.

28. Số 44 Tăng Bạt Hổ: 15 lính, 4 sĩ quan.

29. Số 51 Lý Thái Tổ: 1 tiểu đội.

30. Làng Xuân Biều, đường Hoàng Hoa Thám: 1 sĩ quan, 9 lính, đủ súng.

31. Nhà Chi-vo, đường Hoàng Hoa Thám: 8 lính, 1 cai, 1 quan tư, 1 tôm-xơn, 1 súng trường, 1 liên thanh, 16 lựu đạn, 1 hòm đạn súng trường, 1 xe Jeep.

32. Số 5 Phan Đình Phùng: 1 tiểu đội các-bin, 1 quan ba, 1 quan một.

33. Hùng Vương: 16 lính, 1 quan tư, 1 quan hai, 1 quan một, 1 quản, 1 đội, 2 xe vận tải, 5 xe Jeep, 1 ô tô du lịch.

34. Số 6 bis Tôn Trung Sơn: 1 tiểu đội vũ khí.

35. Số 42 Hoàng Diệu: 10 lính, 1 quan tư, 1 quan hai, 1 quan một, 1 xe ô tô du lịch.

36. Số 32 Hoàng Diệu: 6 lính, 1 quan tư, 1 quan hai, 2 đội, 1 ô tô du lịch (nhà phái bộ Mỹ).

37. Số 58 Hoàng Diệu: 1 quan năm không quân, 1 quan tư không quân, 6 lính gác, 1 xiên, 6 súng trường, 18 lựu đạn, 4 hòm đạn.

38. Số 29 Tôn Thất Thuyết (nay là phố Lê Hồng Phong): 1 quan tư, 1 quan hai, 1 quan một, 7 đội và quản, 3 lính, 2 xe du lịch, 2 xe thiết giáp (tối có lính trong thành ra gác).

39. Số 48 Phan Chu Trinh (nay là phố Nguyễn Thái Học): 4 lính, 1 quan hai, 2 quan ba, 1 xe Jeep, 1 xe du lịch (tối có lính trong thành ra gác).

40. Số 40 Phùng Hưng (cơ quan quân bưu): hàng ngày có 4 xe vận tải và 2 xe Jeep đến liên lạc (tối có 4 lính gác).

41. Nha Tài chính (nay là Bộ Ngoại giao): 1 trung đội đủ vũ khí.

42. Nhà đèn Bờ Hồ: 1 trung đội gác với Vệ quốc đoàn.

43. Nhà máy điện Yên Phụ (tối có lính trong thành ra gác): 1 tiểu đội gác chung với Vệ quốc đoàn.

44. Nhà máy nước: 1 tiểu đội gác chung với Vệ quốc đoàn.

45. Phố Tôn Thất Thuyết (nay là đại lộ Lê Hồng Phong): 1 trung đội.

46. Phà Đen: 1 trung đội.

47. Nhà chiếu bóng Ma-giét-tíc (nay là rạp Tháng Tám): 1 tiểu đội.

48. Nhà thuyền Hồ Tây: nửa tiểu đội.

49. Nhà Đê-lê-vô: 1 tiểu đội.

50. Nhà máy gạch Sta-tíc.

51. Nhà in IDEO.

52. Nhà La-mi: nay là Đại sứ quán Pháp.

Ngoài ra còn rất nhiều ổ chiến đấu độc lập ở một số nhà thờ và nhà Pháp kiều khác... rải ra ở khắp thành phố.

3. Vị trí và lực lượng Vệ quốc đoàn Thủ đô:

(Chỉ tính bộ đội chính quy Vệ quốc đoàn, khi bắt đầu cuộc kháng chiến).

Tổng số: 5 tiểu đoàn (2.515 người chiến đấu được).

Vũ khí: 1.516 súng trường, 7 pháo cao xạ 75mm của các pháo đài do Pháp để lại nay ta dùng làm pháo mặt đất và một sơn pháo 75mm, 1 pháo chống tăng 25mm. Số đạn còn lại rất ít. Tất cả đều không có máy ngắm và dụng cụ đo đạc.

Bố trí như sau:

Liên khu 1 (đông bắc thành phố).

Tổng số: 463 người do đồng chí Toàn Vinh và Nguyễn Văn Triệu chỉ huy.

Căn cứ: Hàng Bè.

1. Nhà máy điện Yên Phụ: 2 tiểu đội, 25 người (gác chung với quân Pháp).
2. Yên Phụ: 2 tiểu đội 34 người.

Nguyễn Thái Học: một nửa tiểu đội 6 người (giữ đường Nguyễn Thái Học, đê Yên Phụ và đường cổ Ngự).

3. Nhà máy Nước: 1 tiểu đội, 13 người (gác chung với quân Pháp).

4. Nhà in Viễn Đông: 1 tiểu đội 12 người (gác chung với quân Pháp).

5. Trường Hàng Than: 2 tiểu đội 25 người.

6. Đầu cầu Long Biên (phía đường Trần Nhật Duật): 1 trung đội 45 người (gác chung với quân Pháp).

7. Giữa cầu Long Biên: 1 trung đội 32 người (gác chung với quân Pháp).

8. Cuối cầu Long Biên (phía Gia Lâm): 1 trung đội 38 người (gác chung với quân Pháp).

9. Bộ Ngoại giao: 1 tiểu đội 13 người.

10. Nhà máy đèn Bờ Hồ: 1 tiểu đội 12 người (gác chung với quân Pháp).

11. Kho bạc Lê Lai (nay là Sở Thương nghiệp Hà Nội): 1 tiểu đội 15 người (gác chung với quân Pháp).

12. Nhà ngân hàng Đông Dương (nay là Ngân hàng nhà nước): 1 tiểu đội 15 người (gác chung với quân Pháp).

13. Nhà Thương chính (nay là Bảo tàng Cách mạng): 1 tiểu đội 16 người (gác chung với quân Pháp).

14. Quân huấn cục (18 Tôn Đản): 1 tiểu đội 16 người.

15. Nhà dầu Shell (39 Trần Hưng Đạo): 1 trung đội 48 người.

16. Tòa Thị chính (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội): 1 trung đội 57 người.

17. Bắc Bộ Phủ (nay là khu vực Bộ Lao động Thương binh - Xã hội, Bộ Nội vụ, Vụ Lễ tân Bộ Ngoại giao): 1 đại đội 98 người.

Liên khu 2 (phía nam thành phố).

Tổng số: 1.074 người, do đồng chí Bùi Sinh và Quang Tuấn chỉ huy. Về sau đồng chí Phùng Thế Tài chỉ huy.

Căn cứ: chợ Hòm và chợ Hàn Lân.

18. Bảo tàng Lịch sử: 1 tiểu đội 11 người:

19. Sở khoáng chất (nay là Tổng cục Địa chất): 2 tiểu đội 23 người.

20. Bộ quốc dân Kinh tế (nay là Bộ Tài chính): 2 tiểu đội, 26 người.

21. Nhà thương Đồn Thủy (nay là Viện quân y 108): 2 tiểu đội, 25 người.

22. Phía nam nhà thương Đồn Thủy: 1 đại đội 147 người.

23. Khu Lò Lợn (nay là Lò sát sinh): 308 người (khu bộ).

24. Nhà đúc tiền (nay là thêu ren xuất khẩu, phố Lò Đúc): 1 tiểu đội, 11 người.

25. Nhà rượu (phố Nguyễn Công Trứ): 1 tiểu đội 16 người.

26. Trại Vệ quốc đoàn Trung ương (40 phố Hàng Bài): 2 trung đội, 63 người.

27. Thư viện Bác Cổ (nay là Thư viện Khoa học): 1 tiểu đội 11 người.
28. Trường Đồng Khánh (nay là trường Trưng Vương): 1 tiểu đội 40 người.
29. Trụ sở Ban liên lạc Việt - Pháp (số 2 Bà Triệu): 2 tiểu đội, 27 người (gác chung với quân Pháp).
30. Nhà Thông tin tuyên truyền (ở phố Trần Hưng Đạo): 1 tiểu đội 12 người.
31. Quân y viện trung ương (nay là Bệnh viện C): 1 tiểu đội 13 người.
32. Đề lao trung ương (Hỏa Lò): 1 tiểu đội 44 người.
33. Nhà ga: 1 tiểu đội 11 người (gác chung với quân Pháp).
34. Nhà Công binh Star (góc phố Lý Thường Kiệt và phố Phan Bội Châu): 1 tiểu đội 11 người.
35. Số 52, 54 Trần Nhân Tông: 1 trung đội 51 người.

36. Trường Phan Sào Nam: 8 tiểu đội, 38 người.

37. Trụ sở Thanh niên cứu quốc (ở phố Lê Đại Hành): 1 tiểu đội 15 người.

38. Trại Hàn Lâm: 1 trung đội 35 người.

39. Làng Tám: 1 tiểu đội 13 người.

40. Pháo đài Bạch Mai: 1 trung đội 37 người.

41. Vĩnh Tuy: 1 tiểu đội 11 người.

42. Sở vô tuyến điện (Ngã Tư Vọng): 2 trung đội 60 người.

43. Kim Liên: 2 tiểu đội 23 người.

Liên khu 3 (phía tây thành phố).

Tổng số: 978 người do đồng chí An Giao chỉ huy. Về sau đồng chí Lê Quân chỉ huy.

Căn cứ: Ô Cầu Giấy.

44. Trường Bạch Mai: 1 đại đội.

45. Ngã Tư Sở: 1 trung đội 33 người.

46. Khương Hạ: 1 tiểu đội 11 người.

47. Khương Thượng: 1 tiểu đội.

48. Khương Trung: 1 trung đội 30 người.

49. Cự Lộc: 1 trung đội 40 người.

50. Nhà máy tóc (Ô Chợ Dừa): 1 trung đội 32 người.

51. Phố Hàng Bột: 1 trung đội 42 người.

52. Trại Khách (Ô Chợ Dừa): 1 trung đội 41 người.

53. Nhà Khâm Thiên: 1 tiểu đội 17 người.

54. Sở Tài chính (gần đường Hùng Vương và Ngọc Hà): 2 tiểu đội, 26 người.

55. Kho bưu điện phố Tôn Thất Thuyết: 1 tiểu đội 10 người.

56. Sở đúc tiền (gần bến ô tô Kim Mã): 1 trung đội 41 người.

57. Đình làng Kim Mã: 1 trung đội 39 người.

58. Trại con gái Ngọc Hà: 1 tiểu đội 12 người.

59. Nhà Đông Hải: Một nửa tiểu đội 4 người.

60. Quần Ngựa: 2 tiểu đội 24 người.

61. Nhà dầu Tam Đa: 1 tiểu đội 12 người.

62. Đường Cam Lộ: 2 tiểu đội 28 người.

63. Ngã tư Cầu Giấy: 2 trung đội 53 người.

4. Lực lượng tự vệ:

Bao gồm các lực lượng sau đây

1. Đội Tự vệ chiến đấu Hoàng Diệu (tổ chức như một đơn vị bộ đội địa phương ngày nay).

Thời gian tổ chức: Ngày 26 tháng 8 năm 1945 tại 107 Trần Hưng Đạo.

Quân số 300 người, biên chế thành 8 trung đội, cơ quan văn phòng, đội trinh sát, đội giao thông.

Ban chỉ huy:

Đội trưởng: Lê Trung Toàn và các đồng chí: Nguyễn Anh Bảo, Đỗ Đức Kiên, Hoàng Phương, Đỗ Trình.

Thời gian đồng chí Lê Trung Toàn đi công tác ở Hải Phòng, đồng chí Nguyễn Anh Bảo thay.

Phù hiệu của Tự vệ chiến đấu Hoàng Diệu hình tròn có sao vàng 5 cánh nằm giữa, nền đỏ, có 4 chữ TVCĐ.

2/ Tự vệ Thành Hoàng Diệu (gọi tắt là Tự vệ Thành).

Đây là lực lượng rộng rãi được tổ chức ở tất cả các đường phố, khu phố, thành các đơn vị từ tiểu đội, trung đội đến đại đội. Toàn thành có Ban chỉ huy Tự vệ Thành, dưới có Ban chỉ huy tự vệ Liên khu trực tiếp chỉ huy đến các đơn vị từng khu phố.

Phụ trách chung toàn thành: đồng chí Khuất Duy Tiến, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

Ban chỉ huy cấp thành phố: Lưu Thọ, Phạm Văn Trường, Bùi Nguyên Cát...

Huy hiệu của Tự vệ Thành hình vuông, sao vàng 5 cánh trên nền đỏ. Khi đeo lên mũ lệch thành hình quả trám.

Pháp gọi là “Việt Minh ca-rê”.

3/ Đội tự vệ xí nghiệp.

Biên chế từng trung đội, hoặc đại đội ở từng nhà máy.

Nhiệm vụ vừa sản xuất, vừa bảo vệ xí nghiệp, bảo vệ khu phố. Khi tác chiến xảy ra thì trở thành các đơn vị tự vệ chiến đấu của các khu phố. Nhiệm vụ ở xí nghiệp do ủy ban xí nghiệp và công đoàn phụ trách. Khi tham gia công tác ngoài xí nghiệp thì do Đội trưởng đội Tự vệ chiến đấu Hoàng Diệu chỉ huy.

4/ Đoàn thanh niên tự vệ Hà Nội.

Ngày 29 tháng 8 năm 1946, tại Đấu Xảo, lễ sáp nhập các lực lượng tự vệ nói trên (Tự vệ chiến đấu Hoàng Diệu, Tự vệ Thành, Tự vệ xí nghiệp) được tổ chức rất trọng thể, lấy tên Đoàn thanh niên tự vệ Hà Nội.

Chủ tịch Ủy ban chỉ huy: Khuất Duy Tiến.

Phó chủ tịch: Hoàng Phương.

Tổng số lực lượng gồm 9.000 người.

5/ Dân quân tự vệ ngoại thành.

Gồm 5 khu: Lãng Bạc, Đại La, Đống Đa, Đề Thám, Mê Linh.

Tổng số trên dưới 10.000 người.

Tổ chức: mỗi thôn xã từ 1 trung đội đến 1 đại đội, trên có ban chỉ huy tiểu khu (một số xã), trên nữa là ban chỉ huy khu.

Toàn thành có ban chỉ huy dân quân tự vệ ngoại thành.

6/ Công an xung phong.

Tổ chức thành 1 đại đội.

Chỉ huy: đồng chí Lê Văn Lãng.

Đóng tập trung tại 3 đồn công an ở 3 quận nội thành.

5. Lời thề Độc lập:

“Chúng tôi, toàn thể nhân dân Việt Nam, xin kiên quyết một lòng ủng hộ Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chúng tôi xin thề: Cùng Chính phủ giữ quyền độc lập hoàn toàn cho Tổ quốc; chống mọi mưu mô xâm lược, dù có phải chết cũng cam lòng. Nếu Pháp đến xâm lược lần nữa thì:

- Không đi lính cho Pháp.

- Không làm việc cho Pháp.

- Không bán lương thực cho Pháp.

- Không đưa đường cho Pháp”.

Lời thề này được đọc trong Lễ tuyên ngôn Độc lập ngày 2 tháng 9 năm 1945 tại quảng trường Ba Đình, Hà Nội.

6. Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến:

“Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên!

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp, cứu nước.

Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân!

Giờ cứu nước đã đến. Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng để giữ gìn đất nước. Dù phải gian lao kháng chiến, Nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta!

Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm!

Kháng chiến thắng lợi muôn năm!

HỒ CHÍ MINH”¹ (Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.160)

7. Điện của Ban Thường vụ Trung ương Đảng

Gửi các mặt trận và các khu trong cả nước.

“Giặc Pháp đã hạ tối hậu thư đòi tước khí giới của quân đội, tự vệ, công an ta. Chính phủ đã bác bỏ bức tối hậu thư ấy. Như vậy, chỉ trong vòng 24 giờ là cùng, chắc chắn giặc Pháp sẽ nổ súng. Chỉ thị của Trung ương: “Tất cả hãy sẵn sàng.

Ngày 19 tháng 12 năm 1946

Ban Thường vụ Trung ương Đảng”

8 . Điện gửi Khu XI:

“Chuyến hàng sẽ đến lúc 18 giờ ngày 21 tháng 12 năm 1946. Hàng mang mã hiệu A + 2 và B - 2

Chú ý theo dõi đón hàng đúng giờ”.

Chú dẫn: Bức điện không có người ký tên. Mọi điều quy ước đã được thống nhất giữa đồng chí Tổng tham mưu trưởng với chỉ huy trưởng các chiến khu trong cuộc họp ngày 13 tháng 12 năm 1946. Theo quy ước đó thì A là giờ, B là ngày. $A + 2$ tức là $18 \text{ giờ} + 2 = 20 \text{ giờ}$. $B - 2$ tức là ngày $21 - 2 =$ ngày 19.

Như vậy lệnh nổ súng vào lúc 20 giờ ngày 19-12-1946.

9. Thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh

(Gửi các chiến sĩ Thủ đô nhân dịp Tết Đinh Hợi tháng 1 năm 1947)

Cùng các chiến sĩ yêu quý Trung đoàn Thủ đô!

Các em ăn Tết thế nào? Vui vẻ lắm chứ? Tôi và nhân viên Chính phủ vì nhớ đến các em cho nên cũng không ai nỡ ăn Tết. Còn 90 phần trăm đồng bào ở hậu phương cũng giảm bớt 90 phần trăm mâm cỗ tiệc tùng, ai cũng tiết kiệm để dự bị công cuộc trường kỳ kháng chiến.

Các em là đội cảm tử. Các em cảm tử để Tổ quốc quyết sinh. Các em là đại biểu cái tinh thần tự tôn tự lập của dân tộc ta mấy nghìn năm để lại, cái tinh thần quật cường đó đã kinh qua Hai Bà Trưng, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, truyền lại cho các em. Nay các em gan góc tiếp tục cái tinh thần bất diệt đó, để truyền lại cho nòi giống Việt Nam muôn đời về sau.

Chí kiên quyết dũng cảm, các em đã sẵn có, đây tôi chỉ nhắc lại một vài điều mà các em phải nhớ luôn luôn:

1. Phải hết sức khôn khéo, nhanh chóng, bí mật, phải biết cách hóa chỉnh vi linh.
2. Phải rút kinh nghiệm hàng ngày, hàng giờ. Phải đề phòng Việt gian trình thám.
3. Phải hết sức cẩn thận. Phải luôn luôn có sáng kiến để lợi dụng thời cơ.
4. Tuyệt đối đoàn kết.

Các em hăng hái tiến lên, lòng Già Hồ, lòng Chính phủ và lòng toàn thể đồng bào luôn luôn ở bên cạnh các em.

Tôi thay mặt Chính phủ và đồng bào gửi các em lời chào thân ái và quyết thắng.

Ngày 27 tháng 1 năm 1947

HỒ CHÍ MINH

10. Công văn chỉ đạo của Bộ Quốc phòng về việc rút Trung đoàn Thủ đô ra ngoài.

BỘ QUỐC PHÒNG VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội ngày 15 tháng 2 năm 1947

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Kính gửi ông Chủ tịch Ủy ban kháng chiến Hà Nội

Đồng chí.

I. Chỉ thị về Liên khu 1

Vấn đề về Liên khu 1 vẫn theo 2 nguyên tắc tôi đã nêu ra cùng đồng chí mà giải quyết:

- Một là kéo dài cuộc chiến đấu để lấy ảnh hưởng chính trị.

- Hai là phải nắm thời cơ không sớm không muộn, hạ lệnh rút lui bảo toàn một phần lực lượng.

Nay căn cứ theo báo cáo anh Thái nói lại và những quyết định của Bộ chỉ huy Liên khu 1 thì tôi nhận rằng đã đến lúc hạ lệnh cho các chiến sĩ anh dũng của ta đánh tháo vòng vây mà rút ra ngoài. Việc này tôi đã thảo luận với Đoàn thể, tất cả đều tán thành nguyên tắc rút lui; nếu hai hôm nay không có tình hình gì mới thì Ủy ban kháng chiến Hà Nội không nên do dự hạ lệnh rút khỏi vòng vây của địch cho Trung đoàn Thủ đô. Trong việc dụng binh, do dự là thất bại.

Chỉ còn một vấn đề là trì hoãn một vài hôm để tổ chức cuộc lui binh cho đỡ tổn thất.

a. Liên khu 1 phải chuẩn bị kế hoạch: trước khi rút dương công vào vị trí địch về phía nào để thanh đông kích tây; quyết định bộ phận nào ở lại tiếp tục chiến đấu, biến thành tổ du kích hay lẫn vào đám thường dân Tàu để dự địch tình và chuẩn bị hoạt động về sau; các chiến sĩ bị thương không ra được thì chu toàn như thế nào; đặt kế hoạch giấu máy ra-đi-ô ở trong nếu có thể được; còn bộ phận rút ra thì đi ra mấy đường, đường chính, đường phụ, lối nào cũng phải có trinh sát do thám trước khi định kế hoạch và ngay trước khi xuất phát; chuẩn bị sẵn sàng đến quăng nào thì có thể gặp địch và nếu gặp thì đối phó ra thế nào; súng đạn không mang theo thì nên chôn giấu như thế nào, của cải tiêu hủy như thế nào (muốn kế hoạch được sát thì phải điện cho anh em biết địch tình ở ngoài).

Rút lui hàng hơn nghìn người không phải tất cả đều thông thạo quân sự là một việc không phải là dễ, cho nên anh em phải thảo luận, bộ phận nào có kế

hoạch gì ở lại thì nên ở lại để nhẹ cuộc hành binh.

b. Đồng thời ở ngoài chúng ta phải có kế hoạch phối hợp giúp đỡ, nếu cần thì huy động thêm lực lượng hậu phương.

Kế hoạch không những chỉ chú trọng hoạt động về mặt trận Hà Nội, mà còn phải đề phòng địch hành động bên kia sông thì phải đối phó như thế nào.

Các chiến sĩ Trung đoàn Thủ đô đã chiến đấu rất anh dũng, nhiệm vụ của chúng ta là phải cứu thoát các đồng chí của chúng ta. Nếu rút lui được toàn vẹn hay chỉ tổn thất nhẹ thì phải coi là một việc thành công. Nếu rút lui bị tổn thất nặng thì có hại cho thực lực và hại cho cả ảnh hưởng chính trị nữa. Vì vậy tôi nhắc lại cho các đồng chí rằng kế hoạch trong và ngoài cần phải thảo luận rất kỹ và đặt cho tường tế, dựa vào những tình hình đã điều tra đích xác, không nên chủ quan chút nào. Đồng thời Ủy ban kháng chiến Hà Nội và Khu XI nên trù liệu cho chu đáo việc đón tiếp các chiến sĩ, đừng để anh em thất vọng một khi ra khỏi Thủ đô. Về mặt tuyên truyền cũng phải dự bị dư luận bằng cách nêu rõ sự vô cùng ác liệt của Pháp mấy hôm nay.

Nhờ ủy ban kháng chiến chuyển bức thư này cho Trung đoàn Thủ đô:

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Gửi Trung đoàn Thủ đô

Đã hai tháng Trung đoàn Thủ đô đã chiến đấu anh dũng để giữ vững ngọn cờ Việt Nam giữa Hà Nội. Nếu xét tình thế cần rút lui để bảo toàn thực lực thì đề nghị Ủy ban kháng chiến Hà Nội quyết định. Trong trường hợp hư binh kế hoạch trong ngoài phối hợp cần thảo luận kỹ càng đề phòng giữa đường gặp địch thì đối phó như thế nào? Nếu không có kế hoạch tường tế, sát tình hình thì sẽ thất bại. Một bộ phận nên cố gắng ở lại để tiếp tục chiến đấu du kích hoặc len vào dân chúng Tàu. Các chiến sĩ nào vì bị thương hay một lý do gì không ra được thì Bộ chỉ huy phải hết sức kiểm cách chu toàn. Trước cuộc tiến công của địch các đồng chí phải tính trước việc rút lui mới có thể thành công như cuộc chiến đấu hai tháng nay. Ủy ban kháng chiến Hà Nội và Khu XI đang trù liệu giúp đỡ. Tôi gửi lời chào thăm tất cả và gửi lời chào quyết thắng.

VÕ NGUYỄN GIÁP

II. Chỉ thị về mặt trận xung quanh Hà Nội.

Tôi tán thành những nguyên tắc anh Thái đã bàn các đồng chí và nhắc lại những chỉ thị trong thư trước của tôi.

Trong việc tình báo và đột kích ban đêm nên triệt để tranh thủ sự thông thuộc địa hình của các tự vệ địa phương. Lệnh tiến công nên thận trọng và hết sức căn cứ vào những tài liệu chính xác để cho bộ đội sau mỗi trận thêm tinh thần và kinh nghiệm. Việc phổ biến kinh nghiệm nên làm cho nhanh chóng để tránh thất bại, mỗi một lúc có tin thất bại các đồng chí cho điều tra và báo cáo.

Quân địch có thể đang chuẩn bị cuộc tiến công ào ạt. Sở chỉ huy mặt trận và

ủy ban kháng chiến hạ lệnh ngay cho bộ đội đề phòng.

Địa điểm đồng chí Vũ và đồng chí Trân không thể xa nhau được. Nếu cần phân tán thì cho những cơ quan phụ thuộc phân tán.

III. Việc báo cáo thất lạc

Vừa rồi bản báo cáo về kế hoạch Hà Nội bị thất lạc. Việc này rất quan trọng, vậy các đồng chí cho người điều tra lập tức để đối phó. Ngay bây giờ phải đề phòng kế hoạch rơi vào tay địch và địch sự thay đổi trong vị trí các cơ quan hay các bộ đội có nói rõ trong báo cáo ấy.

Chúc các đồng chí khỏe và nỗ lực. Chào quyết thắng.

VÕ NGUYỄN GIÁP

- 1 bản gửi ông Chủ tịch U.B.K.C Hà Nội.
- 1 bản gửi ông Vương Thừa Vũ.
- 1 bản gửi ông Lâm Kính.
- 1 bản lưu.

11. Thư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng gửi Trung đoàn Thủ đô, sau khi

Trung đoàn hoàn thành việc rút lui ra ngoài

Các cấp chỉ huy, các chiến sĩ Trung đoàn Thủ đô!

Tôi thay mặt toàn thể Quân đội Quốc gia Việt Nam hoan nghênh tinh thần anh dũng của các chiến sĩ.

Các chiến sĩ đã chiến đấu 2 tháng ròng rã để giữ vững ngọn cờ nước Việt Nam giữa Thủ đô Hà Nội. Các chiến sĩ đã nêu cao tinh thần oanh liệt của dân Việt và thanh danh rực rỡ của Quân đội Quốc gia Việt Nam.

Các chiến sĩ lại mở được con đường máu vượt qua vòng vây quân địch để thực hiện chỉ thị bảo tồn lực lượng chủ lực. Các chiến sĩ sẽ tiếp tục chiến đấu cho Tổ quốc Việt Nam.

Chúng ta sẽ chiến đấu 10 năm hay lâu hơn nữa nếu cần.

Cho đến ngày Tổ quốc độc lập thống nhất.

Cho đến ngày Thủ đô Hà Nội được làm Thủ đô một nước độc lập thống nhất.

Ta thề Thủ đô sẽ chiến thắng quân thù!

Muôn năm tình thần oanh liệt của Thủ đô!

Muôn năm tinh thần trung dũng của Trung đoàn Thủ đô!

Ngày 18 tháng 12 năm 1947

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

VÕ NGUYỄN GIÁP

12. Nhân sự lãnh đạo, chỉ huy Chiến khu XI và các liên khu 1, 2, 3 của thành phố Hà Nội (thời điểm tháng 11 năm 1946)

Đảng ủy Chiến khu XI tức Thành ủy Hà Nội có các đồng chí: Nguyễn Văn Trân (bí thư), Lê Quang Đạo (phó bí thư), Lê Hoàng, Khuất Duy Tiến, Ngô Ngọc Du, Trần Độ, Lê Trung Toàn, Nguyễn Hữu Mai...

Tháng 8 năm 1946, các đồng chí Nguyễn Anh Bảo, Đỗ Đức Kiên, Đỗ Trình được bổ sung vào Thành ủy.

Chuẩn bị Toàn quốc kháng chiến, Trung ương Đảng còn chỉ định đồng chí Trần Quốc Hoàn, nguyên Phó bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ làm đặc phái viên của Trung ương Đảng bên cạnh Đảng ủy và Ủy ban Bảo vệ thành phố.

Bộ chỉ huy Chiến khu XI (tức Bộ chỉ huy Mặt trận Hà Nội).

(Thời điểm từ tháng 11 năm 1946)

Đồng chí Vương Thừa Vũ là Chỉ huy trưởng chiến khu XI (còn gọi tắt là Khu trưởng Khu 11).

Đồng chí Trần Độ là chính trị ủy viên (có lúc gọi là Chính ủy).

Đồng chí Trần Việt Hùng là Khu phó.

Đồng chí Hoàng Văn Khánh là Tham mưu chủ nhiệm. Đồng chí Trương Công Cần là Trưởng phòng Chính trị.

Ngày 25 tháng 12 năm 1946, trước tình hình mới, Trung ương đã sáp nhập Chiến khu XI vào Chiến khu II. Mặt trận Hà Nội trở thành tiền phương của Chiến khu II. Đồng chí Vương Thừa Vũ được chỉ định làm Khu phó Khu II kiêm Chỉ huy trưởng mặt trận tiền phương gồm Hà Nội, Hà Đông, Sơn Tây. Đồng chí Trần Độ làm Phó chính trị ủy viên Khu II.

Ủy ban bảo vệ thành phố Hà Nội

Được thành lập từ giữa năm 1945.

Ủy ban bảo vệ thành phố là cơ quan chỉ đạo và phối hợp các lực lượng tại Thủ đô làm mọi công tác chuẩn bị kháng chiến của thành phố, Ủy ban gồm các đồng chí: Nguyễn Văn Trân, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân Bắc Bộ kiêm

làm chủ tịch; Vương Thừa Vũ, Chỉ huy trưởng Chiến khu XI làm Phó chủ tịch; Trần Độ và một số đồng chí khác.

Từ ngày 19 tháng 12 năm 1946, thành phố bước vào chiến tranh, Ủy ban bảo vệ đổi là Ủy ban kháng chiến, chỉ đạo toàn bộ các hoạt động trong thời chiến của thành phố.

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

Ngày 30 tháng 8 năm 1945, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội là cơ quan chính quyền của thành phố, chính thức được thành lập. Ủy ban gồm có: bác sĩ Trần Duy Hưng, chủ tịch; đồng chí Khuất Duy Tiến, Phó chủ tịch; các ông Nghiêm Tự Trình, Võ Như Hùng và Trịnh Văn Bô là ủy viên.

Tháng 10 năm 1945, thành lập ỦY ban nhân dân ở 47 khu phố nội thành, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời ngoại thành và các làng cũng đổi thành Ủy ban nhân dân.

Sau đó Ủy ban nhân dân các cấp được gọi thống nhất là Ủy ban hành chính.

Liên khu ủy Liên khu 1 (11-1946)

Nguyễn Hữu Mai, Khu ủy viên, Bí thư Liên khu ủy.

Lê Trung Toàn, Khu ủy viên, Phó bí thư Liên khu.

Hoàng Phương, Liên khu ủy viên.

Đến ngày 14 tháng 1 năm 1947, đồng chí Nguyễn Hữu Mai chuyển công tác khác, đồng chí Lê Trung Toàn làm Bí thư Liên khu ủy.

Liên khu ủy Liên khu 2

Nguyễn Văn Đào, Bí thư Liên khu ủy.

Trần Vĩ, Phó bí thư Liên khu.

Liên khu ủy Liên khu 3

Đỗ Trình, Khu ủy viên, Bí thư Liên khu ủy.

Minh Quang, Phó bí thư.

13. Các buổi lễ quyết tử

Ngày 18 tháng 12 năm 1946.

Các đơn vị quyết tử của Liên khu 3 - Đống Đa làm lễ tuyên thệ tại đình làng Mộc Quan Nhân thề: “Quyết tử để bảo vệ Tổ quốc, quyết sống chết với Thủ đô”.

Cùng ngày, tại cây đa Nhà Bò, các đơn vị tự vệ Liên khu 2 tổ chức lễ quyết tử: Thề sống chết với Thủ đô. Buổi lễ có các đồng chí Nguyễn Văn Trân và Trần Độ thay mặt Đảng ủy Khu XI xuống dự.

Sáng 19 tháng 12 năm 1946, tại Bắc Bộ Phủ, tiểu đoàn 101 làm lễ nhận danh hiệu “Đội quyết tử của Thủ đô”.

8 giờ sáng ngày 14 tháng 1 năm 1947, tại rạp Tố Như, phố Hàng Bạc, đội quân quyết tử tiểu đoàn 103 làm lễ tuyên thệ. Trước bàn thờ Tổ quốc có treo ảnh Bác Hồ, khói hương nghi ngút, trước sự chứng kiến của đại biểu các cơ quan, đoàn thể và đồng bào Hà Nội cùng cán bộ, chiến sĩ trong trung đoàn, đồng chí Đỗ Hiếu Liêm (Vũ Lăng), tiểu đoàn phó tiểu đoàn 103 long trọng tuyên bố:

“Hôm nay theo chỉ thị của Trung ương Đảng, Chính phủ, thay mặt ban chỉ huy trung đoàn, giữa khói lửa chiến đấu, chúng ta làm lễ khai sinh cho đội quân quyết tử... Chúng ta thề sống chết với Thủ đô... Giặc Pháp muốn chiếm Hà Nội... nhưng chúng ta còn thì Thủ đô không bao giờ mất...”.

14. Một số cán bộ, chiến sĩ thuộc Chiến khu XI được tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân

1. Lê Gia Đình.

Sinh năm 1920, quê ở thôn Trúc Lâm, xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Khi hy sinh là chính trị viên đại đội 1, tiểu đoàn 101, Bộ chỉ huy Chiến khu XI (tức Mặt trận Hà Nội).

Ngày 20 tháng 12 năm 1946, quân Pháp mở nhiều cuộc tiến công vào Bắc Bộ Phủ1 (Bắc Bộ Phủ (nay là Nhà khách Chính phủ, phố Ngô Quyền, cạnh vườn hoa Chí Linh), vốn là nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh làm việc. Chuẩn bị Toàn quốc kháng chiến, Hồ Chủ tịch và các cơ quan Trung ương đã được di chuyển ra ngoài. Đại đội 1 tiểu đoàn 101 tiếp tục được giao nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu bảo vệ khu vực này trong kế hoạch chung của Bộ chỉ huy Chiến khu XI, kìm giữ giam chân địch trong thành phố), nơi đại đội 1 làm nhiệm vụ bảo vệ. Chính trị viên Lê Gia Đình đã dũng cảm chỉ huy bộ đội chiến đấu, đánh lui nhiều đợt tiến công của chúng. Do so sánh lực lượng bất lợi cho ta, ban chỉ huy đại đội quyết định rút lực lượng chủ yếu sang Nhà bưu điện, Lê Gia Đình chỉ huy bộ phận còn lại quyết tử chiến đấu đến cùng. Địch xông lên nhà dinh thự. Quân ta giật một quả bom ở chân bậc tam cấp diệt nhiều tên địch. Song chúng vẫn tiếp tục xông lên, ta giật quả bom thứ hai, nhưng không nổ. Trước tình thế khẩn trương, Lê Gia Đình đã xông lên đập kíp. Trước hành động dũng cảm của anh, địch hoảng hốt tháo chạy. Từ ngoài hàng rào chúng nổ súng ác liệt vào sân và cửa dinh thự. Dưới làn đạn ác liệt của địch, đồng chí Lê Gia Đình đã hy sinh anh dũng.

Tấm gương chiến đấu kiên cường của Lê Gia Đình đã được nêu cao trên toàn mặt trận Liên khu 1. Anh được truy tặng danh hiệu “Người quyết tử quân số 1 của Liên khu”. Ngày 28 tháng 4 năm 2000, Lê Gia Đình được Chủ tịch nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

2. Nguyễn Văn Thiềng (tức Trần Thành).

Sinh năm 1927, quê ở phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Khi hy sinh là trung đội trưởng thuộc tiểu đoàn 77, Bộ chỉ huy Chiến khu XI (tức Mặt trận Hà Nội).

Ngày 23 tháng 12 năm 1946, trong trận chiến đấu bảo vệ trụ sở Bộ Tổng Tham mưu tại 18 Nguyễn Du (nay là trụ sở Bộ Bưu chính - Viễn thông), đồng chí Trần Thành đã kiên cường chỉ huy đơn vị chiến đấu với quân địch. Đồng chí đã dùng bom ba càng lao vào xe tăng địch làm chiếc xe tăng bốc cháy. Đồng chí bị thương nặng. Quân địch xông lên bắt sống đồng chí, Trần Thành đã cho nổ hai quả lựu đạn một lúc, diệt một số tên địch. Đồng chí đã hy sinh anh dũng.

Ngày 8 tháng 11 năm 2000, Chủ tịch nước đã truy tặng đồng chí danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

3. Nguyễn Ngọc Nại.

Đồng chí sinh năm 1924, quê ở khu Phúc Xá, Trung Hà, Liên khu 1 (nay thuộc xã Ngọc Thụy, quận Long Biên). Khi hy sinh là đội trưởng đội liên lạc đặc biệt Phúc Xá.

Đồng chí Nguyễn Ngọc Nại chỉ huy đơn vị chốt giữ tại bãi sông Hồng. Đơn vị đã chiến đấu nhiều trận, tạo đường dây liên lạc vận chuyển vũ khí, lương thực từ ngoại thành vào Liên khu 1 đang bị bao vây. Từ đêm 17 tháng 2 năm 1947 Nguyễn Ngọc Nại đã chỉ huy đội dẫn đường cho Trung đoàn Thủ đô bí mật vượt vòng vây rút lui ra ngoài. Khi phát hiện Trung đoàn Thủ đô rút ra khỏi Hà Nội, địch tập trung lực lượng tổ chức truy kích hòng tiêu diệt lực lượng của ta. Đồng chí Nguyễn Ngọc Nại đã chỉ huy toàn đội dũng cảm chiến

đầu, tiêu diệt 17 tên địch ngăn chặn không cho chúng đuổi theo trung đoàn. Nhưng do lực lượng không cân sức, Đội liên lạc bị quân Pháp bao vây và hy sinh gần hết. Quyết không để địch bắt sống, đồng chí đã cho nổ quả lựu đạn cuối cùng, tiêu diệt một số tên địch và bản thân cũng hy sinh anh dũng.

Chiến công của Nguyễn Ngọc Nại và Đội liên lạc đặc biệt Phúc Xá đã góp phần quan trọng vào việc bảo vệ Trung đoàn Thủ đô rút lui an toàn.

Ngày 21 tháng 1 năm 1997 Nguyễn Ngọc Nại đã được Chủ tịch nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

4. Nguyễn Phúc Lai.

Sinh năm 1928, quê ở Hà Nam. Khi hy sinh mới 19 tuổi, là tiểu đội trưởng thuộc trung đội 1, đại đội 2, tiểu đoàn 56, Bộ chỉ huy Chiến khu XI.

Ngày 6 tháng 1 năm 1947, quân Pháp huy động hàng trăm tên địch mở cuộc tiến công lớn vào lực lượng ta đóng ở làng Giảng Võ, Liên khu 3, Hà Nội. Đồng chí được đại đội giao nhiệm vụ cùng tiểu đội chặn giữ quân địch tại cổng làng. Khi địch dùng bộ binh có xe tăng dẫn đầu tiến vào làng, đồng chí Nguyễn Phúc Lai đã dũng cảm dùng bom ba càng lao vào xe tăng địch, làm chiếc xe tăng địch bốc cháy. Nguyễn Phúc Lai đã hy sinh anh dũng. Tấm gương của đồng chí đã động viên đồng đội tiếp tục chiến đấu, buộc địch phải rút lui.

Ngày 21 tháng 1 năm 1997, đồng chí Nguyễn Phúc Lai đã được Chủ tịch nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

15. Danh sách Đội liên lạc đặc biệt làm nhiệm vụ dẫn đường và bảo vệ cho Trung đoàn Thủ đô rút lui khỏi Hà Nội.

1-Nguyễn Ngọc Nại, trung đội phó tự vệ chiến đấu Phúc Xá, Trung Hà thuộc đại đội du kích Hồng Hà, đội trưởng.

2-Nguyễn Công Lực, tiểu đội trưởng công an Phúc Xá, đội phó.

3-Nguyễn Công Quảng, đội viên tự vệ chiến đấu, đội viên.

4-Nguyễn Như Văn, đội viên tự vệ chiến đấu, đội viên.

5-Nguyễn Văn Hát, đội viên tự vệ chiến đấu, đội viên.

6-Nguyễn Như Diên, đội viên tự vệ chiến đấu, đội viên.

7-Đỗ Văn Túc (tức Ninh), đội viên tự vệ chiến đấu, đội viên.

8-Nguyễn Thị Chén, đội viên tự vệ chiến đấu, đội viên.

9-Đinh Kim Thoa, đội viên tự vệ chiến đấu, đội viên.

10-Nguyễn Văn Vy, đội viên tự vệ chiến đấu, đội viên.

11-Nguyễn Vĩnh Xuân, đội viên tự vệ chiến đấu, đội viên.

12-Nguyễn Ngọc Cung, thư ký công an khu Phúc Xá, đội viên.

13-Ngô Đăng Mão, đội viên công an, đội viên.

14-Ngô Đăng Thông, đội viên công an, đội viên.

15-Nguyễn Văn Phấn, đội viên công an, đội viên.

17-Nguyễn Ngọc Hoạch, cán bộ trinh sát công an Bắc Bộ, đội viên.

Trong số trên, 9 đồng chí ở lại chiến đấu chặn địch ở Tầm Xá, bảo vệ Trung đoàn Thủ đô rút sang sông an toàn, 8 đồng chí đã hy sinh:

1-Nguyễn Ngọc Nại.

2-Nguyễn Công Lực.

3-Nguyễn Công Quảng.

4-Nguyễn Ngọc Cung.

5-Ngô Đăng Thông.

6-Ngô Đăng Mão.

7-Nguyễn Như Văn.

8-Nguyễn Văn Hát.

Riêng đồng chí Nguyễn Như Diên, bị súng cối địch bắn, đất vùi lấp dưới hố chiến đấu cá nhân, bị ngất địch tưởng đã chết, bỏ đi, nên sống sót.

Trong số chiến sĩ dẫn đường và đưa anh em bộ đội qua sông còn đồng chí Túc (tức Ninh) trốn vào vách lở của bờ sông, địch sục sạo nhưng không bắt được.

Ngày 19 tháng 2 năm 1947, Ủy ban kháng chiến khu Phúc Xá cùng đội du kích đã chôn cất các liệt sĩ và tổ chức lễ mặc niệm.

Danh sách này đã được ghi lại tại Nhà bia liệt sĩ phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, Hà Nội.

16. Bút ký của đồng chí Võ Nguyên Giáp ghi nhận thành tích của Đội liên lạc đặc biệt Nguyễn Ngọc Nại.

“Đồng bào và chiến sĩ cả nước ta và riêng bản thân tôi không bao giờ quên công lao đồng bào Ngọc Thụy và xã Tứ Liên đã giúp cho Trung đoàn Thủ đô hoàn thành nhiệm vụ trong 60 ngày đêm giữ vững trận địa tại Thủ đô Hà Nội.

Đặc biệt nhân dân Ngọc Thụy mà tiêu biểu là Đội liên lạc đặc biệt Nguyễn Ngọc Nại đã giữ vững liên lạc giữa nội thành và ngoại thành và đã dẫn đường cho trung đoàn bí mật vượt vòng vây của giặc thực hiện cuộc rút lui kỳ diệu ra Tứ Tổng rồi Tầm Xá. Nhân dân ở đây lại giúp chở đồ vượt sông Hồng sang Đông Anh an toàn. Công lao lớn là đội Nguyễn Ngọc Nại cùng đồng bào Tứ Tổng, Tầm Xá đã anh dũng chiến đấu đến người cuối cùng chống lại bọn địch đến lòng sục, càn quét. Tôi coi đây là một chiến công lớn. Đồng bào và chiến sĩ Ngọc Thụy, Tứ Liên hãy phát huy truyền thống dũng cảm kiên cường và thông minh sáng tạo, năng động đổi mới, vươn lên mạnh mẽ, xây dựng quê hương giàu đẹp theo con đường của Đảng và của Bác.

Hà Nội ngày 15 tháng 2 năm 1993

Đại tướng VÕ NGUYỄN GIÁP”